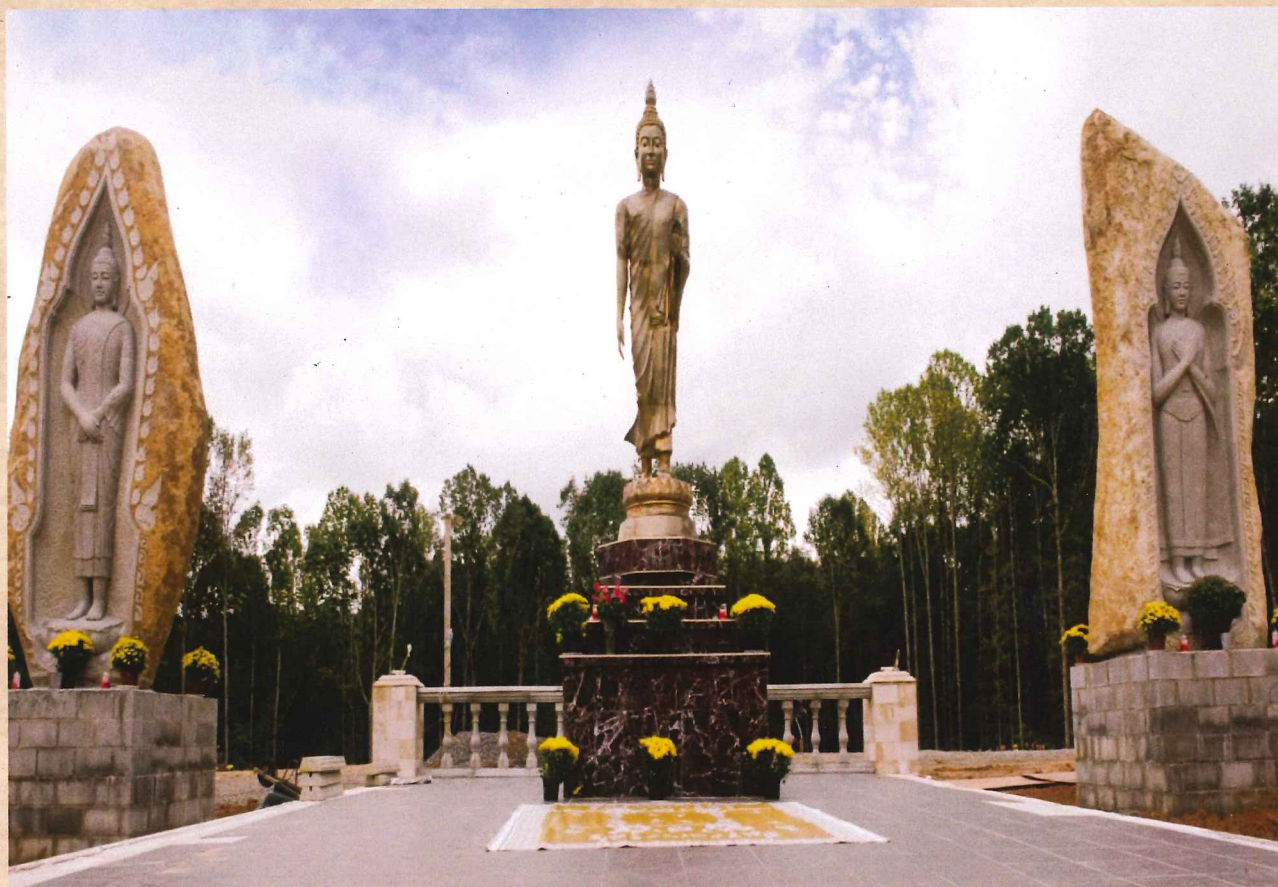


**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMATṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**



**Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA MAHÀ THERA
Dịch Giả: Bhikkhu PASÀDO**

TẬP I

P.L. 2539

D.L. 1996

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMATTHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

**Tập I
(Chương I, II, III)**

**Tác Giả:
SADDHAMMA JOTIKA MAHÀ THERA
ĐẠI TRƯỞNG LÃO CHÁNH PHÁP QUANG MINH**

Dịch Giả: Bhikkhu PASÀDO

P.L. 2539

D.L. 1996

**Saddhamma Meditation Society
Tâm Pháp Thiền Viện
Bumpass, VA 23024
Tel: (804) 556 – 6162
www.saddhamma.com**

LỜI MỞ ĐẦU

ABHIDHAMMA – VÔ TỶ PHÁP, VÔ THUẬN PHÁP, giáo lý cao siêu của Đức Phật, là tinh hoa của Giáo Pháp thâm diệu do chính Ngài đã khái thuyết.

Pháp nằm trong KINH TẠNG là giáo huấn thông thường (*VOHÀRADESÀNA – Phổ Thông Thuyết Giáo*). VÔ TỶ PHÁP là giáo huấn cao siêu cùng tột, rốt ráo, không thể thay đổi hay chuyển hóa, không thể phân tích thêm được nữa (*PARAMATTHADESÀNA – Siêu Lý Thuyết Giáo*).

Trong VÔ TỶ PHÁP, Danh và Sắc, hai thành phần tâm linh và thể xác, cấu tạo guồng máy phức tạp của con người đã được phân tích rất tỷ mỉ. Những diễn tiến liên quan đến tiến trình sanh tử đã được giải thích tận tường. Những điểm khúc chiết khó hiểu trong Giáo Pháp đều được rọi sáng. Con đường giải thoát cũng được vạch ra bằng những ngôn từ rành rẽ, đầy ý nghĩa.

Môn Tâm Lý Học hiện đại, vẫn còn rất nhiều hạn định, vẫn còn nằm trong phạm vi của VÔ TỶ PHÁP – ABHIDHAMMA, khi đề cập đến Tâm, Tư Tưởng, Tiến Trình Tư Tưởng (*CITTA VÌTHI – Lộ Trình Tâm Thức*), và trạng thái Tâm.

Tuy nhiên, ở trong VÔ TỶ PHÁP không chấp nhận có một linh hồn như là một đơn vị thường hằng, trường cửu, bất biến, không thay đổi. Như vậy, Phật Giáo đã dạy một Tâm Lý Học (Psychology) trong đó không hiện hữu một bản ngã của linh hồn.

Nếu phải đọc VÔ TỶ PHÁP như một quyển sách giáo khoa hiện đại về Tâm Lý Học, ắt hàng độc giả sẽ phải thất vọng. Tại đây, không có chủ trương giải quyết tất cả mọi vấn đề mà nhà Tâm Lý Học phải đối phó.

Tâm Thức được định nghĩa. Tư Tưởng được phân tích và sắp xếp đại để thành loại, về phương diện đạo đức, luân lý. Tất cả những trạng thái Tâm (*CITTA*), hay Tâm Sở (*CETASIKA*) đều được liệt kê. Thành phần kết hợp của mỗi loại Tâm đều được trình bày tường tận. Phương cách mô tả những tiến trình Tâm Thức phát sanh lên duyên theo Ngũ Giác Quan (*Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân*) và của Tâm Quả thật vô cùng hứng thú. Không có một bản khái luận thuộc Tâm Lý Học giải thích về tiến trình sanh diệt của Tâm Thức được rõ ràng như vậy. Những sát na Tâm, chấp tư tưởng, Tâm Hữu Phần (*BHAVANGA CITTA*), và Tâm Đồng Lực (*JAVANA CITTA*), trong Tâm Lý Học hiện đại không có những điểm tương tự, thì trong VÔ TỶ PHÁP đã được giải thích. Quả thật vậy, hàng Học Giả Tâm Lý Học sẽ khởi lên cảm xúc vui thích khi đọc những đoạn này.

Người thông suốt VÔ TỶ PHÁP sẽ nhận thức thật rõ ràng về luồng Tâm Thức trôi chảy như một dòng nước, một quan điểm mà vài nhà Tâm Lý học hiện đại như Williams James cũng trình bày tương tự. Hàng Học Giả cũng nên biết thêm rằng VÔ TỶ PHÁP là một giáo lý rất quan trọng về cả hai phương diện, Triết Học và Đạo Đức.

Hiện tượng Chết, tiến trình tái sinh vào những Cảnh Giới khác nhau mà không có cái chi di chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Giáo lý Nghiệp Báo và Tái Tục mà Học Giả có thể kiểm chứng được bằng sự hiển nhiên, tại đây – VÔ TỶ PHÁP, tất cả đều được giải thích một cách đầy đủ.

Đã chứa đựng một kho tàng những chi tiết liên quan đến Tâm, VÔ TỶ PHÁP cũng đề cập đến yếu tố thứ hai của con người, yếu tố thể xác, hay Sắc (*RUPA*). Những đơn vị căn bản của phân vật chất, những năng lực vật chất, đặc tính của vật chất, nguồn gốc của vật chất, mối liên quan giữa vật chất và tinh thần, thể xác và tâm linh, hay Danh và Sắc, tất cả đều được mô tả rành rẽ tận tường.

Với bộ sách Chú Giải **ABHIDHAMMATTHA SANGAHA** – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP, gồm có chín Chương, trình bày vắn tắt về định luật Liên Quan Tương Sinh (*PATICCASAMUPPADA*) và sau đó có phần mô tả những mối tương quan giữa Nhân và quả, không tìm thấy một nền Triết Học nào khác trình bày. Một nhà bác học sẽ không thể tìm kiếm sâu xa vào VÔ TỶ PHÁP để thâm nhập một kiến thức siêu tuyệt và cụ túc về môn Vật Lý Học.

Cũng nên hiểu biết rằng VÔ TỶ PHÁP không chủ trương trình bày một hệ thống tư tưởng về Tâm Thức và Vật Chất, mà chỉ nghiên cứu hai yếu tố vô cùng vi tế, là Danh và Sắc, được gọi là Chúng Sanh, để giúp cho liễu tri được Thực Tướng của sự vật. Dựa trên kiến thức ấy, một Triết Lý được phát huy, và đặt nền tảng trên Triết Lý này, một hệ thống đạo đức được phát triển, nhằm khai phá và chứng ngộ mục tiêu cứu cánh: Níp Bàn (*NIBBANA*).

Một Học Giả nghiên cứu uyên thâm, Rhys Davids đã nói rằng VÔ TỶ PHÁP đề cập đến: 1/ Cái gì Ta thấy: (a) bên trong chúng ta, (b) bên ngoài chúng ta; 2/ Và cái gì Ta khao khát thành đạt đến. Trong VÔ TỶ PHÁP, tất cả những vấn đề thuần túy chỉ thích hợp và thỏa mãn cho các nhà nghiên cứu và Học Giả mà không liên quan đến sự giải thoát, đều được gác hẵn qua một bên.

Bộ sách Chú Giải **ABHIDHAMMATTHA SANGAHA** (TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP) mà Tác Giả được nói đến là Ngài Trưởng Lão **ANURUDDHA**, một vị Tỳ Khưu người Ấn ở Kanjeevaram, là một bộ sách toát yếu tóm tắt toàn thể của Tạng VÔ TỶ PHÁP (*ABHIDHAMMA PITAKA*). Đây là

một bộ sách căn bản cho những Học Giả tha thiết muốn nghiên cứu vào Tạng VÔ TỶ PHÁP. Không những, bộ sách Chú Giải này giúp ích cho những hiểu biết căn bản về môn học VÔ TỶ PHÁP, mà còn được xem như là một chìa khóa rất hữu ích để mở cửa đi vào nghiên cứu cả bảy bộ của Tạng VÔ TỶ PHÁP chánh thống, với sự trình bày cùng những danh từ chuyên môn khó hiểu và khó khan, đã làm chán ngán và thất vọng cho những Học Giả sơ cơ muốn đi vào tìm hiểu về Tạng này. Mãi cho đến ngày nay, bộ sách Chú Giải này vẫn còn được xem là một bộ sách nhập môn VÔ TỶ PHÁP thích ứng nhất. Khi đã thấu hiểu bộ sách Chú Giải này một cách tận tường, Học Giả sẽ lãnh hội dễ dàng những nét đại cương của Tạng VÔ TỶ PHÁP. Và quả thật vậy, cũng không phải là một đề tài nhằm chỉ thỏa mãn tạm thời cho những Độc Giả chỉ đọc thoáng qua và bỏ quên.

Với những Học Giả thông minh và sáng suốt, quyết tâm tìm Chân Lý (*SACCA*) VÔ TỶ PHÁP là một hướng dẫn vô cùng thiết yếu, vừa là sự giải thích có tính cách Trí Tuệ sâu sắc. Tại đây, có đầy đủ vật thực để bồi dưỡng cho người quyết tâm nghiên cứu để tăng trưởng Trí Tuệ và trau dồi đời sống một người Phật Tử lý tưởng. Tuy nhiên, một cách ngược lại, với hàng người thiên bặt thì VÔ TỶ PHÁP quả thật khô khan và rỗng tuếch như đất như bụi.

VÔ TỶ PHÁP có quả thật tuyệt đối trọng yếu để chứng ngộ Níp Bàn, mục tiêu cứu cánh của Phật Giáo ? Có quả thật tuyệt đối trọng yếu để thấu triệt liễu tri Thực Tướng của vạn Pháp không ?

VÔ TỶ PHÁP chắc chắn vô cùng hữu ích để thông suốt một cách hoàn hảo giáo huấn của Đức Từ Phụ, và chứng ngộ Níp Bàn, vì VÔ TỶ PHÁP đề cập đến những thực tại và một lối sống cao thượng, thực tiễn căn cứ trên kinh nghiệm của những Học Giả đã thấu đạt và chứng ngộ. Thật khó lãnh hội trọn vẹn ý nghĩa thâm sâu (*Gambhira*) của giáo lý Đức Phật, nếu không thông hiểu VÔ TỶ PHÁP, và chắc chắn VÔ TỶ PHÁP vô cùng hữu ích để phát triển việc Tu Tập (*BHAVANÀ*) Thiền Quán (*VIPASSNÀ*).

Trên hết, tất cả Học Giả không thể nhất định quả quyết rằng VÔ TỶ PHÁP tuyệt đối trọng yếu để thành đạt sự giác ngộ giải thoát. Thành đạt hay chứng ngộ thuộc phạm vi hoàn toàn và thuần túy cá nhân (*SANDITTHIKA*). Tứ Đế - yếu tố căn bản trong giáo lý Đức Phật, hoàn toàn tùy thuộc vào tấm thân nhỏ bé này. Giáo Pháp không nằm bên ngoài chúng ta. Hãy nhìn trở vào bên trong. Hãy tìm thấy ở bên trong. Chân Lý sẽ được hiện bày, trải bày ra trước mắt.

Tạng VÔ TỶ PHÁP và Tạng KINH có sự liên hệ và cũng có sự khác biệt với nhau, giữa hai Tạng. Với Tạng KINH là giáo pháp có rất nhiều sự hấp dẫn

nhất trong cả Tam Tạng. Tuy nhiên, Tạng KINH hiện bày tất cả sự sưu tầm những lời dạy của Đức Phật thể hiện cho từng trường hợp, từng hoàn cảnh, từng cá nhân riêng lẻ, nhiều khi không có sự liên hệ tương quan.

Tạng VÔ TỶ PHÁP là một sự cố gắng hệ thống hóa những giáo huấn và phương pháp tiềm tàng và rải rác trong tạng KINH, đặc biệt đã hệ thống trên một bối cảnh chung và nhờ vậy giúp cho Học Giả có được một khái niệm tổng quát xuyên suốt và chặt chẽ về Đạo Phật.

Xuất xứ Tạng VÔ TỶ PHÁP được giảng dạy, là để tỏ lòng tri ân thâm sâu của Đức Phật đối với Thiên Mẫu MÀYÀ, lúc bấy giờ đã quá vắng ở Cõi Nhân Loại và tái tục về Cõi Đâu Suất Đà Thiên (*TUSITA*), Đức Phật đã ngự đến Cõi Đạo Lợi Thiên (*TVĀTIMSA*) vào mùa an cư kiết vũ thứ bảy của Đức Phật và đã thuyết giảng liên tiếp trọn ba tháng (tính theo Nhân Loại) cho Thiên mẫu và Hội Chúng Thiên.

Đức Phật đã trùng tuyên cho Đại Đức SÀRIPUTTA với những Mẫu Đề (*MĀTIKA*) như là Pháp Thiện (*KUSALĀDHAMMĀ*), Pháp Bất Thiện (*AKUSALĀDHAMMĀ*), Pháp Vô Ký (*ABYĀKATĀDHAMMĀ*), v.v. và về sau Ngài SÀRIPUTTA đã giảng giải rộng ra, hình thành sáu bộ Chánh Tạng VÔ TỶ PHÁP (trừ bộ KĀTHAVATTHU – Ngũ Tông).

Tóm lại, Đức Phật đã để lại cho Thế Gian với 84,000 Pháp Uẩn (*DHAMMA -KHANDHĀ*) hiện bày gồm có Tam Tạng:

- 1/ Tạng LUẬT (*VINAYA PITAKA*) có 21,000 Pháp Uẩn.
 - 2/ Tạng KINH (*SUTTANTA PITAKA*) có 21,000 Pháp Uẩn.
 - 3/ Tạng VÔ TỶ PHÁP (*ABHIDHAMMA PITAKA*) có 42,000 Pháp Uẩn.
- Đã và đang được truyền bá rộng rãi khắp mọi nơi trên Thế Gian.

-----00000-----

Bộ Sách Chú Giải TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP có tất cả chín Chương:

- 1/ Chương I: TỔNG HỢP TÂM.
- 2/ Chương II: TỔNG HỢP TÂM SỞ.
- 3/ Chương III: TỔNG HỢP LINH TINH.
- 4/ Chương IV: LỘ TRÌNH TÂM THỨC.
- 5/ Chương V: THOÁT LY LỘ TRÌNH TÂM.
- 6/ Chương VI: TỔNG HỢP SẮC.
- 7/ Chương VII: TỔNG HỢP VỊ TẬP.
- 8/ Chương VIII: PHÁT THÚ (DUYÊN SINH – DUYÊN HỆ)
- 9/ Chương IX: NGHIỆP XÚ.

-----00000-----

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải này, xin trí kính lễ dâng lên Hương Linh bậc Thầy Trí Kính là Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (*SANTAKICCO MAHÀ THERA*), Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (*ULÀRO MAHÀ THERA*).

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải này, xin trí kính lễ dâng lên Ngài Đại Trưởng Lão KIM TRIỆU (*KHIPPA PANNO MAHÀ THERA*) nguyện cho Ngài luôn được Tăng PHÚC Tăng THỌ, luôn hưởng được Cảnh Quả Phước như nguyện.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải này, xin thành kính dâng đến *SONG THẦN* kính yêu, đến Cô Tư Tu Nữ *PHẠM THỊ YẾN*, đến tất cả *CHƯ THIÊN* hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc phát hành bộ sách Chú Giải **TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**, và đến toàn thể quý Phật Tử luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu.

*Với tấm lòng Từ Á,
Mettàparamatthapàramì,
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu.*

*Dịch Giả cẩn kính,
Bhikkhu PASÀDO Sán Nhiên.*

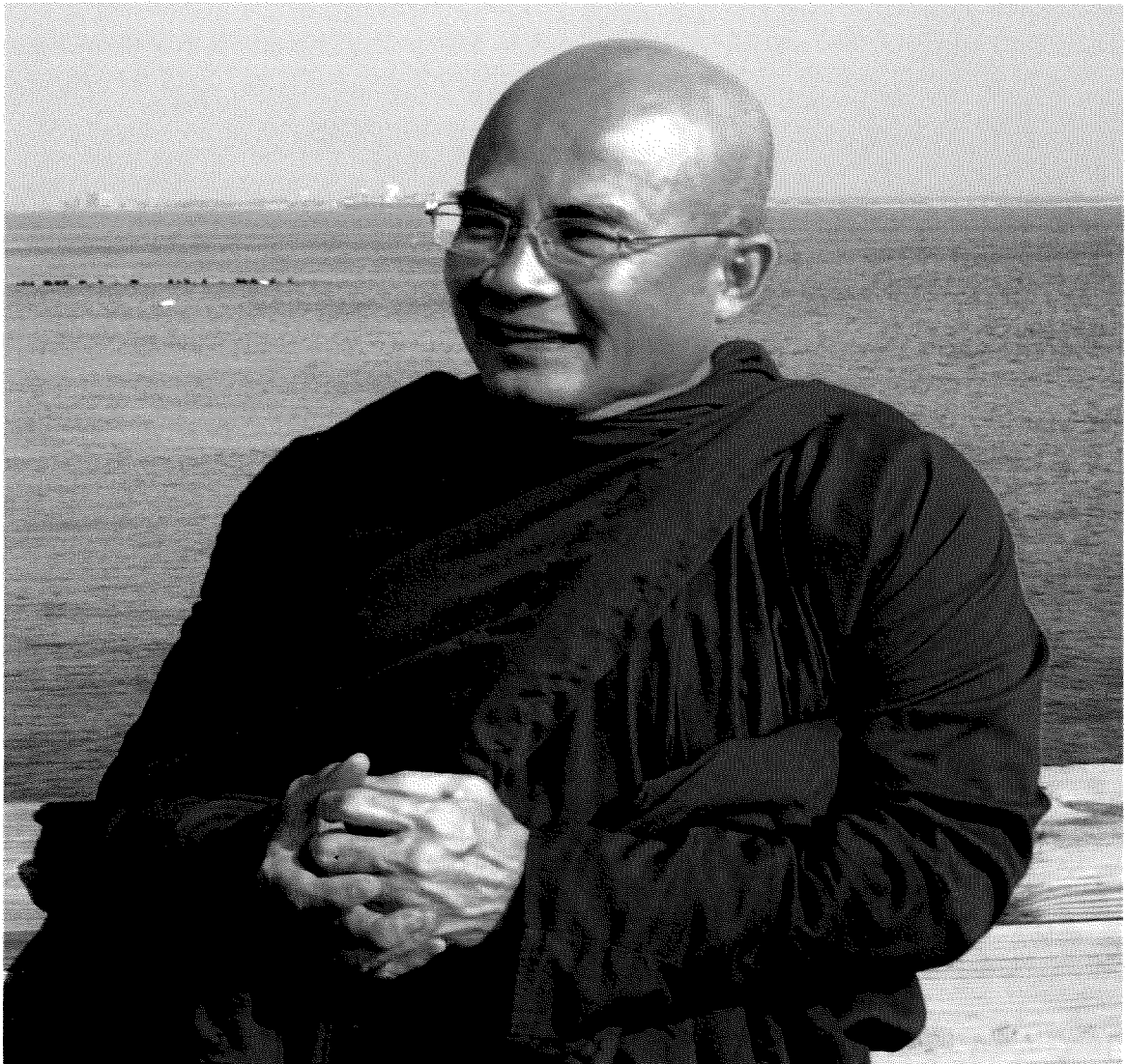
MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
I. CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG HỢP TÂM (CITTASAṄGAHA)	13
BỐN PARAMATTHADHAMMA – BỐN PHÁP SIÊU LÝ	14
CITTAPARAMATTHA- TÂM SIÊU LÝ	17
CETASIKAPARAMATTHA – TÂM SỞ SIÊU LÝ	20
RÙPAPARAMATTHA – SẮC SIÊU LÝ	20
NIBBÀNAPARAMATTHA – NÍP BÀN SIÊU LÝ	21
12 AKUSALACITTA – 12 TÂM BẤT THIỆN	23
18 AHETUKACITTA – 18 TÂM VÔ NHÂN	33
30 ASOBHANACITTA (TÂM VÔ TỊNH HẢO) và 59 hoặc 91 SOBHANACITTA (TÂM TỊNH HẢO)	40
54 KÀMÀVACARACITTA – 54 TÂM DỤC GIỚI	47
CITTAVITHÌ – LỘ TRÌNH TÂM	51
15 RÙPÀVACARACITTA – 15 TÂM SẮC GIỚI	54
12 ARÙPÀVACARACITTA – 12 TÂM VÔ SẮC GIỚI	72
81 LOKIYACITTA – 81 TÂM HIỆP THỂ	76
40 LOKUTTARACITTA – 40 TÂM SIÊU THỂ	76
II. CHƯƠNG THỨ HAI: TỔNG HỢP TÂM SỞ (CETASIKASAṄGAHA)	93
BỐN TRƯỜNG HỢP TRẠNG THÁI CỦA TÂM SỞ	94
PHÂN TÍCH 52 TÂM SỞ THEO ĐỒNG NHÓM HAY BỌN (RÀSÌ)	95
14 AKUSALACETASIKA – 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN	103
25 SOBHANACETASIKA – 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO	107
BỘ CHÚ GIẢI ATTHASÀLINI GIẢI THÍCH RỘNG LỚN VỀ BA CĂN THIỆN	109
PHÂN PHỐI HỢP CỦA 13 TÂM SỞ TỌ THA	121
GÀTHÀSANGAHA – KỆ TỔNG HỢP	122
PHÂN PHỐI HỢP CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN	123
KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHÂN PHỐI HỢP CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN ...	123
PHÂN PHỐI HỢP CỦA HAI MƯƠI LĂM TÂM SỞ TỊNH HẢO	124
KỆ TRÌNH BÀY BỐN PHÂN PHỐI HỢP CỦA 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHANACETASIKA)	124
ANİYATAYOGÌ – NIYATAYOGÌCETASIKA – TÂM SỞ BẤT ĐỊNH VÀ NHẤT ĐỊNH	126

KỆ TRÌNH BÀY BẢY PHẦN TỔNG HỢP TRONG 12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA)	130
KỆ TRÌNH BÀY BỐN PHẦN TỔNG HỢP CỦA TÂM VÔ NHÂN	131
KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY 12 PHẦN TỔNG HỢP CỦA 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHANACITTA)	133
KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN TỔNG HỢP CỦA 27 TÂM ĐÁO ĐẠI	134
KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN TỔNG HỢP TRONG 40 TÂM SIÊU THỂ	135
KỆ TRÌNH BÀY TÂM SỞ LÀM CHO TÂM KHÁC BIỆT NHAU	136
KỆ TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TÂM SỞ THEO PHẦN GIẢI RỘNG CÓ 3,426 TÂM SỞ ...	141
III. CHƯƠNG THỨ BA: TỔNG HỢP LINH TINH (PAKINAKA SAṄGAHA)	167
TRÌNH BÀY SÁU MẪU ĐỀ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN	167
VEDANĀSANGAHA – TỔNG HỢP THỌ	168
HETUSANGAHA – TỔNG HỢP NHÂN	177
KICCASANGAHA – TỔNG HỢP SỰ VỤ	190
TRÌNH BÀY MƯỜI BỐN SỰ VỤ	191
DVĀSANGAHA – TỔNG HỢP MÔN	211
KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH NĂM LOẠI TÂM	215
ĀRAMMANASANGAHA – TỔNG HỢP CẢNH	222
VATTHUSANGAHA – TỔNG HỢP VẬT	257
ẤN TỔNG	282

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Cung Kính Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri*



Dịch Giả: Bhikkhu PASÀDO – SÁN NHIÊN

I. CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG HỢP TÂM (CITTASAṄGAHA)

Lời đánh lễ và phát nguyện của Trưởng Lão ANURUDDHA:

*“Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammagantttamaṃ
abhivādiyabhāsissaṃ Abhidhammattha saṅgahaṃ”.*

*Đệ tử xin nghiêng mình thành kính đánh lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí
thượng, cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo
là soạn tác bộ kinh có tên gọi là “Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp”.*

PHÂN GIẢI THÍCH

Câu kệ trên trình bày việc đánh lễ, tỏ lòng tôn kính đến Ân Đức Tam Bảo và phát nguyện sẽ soạn tác bộ kinh này cho được thành tựu tốt đẹp. Theo lẽ thường, khi bắt đầu soạn tác kinh điển thì tác giả tỏ lòng tôn kính đến Tam Bảo hầu đem lại mọi điều an lành trong việc soạn tác.

Ngài Trưởng Lão ANURUDDHA tỏ bày tôn kính Tam Bảo với câu kệ
rằng:

*“Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammaganuttamam abhivādiya - Chánh
Đẳng Giác chí thượng- Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao thượng”* sau khi
đánh lễ, là thệ nguyện với câu *“tôi sẽ nói đến Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp -
bhāsissaṃ Abhidhammattha- saṅgahaṃ.”*

Khi phân tích câu kệ này có được sáu từ ngữ là:

- *“Chánh Đẳng Giác- Chí Thượng – Chánh Pháp và Chư Thánh Tăng cao
thượng – tôi sẽ nói đến - Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp”.*
- *Sammāsambuddham* - Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc tự giác ngộ Chánh Pháp
một cách hoàn hảo, không phải là Bậc Độc Giác và Thinh Văn Giác.
- *Atulaṃ* – Chí thượng cao cả, không thể so sánh được.

Tại đây, Ngài ANURUDDHA nghĩ đến ân đức Phật với sự hiện hữu của
Ngài trong thế gian là duy nhất, chỉ có một Bậc Chánh Đẳng Giác, không thể có
hai trong cùng một thời kỳ.

Từ ngữ *“Atulaṃ - bất tỷ giáo”* là rất thích hợp.

Khác biệt với Chư Độc Giác và Thinh Văn Giác còn có thể so sánh được và số lượng không hạn định trong mỗi thời kỳ hiện hữu trong thế gian.

- *Sasaddhammagāṇuttamaṃ* – Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng.

Gồm có hai từ ngữ kết hợp là : “*Sasaddhamma + Gāṇuttamaṃ*” = *Chánh Pháp + Chư Tăng cao thượng*.

Chánh Pháp gồm có ba:

- 1/ Pháp Học gồm có Tam Tạng và Chú Giải,
- 2/ Pháp Hành là việc trì giới, hành đầu đà, tu tập Chỉ Nghiệp Xứ và Quán Nghiệp Xứ,
- 3/ Pháp Thành là Thiền Định, Thắng Trí, Đạo - Quả, Níp Bàn.

- *Abhivādiya* - Lời tôn kính đối với Tam Bảo.
- *Bhāsissam* - Lời phát nguyện sẽ soạn tác.
- *Abhidhammatthasaṅgahaṃ* - **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp**, là tên của bộ kinh này sẽ được soạn tác.

Tên gọi của bộ kinh là do gom góp nội dung trong bảy bộ Vô Tỷ Pháp một cách tóm lược vào trong kinh điển này.

Khi phân tách “*Abhidhammatthasaṅgaha*” có được bốn từ ngữ là: *Abhidhamma + attha + saṅ + gaha*.

- *Abhidhamma* – Pháp vi diệu, thù thắng, đặc biệt, vô tỷ. Gồm có bảy bộ.
- *Attha* - Nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp: là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.
- *Sam* – Tóm lược, giản lược.
- *Gaha* - Việc gom góp, tập hợp.

Và kết hợp cả bốn từ ngữ này thành “**Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Abhidham -matthasaṅgaha**” là gom góp tất cả *Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định* mà Đức Phật đã thuyết trong Tạng Vô Tỷ Pháp tóm lược vào trong bộ kinh điển này; các bậc giáo sư đã gọi bộ kinh này là “*Chú Giải Vi Chi*” (ngón tay út).

BỐN PARAMATTHADHAMMA – BỐN PHÁP SIÊU LÝ

*Tattha vuttābhidhammatthā
Catudhā paramatthato
Cittam cetasikam rūpam*

*Ở đây được nói đến
Nội Dung Vô Tỷ Pháp
Có bốn Pháp Siêu Lý*

Nibbānamīti sabbathā.

Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn.

Theo *Nội Dung Vô Tỷ Pháp* là có bốn pháp Siêu Lý: *Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp* và *Níp Bàn*.

PHÂN GIẢI THÍCH

Câu kệ này là Giáo Sư **ANURUDDHA** trình bày theo thứ tự về bốn Pháp Siêu Lý trong bộ kinh này.

- *Paramattha* – chia ra thành hai từ ngữ: *Parama + Attha*.
- *Parama* – Pháp vi diệu, không thể biến chuyển sai khác, là Pháp căn bản chủ yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- *Attha* - Nội dung, là thực tính của Danh Sắc, chính là chi pháp vậy.

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại, là thực tính của Danh Sắc, là chi pháp vi diệu không thể biến đổi sai khác và là Pháp căn bản chủ yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định, và như thế gọi là Siêu Lý.

Tóm lại, *Paramattha (Pháp Siêu Lý)* gồm ba ý nghĩa:

1/ Không bao giờ thay đổi (*parama aviparito*): thường hằng, bất biến, trước sau đều giống nhau, không sai khác. Quá khứ, hiện tại và vị lai đều không thay đổi.

2/ Đối tượng của trí tuệ cao siêu: nghĩa lý cao siêu, chân lý vi diệu (niệm theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế, v.v)

3/ Chủ bản thể của Pháp Chế Định: Tạo tác hiện bày các Pháp Chế Định (Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định).

Bậc Chánh Đẳng Giác thường thuyết Giáo Pháp theo Chân Thực Tính với hai thể loại là:

- Thuyết Pháp theo thực tính của thành ngữ phổ thông gọi là Tục Đế (*Sammutisacca*); là Luật, Kinh, bộ Nhân Chế Định.
- Thuyết Pháp theo sự chắc thật của Chân Thực Tính gọi là Siêu Lý Đế (*Paramatthasacca*); là sáu bộ Tạng Vô Tỷ Pháp, trừ bộ Nhân Chế Định.

Trong Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh - ở bộ *Manorathapurani atthakathā* có dẫn chứng như sau:

Dve saccāni akkhā si

Sambuddho vadatam varo

Sammutiṃ paramattahañca

Tatiyaṃnupalabbhati

Bậc Chánh Đẳng Giác chỉ thượng hơn các bậc hiền triết thuyết giảng chỉ có hai thể loại là Tục Đế và Siêu Lý Đế; không có thuyết Pháp Chân Thật đến ba thể loại.

Việc thuyết giảng theo hai thể loại trên nhằm lợi ích đến tất cả chúng sanh khả huấn luyện.

Thuyết giảng theo Tục Đế với những chúng sanh chưa từng nghe và học hỏi với Pháp Thực Tính Siêu Lý ở các đời quá khứ; thuyết giảng đơn giản với các vấn đề mà có thể lãnh hội dễ dàng thì Đức Phật thường thuyết giảng trước và sau đó là thuyết Siêu Lý Đế để tỏ ngộ rốt ráo là phần sau cùng.

Với những chúng sanh đã từng nghe và học hỏi Vô Tỷ Pháp trong những đời trước thì Đức Phật thường thuyết Siêu Lý Đế để lãnh hội với trí tuệ đầy đủ.

Ở phần Tục Đế có hai trường hợp là:

- Trường hợp mà Đức Phật thuyết giảng trong phần Luật Tạng và Kinh Tạng.
- Trường hợp mà dân gian xữ dụng trao đổi với nhau.

Cả hai trường hợp Tục Đế kể trên, cũng là sự thật nhưng chỉ là sự thật theo thành ngữ phổ thông, không là sự thật theo Pháp Thực Tính được, chẳng qua chỉ là một sự chân thật để thoát khỏi sự vi phạm vọng ngữ. Do đó, Đức Phật thuyết giảng thể loại Tục Đế trong Luật và Kinh, hoặc tất cả dân gian quen xữ dụng nói chuyện với nhau là để không vi phạm vọng ngữ một chút nào.

Như có dẫn chứng Pālī trình bày trong Chú Giải Tăng Chi như sau:

*Tasmā vohāraṅkusalassa Sammutim voharantassa
Lokaṇāthassa jantuno Musāvādo na jāyati.*

Do nguyên nhân đã được nói đến, Bậc Chánh Đẳng Giác - Bậc Tài Trí trong thành ngữ phổ thông và nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh, khi thuyết giảng Tục Đế không thành vọng ngữ một thể loại nào.

PARAMATTHASACCA – SIÊU LÝ ĐẾ, có hai thể loại:

- **Sabhāvasacca - Thực Tính Đế:** Pháp thực tính theo thực tướng; tức là Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, v.v., được trình bày trong Tạng Vô Tỷ Pháp.
- **Ariyasacca – Thánh Đế:** Pháp thực tính một cách đặc biệt của Bậc Thánh Nhân; tức là Tứ Thánh Đế có Khổ Đế, v.v.

Như vậy, trong câu kệ “*Tattha vuttābhidhammatthā*” này, Giáo Sư ANURUDDHA đã trình bày theo phần Siêu Lý Đế.

CITTAPARAMATTHA- TÂM SIÊU LÝ

Citta – Tâm, là Pháp biết Cảnh (Ārammanavijāṇanalakkhaṇaṃ) là thường luôn tiếp thu Cảnh, do vậy gọi là biết Cảnh.

Như Chú Giải có trình bày “*Ārammana cintetīti = Cittam - Pháp nào thường biết Cảnh, là thường luôn tiếp thu được Cảnh, như thế Pháp ấy gọi là Tâm.*”

Hoặc một trường hợp khác là “*Cintenti sampayutta dhammā etenāti = Cittam - Pháp tương ưng là tất cả Tâm Sở thường biết Cảnh bởi nương nhờ Pháp đó.*”

Do đó, Pháp mà thành nhân từ nơi việc biết Cảnh của những Tâm Sở, gọi là Tâm.

Hoặc một trường hợp khác là “*Cintanamattam = Cittam- Pháp mà biết Cảnh, chính là tiếp thu được Cảnh, gọi là Tâm.*”

Hoặc một trường hợp khác là “*Cittī karotīti = Cittam-Pháp mà tạo sự sai biệt trong sinh hoạt của tất cả chúng sanh, như thế Pháp ấy gọi là Tâm.*”

- Sự vật hoàn toàn không có sanh mạng mà tốt đẹp rõ ràng cũng do mãnh lực từ nơi Tâm; Tâm là người làm khởi lên sự tốt đẹp rõ ràng.
- Tất cả chúng sanh có sự tốt đẹp cũng do xuất sinh tốt đẹp, xuất sinh tốt đẹp cũng do thực hiện Thân, Lời và Ý tốt đẹp, việc thực hiện Thân Lời Ý tốt đẹp cũng do Ái là sự ưa thích tốt đẹp.
- Ái tốt đẹp cũng do Tưởng là sự nghĩ nhớ các sự kiện tốt đẹp.
- Tưởng tốt đẹp cũng do Tâm tốt đẹp.

Như có Pàlì trình bày trong *Paramatthadīpanī* như vậy:

“*Cittavicittatāya sannāvicittā, sannāvicittatāya tanhāvicittā, tanhāvicittāya kammānivicittāni, kammanivicittātaya yoniyo vicittā, yonivicittatāya tesam tiracchānagatānaṃ vicittatā veditabbā.*”

Nên biết rằng sự tốt đẹp của những súc sanh là do bởi xuất sinh tốt đẹp. Xuất sinh tốt đẹp là do thực hiện phần Thân Lời Ý tốt đẹp. Việc thực hiện Thân Lời Ý tốt đẹp là bởi do Ái là sự ưa thích tốt đẹp. Ái tốt đẹp là bởi do Tưởng là sự nghĩ nhớ những sự kiện tốt đẹp. Tưởng tốt đẹp cũng bởi do Tâm tốt đẹp.”

Qui nạp nội dung Pháp Thể của Tâm có ba trường hợp:

- 1/ Thường luôn tiếp thu được Cảnh.
- 2/ Thành nhân cho tất cả Tâm Sở được biết Cảnh, tựa như người dẫn dắt.

1. Làm cho các vật có sanh mạng và không có sanh mạng được tốt đẹp rõ ràng.

Theo **ATTHAKATHÀ (Chú Giải)** có chú giải Tâm như sau:

1. **Trạng thái:** Là biết cảnh (*Ārammanam vijāranalakkhanam*).
2. **Phân sự:** Chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở (*Pubbamgamarasam*).
3. **Sự thành tựu:** Sanh diệt nối tiếp nhau, không gián đoạn (*Sandhanapaccupatthānam*).
4. **Nhân căn:** Là Tâm Sở và Sắc Pháp (*Nāma rūpa padatthanam*).

Lại nữa, cần phải biết **Tứ Nhân Sanh Tâm:**

1/ **Nghiệp Quá Khứ (Atītakamma):** Là những hành động Thiện hay Bất Thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành phần chính được nói đến là Tâm Quả Dị Thục.

2/ **Tâm Sở (Cetasika):** Là thành phần phụ thuộc của Tâm. Nhân tố khởi sanh Tâm theo **Tứ Đồng** (đồng sanh, đồng diệt, đồng biết một cảnh và đồng nương một căn với Tâm).

3/ **Cảnh (Ārammana):** Là đối tượng của Tâm. Những cái chi được Tâm biết gọi là Cảnh.

4/ **Căn (Vatthu):** Là những sắc thần kinh (như sắc thần kinh làm chỗ nương của Tâm Nhãn Thức, v.v), chỗ nương của Tâm Thức.

Như thế, Bậc Chánh Đẳng Giác và tất cả Giáo Sư Chú Giải, Phụ Chú Giải đã đề cập rất nhiều về sự khác biệt và trọng yếu của Tâm, nhưng đặc biệt trong bộ kinh này chỉ trình bày giản lược như sau đây:

“*Diṭṭham vo bhikkhave caranam nāma cittanti? Evaṃ bhante, tam pi kho bhikkhave caranam cittam citteneva cintitanti tenāpi kho bhikkhave caranena cittena cittanneva cittataranti, nāham bhikkhave annam ekanikāyampi samanupassāmi, yam evam cittam, yathayidaṃ bhikkhave tiracchānagatā pānā, te pi kho bhikkhave tiracchānagatā pānā citteneva cittigatā, tehi pi kho bhikkhave tiracchānagatehi pānehi cittanneva cittataranti*” (Sampayutta – Pāli).

Này Chư Tỳ Khuru, có thấy sắc hữu tốt đẹp hiện hành phổ truyền khắp mọi nơi chăng? Dạ thấy, bạch Thế Tôn. Này Chư Tỳ Khuru, cho dù sắc hữu tốt đẹp như thế nào là cũng bởi do Tâm nghĩ khởi lên. Này Chư Tỳ Khuru, Tâm là Pháp tốt đẹp hơn cả sắc hữu tốt đẹp này. Chư Tỳ Khuru, tất cả những hạng súc sanh nào có trong thế gian, Như Lai chưa từng thấy những chúng sanh nào khác mà sẽ tốt đẹp giống với những hạng súc sanh này vậy. Chư Tỳ Khuru, những hạng súc sanh mà tốt đẹp đến chừng này là cũng bởi do Tâm vậy, là người làm cho

tốt đẹp. Chư Tỳ Khuru, chính Tâm rất tốt đẹp hơn cả hạng súc sanh. (Tương Ưng - Pàlì).

Cittena nīyate loko Cittena parikassati
Cittassa ekadhammassa Sabbeva vasamanvagū.
 (Sampayutta – Pāḷi).

Thiện Tâm thường dẫn chúng sanh đi đến Thiện thú. Bất Thiện Tâm thường lôi kéo chúng sanh đi vào Khổ thú. Tất cả chúng thường hiện hữu và hành động theo mãnh lực từ nơi Tâm. (Tương Ưng – Pàlì)

Cittanānattamāgamma Nānattam hoti vāyuno
Vāyunānattato nānā Hoti kāyassa injanā.
 (Suttanipāta atthakathā)

Tâm Đồng Lực có khả năng làm cho việc đi, đứng, nằm, ngồi được sanh khởi cũng do nương nhờ sự mong cầu của Tâm làm cho nhân ở những hiện hành. Thân thể đang chuyển động, hiện bày những hành động tựa như hình nộm mà có người đang nâng đỡ lên cũng bởi nương nhờ vào những hiện hành từ nơi Tâm Đồng Lực làm nhân. (Chú Giải Kinh Tập).

Vicittakaranā cittaṃ Attano cittatāya vā
Cittakammakilesehi Cittam tāyati vā tathā
Cinoti attasantānaṃ Vicittārammananti.
 (Vibhāvanīṭikā)

Gọi là Tâm bởi làm hành động cử chỉ được tốt đẹp (chủ ý về 32 cái Tâm). Hoặc gọi là Tâm bởi do chính thực tính tốt đẹp (chủ ý lấy hết thấy 89 cái Tâm). Gọi là Tâm Quả bởi do Thiện Nghiệp, Bất Thiện Nghiệp và Phiền Não thành người tích lũy. Hoặc gọi là Tâm Quả bởi thường gìn giữ lấy phần thân thể được sanh từ nơi Thiện Nghiệp, Bất Thiện Nghiệp và Phiền Não. Thức nào thường làm cho Uẩn tánh sanh khởi tiếp nối nhau bằng cách không gián đoạn, như thế Thức đó gọi là Tâm (chủ ý lấy Đồng Lực Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế).

Dịch một cách khác,

- Thức nào làm cho tâm tánh ta sanh khởi chuyển tiếp nhau một cách không gián đoạn (chủ ý lấy 47 Đồng Lực Hiệp Thế làm thành Trùng Dục Duyên),
- Thức nào có cảnh tốt đẹp hoàn hảo, như thế Thức đó gọi là Tâm (chủ ý lấy hết thấy 89 cái Tâm).

Sự diệt mất của Tâm thường hiện hành một cách nhanh chóng thật khó mà tìm kiếm cái chi để so sánh được. Do đó, Đức Phật mới thuyết giảng trong Tăng Chi Tạng Pàlì rằng:

“*Yāvancidaṃ bhikkhave uapamā pi na sukarā yāva lahuparivattam cittaṃ. Này Chư Tỳ Khuru, Tâm sanh diệt một cách mau lẹ, với nhân này, thật rất khó khăn để tìm kiếm điều thí dụ để so sánh được.*”

CETASIKAPARAMATTHA – TÂM SỞ SIÊU LÝ

Cetasika – *Tâm Sở*, là Pháp mà nương Tâm sanh (*Cittanisitalakkhaṇaṃ*). Tâm Sở nương vào Tâm mà sanh khởi sẽ khác biệt với cây phải nương nhờ y cứ vào đất mà sanh lên. Bởi vì mặt đất với cây, thì mặt đất là nơi đáng nương ở, còn cây là chỗ đáng để nương sanh. Đối với Tâm và Tâm Sở thì Tâm là nơi y chỉ và Tâm Sở là *tư cụ y chỉ* (hoàn toàn nương đổ) giống như Thầy và đệ tử. Tất cả cũng vì các Tâm Sở sẽ biết Cảnh được cũng do nương nhờ Tâm làm chủ yếu; khái phóng Tâm đi rồi thì Tâm Sở không thể biết được Cảnh.

Cần ghi nhớ là Tâm Sở cần phải nương vào Tâm mà đặng được sanh thường luôn. Như thế mới đề cập rằng Pháp thể của Tâm Sở thường sanh trong Tâm hoặc thường kết hợp một cách bền vững trong Tâm.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

“*Cetasi bhavaṃ = Cetasikaṃ (và) Cetasi niyuttaṃ = Cetasikaṃ. Pháp mà sanh (có) trong Tâm gọi là Tâm Sở. (Hoặc) Pháp mà kết hợp một cách bền vững trong Tâm gọi là Tâm Sở.*”

Trình bày sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở và Cảnh

Sự hiện hành của cả ba loại: *Tâm*, *Tâm Sở* và *Cảnh*, tỷ dụ như một họa sĩ đang vẽ những hình ảnh lên trên tấm vải. Khi đem so sánh với cả ba loại: *Tâm*, *Tâm Sở* và *Cảnh* thì Tâm giống như nước hòa hợp với các màu sắc. Tâm Sở giống như các màu sắc. Cảnh là tất cả các vật có sanh mạng và không có sanh mạng giống như tấm vải, cây cọ v.v, tựa như với cả sáu cửa có mắt, tai, v.v. Họa sĩ tựa như tất cả chúng sanh.

RŪPAPARAMATTHA – SẮC SIÊU LÝ

Rūpa - *Sắc* là Pháp có sự biến đổi, đổi thay, tiêu hoại đi, (*Rūppanalakkhaṇaṃ*) trong khi tiếp xúc với nhân không phù hợp nhau. Nhân không phù hợp với nhau gọi là Đôi nghịch duyên (*Virodhipaccaya*) chẳng hạn

như sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bộ mắt, con mòng, mặt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích, v.v.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

“Sītum hādi virodhipaccayehi ruppattīti = Rūpaṃ. Pháp nào thường đối thay, tiêu hoại bởi do Đối nghịch duyên có sự nóng, lạnh, v.v, như thế Pháp ấy gọi là Sắc-Rūpa.

NIBBĀNAPARAMATTHA – NÍP BÀN SIÊU LÝ

Nibbāna – Níp Bàn, là Pháp tịch tịnh, lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (*Santilakkhaṇaṃ*). Việc mà thành như vậy cũng do Níp Bàn là Pháp xa lìa Ái dục một cách tuyệt đối. Do nhân này, tất cả bậc Vô Sinh khi đạt đến Uẩn Níp Bàn, thì tất cả những khổ luân hồi như là sanh, già, đau, chết, v.v, những loại này cũng diệt tận hết thảy, không còn dư sót.

Như có Pàlì Chú Giải rằng:

“Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ (và) Nibbāyanti sabbe vatta dukkha santāpā etasminti = Nibbānaṃ (và) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ. Pháp nào thường thoát khỏi Ái dục, gọi là Vāna (sự ham muốn) đó là vật kết nối giữa Hữu nhỏ và Hữu lớn cho tiếp nối nhau một cách tuyệt đối, như thế Pháp ấy gọi là Níp Bàn.

(Hoặc) Khổ luân hồi và mọi sự thống khổ khác thường không có trong Níp Bàn.”

Do đó, Pháp mà thành sự diệt tất ở phần khổ luân hồi và những sự thống khổ khác gọi là Níp Bàn. (Hoặc). Tất cả bậc Thánh nhân khi đạt đến Uẩn Níp Bàn thường diệt tất hết, là bất sanh bất tử, như thế Pháp mà hủy diệt sự tử sanh cho tiêu mất hết gọi là Níp Bàn.

Từ ngữ “*Nibbāna*” khi ngắt từ ra thì được hai từ ngữ là “*Ni + Vāna*” *Ni* - dịch là *thoát lìa*, hay *xuất ra*. *Vāna* - dịch là *Ái* (sự ham muốn).

Khi kết hợp hai từ ngữ vào nhau thành “*Nivāna*” dịch là *thoát khỏi Ái dục*.

Từ ngữ *Nivāna* mà thành *Nibbāna* do hiện hành theo phần văn phạm, là chỉ một chữ V cho thành hai chữ V V (bởi theo trạng thái), hai chữ V V thay đổi thành hai chữ B B, do đó mới thành *Nibbāna*.

CHÌA KHÓA THỨ NHẤT: *Phân Tích Tâm theo Địa Giới (Bhūmi - Cõi)*

Tattha cittaṃ tāra catubbidam hoti kāmāvacaram rūpāvacaram arūpāvacaram lokuttaranceti.

Trong cả bốn Pháp Siêu Lý, Pháp Tâm Siêu Lý được trình bày đầu tiên trong bài giới thiệu, có bốn loại: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, Siêu Thế.

PHẦN GIẢI THÍCH

Giáo Sư **ANURUDDHA** đã trình bày Pháp Tâm Siêu Lý theo thứ tự trước tiên trong câu kệ giới thiệu về bốn Pháp Siêu Lý (như đã nói ở phần trên).

Có bốn loại Tâm là Tâm Dục Giới có 54, Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12, Tâm Siêu Lý có 8 hoặc 40. Gom lại thành 89 hay 121 Tâm.

Tâm Dục Giới có 30 Tâm Vô Tịnh Hảo	Gom lại thành 54 Tâm
Và có 24 Tâm Tịnh Hảo	
Tâm Vô Tịnh Hảo có 12 Tâm Bất Thiện	Gom lại thành 30 Tâm
và 18 Tâm Vô Nhân	
Tâm Bất Thiện có 8 Tâm căn Tham	Gom lại thành 12 Tâm
2 Tâm căn Sân	
và 2 Tâm căn Si	
Tâm Vô Nhân có 7 Tâm Quả Bất Thiện	Gom lại thành 18 Tâm
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân	
và 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân	
Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 8 Tâm Đại Thiện	Gom lại thành 24 Tâm
8 Tâm Đại Quả	
và 8 Tâm Đại Duy Tác	
Tâm Sắc Giới có 5 Tâm Thiện	Gom lại thành 15 Tâm
5 Tâm Quả	
và 5 Tâm Duy Tác	
Tâm Vô Sắc Giới có 4 Tâm Thiện	Gom lại thành 12 Tâm
4 Tâm Quả	
và 4 Tâm Duy Tác	
Tâm Đáo Đại có 15 Tâm Sắc Giới	Gom lại thành 27 Tâm
và 12 Tâm Vô Sắc Giới	
Tâm Hiệp Thế có 54 Tâm Dục Giới	Gom lại thành 81 Tâm
Và 27 Tâm Đáo Đại	
Tâm Siêu Thế có 4 Tâm Đạo	Gom lại thành 8 Tâm (tính theo hẹp) Gom lại thành 40 Tâm (tính theo rộng)
và 4 Tâm Quả	
hoặc có 20 Tâm Đạo	
và 20 Tâm Quả	

Tâm Đạo có (có 4 hoặc 20)	1 hay 5 Tâm Đạo Thất Lai 1 hay 5 Tâm Đạo Nhất Lai 1 hay 5 Tâm Đạo Bất Lai. 1 hay 5 Tâm Đạo Vô Sinh
Tâm Quả có (Có 4 hoặc 20)	1 hay 5 Tâm Quả Thất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Nhất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Bất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Vô Sinh

Ghi chú: Tâm Đạo là Thiện, Tâm Quả là Dị Thục Quả bởi Tâm Đạo làm nhân cho Tâm Quả sanh.

Tâm Hữu Nhân có 12 Tâm Bất Thiện	Gom thành 71 hay 103 Tâm
24 Tâm Dục Giới	
và 40 Tâm Siêu Thế	

CHÌA KHÓA THỨ HAI: *Akusalacitta – Tâm Bất Thiện có 12*

12 AKUSALACITTA – 12 TÂM BẤT THIỆN

*Atthadhà lobhamùlani Dosamùlani ca dvidhà
Mohamùlani ca dveti Dvādasākusalā siyum.*

8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si; kết hợp 12 cái Tâm này thành Tâm Bất Thiện.

* Lobhamùlacitta – Tâm căn Tham: Có ý nghĩa là Tâm sanh khởi có Tâm Sở Tham làm căn bản, làm gốc.

* Dosamùlacitta – Tâm căn Sân: Có ý nghĩa là Tâm sanh khởi có Tâm căn Sân làm căn bản, làm gốc.

* Mohamùlacitta – Tâm căn Si: Có ý nghĩa là Tâm sanh khởi có Tâm căn Si làm căn bản, làm gốc.

* Ahetukacitta – Tâm Bất Thiện: Có ý nghĩa là Tâm tạo ra tội lỗi và cho quả ngược với Tâm Thiện (là khổ đau), hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện.

Phụ Chú Giải: Bất Thiện có năm ý nghĩa, là:

(1) vụng về, (2) bệnh hoạn, (3) xấu xa, (4) không lợi ích, (5) cho quả khổ đau.

8 LOBHAMÙLACITTA – 8 TÂM CĂN THAM, là:

1. *Somanassasahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam* - Câu hành Hỷ tương ưng Kiến vô dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi không có dẫn dụ (mau lẹ), cùng với sự vui thích, kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

2. *Somanassasahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikam* - Câu hành Hỷ tương ưng Kiến hữu dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự vui thích, kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, do bạn xúi giục, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

3. *Somanassasahagataṃ ditṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikam* - Câu hành Hỷ bất tương ưng Kiến vô dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi không có dẫn dụ (mau lẹ), cùng với sự vui thích, không kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

4. *Somanassasahagataṃ ditṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikam* - Câu hành Hỷ bất tương ưng Kiến hữu dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự vui thích, không kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, do bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách vui vẻ, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

5. *Upekkhāsahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikam* - Câu hành Xả tương ưng Kiến vô dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp một trái táo một cách thản nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

6. *Upekkhāsahagataṃ ditṭhigatasampayuttaṃ sasankhārikam* - Câu hành Xả tương ưng Kiến hữu dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, do bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách thản nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy không có tội.

7. *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asañkhārikaṃ* - Câu hành Xả bất tương ưng Kiến vô dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, không kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, một cách mau lẹ, ăn cắp một trái táo một cách thản nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

8. *Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ saañkhārikaṃ* - Câu hành Xả bất tương ưng Kiến hữu dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự tịnh tĩnh, không kết hợp với sự thấy sai.

Ví dụ: Một đứa bé, do bạn xúi giục, ăn cắp một trái táo một cách thản nhiên, và nghĩ rằng việc làm ấy có tội.

Chú giải: *Tứ Nhân sanh Tham (Lobha) là:*

- 1/ Tái tục với nghiệp Tham dẫn dắt.
- 2/ Quá khứ đã từng quen Tham.
- 3/ Thường gặp cảnh tốt, ưa thích.
- 4/ Không tự lập trường chân chánh.

2 DOSAMŪLACITTA – 2 TÂM CĂN SÂN, là:

1. *Domanassasahagataṃ patighasampayuttaṃ asañkhārikaṃ* - Câu hành Ưu tương ưng Phẫn Hận vô dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi không có sự dẫn dụ, cùng với sự khả tích (buồn rầu, hối tiếc), kết hợp với sự bất duyệt (không vui).

Ví dụ: Với lòng sân hận, một cách mau lẹ (không có mưu tính trước), ta sát hại một người mà ta không ưa thích (oán hận).

2. *Domanassasahagataṃ patighasampayuttaṃ saañkhārikaṃ* - Câu hành Ưu tương ưng Phẫn Hận hữu dẫn.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, cùng với sự khả tích (buồn rầu, hối tiếc), kết hợp với sự bất duyệt.

Ví dụ: Với lòng sân hận, do bạn xúi giục (hoặc có mưu tính trước), ta sát hại một người mà ta không ưa thích (oán hận).

Chú giải: *Ngũ Nhân sanh Sân (Dosa) là:*

- 1/ Thói quen thường sân.

- 2/ Thiếu sự suy xét tế nhị.
- 3/ Ít nghe điều hay lẽ phải.
- 4/ Thường gặp cảnh xấu, không tốt.
- 5/ Không tự lập trường chân chánh.

Ghi chú: Theo *Abhidhamma – Vô Tỷ Pháp*, hành động sát hại luôn thực hiện với Tâm Sân, ác ý, hay bất toại nguyện. Mặc dầu, do nguyên động lực nào thúc đẩy đi nữa, thông thường, khi giết là có ác ý. Ở đâu có ác ý (*paṭigha* - *bất toại nguyện*) là có buồn phiền (*domanassa* – *ưu, khả tích*). Có buồn phiền là có ác ý, bất toại nguyện (*paṭigha*), dưới một hình thức thô thiển hay vi tế.

Thí dụ như, không thể phân biệt được thể nào là đúng hay là sai, một em bé vui vẻ giết một con kiến. Em bé đó không biết rằng mình đang tạo nghiệp Sát sanh mà chỉ vì vui chơi mà thôi.

Vậy, khi nhấn mạnh ngón tay xuống giết con kiến, em bé có ác ý đối với con kiến không? Có Tâm Sân hay tâm thù hận trong trường hợp này không?

Quả thật khó mà nói như thế.

Vậy, ngay lúc giết con kiến, em bé thực hiện với loại Tâm nào?

Loại Tâm Sân thứ 1 hay thứ 2, ắt không thể được, bởi vì em chỉ vô tình và vui vẻ làm hành động sát sanh ấy một cách thoáng qua.

Có thể đó là loại Tâm căn Tham thứ 3 không?

Một người lớn đi săn, bắn chết thú, xem đó là một môn thể thao, hẳn có loại Tâm Sân thứ 1 và thứ 2. Người ấy có ác ý muốn giết chết con thú trong lúc bắn.

Còn khoa giải phẫu sanh thể thì sao?

Nhà bác học mạnh dạn giải phẫu một con vật sống, hay giết con vật mà không chút chùng tay! Nguyên động lực chánh của Ông là nghiên cứu khoa học để làm dịu bớt sự đau khổ của nhân loại.

Tuy nhiên, vẫn có ý sát hại.

Khi giết một con thú đang oằn oại khổ đau vì bị một căn bệnh nan y, để chấm dứt nỗi khổ đau của nó.

Lúc giết, có ác ý không?

Vì lòng bi mẫn, ta có thể làm như thế.

Tuy nhiên, ngay lúc giết cũng có ác ý, vì lúc ấy ta muốn nó chết, có một loại bất toại nguyện đối với con vật.

Với một hành động tương tự có thể chứng minh là hợp với đạo đức thì ta phản đối được chằng của người kia, với tâm trong sạch giết một người đang mang một căn bệnh nan y bất khả trị?

Đã có ghi rõ ở phần trên là nơi nào có ác ý là có buồn phiền.

Thí dụ như khi nghe tin thì rớt, ta buồn.

Vậy, lúc ấy có Tâm Sân không?

Nếu suy xét tỷ mỉ ý nghĩa của danh từ patigha, lời giải đáp sẽ trở nên rõ ràng. Khi nhận một tin buồn, chắc chắn có một loại bất toại nguyện.

Trường hợp người khóc cái chết của thân nhân cũng cùng thể ấy, vì đó là một diễn biến bất hạnh mà ta không thích đón nhận.

Chư vị *Bất Lai - Anāgāmi* và *Vô Sinh - Arahatta* không còn sự buồn phiền hay sầu muộn vì các Ngài đã tận diệt *patigha* - bất toại nguyện, hay *dosa* – sân hận.

Ngay khi Đức Phật viên tịch Níp Bàn thì Đại Đức **ANANDA** vô cùng sầu muộn vì lúc ấy Đại Đức chỉ chứng đắc Quả Thất Lai (*Dự Lưu – Sotāpanna*).

Tuy nhiên, với các vị Bất Lai và Vô Sinh, như các Ngài **KASSAPA** và **ANURUD -DHA** thì hành Pháp Xả hoàn toàn, bất bi ai không sầu muộn.

2 MOHAMULACITTA – 2 TÂM CĂN SI, là:

1. *Upekkhāsahagatam vicikicchāsampayuttam* - Câu hành Xã tương ưng Hoài Nghi.

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi cùng với sự tịnh tỉnh, kết hợp với sự nghi lự.

Ví dụ: Với sự si mê, một người hoài nghi về sự hiện hữu của Đức Phật, về hiệu năng của Giáo Pháp, và năng lực của Tăng Đoàn.

2. *Upekkhāsahagatam uddhaccasampayuttam* - Câu hành Xã tương ưng Điều Cữ. (phóng dật).

Dịch Nghĩa: Tâm sanh khởi cùng với sự tịnh tỉnh, kết hợp với sự phóng dật.

Ví dụ: Với sự lo lắng, một hành giả không thể chú tâm vào đề mục.

Chú giải: *Tứ Nhân sanh Si (Moha)* là:

- 1/ Quá khứ đã từng si mê.
- 2/ Tái tục trong cảnh không tốt.
- 3/ Thường gặp cảnh phiền não.
- 4/ Ngũ quyền không trọn đủ.

Ghi chú: Hai loại Tâm này yếu ớt vì sanh khởi với trạng thái mê mờ hôn trầm của Tâm. Vì lẽ ấy, cảm giác hay thọ, chỉ là Xả, không thể là Hỷ hay Ưu.

Phân Tích Mười Loại Bất Thiện Nghiệp (Thập Ác hạnh nghiệp) liên quan đến mười hai loại Tâm Bất Thiện.

Có mười loại bất thiện nghiệp tạo tác qua bởi thân, lời, ý:

- **Thân Nghiệp:** 1- Sát sanh (*Pāṇātipāta*), 2-Trộm cắp (*Adinnā- dāna*), 3-Tà dâm (*Kāmesumicchācāra*).
- **Ngữ Nghiệp:** (4) Vọng Ngữ (*Musāvāda*), (5) Lưỡn thiệt (*Pisu- navācā*), (6) Thô Lỗ Ngữ (*Pharusavācā*), (7) Hồ ngôn loạn Ngữ (*Samphappalāpa – nói lời vô ích*).
- **Ý Nghiệp:** (8) Tham lam (*Abhijjhā*), (9) Sân hận (*Vyāpāda*), và (10) Tà kiến (*Micchāditthi*).

Tất cả mười loại bất thiện nghiệp đều tạo tác do bởi mười hai loại Tâm Bất Thiện kể trên.

- Thông thường, phạm nghiệp Sát do bởi hai Tâm Sân.
- Nghiệp Trộm cắp tạo tác do bởi tám Tâm Tham.
- Nghiệp Tà dâm tạo tác do bởi tám Tâm Tham.
- Nghiệp Trộm cắp có thể tạo tác do bởi Sân Hận. Trong trường hợp này, nghiệp Trộm cắp tạo tác do bởi Tâm Sân thứ 1 và 2.
- Nghiệp Vọng Ngữ tạo tác do bởi 8 Tâm Tham, và 2 Tâm Sân.
- Nghiệp Lưỡn thiệt, Thô Lỗ ngữ tạo tác do bởi hai Tâm Sân.
- Nghiệp Hồ ngôn loạn ngữ tạo tác do bởi 8 Tâm Tham, và 2 Tâm Sân.
- Nghiệp Ý Tham tạo tác do bởi tám Tâm Tham.
- Nghiệp Ý Sân tạo tác do bởi hai Tâm Sân.
- Nghiệp Ý Tà Kiến tạo tác do bởi 4 Tâm Tham thứ 1, 2, 5, và 6.

Phụ Chú Giải:

1. Tà Kiến có 1, là thấy sai chấp lầm.
2. Tà Kiến có 2, là Thường Kiến (chấp Có – linh hồn hằng còn) và Đoạn Kiến (chấp Không, ví như chấp Chết là Hết).
3. Tà Kiến có 3, là Vô Hữu Kiến (*Natthika ditthi* - phủ nhận hậu quả của Nghiệp báo), Vô Nhân Kiến (*Ahetuka ditthi* - phủ nhận cả hai, Nhân và Quả), Vô Tác Kiến (*Akiriya ditthi* - phủ nhận năng lực của Nghiệp báo).

Sự tận diệt các loại Tâm Bất Thiện do bốn Tầng Thánh Nhân.

1/ Với bậc *Dự Lưu* (*Sotāpanna*) tận diệt các loại Tâm Tham thứ 1, 2, 5, 6 và Tâm Si Hoài Nghi, bởi vì Ngài đã sát trừ hai Hạ phần *Kiết Sư* (*Samyojana*) là

Thân Kiến (Sakkāyaditthi - ảo tưởng liên quan đến tự ngã) và *Hoài Nghi (Vicikicchā)*.

2/ Với Kiết Sử “Giới Cầm Thủ” (*Sīlabbataparāmāsa* - *Giới chấp ty liệt, dễ duôi tin theo những nghi lễ bái sai lầm*), cũng được sát trừ ở Bạc Dự Lưu, tuy nhiên không đề cập liên quan đến 12 loại Tâm Bất Thiện kể trên.

3/ Với bậc Nhất Lai (*Sakadāgāmi*) làm suy giảm năng lực của hai Tâm Sân (phần thô), bởi vì Ngài chỉ làm suy giảm hai Hạ phần Kiết Sử là *Kāmarāga* – Tham dục (luyến ái theo ngũ dục) và *Paṭigha* – *Sân hận* (bất toại nguyện).

4/ Với bậc Bất Lai (*Anāgāmi*) sát trừ tuyệt hai Tâm Sân (phần tế), bởi vì Ngài đã sát trừ tuyệt hai Hạ phần Kiết Sử Tham dục và Sân.

5/ Với bậc Vô Sinh (*Arahanta*) hoàn toàn diệt trừ mười hai Tâm Bất Thiện, bởi vì Ngài đã sát trừ năm Thượng phần Kiết Sử còn lại là: *Ái Sắc (Rūparāga* - luyến ái theo các tầng Thiền Sắc Giới và Cảnh Sắc Giới), *Ái Vô Sắc (Arūparāga* - luyến ái theo các tầng Thiền Vô Sắc Giới và Cảnh Vô Sắc Giới), *Ngã Mạn (Māna)*, *Trạo Cử (Uddhacca* - phóng dật), và *Vô Minh (Avijjā)*.

Dịch nghĩa giản lược trong chìa khóa thứ nhất.

Lời dịch trong từ ngữ “*Sahagatam*” có năm loại là:

1. *Somanassasahagatam* – Câu hành Hỷ: Tâm câu hành (cùng hành động với) Hỷ thọ, là sự hỷ duyệt (vui thích đẹp lòng)
2. *Upekkhāsahagatam* – Câu hành Xả: Tâm câu hành Xả thọ, là sự tịnh tỉnh.
3. *Domanassasahagatam* – Câu hành Ưu: Tâm câu hành Ưu thọ, là sự khả tích (buồn rầu, hối tiếc).
4. *Dukkhasahagatam* – Câu hành Khổ: Tâm câu hành Khổ thọ, là sự đau khổ (về thân)
5. *Sukhasahagatam* – Câu hành Lạc: Tâm câu hành Lạc thọ, là sự vui sướng an lạc (về thân).

Lời dịch trong từ ngữ “*Sampayuttam*” có năm loại là:

1. *Ditthigatasampayuttam* – Tương Ứng Kiến: Tâm tương ưng (hoà trộn) Tà Kiến, là sự thấy sai.
2. *Patighasampayuttam* – Tương Ứng Phần Hận: Tâm tương ưng Phần Hận, là sự bất duyệt (không vui).
3. *Vicikicchāsampayuttam* – Tương Ứng Hoài Nghi: Tâm tương ưng Hoài Nghi, là sự nghi lự.
4. *Uddhaccasampayuttam* – Tương Ứng Điều Cử: Tâm tương ưng Điều Cử, là sự phóng dật.
5. *Nānasampayuttam* – Tương Ứng Trí: Tâm tương ưng Trí tuệ, là sự tri thức sáng suốt, rõ biết.

Lời dịch trong từ ngữ “*Vippayuttam*” có hai loại là:

1. *Ditthagatavippayuttam* - Bất Tương Ứng Kiến: Tâm không kết hợp với Tà Kiến, là sự không thấy sai.
2. *Nānavippayuttam* - Bất Tương Ứng Trí: Tâm không kết hợp với Trí Tuệ, là sự không tri thức.

Lời dịch trong từ ngữ “*Asaṅkhārikam*” và “*Sasaṅkhārikam*” có hai loại là:

1. *Asaṅkhārikam* - Vô Dẫn: Tâm sanh khởi một cách không có dẫn dụ.
2. *Sasaṅkhārikam* - Hữu Dẫn: Tâm sanh khởi một cách có dẫn dụ.

Chú giải: Lục Nhân sanh Vô Dẫn là:

- 1/ Tái tục với Tâm Vô Dẫn.
- 2/ Thân tâm mạnh mẽ.
- 3/ Thường hay nhẫn nại.
- 4/ Thông thạo rành rẽ mọi việc, phận sự.
- 5/ Thường được nghe thấy các việc làm của bậc thiện trí thức.
- 6/ Môi trường sinh sống thích hợp.

Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Siêu Lý (Cittaparamattha).

1/ Hỏi: *Hãy dịch câu kệ sau đây: “Sammāsambuddhamutalam, v.v., Abhidhammat-thasangaha”.*

Đáp: Đệ tử xin nghiêng mình thành kính đánh lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí thượng, cùng với Chánh Pháp và hội chúng Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo là soạn tác bộ kinh có tên gọi là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp.

2/ Hỏi: *Việc trình bày câu kệ này có sự lập ý gì?*

Đáp: Theo lẽ thường, khi bắt đầu soạn tác kinh điển thì tác giả phải bày tỏ lòng tôn kính đến Tam Bảo.

3/ Hỏi: *Việc tỏ lòng nghiêng mình đánh lễ Tam Bảo trước khi soạn tác kinh điển có lợi ích như thế nào?*

Đáp: Đem lại mọi điều an lành trong việc soạn tác kinh điển.

4/ Hỏi: *Hãy viết câu kệ bằng Pàlì của Giáo Sư ANURUDDHA thệ nguyện bảo chứng soạn tác kinh điển. Và lời Pàlì về việc nghiêng mình đánh lễ Tam Bảo.*

Đáp: *Sammāsambuddhamatulam sasaddhammaganuttamam
abhivādiyabhāsissam Abhidhammatthasangaham.*

- *Sammāsambuddham*: Bậc Chánh Đẳng Giác.

- *Atulam*: Chí thượng cao cả, không thể so sánh được, bất tỷ giáo.

- *Sasaddhammaganuttamam*: Chánh Pháp và hội chúng Thánh Tăng cao thượng.

- *Abhivàdiya*: Lời tôn kính đối với Tam Bảo.
- *Bhàssissam*: Lời phát nguyện sẽ soạn tác.
- *Abhidhammatthasangaham*: Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, là tên của bộ kinh này sẽ được soạn tác.

5/ Hỏi: Chánh Pháp có mấy loại? Là những chi?

Đáp: Chánh Pháp có hai loại: Tục Đế và Siêu Lý Đế.

6/ Hỏi: Từ ngữ “*Paramattha - Siêu Lý*” có ý nghĩa gì và có mấy loại?

Đáp: Từ ngữ *Paramattha* chia ra thành hai từ *Parama + Attha*.

- *Parama*: Pháp vi diệu, không thể biến chuyển sai khác, là Pháp căn bản chánh yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- *Attha*: Nội dung, là thực tính của Danh Sắc, chính là chi pháp vậy.

Khi kết hợp cả hai từ này lại, là thực tính của Danh Sắc, là chi pháp vi diệu không thể biến chuyển sai khác, và là Pháp căn bản chánh yếu của Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định, và như thế gọi là **Siêu Lý**.

Pháp Siêu Lý có bốn loại: Tâm, Tâm Sở, Sắc và Níp Bàn.

7/ Hỏi: Hãy trình bày Pháp thể của Tâm, Tâm Sở, Sắc, và Níp Bàn.

Đáp: Pháp thể của Tâm có ba trường hợp là:

- Là thường luôn tiếp thu được Cảnh.
 - Làm nhân cho tất cả Tâm Sở được biết Cảnh, ví như người dẫn dắt.
 - Làm cho các vật hữu sanh mạng và vô sanh mạng được tốt đẹp rõ ràng.
- Pháp thể của Tâm Sở là Tứ Đồng: đồng sanh, đồng diệt, đồng biết một Cảnh với Tâm, và đồng nương một thần kinh với Tâm.
 - Pháp thể của Sắc Pháp là hằng tiêu hoại đổi thay.
 - Pháp thể của Níp Bàn là tịch tịnh, vắng lặng, xa lìa phiền não.

8/ Hỏi: Tâm có mấy thứ, là những chi? Hãy trình bày Pàlì.

Đáp: Có bốn loại Tâm là: Tâm Dục Giới có 54, Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12, Tâm Siêu Thế có 8 hoặc 40.

- *Kàmàvacaracitta*: Tâm Dục Giới.
- *Rùpàvacaracitta*: Tâm Sắc Giới.
- *Arùpàvacaracitta*: Tâm Vô Sắc Giới.
- *Lokuttaracitta*: Tâm Siêu Thế.

9/ Hỏi: Ý nghĩa của Tâm Bất Thiện là gì? Và có mấy thứ?

Đáp: Tâm Bất Thiện là Tâm tạo tội lỗi và cho quả khổ đau, hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện. Có tất cả 12 thứ Tâm Bất Thiện, gồm 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si.

10/ *Hỏi:* Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm căn Si, Tâm căn Tham, Tâm căn Sân.

Đáp: Tâm căn Si là Tâm sanh khởi có Tâm Sở Si làm căn bản, làm gốc.
Tâm căn Tham là Tâm sanh khởi có Tâm Sở Tham làm căn bản, làm gốc.
Tâm căn Sân là Tâm sanh khởi có Tâm Sở Sân làm căn bản, làm gốc.

11/ *Hỏi:* Tâm Dục Giới ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có số lượng bao nhiêu? Là những chi?

Đáp: Tâm Dục Giới ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có bốn, là:

- Tâm Tham Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn, Tâm số 4.
- Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 40.
- Tâm Đại Quả Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 41.
- Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 42.

12/ *Hỏi:* Có mấy nhân sanh Tâm? Hãy kể ra (theo phần Chú Giải).

Đáp: Có bốn nhân sanh Tâm, là:

- Nghiệp Quá Khứ (Atitakamma).
- Tâm Sở (Cetasika).
- Cảnh (Ārammana).
- Căn (Vatthu).

13/ *Hỏi:* Hãy kể những ý nghĩa của Tâm (theo phần Chú Giải).

Đáp: Có bốn ý nghĩa của Tâm, là:

- Trạng thái: là biết Cảnh.
- Phận Sự: chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở.
- Sự Thành Tựu: sanh diệt nối tiếp nhau, không gián đoạn.
- Nhân Cạn: là Tâm Sở và Sắc Pháp.

14/ *Hỏi:* Hãy kể sự liên quan của Tâm Bất Thiện và Thập Bất Thiện Nghiệp (Thập Ác Hạnh Nghiệp).

Đáp: Tất cả mười loại Bất Thiện Nghiệp đều tạo tác do bởi mười hai loại Tâm Bất Thiện, như sau:

- Nghiệp Sát Sanh do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Trộm Cắp do bởi tám Tâm căn Tham, có khi do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Tà Dâm do bởi tám Tâm căn Tham.
- Nghiệp Vọng Ngũ do bởi tám Tâm căn Tham và hai Tâm căn Sân.

- Nghiệp Lương Thiệt và Thô Lỗ Ngũ do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Hồ Ngôn Loạn Ngũ do bởi tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tham do bởi tám Tâm căn Tham.
- Nghiệp Ý Sân do bởi hai Tâm căn Sân.
- Nghiệp Ý Tà Kiến do bởi bốn Tâm căn Tham thứ 1,2,5 và 6.

15/ Hỏi: *Hãy phân tích 12 Tâm Bất Thiện theo phần Thọ, phần Phối Hợp, phần Dẫn Dụ.*

Đáp: Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.

Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

Câu Hành Ưu Tương Ứng Phán Hận Vô Dẫn.

Câu Hành Ưu Tương Ứng Phán Hận Hữu Dẫn.

Câu Hành Xả Tương Ứng Hoài Nghi.

Câu Hành Xả Tương Ứng Điều Cử.

-----00000-----

18 AHETUKACITTA – 18 TÂM VÔ NHÂN

Sattākusalapàkāṇi

Punnapàkāṇi atthadhà

Kriyacittàṇi tīṇi

Atthàrasa ahetukà.

7 Tâm Quả Bất Thiện, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, kết hợp 18 Tâm này thành Tâm Vô Nhân.

* *Akusalavipākacitta – Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân*: Có ý nghĩa là quả dị thực sanh từ 12 Nghiệp Bất Thiện; có việc thấy, việc nghe, việc ngửi, v.v., ở phần không tốt đẹp.

* *Ahetukākusalavipākacitta – Tâm Quả Thiện Vô Nhân*: Có ý nghĩa là quả dị thực sanh từ 8 Nghiệp Đại Thiện; có việc thấy, việc nghe, việc ngửi, v.v., ở phần tốt đẹp, tuy nhiên thuộc Vô Nhân (không có nhân tương ưng).

* *Ahetukakriyàcitta – Tâm Duy Tác Vô Nhân*: Có ý nghĩa là Tâm sanh khởi không nương vào bất luận loại nghiệp nào và không tạo tác phước hoặc tội, cũng thuộc Vô Nhân (không có nhân tương ưng).

* *Ahetukacitta – Tâm Vô Nhân*: Có ý nghĩa là Tâm không sanh khởi và không có sáu (6) Nhân Tương Ứng (Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si). Ngoài 18 Tâm Vô Nhân này, thì số lượng Tâm còn lại là 71 hoặc 103 Tâm đều là Tâm Hữu Nhân.

Chú Giải: Trong *Abhidhamma*, từ ngữ “*Hetu – Nhân*” thường được dịch là “*điều kiện tạo tác*”.

Có lời chú giải như sau: “*Ko hetu ko paccayo – do nhân nào do duyên nào*”.

Hai danh từ “*Hetu- Nhân* và *Paccaya – Duyên*” được phân biệt rõ ràng và mỗi chữ có một ý nghĩa riêng biệt.

- *Hetu* là nguyên nhân, hay căn cội, nguồn gốc.
- *Paccaya* là điều kiện hỗ trợ, hay duyên.
- *Hetu* như rễ cây,
- *Paccaya* như nước, phân bón, v.v.

Từ ngữ “*Hetu – Nhân*” có bốn ý nghĩa là:

1/ *Hetuhetu – Nhân nhân*: Là sáu (6) Nhân, gồm Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

2/ *Paccayahetu – Nhân Duyên*: Là Tứ Sắc Đại Hiện (*Mahàbhūta*) làm nhân trong việc gọi tên của Sắc Uẩn.

3/ *Uttamahetu – Chí Thượng Nhân*: Là Nghiệp Thiện và Nghiệp Bất Thiện làm nhân cho sanh quả dị thục Thiện và quả dị thục Bất Thiện.

4/ *Sādhāranahetu – Phổ Thông Nhân*: Là Vô Minh làm nhân cho sanh tất cả Pháp Hành (Ngũ Uẩn).

Và trong cả bốn (4) loại “*Hetu*” kể trên, thì Nhân tương ứng là “*Hetuhetu – Nhân nhân*”.

7 AKUSALAVIPĀKACITTA – 7 TÂM QUẢ BẤT THIÊN

1/ *Upekkhāsahagatam cakkhuvinnānam – Nhãn Thức câu hành Xả*.

2/ *Upekkhāsahagatam sotavinnānam – Nhĩ Thức câu hành Xả*.

3/ *Upekkhāsahagatam ghānavinnānam – Tỉ Thức câu hành Xả*.

4/ *Upekkhāsahagatam jivhāvinnānam – Thiệt Thức câu hành Xả*.

5/ *Dukkhasahagatam kāyavinnānam – Thân Thức câu hành Khổ*.

6/ *Upekkhāsahagatam sampaticchanacittam – Tâm Tiếp Thâu câu hành Xả*.

7/ *Upekkhāsahagatam santīranacittam – Tâm Thảm Tán câu hành Xả*.

8 AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA – 8 TÂM QUẢ THIÊN VÔ NHÂN

- 1/ *Upekkhàsaḥagatam cakkhuvinnānam* – Nhãn Thức câu hành Xả.
- 2/ *Upekkhàsaḥagatam sotavinnānam* – Nhĩ Thức câu hành Xả.
- 3/ *Upekkhàsaḥagatam ghānavinnānam* – Tỉ Thức câu hành Xả.
- 4/ *Upekkhàsaḥagatam jivhāvinnānam* – Thiệt Thức câu hành Xả.
- 5/ *Sukhasaḥagatam kāyavinnānam* – Thân Thức câu hành Lạc.
- 6/ *Upekkhàsaḥagatam sampaticchanacittam* – Tâm Tiếp Thâu câu hành Xả.
- 7/ *Upekkhàsaḥagatam santīranacittam* – Tâm Thẩm Tấn câu hành Xả.
- 8/ *Somanassasaḥagatam santītanacittam* – Tâm Thẩm Tấn câu hành Hỷ.

3 AHETUKAKIRIYĀCITTA – 3 TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN

- 1/ *Upekkhàsaḥagatam pancadvārāvajjanacittam* – Tâm Khai Ngũ Môn câu hành Xả.
- 2/ *Upekkhàsaḥagatam manodvārāvajjanacittam* – Tâm Khai Ý Môn câu hành Xả.
- 3/ *Somanassasaḥagatam hasituppādacittam* – Tâm Tiếu Sinh câu hành Hỷ.

Lời dịch trong từ ngữ “*Vinnānam*” có năm loại:

1. *Cakkhuvinnānam* – *Nhãn Thức*: Tâm nương vào Nhãn căn, thấy cảnh Sắc ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
2. *Sotavinnānam* – *Nhĩ Thức*: Tâm nương vào Nhĩ căn, nghe âm thanh ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
3. *Ghānavinnānam* – *Tỷ thức*: Tâm nương vào Tỉ căn, ngửi mùi hơi ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
4. *Jivhāvinnānam* – *Thiệt Thức*: Tâm nương vào Thiệt căn, nếm vị ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
5. *Kāyavinnānam* – *Thân Thức*: Tâm nương vào Thân căn, tri giác cảnh Xúc (lạnh, nóng, mềm, cứng, dùn, căng v.v) ở phần tốt đẹp (Lạc thọ - quả thiện) và không tốt đẹp (Khổ thọ - quả bất thiện).

Chú giải: * Tứ Nhân sanh Tâm Nhãn Thức là:

- (1) Thần Kinh Nhãn, (2) Cảnh Sắc, (3) Ánh Sáng, (4) Tác Ý.

* Tứ Nhân sanh Tâm Nhĩ Thức là:

- (1) Thần Kinh Nhĩ, (2) Cảnh Thính, (3) Hư Không, (4) Tác Ý.

* Tứ Nhân sanh Tâm Tỷ Thức là:

- (1) Thần Kinh Tỉ, (2) Cảnh Khí, (3) Hơi Gió, (4) Tác Ý.

* Tứ Nhân sanh Tâm Thiệt Thức là:

(1) Thần Kinh Thiệt, (2) Cảnh Vị, (3) Nước Tươi, (4) Tác Ý.

* Tứ Nhân sanh Tâm Thân Thức là:

(1) Thần Kinh Thân, (2) Cảnh Xúc, (3) Tam Đại Hiện (Đất, Lửa, Gió), (4) Tác Ý.

* Tam Nhân sanh Tâm Tiếp Thâu, Tâm Thẩm Tán là:

(1) Sắc Ý Vật, (2) Cảnh Ngũ, (3) Tác Ý.

Lời dịch trong năm từ ngữ “*Sampaticchanacittam, v.v*”:

1. *Upekkhāsahagatam Sampaticcharanacittam – Tâm Tiếp Thâu*: Tâm sanh khởi cùng với sự tịnh tĩnh, tiếp thâu năm cảnh ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
2. *Somanassasahagatam Santīranacittam – Tâm Thẩm Tán*: Tâm sanh khởi cùng với sự hỷ duyệt, thẩm tra (phán đoán) năm cảnh, ở phần tốt đẹp (quả thiện).
3. *Upekkhāsahagatam Pancadvārāvajjanacittam – Tâm Khai Ngũ Môn*: Tâm sanh khởi cùng với sự tịnh tĩnh, quán chiếu cảnh ở Lộ Ngũ Môn, là Lộ Nhãn, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân, ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
4. *Upekkhāsahagatam Manodvārāvajjanacittam – Tâm Khai Ý Môn*: Tâm sanh khởi cùng với sự tịnh tĩnh, quán chiếu cảnh ở Lộ Ý Môn, là Lộ Ý, ở phần tốt đẹp (quả thiện) và không tốt đẹp (quả bất thiện).
5. *Somanassasahagatam Hasituppādacittam – Tâm Tiếu Sinh*: Tâm sanh khởi cùng với sự hỷ duyệt, làm cho sanh việc mỉm cười của Bạc Vô Sinh (*Arahatta*).

Chú giải: Từ ngữ “*Dvipancavinnāna – Ngũ Song Thức*”:

Tại đây, có năm đôi Tâm Quả, thiện và bất thiện (tức là năm Tâm Quả Thiện và năm Tâm Quả Bất Thiện) được liệt kê. Gọi như vậy, do các loại Tâm Thức này tùy thuộc ở năm giác quan. Những Tâm này tương đối yếu ớt nên chỉ phát sanh cùng thọ Xả, hay Vô Ký, ngoại trừ Tâm Thân Thức phát sanh cùng thọ Khô hay thọ Lạc.

Nên ghi nhận rằng trong *Abhidhamma*, năm đôi Tâm này có khi được nói đến là “*Dvipancavinnāna – Ngũ Song Thức*”. Còn hai loại Tâm, “*Sampaticchana – Tâm Tiếp Thâu*” và “*Pancadvārāvajjana – Tâm Khai Ngũ Môn*” được gọi là “*Ý Giới – Manodhātu*” thường chỉ bắt năm cảnh duy nhất, và “*Manovinnānadhātu – Ý Thức Giới*” thường bắt cả sáu cảnh.

Ghi chú: Cần lưu ý và biết rằng, chỉ có hai Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn, thuộc loại Tâm Duy Tác (*Kiriya Citta – Tâm tạo tác nhưng không để lại nghiệp báo, chỉ có ở Chư Phật và Chư vị Tứ Quả*) sanh khởi ở hạng phàm nhân.

Chú giải: Từ ngữ “*Hasituppàdacitta – Tâm Tiếu Sinh*”.

Đây là một loại Tâm riêng biệt với Chư vị Alahán. Nguyên nhân của sự mỉm cười là thọ Hỷ.

Có mười ba loại Tâm làm việc mỉm cười tùy theo tâm tánh của con người.

- * Với hạng phàm nhân (*putthujjana*) có thể cười với một trong bốn Tâm Tham câu hành Hỷ, hay một trong bốn Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ.
- * Với Bậc Thất Lai (*Sotàpanna*), Nhất lai (*Sakadàgàmi*) và Bất Lai (*Anàgàmi*) có thể mỉm cười với hai Tâm Bất Thiện câu hành Hỷ bất tương ưng Kiến, hoặc một trong bốn Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ.
- * Chư vị Vô Sinh và chư Phật Độc Giác có thể mỉm cười với một trong bốn loại Tâm Duy Tác Tịnh Hảo câu hành Hỷ (*Sobhanakiriyacitta*) hoặc với Tâm Tiếu Sinh.
- * Với Bậc Chánh Đẳng Giác mỉm cười với một trong hai Tâm Duy Tác Tịnh Hảo câu hành Hỷ tương ưng Trí.

Có tất cả sáu loại cười:

- 1/ *Sita*: một nụ cười mỉm, nhếch môi, biểu hiện nhẹ nhàng trên vẻ mặt;
- 2/ *Hasita*: cười hở răng, vừa đủ hé cho thấy chót răng;
- 3/ *Vihasita*: nụ cười khể phát ra một tiếng động nhỏ;
- 4/ *Upahasita*: nụ cười làm chuyển động đầu vai và tay;
- 5/ *Apahasita*: nụ cười làm chảy nước mắt;
- 6/ *Atihasita*: bật cười lớn tiếng, ngã nghiêng cả thân hình.

Như vậy, việc cười là một hình thức diễn tả của Thân Biểu Tri (*Kàyavinnatti* - thân hiện bày), có thể, hay không, phát sanh cùng với Ngữ Biểu Tri (*Vàcàvinnatti* - hiện bày âm thanh).

- Chư Thánh Nhân và bậc thiện trí thức thường cười với hai cách (1) và (2).
- Hạng trí thức và thường nhân thể hiện việc cười với hai cách (3) và (4).
- Với hạng phàm phu tỏ bày việc cười với hai cách (5) và (6).

Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Vô Nhân.

1/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của Tâm Vô Nhân.

Đáp: Tâm Vô Nhân là Tâm sanh khởi không có một trong sáu Nhân Tương Ưng phối hợp. (Sáu Nhân Tương Ưng là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

Tâm Vô Nhân là thuộc phần Vô Ký (Quả và Duy Tác) sanh khởi một cách máy móc, tiếp thấu Cảnh, và không để lại hậu quả của sự tiếp thấu Cảnh.

2/ Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa:*

- Tâm câu hành Lạc với Tâm câu hành Hỷ.
- Tâm câu hành Khổ với Tâm câu hành Ưu.

Đáp: - Sự khác biệt giữa Tâm câu hành Lạc với Tâm câu hành Hỷ, là:

Tâm câu hành Lạc Thọ, là sự thọ hưởng vui sướng về Thân.

Tâm câu hành Hỷ Thọ, là sự thọ hưởng vui thích về Tâm.

- Sự khác biệt giữa Tâm câu hành Khổ với Tâm câu hành Ưu, là:

Tâm câu hành Khổ Thọ, là sự thọ lãnh đau khổ về Thân.

Tâm câu hành Ưu Thọ, là sự thọ lãnh buồn phiền về Tâm.

3/ Hỏi: *Muốn biết rằng cái Tâm nào sanh khởi với nam nhân Kumara trong thời gian đó?*

Đáp: - Khi bắt trộm gà với Tâm không vui thích, là:

- Với Tâm căn Tham Câu Hành Xả Bất Tương Kiến Hữu Dẫn.
- Hoặc với Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Tương Ứng Phần Hận Hữu Dẫn.

- Khi sát mạng và với Tâm không vui thích, là:

- Với Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Tương Ứng Phần Hận Hữu Dẫn.

4/ Hỏi: *Có bao nhiêu Tâm Bất Thiện ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn? Là những Tâm nào?*

Đáp: Tâm Bất Thiện ở phần Câu Hành Hỷ, Bất Tương Ứng, Hữu Dẫn có một, là:

- Tâm căn Tham Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn, Tâm số 4.

5/ Hỏi: *Trong 18 Tâm Vô Nhân, v.v, do bởi nguyên nhân nào?*

Đáp: Trong 18 Tâm Vô Nhân, với 7 Tâm Quả Bất Thiện không gọi là Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, là vì Tâm Bất Thiện chỉ tạo tác có một thứ loại là Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, do bởi Tâm Sở Si mê mờ muội lược làm căn gốc.

Nhưng với Tâm Thiện lại tạo tác ra hai loại Tâm Quả:

- Tâm Thiện khi tạo tác có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền, với đủ Tư, thì cho Quả Hữu Nhân, là 8 Tâm Đại Quả Hữu Nhân.

- Tâm Thiện khi tạo tác không có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền, lại thiếu Tư, thì cho Quả Vô Nhân, là 8 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân.

Do sợ nhầm lẫn giữa hai loại Tâm Quả Bất Thiện, Vô Nhân và Hữu Nhân, do đó buộc phải gọi đủ cả chúc năng và trạng thái của những Tâm Quả Bất Thiện.

6/ Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa Nhân Thức Quả Bất Thiện và Nhân Thức Quả Thiện. Sự khác biệt giữa Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn.*

Đáp:

- Sự khác biệt giữa Nhân Thức Quả Bất Thiện với Nhân Thức Quả Thiện,
là:

Nhân Thức Quả Bất Thiện tiếp thu Cảnh Sắc không tốt đẹp, là kết quả của nhân Bất Thiện đã tạo tác.

Nhân Thức Quả Thiện tiếp thu Cảnh Sắc tốt đẹp, là kết quả của nhân Thiện đã tạo tác.

- Sự khác biệt giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Khai Ý Môn, là:
Tâm Khai Ngũ Môn là Tâm làm việc mở cửa Lộ Ngũ.

Tâm Khai Ý Môn là Tâm làm hai việc, mở cửa Lộ Ý và phán xét Lộ Ngũ.

7/ Hỏi: *Theo Phật Giáo, có bao nhiêu cách cười? Hạng phạm phu làm việc cười theo cách nào?*

Đáp: Theo Phật Giáo có sáu cách cười, là:

- (1) Nụ cười mỉm, nhếch môi, biểu hiện nhẹ nhàng trên nét mặt.
- (2) Nụ cười hở răng, vừa đủ hé cho thấy chót răng.
- (3) Nụ cười phát âm thanh nhỏ.
- (4) Nụ cười làm chuyển động đầu vai và tay.
- (5) Nụ cười làm chảy nước mắt.
- (6) Nụ cười lớn tiếng, ngã nghiêng cả thân hình.

Hạng phạm phu bày tỏ việc cười với hai cách thứ 5 và 6.

8/ Hỏi: *Có bao nhiêu Tâm thuộc Ý Giới? Hãy kể ra. Và tiếp thu bao nhiêu Cảnh?*

Đáp: Tâm Ý Giới có ba thứ Tâm là hai Tâm Tiếp Thu và Tâm Khai Ngũ Môn.

Thường chỉ tiếp thu năm Cảnh (Ngũ Cảnh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân).

9/ Hỏi: *Có bao nhiêu loại Thọ trong 18 Tâm Vô Nhân? Hãy kể ra. Có bao nhiêu Tâm thuộc Khổ thọ, Lạc thọ, Hỷ thọ, và Xả thọ?*

Đáp: Có bốn loại Thọ trong 18 Tâm Vô Nhân, là Hỷ, Lạc, Khô và Xả.

Có một Tâm Thân Thức Câu Hành Khô Quả Bất Thiện, Tâm số 17.

Có một Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Quả Thiện Vô Nhân, Tâm số 24.

Có hai Tâm Vô Nhân thuộc Hỷ thọ, là:

- Tâm Thâm Tấn Câu Hành Hỷ Quả Thiện Vô Nhân, Tâm số 27.
- Tâm Tiểu Sinh Câu Hành Hỷ (Duy Tác Vô Nhân), Tâm số 30.

Có 14 Tâm Vô Nhân thuộc Xả thọ, là:

- Hai Tâm Nhãn Thức Câu Hành Xả, Tâm số 13 và 20.
- Hai Tâm Nhĩ Thức Câu Hành Xả, Tâm số 14 và 21.
- Hai Tâm Tỷ Thức Câu Hành Xả, Tâm số 15 và 22.
- Hai Tâm Thiệt Thức Câu Hành Xả, Tâm số 16 và 23.
- Hai Tâm Tiếp Thâu Câu Hành Xả, Tâm số 18 và 25.
- Hai Tâm Thẩm Tấn Câu Hành Xả, Tâm số 19 và 26.
- Tâm Khai Ngũ Môn Câu Hành Xả, Tâm số 28.
- Tâm Khai Ý Môn Câu Hành Xả, Tâm số 29.

10/ *Hỏi: Hàng phàm nhân có sanh khởi Tâm Duy Tác hay không? Nếu có, xin hãy kể ra những Tâm nào?*

Đáp: Có hai Tâm Duy Tác Vô Nhân sanh khởi ở hàng phàm nhân, là: Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn.

11/ *Hỏi: Với bậc Vô Sinh có sanh khởi Tâm Vô Nhân hay không? Nếu có, xin hãy kể ra?*

Đáp: Bậc Vô Sinh có sanh khởi Tâm Tiểu Sinh thuộc Tâm Duy Tác Vô Nhân.

12/ *Hỏi: Bậc Chánh Đẳng Giác làm việc cười với những Tâm nào? Xin hãy kể ra.*

Đáp: Bậc Chánh Đẳng Giác mỉm cười với một trong hai Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí, Tâm số 33 và 36.

-----00000-----

30 ASOBHANACITTA (TÂM VÔ TỊNH HẢO) và 59 hoặc 91 SOBHANACITTA (TÂM TỊNH HẢO)

<i>Pàpàhetukamuttàni</i>	<i>Sobhanàtīti vuccare</i>
<i>Ekūnasatthi cittāni</i>	<i>Athekanavutī piv vā</i>

Ngoài Tâm Bất Thiện, Tâm Vô Nhân, có 59 hoặc 91 Tâm gọi là Tâm Tịnh Hảo.

Trong câu kệ trên trình bày cho hiểu biết có hai trường hợp gọi tên của Tâm. Việc trình bày một cách trực tiếp, là gọi số lượng 59 hoặc 91 cái Tâm

thuộc Tâm Tịnh Hảo. Còn gọi 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân thuộc Tâm Vô Tịnh Hảo, là gọi gián tiếp.

* Asobhanacitta – Tâm Vô Tịnh Hảo: Có ý nghĩa là Tâm ngoài phần Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), hoặc là Tâm không cùng sanh với Tâm Sở Tịnh Hảo.

* Sobhanacitta – Tâm Tịnh Hảo: Có ý nghĩa là Tâm cùng sanh với Tâm Sở Tịnh Hảo, hoặc là Tâm ở phần tốt đẹp.

24 KÀMÀVACARASOBHANACITTA – 24 TÂM DỤC GIỚI TINH HẢO

Mahākusalacitta – Tâm Đại Thiện: Có ý nghĩa là Tâm không có tội lỗi và cho quả an vui, như thế gọi là Thiện, và có khả năng sanh nhiều hơn bản thân. Tất cả đều là phần mở đầu của Thiện, Thắng Trí, Đạo Quả - như thế mới gọi là “Mahà – Đại”. Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại gọi là “Mahākusalacitta – Tâm Đại Thiện”.

Mahāvīpākacitta – Tâm Đại Quả: Có ý nghĩa Tâm là thành quả của Tâm Đại Thiện, bởi vì khi phân loại theo trường hợp của Thọ, Phôi Hợp, Dẫn Dụ, đều giống với Tâm Đại Thiện, như thế gọi là Tâm Đại Quả.

Mahākiriya-citta – Tâm Duy Tác: Có ý nghĩa là chính cái Tâm Đại Thiện sanh trong tâm tánh của Bậc Vô Sinh, như thế gọi là Tâm Đại Duy Tác.

Phụ Chú Giải: Thiện có năm ý nghĩa:

(1) khôn khéo, (2) khỏe mạnh, (3) tốt đẹp, (4) lợi ích, (5) cho quả an vui.

Theo sách ATTHASĀLINI có giải thích từ ngữ “**Kusala – Thiện**” như sau:

1/ “Ku – xấu”, căn “Sal”, lay chuyển, run rẩy, tiêu diệt.

Cái gì lay chuyển, tiêu diệt điều bất thiện, xấu xa, gọi là “Kusala – Thiện”.

2/ “Kusa + căn “lu”, cắt đứt.

“Kusa” do “Ku – xấu” và căn “Si”, nói dối.

Cái gì gian dối một cách xấu xa là Kusa, tật xấu. Kusala là cắt đứt tật xấu.

3/ “Ku – bất thiện, xấu + căn Su- suy giảm”.

Cái gì làm giảm suy giảm, hay tiêu diệt điều bất thiện do bởi trí tuệ, là “Kusa”.

Cắt đứt điều bất thiện bằng trí tuệ là Kusala.

4/ “Kusala – Thiện” là khấn khít với trí tuệ.

5/ Loại cỏ *Kusa* có hai bề lưỡi đều sắc bén nên cắt đứt tay bằng cả hai bề. Cùng thế ấy, *Kusala* cắt đứt cả hai phần của dục vọng – phần đã phát sanh và phần chưa phát sanh.

- *Kusala* là tinh khiết hay lành mạnh, hiểu theo nghĩa “tránh khỏi những bệnh vật chất và tinh thần do dục vọng gây nên”.
- *Kusala* là vô tội, hiểu theo nghĩa “tránh khỏi tội lỗi do dục vọng gây nên, do những ảnh hưởng xấu của dục vọng, và sức nóng của dục vọng”.

Trong bộ sách chú giải **ATTHASÀLINI** lại có ghi rằng “*Kosallasambhūtatthena, kosallam vuccati pannā* – đã được hoàn thành với trí tuệ, gọi là Thiện”.

Làm thế nào xác định rằng một hành động là *Kusala* – Thiện hay là *Akusala* – Bất Thiện? Dựa trên tiêu chuẩn đạo đức nào?

Một cách vắn tắt, kết hợp với ba căn Bất Thiện (*Akusala mùla*) là Bất Thiện. Kết hợp với ba căn Thiện (*Kusala mùla*) là Thiện. Ví như, hạt giống được gieo trồng trên đất phì nhiêu sẽ sanh sôi nảy nở, sớm hay muộn, tùy theo đặc tính của nó. Cùng thế ấy, hành động Thiện hay Bất Thiện sẽ tạo những kết quả đáng được ưa thích hay không ưa thích, kết quả ấy là *Vipāka* – Quả Dị Thục.

Chú giải: Từ ngữ “*Kiriya* hay *Kriyā* – Duy Tác, chỉ có hành động” có ý nghĩa:

Từ ngữ này được hiểu theo nghĩa “**hành động vô hậu quả**”. Với *Kamma* – Nghiệp, là mãnh lực tạo ra quả báo, thì *Kiriya* – Duy Tác, là hành động không để lại quả báo.

Những hành động của Chư Phật hay chư vị Alahán được gọi là *Kiriya* – Duy Tác, bởi vì các Ngài không còn tạo tác và tích trữ Nghiệp Báo, đã vượt qua khỏi Thiện và Ác.

Trong *Abhidhamma*, *Vipāka* – Quả Dị Thục và *Kiriya* – Duy Tác được gọi là *Abyākata* – Vô Ký, không để lại (hậu quả, quả báo). Với *Vipāka* – quả dị thục, đã là kết quả, tức không biểu hiện trở lại như một hậu quả. Và *Kiriya* – Duy Tác, chỉ có hành động, và không có để lại hậu quả của hành động.

*8 MAHĀKUSALACITTA – 8 TÂM ĐẠI THIÊN, 8 MAHĀVIPĀKACITTA – 8 TÂM ĐẠI QUẢ, 8 MAHĀKIRIYĀCITTA – 8 TÂM ĐẠI DUY TÁC

1. *Somanassasahagatam nānasampayuttam asankhārikam*: Câu Hành Hy Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), kết hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ: Một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

2. Somanassasahagatam nānasampayuttam sasankhàrikam: Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, kết hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ: Theo lời dạy của mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

3. Somanassasahagatam nānavippayuttam asankhàrikam: Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), không có sự kết hợp với Trí Tuệ, cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ: Một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và không có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

4. Somanassasahagatam nānavippayuttam sasankhàrikam: Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, không có sự kết hợp với Trí Tuệ cùng với sự hỷ duyệt.

Ví dụ: Theo lời dạy của mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách vui vẻ và không có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

5. Upekkhāsahagatam nānasampayuttam asankhàrikam: Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), có sự kết hợp với Trí Tuệ, cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ: Một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

6. Upekkhāsahagatam nānasampayuttam sasankhàrikam: Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, kết hợp với Trí Tuệ cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ: Theo lời dạy của mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường đến thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và có sự hiểu biết của việc làm thiện này.

7. Upekkhāsahagatam nānavippayuttam asankhàrikam: Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi một cách mau lẹ (không có sự dẫn dụ), không có sự kết hợp với trí Tuệ, cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ: Một em bé mau lẹ đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và không có sự hiểu biết của sự việc làm thiện này.

8. Upekkhāsahagatam nānavippayuttam sasankhàrikam: Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

Dịch nghĩa: Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ, không có sự kết hợp với Trí Tuệ, cùng với sự thần nhiên.

Ví dụ: Theo lời dạy của mẹ, một em bé đánh lễ và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khuru, một cách thần nhiên và không có sự hiểu biết của sự việc làm thiện này.

* Lời dịch trong từ ngữ “*Nānasampayuttam – Tương Ứng Trí*” là: Tâm tương ưng (kết hợp với) Trí Tuệ, là sự tri thức sáng suốt.

* Lời dịch trong từ ngữ “*Nānavippayuttam – Bất Tương Ứng Trí*” là: Tâm không kết hợp với Trí Tuệ, là sự không tri thức.

Như vậy, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo gồm có: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả (Hữu Nhân), 8 Tâm Đại Duy Tác (thuộc Dục Giới), phân biệt nhau theo phần Thọ, Phối Hợp, và Dẫn Dụ.

Tóm lược, trong Dục Giới có 54 Tâm, gồm có: hai mươi ba loại Tâm Quả (gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân + 8 Tâm Đại Quả Hữu Nhân), hai mươi Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện (gồm 12 Tâm Bất Thiện + 8 Tâm Đại Thiện), và mười một Tâm Duy Tác (gồm 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân + 8 Tâm Đại Duy Tác).

Chú giải:

1. Từ ngữ “*Sobhana - Tịnh Hảo*” liên hệ với những căn Thiện hay những Tâm Sở Tịnh Hảo, như xả thí, từ ái, tri kiến, và tạo những đức tánh tốt đẹp.

2. Từ ngữ “*Hetuka – Hữu Nhân*” nghĩa là liên hệ với hai Nhân tương ưng (*Alobha – Vô Tham*, xả thí) và (*Adosa – Vô Sân*, từ ái) hoặc ba Nhân tương ưng (*Alobha – Vô Tham*, *Adosa – Vô Sân*, và *Amoha – Vô Si*, trí tuệ).

Trong 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo (*Kāmāvacara Sobhana Citta*) có 12 Tâm liên hệ với hai Nhân tương ưng (Vô Tham, Vô Sân), và có 12 Tâm liên hệ với ba Nhân tương ưng (Vô Tham, Vô Sân và Vô Si).

3. Từ ngữ “*Nāna – Trī*” nghĩa là minh mẫn sáng suốt, hay tri kiến, thấu triệt. Đối nghịch với từ ngữ “*Moha – Si mê*” mê mờ, lầm lạc.

4. Từ ngữ “*Asankhàrika – Vô Dãn*” nghĩa là một hành động tốt (hay xấu) một cách mau lẹ, hồn nhiên, không suy nghĩ hay bàn tính trước, không có sự xúi giục, xui khiến, sai bảo, từ bên trong hay bên ngoài, mà do sự thích ứng điều kiện vật chất và tinh thần, do điều kiện vật thực, hay khí hậu, v.v, **là kết quả** của những hành động tương tự đã có trong quá khứ (một thói quen đã từng có, một phản ứng tự nhiên).

Ghi chú: Cần nên hiểu biết và lưu ý rằng, tất cả những hành động Thiện đều do một trong tám Tâm Đại Thiện.

Và kết quả trở sanh tương ứng với tám Tâm Đại Quả Hữu Nhân, và cùng với tám Tâm Quả Thiện Vô Nhân (*Ahetuka Kusala Vipàka Citta*).

Như vậy, có mười sáu Tâm Quả (*Vipàka Citta*) tương ứng với tám Tâm Đại Thiện (*Mahā Kusala Citta*).

Trong lúc ấy, tất cả những hành động bất thiện đều do một trong mười hai Tâm Bất Thiện.

Và kết quả trở sanh chỉ tương ứng với bảy Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân (*Ahetuka Akusala Vipàka Citta*).

Chư Phật và chư vị Alahán cũng có tất cả hai mươi ba loại Tâm Quả (7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả), bởi vì các Ngài còn phải gặt lấy những quả xấu hay tốt của Nghiệp đã gieo trong quá khứ, mãi cho đến ngày các Ngài viên tịch Níp Bàn (*Vô Dur Y Níp Bàn*).

Tuy nhiên, các Ngài không có tám loại Tâm Đại Thiện, bởi vì các Ngài không còn tạo tác các Nghiệp mới, bởi vì các Ngài đã tận diệt mọi thăng thức trôi buộc vào vòng sanh tử luân hồi.

Trong khoảng thời gian còn lại của kiếp sống hiện tại (*Hữu Dur Y Níp Bàn*), các Ngài **chỉ có những Tâm Duy Tác** (*Kiriya Citta*, Tâm hành động những không để lại kết quả hành động, không tạo tác và tích trữ Nghiệp mới).

Với những phàm nhân và Chư Thánh ba bậc thấp (Thất Lai, Nhất Lai, và Bất Lai) vẫn có tám Tâm Đại Thiện trong đời sống bình nhứt.

Câu hỏi gợi ý trong phần “Tâm Thiện Dục Giới”:

1/ **Hỏi:** Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm sau đây:

- Tâm Quả Thiện Vô Nhân và Tâm Đại Quả.
- Tâm Duy Tác Vô Nhân và Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: - Sự khác biệt giữa Tâm Quả Thiện Vô Nhân với Tâm Đại Quả, là:

Tâm Quả Thiện Vô Nhân là kết quả của Tâm Thiện tạo tác không phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền và thiếu Tư. Tâm Quả Thiện Vô Nhân là quả dị thực

của Tâm Đại Thiện có việc thấy, việc nghe, v.v, ở phần tốt đẹp, và không có Nhân Tương Ứng phối hợp (nên gọi là Vô Nhân).

Tâm Đại Quả là kết quả của Tâm Thiện tạo tác có phối hợp với Tâm Sở Tuệ Quyền và đủ Tư.

- Sự khác biệt giữa Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác, là:
Tâm Duy Tác Vô Nhân có ba thứ Tâm là:

- Tâm Khai Ngũ Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ngũ, sanh khởi cả hai hạng người, là Phàm nhân và Thánh nhân.
- Tâm Khai Ý Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ý và phán xét Lộ Ngũ, sanh khởi cả hai hạng người, là Phàm nhân và Thánh nhân.
- Tâm Tiểu Sinh chỉ làm việc mở nụ cười suông của bậc Vô Sinh.

Tâm Đại Duy Tác là những Tâm Đại Thiện chỉ sanh khởi ở bậc Vô Sinh, chỉ có hành động và không có để lại hậu quả của hành động.

2/ Hỏi: Muốn biết rằng cái Tâm nào sanh khởi ở bé trai khi thực hiện việc Thiện?

Đáp: Với Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn sanh khởi lúc bé trai thực hiện việc xá lay và cúng dường vật thực đến thầy Tỳ Khưu.

3/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Vô Tịnh Hảo và Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân.

Đáp: Tâm Vô Tịnh Hảo là Tâm ngoài phần của Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), là những Tâm sanh khởi không có phối hợp với những Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân là hậu quả của những Tâm Bất Thiện tạo tác với Tâm Sở Si dẫn dắt. Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân là quả dị thực của 12 Tâm Bất Thiện, có việc thấy, việc nghe, v.v, ở phần không tốt đẹp và không có Nhân Tương Ứng phối hợp. Vì trạng thái mê mờ muội lược của Tâm Sở Si, do đó những Tâm Quả Bất Thiện sanh khởi với trạng thái máy móc, muội lược, và không có Nhân Tương Ứng phối hợp. (Nhân Tương Ứng là Tham, Sân, Si).

4/ Hỏi: Muốn biết rằng cái tâm nào sanh khởi với hai nam nhân, áo đỏ và áo trắng, trong lúc thực hiện việc quỳ lạy?

Đáp: Với nam nhân áo trắng sanh khởi Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn, Tâm số 31.

Với nam nhân áo đỏ sanh khởi Tâm Đại Thiện Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 52.

5/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Quả, Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: Tâm Đại Thiện là Tâm không tạo tác việc xấu xa tội lỗi, Tâm làm việc Thiện và Thiện, Thắng Trí, Đạo Quả, như thế mới gọi là Đại. Kết hợp hai ý nghĩa này lại, gọi là Tâm Đại Thiện.

Tâm Đại Quả là thành quả của Tâm Đại Thiện, vì khi phân loại theo trường hợp của Thọ, Phối Hợp, Dẫn Dụ, đều giống với Tâm Đại Thiện, do đó gọi là Tâm Đại Quả.

Tâm Đại Duy Tác chính là Tâm Đại Thiện sanh khởi trong tâm tánh của bậc Vô Sinh, do đó gọi là Tâm Đại Duy Tác.

6/ Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa của những từ ngữ sau đây: Quả Dị Thục, Duy Tác, Vô Ký.*

Đáp: Từ ngữ *Quả Dị Thục* là kết quả chính muồi sai khác với thời gian tạo tác của nhân, Bất Thiện hay Thiện. Ví như, hạt giống được gieo trồng trên mảnh đất sẽ sanh sôi nảy nở, sớm hay muộn, tùy theo đặc tính của nó.

Từ ngữ *Duy Tác* là chỉ có hành động, và hành động không để lại quả báo. Những hành động của Chư Phật và các vị Alahán (Vô Sinh) được gọi là Duy Tác, vì các Ngài không tạo tác và tích trữ Nghiệp Báo, đã vượt qua khỏi Thiện và Ác.

Từ ngữ *Vô Ký* là không để lại (hậu quả, quả báo), bao gồm cả hai, Quả Dị Thục và Duy Tác.

-----00000-----

54 KÀMAVACARACITTA – 54 TÂM DỤC GIỚI

Qua ba phần Tâm đã được nghiên cứu, phần Tâm Bất Thiện có 12, Tâm Vô Nhân có 18, và Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 24.

Tổng hợp lại cả ba phần kể trên, gọi là *54 Kà mavacaracitta - 54 Tâm Dục Giới*.

Có phần Pàlì giải thích như sau:

*Kà me tevìsa pàkàni Punna punnàni vīsati.
Ekàdasa kriyà ceti Catupunnàsa sabbathà.*

Với những Tâm phần nhiều du hành trong 11 Cõi Dục Địa Giới (*Kà mabhūmi*), khi tổng kết lại có số lượng là 54 Tâm, gồm có 23 Tâm Quả (7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả Hữu Nhân Dục Giới), 20 Tâm Bất Thiện và Thiện (12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện), và 11 Tâm Duy Tác (3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác).

Câu kệ trên trình bày tất cả Tâm được phân chia theo Giống loại, tổng kết lại gọi là Tâm Dục Giới.

Được gọi là Tâm Dục Giới, do bởi 54 Tâm này, với phân đa số, là du hành sinh hoạt trong Địa Giới (Bhùmi) thuộc sản địa của:

“Vatthukàma – Vật Dục” và “Kilesakàma – Phiền Nã Dục”.

Như có Pàli Chú Giải trình bày như sau:

“ Kàmetīti = Kàmo (và) Kàmīyatīti = Kàmo ” Pháp nào thường có sự mong muốn trong Cảnh Dục, như thế Pháp ấy gọi là Dục, tức là Phiền Nã Dục, là Ái Dục.

Hoặc Pháp nào là nơi khả ý của Ái Dục, như thế Pháp ấy gọi là Dục, tức là Vật Dục, là Tâm Dục Giới, Tâm Sở, Sắc Pháp.

“ Kàmassa bhavoti = Kàmo ” Địa Giới nào là sản địa của Phiền Nã Dục và Vật Dục, như thế Địa Giới đó gọi là Dục, tức là 11 Dục Địa Giới.

“ Kàme avacaratīti = Kàmāvacararam ” Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Địa Giới là sản địa của Phiền Nã Dục và Vật Dục, như thế gọi là Tâm Dục Giới.

DỨT PHẦN TÂM DỤC GIỚI

-----00000-----

Học Giả cũng nên cần biết qua một cách khái lược về Lộ Trình Tâm (*Cittavithi* - thuộc Chương 4- Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp) đang được hiểu biết chức năng và vị trí của mỗi cái Tâm kết hợp lại nhau hình thành một dòng suy nghĩ, tạo thành một luồng tư tưởng trôi chảy không ngừng trong kiếp sống.

Nhận định chức năng và vị trí một cách riêng biệt của mỗi cái Tâm trong Lộ Trình Tâm, tiếp theo đây:

* Với tám Tâm Tham: có trạng thái dính mắc vào đối tượng, có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm (*Javanakicca – thọ hưởng lấy Cảnh, tạo tác Nghiệp Báo*). (trong cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn).

* Với hai Tâm Sân: có trạng thái hủy diệt đối tượng, có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm (*Javanakicca – thọ hưởng lấy Cảnh, tạo tác Nghiệp Báo*). (trong cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn).

* Với hai Tâm Sĩ: có trạng thái mê mờ đối tượng, có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm (*Javanakicca – thọ hưởng lấy Cảnh, tạo tác Nghiệp Báo*). (trong cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn).

* Với hai Tâm Nhãn Thức: có sự thâm bắt Cảnh Sắc (*Dassanakicca – làm nhiệm vụ thấy Cảnh Sắc*), có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Ngũ Thức trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với hai Tâm Nhĩ Thức: có sự thâm bắt Cảnh Thính (*Savanakicca – làm nhiệm vụ nghe Cảnh Thính*), có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Ngũ Thức trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với hai Tâm Tỷ Thức: có sự thâm bắt Cảnh Khí (*Ghàyanakicca – làm nhiệm vụ ngửi biết mùi hơi*), có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Ngũ Thức trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với hai Tâm Thiệt Thức: có sự thâm bắt Cảnh Vị (*Sàyanakicca – làm nhiệm vụ nếm các vị*), có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Ngũ Thức trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với hai Tâm Thân Thức: có sự thâm bắt Cảnh Xúc (*Phusanakicca – làm nhiệm vụ cảm xúc*), có một nhiệm vụ duy nhất là làm việc ở vị trí Ngũ Thức trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với hai Tâm Tiếp Thâu: có sự tiếp nhận lãnh lấy một trong năm Cảnh Ngũ thuộc Lộ Ngũ Môn (*Sampaticchanakicca – làm nhiệm vụ tiếp thụ cảnh*), **(không có trong Lộ Ý Môn)**, có một nhiệm vụ duy nhất làm việc ở vị trí Tiếp Thâu trong Lộ Trình Tâm.

* Với hai Tâm Thâm Tấn Xả Thọ: có năm nhiệm vụ và ở năm vị trí trong Lộ Trình Tâm là:

1. Sự Tái Tục (*Patisandhikicca – làm nhiệm vụ chuyển tiếp Cảnh giới mới*) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

2. Sự Hữu Phần (*Bhavangakicca – làm nhiệm vụ duy trì và gìn giữ Cảnh giới thuộc Danh Pháp*) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

3. Sự Từ (*Cutikicca – làm nhiệm vụ chấm dứt, xa lìa Cảnh giới cũ*) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

4. Sự Thẩm Tán (*Santīranakicca* – làm nhiệm vụ xem xét, quán sát, chọn lọc Cảnh) trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn duy nhất.

5. Sự Na Cảnh (*Tadārammanakicca* – làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh (lớn – rõ) tiếp nối từ Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

* Với một Tâm Thẩm Tán Hỷ Tho: có hai nhiệm vụ và ở hai vị trí trong Lộ Trình Tâm là:

1. Sự Thẩm Tán (*Santīranakicca* – làm nhiệm vụ xem xét, quán sát, chọn lọc Cảnh) trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn duy nhất.

2. Sự Na Cảnh (*Tadārammanakicca* – làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh (lớn – rõ) tiếp nối từ Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

* Với một Tâm Khai Ngũ Môn: làm việc khai mở Lộ Ngũ Môn và quán xét Cảnh mới (*Āvajjanakicca*), ở vị trí Khai Môn trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với một Tâm Khai Ý Môn: làm hai nhiệm vụ và ở hai vị trí trong Lộ Trình Tâm là:

1. Sự Khai Môn (*Āvajjanakicca* – làm việc khai mở Lộ Ý Môn và quán xét Cảnh mới), ở vị trí Khai Môn trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ý Môn.

2. Sự Đoán Định (*Votthabbanakicca* – làm nhiệm vụ quyết đoán Cảnh Ngũ), ở vị trí Đoán Định trong Lộ Trình Tâm, thuộc Lộ Ngũ Môn.

* Với một Tâm Tiểu Sinh: làm nở nụ cười của Bạc Vô Sinh (Alahán), và ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

* Với tám Tâm Đại Thiện Dục Giới: làm nhiệm vụ Đồng Lực (*Javanakicca* - tạo tác các việc Thiện, tu tập Thiện, hiện bày những Thắng Trí (thần thông), và Đạo Quả.

Tám Tâm Đại Thiện Dục Giới ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

* Với tám Tâm Đại Quả Hữu Nhân Dục Giới: làm ba nhiệm vụ và ở ba vị trí trong Lộ Trình Tâm là:

1. Sự Tái Tục (*Patisandhikicca* – làm nhiệm vụ chuyển tiếp Cảnh giới mới) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

2. Sự Hữu Phần (*Bhavangakicca* – làm nhiệm vụ duy trì và gìn giữ Cảnh giới thuộc Danh Pháp) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

3. Sự Từ (*Cutikicca* – làm nhiệm vụ chấm dứt, xa lìa Cảnh giới củ) trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

* Với tám Tâm Đại Duy Tác Dục Giới: chỉ làm nhiệm vụ Đồng Lực (*Javanakicca* – thuần túy cho chư Phật và các bậc Vô Sinh (Alahán) thực hiện các việc Thiện, hiện bày những Thắng Trí (thần thông), quán xét Đạo Quả - Níp Bàn, phản khán Vô Thường, Khổ, Vô Ngã, v.v.), và ở vị trí Đồng Lực trong Lộ Trình Tâm, thuộc cả hai Lộ, là Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn.

CITTAVITHÌ – LỘ TRÌNH TÂM

1. Quán xét Lộ Trình Tâm thuộc Lộ Ngũ Môn, phần Cảnh Rất Lớn (*Atimahantàrammana* – Cảnh Cực Cự Đại) chót Tâm Na Cảnh có một Tâm Hữu Phần Vừa Qua như sau:

Giải Thích: *Atimahantàrammana* - Cảnh Cực Cự Đại (còn gọi là Cảnh Rất Lớn), là Cảnh có số lượng sát na Tâm quá dư thừa, tính kể từ việc hiện bày theo Cảnh trong Lộ Ngũ Môn.

Tâm, chủ thể, tiếp nhận đối tượng từ bên trong hay bên ngoài.

Khi không có Cảnh (đối tượng của Tâm), như đang ngủ mê, Tâm được duy trì hiện hữu như đang yên nghỉ, hay nói cách khác là ở trạng thái *Bhavanga* – *Hữu Phần*, một trạng thái thụ động của Tâm khi không tương ứng với ngoại cảnh.

Luồng *Bhavanga* (*Hữu Phần*) sẽ bị gián đoạn khi có một đối tượng đến với Tâm.

Một Tâm Hữu Phần Vừa Qua (*Atita Bhavanga* – *Hữu Phần Quá Khứ*) khởi sanh rồi diệt vòn vẹn một sát na.

Tiếp nối, một *Tâm Hữu Phần Rúng Động* (*Bhavangacalana*) sanh khởi rồi diệt cũng vòn vẹn một sát na.

Sau cùng, một *Tâm Hữu Phần Dứt Dòng* (*Bhavangupaccheda*) sanh khởi rồi diệt cũng một sát na.

Sau khi Tâm Hữu Phần Dứt Dòng diệt, một *Tâm Khai Ngũ Môn* (*Pancadvàràvajjana*) sanh khởi và cắt đứt dòng Tâm Hữu Phần, rồi diệt mất.

Nếu là Cảnh Sắc đến hiện bày với Nhãn Thanh Triệt (*Cakkhupasāda – Thần Kinh Nhãn*), một Tâm Nhãn Thức (*Cakkhu Vinnāna*) sanh khởi, làm nhiệm vụ như người thấy Cảnh Sắc.

Liên sau đó, một Tâm Tiếp Thâu (*Sampaticchana*) hiện hành tương tự như người đón nhận Cảnh Sắc.

Không gián đoạn, một Tâm Thẩm Tấn (*Santirāna*) hiện hành tương tự như người tra xét Cảnh Sắc.

Tiếp nối theo, một Tâm Đoán Định (*Votthapana*) hiện hành tương tự như người phán đoán Cảnh Sắc.

Những loại Tâm này thường sanh khởi một cách tuần tự rồi cũng sẽ diệt một cách tuần tự.

Đây là giai đoạn mà ý chí tự do góp phần trong diễn tiến của Tâm Thức.

Sau khi Tâm Đoán Định diệt mất, một giai đoạn tâm lý cực kỳ quan trọng khởi sanh – giai đoạn *Javana – Đồng Lực*.

Chính ở giai đoạn này, những hành động được xem là Thiện hay Bất Thiện, được tạo tác ra Nghiệp Báo, bất luận một trong 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, tùy thuộc nhân duyên, thường sanh khởi với khả năng có số lượng là 7 chấp sát na Tâm, chủ yếu là *Manasikāra – Tác Ý*.

Nếu nhận định chân chánh (*Yoniso manasikāra – Tác Ý Khôn Khéo*) dòng *Javana – Đồng Lực* sẽ tạo tác Thiện Nghiệp.

Trái ngược lại, với nhận định sai lầm (*Ayoniso manasikāra – Tác Ý Không Khôn Khéo*) dòng *Javana – Đồng Lực* sẽ tạo tác Bất Thiện Nghiệp.

Tuy nhiên, trong trường hợp của một Bậc Alahán, luồng Tâm *Javana – Đồng Lực*, không Thiện cũng không Bất Thiện, chỉ hiện hành như một cơ năng, duy tác và không tạo hậu quả.

Toàn thể tiến trình Tâm này, chỉ tồn tại trong một thời gian cực ngắn ngủi, chấm dứt bằng hai sát na Tâm Na Cảnh (*Tadālamāna – thừa hưởng Cảnh dư*) hiện hành theo sau Tâm Đồng Lực, sanh khởi vừa theo thích hợp đối với chúng sanh, sau đó luồng Tâm trở lại Tâm Hữu Phần.

Cũng tương tự diễn biến theo Lộ Trình Nhãn Thức kể trên, có bốn phần tiếp theo sau đây: *Lộ Trình Nhĩ Thức*, *Lộ Trình Tỷ Thức*, *Lộ Trình Thiệt Thức*, và *Lộ Trình Thân Thức* (thuộc Lộ Trình Ngũ Môn).

Như vậy, hoàn tất trọn vẹn một lộ trình tư tưởng sau mười bảy (17 chấp) sát na Tâm.

Tất cả Tâm trong Lộ Trình Ngũ Môn, nếu tính theo **Chặng** thì có được bảy chặng là:

- (1) Khai Ngũ Môn,
- (2) Tâm Ngũ Thức,
- (3) Tâm Tiếp Thâu,
- (4) Tâm Thẩm Tấn,

- (5) Tâm Đoán Định,
- (6) Tâm Đồng Lực,
- (7) Tâm Na Cảnh.

Khi làm việc sanh khởi của những loại Tâm trong Lộ Trình Ngũ Môn kể trên, thì có được mười bốn (**14 lần**) là:

- (1) Tâm Khai Ngũ Môn sanh 1 lần,
- (2) Tâm Ngũ Song Thức – bất luận loại Tâm nào – sanh 1 lần,
- (3) Tâm Tiếp Thân sanh 1 lần,
- (4) Tâm Thẩm Tấn sanh 1 lần,
- (5) Tâm Đoán Định sanh 1 lần,
- (6) Tâm Đồng Lực sanh 7 lần,
- (7) Tâm Na Cảnh sanh 2 lần.

Khi giải rộng ra, thì những loại Tâm trong Lộ Trình Ngũ Môn kể trên, có được **54 thứ** Tâm (là 54 Tâm Dục Giới).

Riêng phần tính theo hạng **Người**, thì có được **8 hạng Người** (4 Phàm Phu, 4 Thánh Quả). Và tính theo phần Địa Giới (*Bhùmi*) sanh được trong **11 Cõi Dục Giới**.

2. Quán xét Lộ Trình Ý Môn, phần Cảnh Rất Rõ (*Ativibhùtārammana – Cảnh Cực Minh Hiện*) chót Tâm Na Cảnh, và không có Tâm Hữu Phần Vừa Qua như sau:

Giải Thích: *Ativibhùtārammana – Cảnh Cực Minh Hiện* (còn gọi là Cảnh Rất Rõ) là Cảnh hiện bày rất rõ rệt trong Lộ Ý Môn.

Trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới chỉ có **3 Chặng** là:

- (1) Tâm Khai Ý Môn,
- (2) Tâm Đồng Lực,
- (3) Tâm Na Cảnh.

Khi làm việc sanh khởi của những Tâm Lộ Trình này thì có được **10 Cái**, là:

- (1) Tâm Khai Ý Môn sanh 1 lần,
- (2) Tâm Đồng Lực sanh 7 lần,
- (3) Tâm Na Cảnh sanh 2 lần.

Với những Tâm Lộ Trình này, khi giải rộng ra, thì có được **41 thứ** Tâm là: 41 Tâm Dục Giới, trừ Ngũ Song Thức và 3 Ý Giới.

Riêng phần tính theo hạng **Người**, thì có được **8 hạng Người** (4 Phàm Phu, 4 Thánh Quả).

Và tính theo Địa Giới (*Bhùmi*) sanh được trong 11 Cõi Dục Giới.
Như vậy, trong một Lộ Trình Tâm, hay một tiến trình tư tưởng, có nhiều chấp, và các chấp tư tưởng (hay sát na Tâm) này, có thể là Nghiệp (*Kamma*), Dị Thục Quả (*Vipàka*), hay Duy Tác (*Kiriyà*).

DÚT PHẦN TRÍCH GIẢN LƯỢC LỘ TRÌNH TÂM, LỘ TRÌNH NGŨ MÔN VÀ LỘ TRÌNH Ý MÔN.

-----00000-----

15 RUPÀVACARACITTA – 15 TÂM SẮC GIỚI

*Pancadhà jhà nabhedena
Punnàpàkakriyà bheda*

*Rupàvacaramānasam.
Tam pancadasadhà bhava*

Tâm Sắc Giới khi phân chia theo Thiên Na (Jhàna) thì có năm loại, khi phân tích theo phần Thiện, Quả, Duy Tác, thì có mười lăm loại.

Câu kệ trên trình bày tất cả Tâm đã phân chia theo Giống loại, tổng kết lại gọi là Tâm Sắc Giới.

Được gọi là Tâm Sắc Giới, do bởi 15 Tâm này, phần đa số, du hành sinh hoạt trong Địa Giới thuộc sản địa của “*Vatthurūpa – Vật Sắc*”, và “*Kilesarūpa – Phiền Nảo Sắc*”.

Vật Sắc là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở.

Phiền Nảo Sắc là Ái Sắc, là sự thỏa thích trong Thiên, Thắng Trí, Hữu Sắc.

Có Pàlì Chú Giải trình bày như sau:

“*Rūpassa bhavoti = Rūpam*” Địa Giới nào là sản địa của Vật Sắc và Phiền Nảo Sắc, như thế Địa Giới đó gọi là Sắc, tức là 16 Sắc Địa Giới.

“*Rūpe avacaratīti = Rūpàvacaram*” Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Địa Giới là sản địa của Phiền Nảo Sắc và Vật Sắc, như thế gọi là Tâm Sắc Giới.

Có tất cả 15 Tâm Sắc Giới (*Rūpàvacaracitta*) được trình bày theo phần Pàlì như sau:

1. *Vitakkavicàrapītisukha ekaggatāsahitam pathamajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam – Tâm Thiện Sơ Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Sơ Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh khởi với năm chi Thiên, là Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

2. *Vicàrapītisukha ekaggatāsahitam dutiyajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Nhị Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Nhị Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với bốn chi Thiên, là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

3. *Pītisukha ekaggatāsahitam tatiyajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Tam Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Tam Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với ba chi Thiên, là Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

4. *Sukha ekaggatāsahitam catutthajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Tứ Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Lạc, Nhứt Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Tứ Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiên, là Lạc, Nhứt Thống.

5. *Upekkhā ekaggatāsahitam pancamajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam* – Tâm Thiện Ngũ Thiên, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhứt Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Ngũ Thiên, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiên, là Xả, Nhứt Thống.

Chú Giải:

Từ ngữ “*Rūpāvacara*” – thuộc Sắc Giới.

Trong Phật Giáo, thế gian (*Loka*) tồn tại ba Cảnh giới, là: “*Kāmaloka* – Dục Giới”, “*Rūpaloka* – Sắc Giới”, và “*Arūpaloka* – Vô Sắc Giới”.

Trong Dục Giới có 11 Cõi là: bốn Cảnh Khổ (*Apāya*), một Cảnh Người (*Manussa*), và sáu Cảnh Trời (*Devaloka*).

Với 11 Cõi Dục Giới này, Ái Dục chiếm phần quan trọng, và chi phối phần đa số trong từng Cõi giới.

Trong bốn Cảnh giới thấp được gọi là “*Duggati* – Khổ Thú”, là những cõi mà chúng sanh sống trong đó có rất nhiều đau khổ, sinh hoạt trong trạng thái khốn khổ, do bởi Bất Thiện Nghiệp dẫn dắt tái tục vào.

Với Cảnh Nhân Loại và 6 Cõi Thiên Dục Giới, được gọi là “*Sugati* – Thiện Thú”, là những cõi mà chúng sanh sống hưởng nhiều dục lạc, do bởi Thiện Nghiệp dẫn dắt.

Với hạng người mong cầu được tiến hóa, không còn tìm thích thú trong những dục lạc tầm thường, chỉ vui thích trong những sự phát triển tâm linh cao

thượng thù thắng, mong mỗi được tái tục vào những Cảnh giới thích đáng, phù hợp với nguyện vọng thanh cao và chí thượng.

Ngay còn trong Cõi Nhân Loại, những bậc hiền triết đã từ bỏ mọi lạc thú, tiến tu (*Bhàvanà*) thúc liễm thân tâm theo hai phương hướng:

1/ *Samatha – Thiền Chỉ* (có nghĩa là tĩnh lặng, hay an tịnh, và với phương cách này để trau giồi và thành đạt các tầng Thiền – *Jhàna*, qua đó, hành giả có thể phát triển những năng lực thần thông do bởi Thắng Trí - *Abhinna*),

2/ *Vipassanà – Thiền Quán* (thấy đúng chân thực tướng tất cả các Pháp, chứng ngộ Đạo Quả và Níp Bàn).

Những bậc hiền trí, khi đã chứng đắc các tầng Thiền thuộc Cõi Sắc Giới, và không hoại Thiền khi cận tử, được tái tục vào Cõi Sắc Giới, với những hình thể vật chất vô cùng vi tế (Sắc Tế).

Những Tâm thường luôn sinh hoạt trong Cõi Sắc Giới (*Rùpaloka*) được gọi là Tâm Sắc Giới (*Rùpavacaracitta*).

Có tất cả mười lăm Tâm Sắc Giới, như sau:

- * năm Tâm Thiện Sắc Giới mà ta có thể trau giồi và phát triển ngay trong kiếp hiện tại này,
- * năm Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới tương ứng với năm Tâm Thiện Sắc Giới mà hành giả sẽ thọ hưởng sau khi chết,
- * và năm Tâm Duy Tác Sắc Giới chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán ngay trong kiếp sống này.

Chú Giải: Từ ngữ “*Jhàna – Thiền Na*”.

Danh từ Pàli này xuất nguyên từ ngữ căn “*jhe – suy giảm, chú mục*”.

Theo Trưởng Lão BUDDHAGHOSA – *GIÁC ÂM*, có lời giải thích về “*jhàna – thiền na*” như sau:

“*Àrammam’upanijjhànato paccanikajhàpanato và jhànam*”- Gọi là Thiền Na, bởi do đặc tính là chăm chú, bám sát suy giảm vào đối tượng, hoặc bởi do đặc tính là thiêu đốt các Pháp Triền Cái (*Nīvarana*), những chương ngại tinh thần.

Như vậy, *Jhàna* là dụng Tâm chăm chú khấn khít mạnh mẽ vào một đối tượng, và cùng một lúc, thiêu hủy những Pháp Triền Cái.

Có tất cả bốn mươi đề mục tu tập Thiền Chỉ, chia ra làm bảy phần, tùy thích hợp theo tâm tánh của mỗi hành giả, như sau:

1/ Đề mục Hoàn Tĩnh (*Kasina – có 10*).

2/ Đề mục Bất Tĩnh (*Āsubha – có 10*).

- 3/ Đề mục Tùy Niệm (*Anussati* - có 10).
- 4/ Đề mục Vô Lượng (*Appamannā* - có 4).
- 5/ Đề mục Tưởng (*Sannā* - có 1).
- 6/ Đề mục Phân Tách (*Vavatthāna* - có 1).
- 7/ Đề mục Vô Sắc (*Arūpa* - có 4).

Giải thích chi tiết lần lượt các đề mục tu tập Thiền Chỉ.

1. Mười đề mục Hoàn Tịnh (*Kasina*) gồm có: Đất (*Pathavi*), Nước (*Āpo*), Lửa (*Tejo*), Gió (*Vāyo*), Xanh (*Nīla*), Vàng (*Pīṭa*), Đỏ (*Lohita*), Trắng (*Odāta*), Hư Không (*Ākāsa*), Ánh Sáng (*Āloka*).

Với mười đề mục Hoàn Tịnh này có khả năng đưa hành giả đến nhập định (*Appanāsamādhī*).

2. Mười đề mục Bất Tịnh (*Āsubha*) gồm có:

- * Bành Trướng Tướng (*Uddhumātaka*): tử thi sinh trướng lên.
- * Thanh Trướng Tướng (*Vinīlaka*): tử thi sinh lên và có màu xanh.
- * Nồng Lạn Tướng (*Vipubbaka*): tử thi tan rã và có nước chảy ra.
- * Đoạn Hoại Tướng (*Vicchiddaka*): tử thi đứt lìa ra nhiều đoạn.
- * Thực Hám Tướng (*Vikkhāyitaka*): tử thi bị thú ăn đục khoét.
- * Tán Loạn Tướng (*Vikkhitaka*): tử thi bị đứt lìa ra từng đoạn.
- * Chiết Đoạn Tướng (*Hatavikkhitaka*): tử thi bị rã rời vung vẩy tản mát.
- * Huyết Đồ Tướng (*Lohitaka*): tử thi đầm đầy máu.
- * Trùng Tụ Tướng (*Pulavaka*): tử thi bị dòi từa đục tan.
- * Hài Cốt Tướng (*Atthika*): tử thi chỉ còn một bộ xương trắng rời rã.

Ở Ấn Độ xưa kia, tử thi không được đem đi chôn cất hoặc hỏa thiêu, mà chỉ đem vứt liệng bỏ ngoài nghĩa địa, để cho chim muông và thú rừng đến ăn rút tĩa tử thi.

Do đó có mười loại tử thi để làm đề mục hành thiền, thích hợp với hành giả có tâm nặng về ái dục.

Hành giả đi tới nghĩa địa, nhìn vào những tử thi đang sinh thúì hay tan rã, để suy niệm về tánh cách bất tịnh của tử thi mà thế thường được xem là xinh xắn, đáng yêu thương. Tuy nhiên, ngày nay phong tục ấy đã không còn nữa.

Như vậy, mười đề mục Bất Tịnh không còn áp dụng phổ biến đến hành giả.

3. Mười đề mục Tùy Niệm (*Anussati*): gồm có: Phật Tùy Niệm (*Buddhānussati*), Pháp Tùy Niệm (*Dhammānussati*), Tăng Tùy Niệm (*Saṅghānussati*), Giới Tùy Niệm (*Sīlānussati*), Thí Tùy Niệm (*Cāgānussati*), Thiên Tùy Niệm (*Devatānussati*), Tịch Tĩnh Tùy Niệm (*Upasamānussati*), Tử Tùy Niệm

(*Maranānussati*), Thân Hành Tùy Niệm (*Kāyagatāsati*), Sở Túc Tùy Niệm (*Ānāpānasati*).

Với mười đề mục Tùy Niệm, ngoài trừ hai đề mục là Thân Hành Tùy Niệm và Sở Túc Tùy Niệm có khả năng đưa hành giả đến nhập định, còn tám đề mục còn lại chỉ đưa hành giả đến Cận Định (*Upacārasamādhi*).

4. Bốn đề mục Phạm Trú (*Brahmavihāra*): gồm có: Từ Ái (*Mettā*), Bi Mẫn (*Karunā*), Tùy Hỷ (*Muditā*), Hành Xả (*Upekkhā*). Còn được gọi là “*Appamāṇā – Vô Lượng*”, bởi do những đề mục này, hành giả tu tập truyền rải tư tưởng đến tất cả chúng sanh, không giới hạn, không có sự ngăn cách và vô hạn định.

Với đề mục Từ Ái, hành giả lánh xa sự sân hận, oán ghét (*kodha* – kẻ thù trực tiếp), và tình thương cá nhân vị kỷ (*pema* – kẻ thù gián tiếp).

Từ Ái bao trùm tất cả chúng sanh, không phân biệt, và tự đồng hóa với tất cả chúng sanh, với lòng chân thành mong mỗi chúng sanh đều được an vui hạnh phúc.

Với đề mục Bi Mẫn, hành giả lánh xa sự chủ yếu hảm hại người (*vihiṃsā* – kẻ thù trực tiếp), và sự âu sầu phiền muộn (*domanassa* – kẻ thù gián tiếp).

Bi Mẫn bao trùm những chúng sanh đau khổ, rung động trước sự đau khổ của chúng sanh, mong mỗi cứu giúp người thoát khỏi mọi đau khổ, và diệt trừ những hành động hung bạo tàn ác.

Với đề mục Tùy Hỷ, hành giả lánh xa sự ganh tỵ tật đố với tài sản công đức và thiện công đức của người (*iṣṣā* – kẻ thù trực tiếp), và sự hoan hỷ hình thức (*pahāsa* – kẻ thù gián tiếp).

Đặc điểm chánh yếu của Tùy Hỷ là hoan hỷ, vui theo với tài sản công đức và thiện công đức của người (*anumodanā*), và loại trừ mọi hình thức bất hỷ (*arati*) trước sự thịnh vượng của người khác.

Với đề mục Hành Xả, hành giả rèn luyện tâm vô tư “không luyện ái cũng không ghét bỏ”, lánh xa sự dính mắc luyện ái (*rāga* – kẻ thù trực tiếp) và thái độ lạnh lùng, lãnh đạm, vô tình (kẻ thù gián tiếp).

Hành giả giữ tâm quân bình, và không chao động trước những thăng trầm của Bát Phong.

Với ba đề mục đầu tiên của Tứ Phạm Trú, là Từ Ái, Bi Mẫn và Tùy Hỷ, có khả năng giúp hành giả đắc chứng từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền (theo *Abhidhamma*), và Hành Xả giúp hành giả chứng đắc tầng Ngũ Thiền.

5. Một đề mục Tưởng Vật Thực Uế Trước (Àhàre patikkùlasannà): hành giả suy niệm về tánh cách ô trước của vật thực, về cách thức đi tìm vật thực, v.v, về việc thọ thực, v.v.

6. Một đề mục Phân Biệt (Catudhàtuvavatthànā): hành giả quán trạch, xem xét tìm hiểu về những đặc tính của Tứ Đại, bốn nguyên tố cấu thành vật chất (đất, nước, lửa, gió) trong sắc thân một cách rõ ràng theo từng loại, như sau:

* Thành phần Đất (Pathavi) có hai đặc tính: cứng và mềm, gồm có 20 thứ: tóc, lông, móng răng, da, thịt, gân, xương tủy, thận, tim, gan, óc, phổi, dạ dày, màng ruột, ruột già, ruột non, vật thực, phân.

* Thành phần Nước (Àpo) có hai đặc tính: chảy loang ra và quén tụ lại, gồm có 12 thứ: mật, đàm, mủ, máu, nước mắt, mồ đặc, mồ hôi, chất dầu da, nước miếng, nước mũi, nước nhót và nước tiểu.

* Thành phần Lửa (Tejo) có hai đặc tính: nóng và lạnh, gồm có 4 thứ: lửa làm cho ấm thân, lửa làm cho thân khô kha, lửa làm cho thân nóng ran, lửa làm cho tiêu hóa vật thực.

* Thành phần Gió (Vāyo) có hai đặc tính: căng phồng và lay động, gồm có 6 thứ: gió thổi hơi lên, gió thổi hơi xuống, gió trong ruột, gió ngoài ruột, gió làm chuyển động thân, gió theo hơi thở vô ra.

7. Bốn đề mục Vô Sắc (Arūpa): hành giả tu tập trong những tầng Thiền Vô Sắc, những đề mục hoàn toàn không còn sắc pháp, dành riêng cho những hành giả sau khi đã chứng đắc Tứ Thiền, gồm có:

* Không Vô Biên Xứ (Àkàsānācāyatana).

* Thức Vô Biên Xứ (Vinnānācāyatana).

* Vô Sở Hữu Xứ (Àkincānāyatana).

* Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasānānāsānāyatana).

Như vậy, có tất cả bốn mươi đề mục tu tập Thiền Chỉ, đã được trình bày như trên.

Tuy nhiên, với 40 đề mục này còn tùy thích hợp với sáu loại tâm tánh của hành giả.

Từ ngữ “*Carita – Tâm tánh*” là bản chất cố hữu của con người, và mỗi người có tâm tánh khác nhau vì trong quá khứ, mỗi người đã có những hành động tạo nghiệp sai biệt nhau.

Những hành động đã thường lặp đi lặp lại, từ đó có chiều hướng hình thành nên bản tánh từng cá nhân.

Có tất cả sáu loại tâm tánh như sau:

- 1/ Tánh Ái tình (Ràgacarita): nặng về ái luyến, dính mắc vào lục trần.
- 2/ Tánh Sân hận (Dosacarita): nặng về sân hận, nóng giận, hay ác tâm.
- 3/ Tánh Si mê (Mohacarita): nặng về si mê, chậm chạp, lầm lạc.
- 4/ Tánh Đức tín (Saddhacarita): nặng về đức tin, nhạy cảm tin tưởng một cách mau lẹ, có vài hành giả có tâm đạo đặc biệt nhiệt thành.
- 5/ Tánh Tầm (Vitakkacarita): nặng về truy tầm, tìm kiếm, có tâm tánh rời rạc, không mạch lạc.
- 6/ Tánh Giác (Buddhacarita): nặng về suy gẫm sáng suốt, có đặc tính thông minh sắc bén lạ thường.

Những đề mục tu tập Thiền Chỉ thích hợp với các loại tâm tánh sai biệt nhau.

- * Có mười đề mục Bất Tịnh (*Asubhà*) và Thân Hành Tùy Niệm (*Kàyagatàsati*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Ái Tình.
 - * Có bốn đề mục Phạm Trú (*Brahmavihàra* – *Từ, Bi, Hỷ, Xả*) và bốn đề mục Hoàn Tịnh (*Kasina*- *Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Sân Hận.
 - * Với đề mục Sở Túc Quán (*Ànàpànasati*) là thích hợp với hành giả nặng về tánh Si Mê và tánh Tầm.
 - * Có sáu loại đề mục Tùy Niệm (*Anussati* – *Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiện*) thích hợp với hành giả nặng về tánh Đức Tín.
 - * Với đề mục Tử Tùy Niệm (*Maranànussati*), đề mục Tịch Tịnh Tùy Niệm (*Upasamànussati*), đề mục Phân Biệt (*Vavatthàna*) và đề mục Tưởng Vật Thực Uế Trược (*Patikkùlasanna*) thích hợp với hành giả nặng về tánh Giác.
- Và tất cả những đề mục tu tập còn lại (Đất, Nước, Lửa, Gió, Hư Không, Ánh Sáng, và đề mục Vô Sắc) thích hợp với tất cả mọi tánh tình.
- Cũng cần nên biết, về những đề mục *Kasina* – *Hoàn Tịnh*, hành giả nặng về tánh Tầm thường tạo hình tướng nhỏ thích ứng, tuy nhiên, hành giả nặng về tánh Si thường tạo hình tướng to lớn thích hợp.

Tóm lại, những tầng Thiền được chứng đắc thích hợp với những đề mục thích ứng.

Tất cả bốn mươi đề mục tu tập kể trên, đều có khả năng đưa hành giả đạt đến giai đoạn sơ khởi của các tầng Thiền thích hợp.

* Với mười đề mục, có tám đề mục Tùy Niệm (ngoài trừ Thân Hành Tùy Niệm và Sở Túc Tùy Niệm), đề mục Tướng Vật Thực Uế Trược và đề mục Phân Biệt, chỉ có khả năng đưa hành giả đến **giai đoạn Cận Định**, không đưa đến giai đoạn Nhập Định.

* Với mười đề mục *Kasina* – *Hoàn Tĩnh*, và đề mục Sở Túc Tùy Niệm, có khả năng đưa hành giả đạt đến Ngũ Thiền.

* Với mười đề mục *Asubha* – *Bất Tĩnh*, và đề mục Thân Hành Tùy Niệm, có khả năng đưa hành giả đạt đến Sơ Thiền.

* Với ba đề mục đầu tiên của *Brahmavihàra* – *Phạm Trú* (là Từ, Bi, Hỷ) có khả năng đưa hành giả đạt đến Tứ Thiền, và đề mục Hành Xả lại có khả năng đưa hành giả đến Ngũ Thiền.

Như vậy có đến hai mươi sáu đề mục tu tập Thiền Chỉ đưa hành giả chứng đạt các tầng Thiền Sắc Giới.

Và bốn đề mục Vô Sắc đưa hành giả chứng đạt các tầng Thiền Vô Sắc Giới.

Trình bày giản lược tiến trình tu tập Thiền Chỉ.

Quá trình tu tập Thiền Chỉ được diễn tiến theo ba giai đoạn, đó là:

- 1/ *Parikammabhàvanà* – *Chuẩn Bị Tu Tập*,
- 2/ *Upacàrabhàvanà* – *Cận Hành Tu Tập*,
- 3/ và *Appanabhàvanà* – *Nhập Định Tu Tập*” thường có “*Kammatthàna* – *Nghiệp Xứ*” làm Cảnh, thường sanh khởi với “*Viramitabbavatthu* – *Đề mục vật tự chế*”, không chủ yếu sanh khởi với năng lực diệt trừ Ác Hạnh, thuần túy gom tâm an trụ vào *Nghiệp Xứ*.

Tiếp theo, tu tập Thiền Chỉ cũng được diễn tiến tuần tự theo ba giai đoạn, đó là:

- 1/ *Parikammasamàdhi* – *Chuẩn Bị Định* với *Parikamma Nimitta* – *Chuẩn Bị Tướng*”
- 2/ *Upacàrasamàdhi* – *Cận Hành Định* với *Uggaha Nimitta* – *Cận Hành Tướng*” và
- 3/ *Appanàsamàdhi* – *Nhập Định* được trải qua với *Patibhàga Nimitta* – *Quang Tướng*”.

Với “*Parikamma Nimitta* – *Chuẩn Bị Tướng*”, hành giả chọn lấy đề mục thích hợp với tâm tánh.

Đây là giai đoạn sơ khởi, chuẩn bị tu tập với *Chuẩn Bị Tướng*.

Hành Giả chuyên chú gom tâm vào đề mục này cho đến khi tâm hoàn toàn an trụ vào đó, tất cả mọi tạp niệm vọng tưởng, quả nhiên, phải được loại trừ ra khỏi tâm niệm.

Với một thời gian tu tập, hành giả sẽ tiến đến một giai đoạn kế tiếp, là đầu mắt đang nhắm kín, cũng có thể hình dung đến *Chuẩn Bị Tướng* trong tâm trí, giai đoạn này đạt đến “*Uggaha Nimitta - Cận Hành Tướng*”.

Không để gián đoạn, Hành Giả chuyên trì gom tâm vào *Cận Hành Tướng*, mãi cho đến phát triển giai đoạn “*Patibhàga Nimitta – Quang Tướng*”.

Thí dụ dẫn chứng: Với đề mục “*Pathavi Kasina – Đề mục Đất*”.

Hành Giả dùng đất sét tạo một mặt tròn độ ba tấc đường kính, cạo gọt trơn bết, tô mặt láng và đều đặn.

Mặt tròn này được gọi là “*Parikamma Nimitta*”- *Chuẩn Bị Tướng*, đề mục sơ khởi. Đặt đề mục này cách chỗ ngồi khoảng độ một thước, Hành Giả chăm chú gom tâm vào đề mục với sự niệm thầm trong tâm “*pathavi – đất, pathavi – đất*”, trong chánh niệm gom tâm an trú vào đề mục.

Với thời gian tu tập, có thể là một ngày, một tuần, v.v, Hành Giả đạt đến giai đoạn cho dù nhắm mắt lại, vẫn hình dung được vòng tròn *Kasina*, đây gọi là giai đoạn “*Uggaha Nimitta*”- *Cận Hành Tướng*, hình ảnh của *Chuẩn Bị Tướng* luôn hiện hữu và không rời xa trong tâm trí.

Hành Giả tiếp tục tiến tu với *Cận Hành Tướng* cho đạt đến một giai đoạn của “*Patibhàga Nimitta*”- *Quang Tướng*.

Sự khác biệt giữa *Uggaha Nimitta* và *Patibhàga Nimitta*, là với *Cận Hành Tướng* thì Hành Giả còn nhìn thấy những khuyết điểm của đề mục, như là lỗi lõm, gồ ghề, v.v, tuy nhiên với *Quang Tướng* thì Hành Giả chỉ còn nhìn thấy một trạng thái bóng láng và trong suốt của đề mục, không còn thấy hình dáng và màu sắc, chỉ còn là một hình thức phát hiện và khởi sanh do tri giác.

Nỗ lực kiên trì chuyên chú gom tâm vào *Quang Tướng*, Hành Giả đạt đến giai đoạn của “*Upacàra Samàdhi – Cận Định*” và lúc bấy giờ năm Pháp Triền Cái (*Nivarana* – năm chướng ngại luôn cản trở của tinh thần, gồm có:

- 1/ *Kàmachanda* – Tham Dục,
- 2/ *Patigha* – Oán Hận,
- 3/ *Thina* – *Middha* – Hôn Trầm Thụy Miên,
- 4/ *Uddhacca* – *Kukkucca* – Trạo Hối, và
- 6/ *Vicikicchà* – Hoài Nghi, tạm thời được chế ngự khắc phục.

Không ngừng gia công tu tập, cuối cùng, Hành Giả đạt đến giai đoạn “*Appanà Samàdhi – Nhập Định*”, và chứng đắc tầng Thiền (*Jhàna*), thọ hưởng một trạng thái tâm an trụ và tĩnh lặng (tâm và đề mục hợp thành một).

Trình bày diễn tiến Lộ Trình Sơ Khởi Thiền của Đôn Căn Hành Giả.

Tiến trình tu tập Thiền Chỉ dẫn đến Nhập Định được trình bày theo Lộ Trình Tâm (tiến trình tư tưởng) như sau:

- *Bhavanga – Hữu Phần,*
- *Bhavanga Calana – Hữu Phần Rúng Động,*
- *Bhavanupaccheda – Hữu Phần Dứt Dòng,*
- *Manodvārāvajjana – Khai Ý Môn,*
- *Parikamma – Chuẩn Bị,*
- *Upacāra – Cận Hành,*
- *Anuloma – Thuận Tòng,*
- *Gotrabhū – Chuyển Tộc,*
- *Appanā – Nhập Định.* (theo người “*Mandapannadandābhinnāpuggala*” – *Đôn Tuệ Nọa Trí (Đôn Căn).*)

Tuy nhiên với người “*Tikkhapannabhippābhinnāpuggala*” – *Lợi Tuệ Cấp Trí (Lợi Căn)* thì không có sát na Tâm *Parikamma – Chuẩn Bị.*

Hành Giả tiến tu *Chỉ Nghiệp Xứ* có *Địa biến xứ*, v.v, khi gần sắp đến chứng đắc Thiền, thì bất luận một loại “*Pannattipatibhāganimitta – Quang Tướng Chế Định*” nào mà Hành Giả đã có được tiến tu và hiện bày theo Lộ Ý Môn, do đó Tâm Hữu Phần sanh khởi hai sát na, gọi tên là Hữu Phần Rúng Động, và Hữu Phần Dứt Dòng rồi diệt.

Tiếp nối là một sát na Tâm Khai Ý Môn sanh khởi tiếp thu Quang Tướng Chế Định rồi diệt.

Tuần tự bất luận một trong những Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hay Đồng Lực Duy Tác Tương Ứng Trí sanh khởi bốn sát na (người Đôn Căn) hay ba sát na (người Lợi Căn) tiếp thu Quang Tướng Chế Định ở các vị trí như sau:

- *Parikamma – Chuẩn Bị,*
- *Upacāra – Cận Hành,*
- *Anuloma – Thuận Tòng,*
- *Gotrabhū – Chuyển Tộc,* rồi cũng diệt.

Tiếp theo, là *Jhānakusala – Thiện Thiền* hay *Jhānakiriyā – Duy Tác Thiền*, sanh khởi một sát na tiếp thu Quang Tướng Chế Định, được gọi tên là “*Appanāsamādhijavana – Đồng Lực Kiên Cố Định*” rồi cũng diệt.

Kế tiếp, Tâm Hữu Phần lại tiếp tục sanh khởi, sau đó là Lộ Trình Ý Môn có Đồng Lực Đại Thiện hay Đồng Lực Đại Duy Tác thường sanh khởi làm nhiệm vụ ở vị trí là “*Paccavekkhanavithi – Lộ Trình Phán Khán*” là quán sát chi Thiền có Tầm, v.v., sanh khởi nhiều vòng Lộ Trình Tâm vừa theo thích hợp.

Tiếp theo, trình bày diễn tiến sanh khởi Lộ Trình Nhập Thiền của Đôn Căn Hành Giả.

Người phúc lộc Thiền trước khi nhập Định có được lập tâm kỳ nguyện rằng Sơ Thiền (hoặc Nhị Thiền, Tam Thiền, v.v, tùy theo sự sở nguyện) mà tôi đã có được chứng đắc, xin hãy phát sanh đến với tôi suốt thời gian một giờ đồng hồ (hoặc 2 hay 3 giờ tùy theo mong cầu) rồi thì thẩm thị *Quang Tướng* của Nghiệp Xứ đó cùng với sát na “*Chuyển Bị*” rằng “*Pathavi – Địa, Pathavi – Địa*”, v.v, hoặc “*Tejo – Hỏa, Tejo – Hỏa*”, v.v, hoặc “*Sabbe sattà pàṇa averà hontu – Tất cả chúng sanh hữu tình đừng có oan trái lẫn nhau*” hoặc “*Uddhumàtakamvirūlakam – Sinh chướng lên xanh sẫm đen*” (thuộc *Àsubhasannā – Tướng Bất Tịnh*) v.v, tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân đã dùng tiến tu; trước khi Tâm Thiền sẽ sanh khởi thì có hai sát na Tâm Hữu Phần chuyển động sanh khởi, được gọi tên là Hữu Phần Rúng Động, và Hữu Phần Dứt Dòng rồi diệt mất.

Tiếp nối, Tâm Khai Ý Môn sanh khởi tiếp thâm cảnh *Quang Tướng* rồi cũng diệt. Tuân tự, bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hay Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sanh khởi bốn sát na (theo người Đôn Căn) hay ba sát na (theo người Lợi Căn) tiếp thâm *Quang Tướng* ở các vị trí *Chuyển Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc* (hoặc là *Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc*) rồi cũng diệt mất.

Sau đó, vô số Tâm Thiền sanh khởi liên tục suốt thời gian mà đã có kỳ nguyện, khi tròn đủ hạn định thời gian theo như đã có kỳ nguyện ấn định, rồi thì Tâm Hữu Phần lại sanh khởi, theo sau là Lộ Trình Phán Khán sanh khởi vừa theo thích hợp.

Ghi chú:

1. *Parikamma – Chuẩn Bị*: là sát na chuẩn bị, hay sơ khởi.
2. *Upacàra – Cận Hành*: là sát na gần kề, cận định, bởi vì nó đến kề cận bên trạng thái nhập định
3. *Anuloma – Thuận Tùng*: là sát na khởi sanh tương hợp thuận chiều, và hội đủ điều kiện để cuối cùng đạt đến nhập định (*Appanā*).
4. *Gotrabhū – Chuyển Tộc*: là sát na tâm vượt thoát khỏi phạm vi Dục Giới. Từ ngữ “*Gotrabhū*” với nghĩa “*Gotra – huyết thống phàm phu*” và “*bhū – làm việc chế ngự*”.

Tất cả những sát na tâm của dòng Tâm Đồng Lực, kể từ phát khởi cho đến sát na Chuyển Tộc, đều thuộc Dục Giới. Ngay sau đó, một sát na Tâm Chuyển Tộc duy nhất, kế liền phát sanh một sát na Nhập Định (*Appanā*), dẫn ngay vào Thiền

(*Jhàna*). Tâm này thuộc Sắc Giới, và được gọi là Tâm Thiện Sơ Thiền Sắc Giới. Đối với bậc Alahán, gọi là Tâm Duy Tác Sắc Giới. Tâm này chỉ tồn tại trong một sát na, rồi trở lại Tâm Hữu Phần.

Tâm Thiện Thiên (*Kusala Jhàna*) và Tâm Duy Tác Thiên (*Kiriya Jhàna*) được chứng nghiệm ngay trong Cõi Dục Giới, tùy theo sự sở nguyện, lâu dài tùy thích hợp.

Một cách tương tự, Hành Giả tiếp tục chuyên chú gom tâm và phát triển các tầng Thiền cao hơn, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Ngũ Thiền.

Năm Tâm Dị Thục Quả Thiền (*Jhàna Vipàka*) là kết quả tương ứng với năm Tâm Thiện Thiên, và làm nhiệm vụ tử và tái tục vào Cõi Sắc Giới.

Giải thích chi tiết về năm chi Thiền: Tâm (*Vitakka*), Tứ (*Vicàra*), Hỷ (*Pīti*), Lạc (*Sukha*), Nhất Thống (*Ekaggata*).

- * Với tầng Sơ Thiền, hội đủ cả năm chi Thiền, Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Thống.
- * Với tầng Nhị Thiền, loại khỏi chi Thiền Tầm, chỉ còn bốn chi, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.
- * Với tầng Tam Thiền, loại khỏi hai chi Thiền là Tầm và Tứ, chỉ còn ba chi, Hỷ, Lạc và Nhất Thống.
- * Với tầng Tứ Thiền, loại khỏi ba chi Thiền là Tầm, Tứ và Hỷ, chỉ còn hai chi, Lạc và Nhất Thống.
- * Với tầng Ngũ Thiền, loại cả bốn chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ và Lạc, chỉ còn hai chi là Xả và Nhất Thống.

Cũng cần nên biết, trong *Kinh Tạng* (*Sutta Pitaka*) và trong bộ sách chú giải *Thanh Tịnh Đạo* (*Visuddhi Magga*) **chỉ ghi nhận có bốn tầng Thiền, từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền**. Trong trường hợp này, tầng Nhị Thiền chỉ có ba chi là Hỷ, Lạc và Nhất Thống, loại khỏi hai chi Thiền đầu tiên, là Tầm và Tứ.

Chú giải:

1. Từ ngữ “*Vitakka – Tầm*”.

Xuất nguyên từ “*Vi*” + căn “*Takk*”, có nghĩa là khảo lự (tư duy và tầm kiếm). Từ ngữ này được hiểu nghĩa là suy tư, nghĩ ngợi, hay suy gẫm. Đây là một chi Pháp bao hàm nhiều ý nghĩa đặc biệt và quan trọng.

Có chú giải Pàli như sau:

“*Vitakkanam = Vitakka*” Tìm kiếm cảnh gọi là *Tầm*.

Hoặc là “*Àrammanam vitakketi sampayuttadhamme abhiniropeti*” *ti vitakko* – Pháp dắt dẫn Pháp tương ưng đi đến cảnh, và khảo lự (tư duy và tầm kiếm) với cảnh, gọi là *Tầm*.

Ví như, con ong bay tìm kiếm và hướng đến hoa, cùng thể ấy, *Vitakka – Tầm*, hướng dẫn Tâm đi đến đề mục.

Là một Tâm Sở trung tính (*Cetasika*), khi phối hợp với Tâm Thiện, sẽ là Thiện; và khi phối hợp với Tâm Bất Thiện, sẽ là Bất Thiện.

Tại đây, chi Thiền Tầm là một hình thức phát triển khá cao của Tâm Sở Tầm, và tạm thời chế ngự và khắc phục trạng thái của *Hôn Trầm Thụy Miên (Thina – Middha)*, một trong năm Pháp Triền Cái (*Nivarana*).

Phát triển cao hơn nữa, *Vitakka – Tầm* được gọi là *Sammā Sankappa – Chánh Tư Duy*, thuộc Đạo Tâm (*Magga Citta*) và đưa các Tâm Sở đến Đạo Quả - Níp Bàn, và tiêu diệt *Micchā Vitakka – Tà Tư Duy*, gồm có: *Tham Dục (Kāma)*, *Oán Hận (Vyāpāda)* và *Thô Ác (Vihimsā)*.

Do nhờ chuyên chú liên tục tu tập, Hành Giả đạt đến tầng Nhị Thiền bằng cách loại khỏi chi Thiền Tầm.

2. Từ ngữ “*Vicàra – Tứ*”.

Xuất nguyên từ “*Vi*” + căn “*Car*”, có nghĩa là di chuyển, quanh quẩn bất định. Từ ngữ này được hiểu nghĩa là quán sát, dò xét.

Có chú giải Pàli như sau:

“*Vicarānam = Vicāro*” *Kèm giữ cảnh, gọi là Tứ.*

Hoặc là “*Vicàra – Tứ*”, là Pháp có việc dò xét phủ lấy cảnh, quán sát quanh quẩn đối tượng. Ví như, con ong bay lượn quanh quẩn dò xét lấy hoa, cùng thể ấy, *Vicàra – Tứ*, dò xét, quán sát quanh quẩn đối tượng.

Là một Tâm Sở trung tính, khi phối hợp với Tâm Thiện, sẽ là Thiện; và khi phối hợp với Tâm Bất Thiện, sẽ là Bất Thiện.

Tại đây, chi Thiền Tứ hướng dẫn Tâm liên tục quán sát vào đề mục, và tạm thời chế ngự và khắc phục trạng thái của *Hoài Nghi (Vicikicchā)*, một trong năm Pháp Triền Cái.

Hai chi Thiền Tầm và Tứ có sự liên hệ rất mật thiết với nhau, và hỗ trợ rất hữu ích cho những Hành Giả sơ cơ bước đầu vào sự tu tập Thiền Chỉ.

3. Từ ngữ “*Pīti – Hỷ*”.

Xuất nguyên từ “*Pi*”, có nghĩa là hân hoan, vui thích.

Từ ngữ này được hiểu nghĩa là hứng thú, hân hoan, vui thích.

Có chú giải Pàli như sau:

“*Pinayapīti = Pinayo*” *No nê vui thích với cảnh, gọi là Hỷ.*

Hoặc là “*Pīti – Hỷ*”, là Pháp có sự hân hoan, vui thích trong cảnh.

Nhưng *Pīti – Hỷ*, không phải là một cảm thọ (*Vedanā*) như *Sukha – Lạc Thọ*.

Tuy nhiên, *Pīti – Hỷ*, là một Tâm Sở đến trước, và trong khi sanh khởi, báo hiệu sắp có *Sukha – Lạc thọ*, khởi sanh.

Là một Tâm Sở trung tính, khi phối hợp với Tâm Thiện, sẽ là Thiện; và khi phối hợp với Tâm Bất Thiện, sẽ là Bất Thiện.

Tại đây, chi Thiền Hỷ tạo cho Tâm có sự vui thích no nê với đề mục, và tạm thời chế ngự và khắc phục trạng thái của Oán Hận (*Vyàpàda*), một trong năm Pháp Triền Cái.

Cũng nên biết rằng, *Pìti – Hỷ*, có năm loại là:

- * *Tiểu Đản Hỷ (Khuddaka Pìti)*: sự vui mừng làm rung mình, rớn ốc, hay nổi da gà.
- * *Sát Na Hỷ (Khanika Pìti)*: sự vui mừng thoáng qua một cách mau lẹ, như trời chớp.
- * *Hải Triều Hỷ (Okkantika Pìti)*: sự vui mừng tràn ngập, như sóng tạt vào bờ, sóng biển trườn lên bãi.
- * *Khinh Thân Hỷ (Ubbega Pìti)*: sự vui mừng thanh thoát với cảm giác nhẹ nhàng, bay bổng lên cao.
- * *Sung Mãn Hỷ (Pharana Pìti)*: sự vui mừng thấm nhuần khắp toàn châu thân, như nước lũ tràn ngập các ao hồ.

4. Từ ngữ “*Sukha – Lạc*”.

Là một loại cảm thọ, an vui và phi lạc. Đặc tánh của *Sukha – Lạc* là hưởng thụ phi lạc điều ưa thích, đắm chìm trong sự vui say thỏa thích ngập tràn. Với chi Thiền *Pìti – Hỷ* tạo cho Hành Giả có sự vui thích hứng thú trong đề mục, và chi Thiền *Sukha – Lạc* trợ giúp Hành Giả phi lạc an tịnh trong đề mục. Trạng thái vui thích thọ hưởng lấy cảnh của *Pìti – Hỷ*, cũng ví như lũ khách mệt mỏi vui mừng khi thấy có bóng cây và ao nước giữa bãi sa mạc khô cháy.

Hành Giả được uống những ngụm nước ngọt và ngâm mình trong ao nước mát, cũng ví như trạng thái phi lạc an tịnh của *Sukha – Lạc* trong đề mục. Là một trạng thái phi lạc của tinh thần, không phải là thỏa thích trong vật chất. Từ ngữ *Sukha – Lạc* đồng nghĩa với từ ngữ *Somanassa – Hỷ Duyệt*, vui thích đẹp lòng. Sự an lạc của đắc Định nhập Thiền, quả nhiên, an lạc hơn sự vui say thỏa thích thú vui vật chất thế gian (*Niràmisa Sukha*).

Hạnh phúc Níp Bàn lại càng tế nhị hơn và cao quý hơn hạnh phúc của Phúc Lộc Thiền, là do bởi hoàn toàn thoát khỏi trọn vẹn mọi khổ đau của cuộc đời (*Dukkhapasama*).

Một cách tương tự, chi Thiền *Vitakka – Tầm* sanh khởi trước và báo hiệu sẽ có chi Thiền *Vicàra – Tư* sắp khởi sanh.

Và như thế, chi Thiền *Pìti – Hỷ* khởi sanh và báo hiệu chi Thiền *Sukha – Lạc* sắp hiện bày. Tại đây, chi Thiền Lạc tạo cho Hành Giả an tịnh phi lạc trong đề mục, và tạm thời chế ngự và khắc phục trạng thái của *Trạo Cử – Hối Hận (Uddhacca – Kukkucca)*.

5. Từ ngữ “*Upekkhà – Xả*”.

Đúng theo ngữ nguyên, *Upekkhà* là thấy (*ikkhati*) một cách vô tư (*upa = yuttito*). Là trạng thái nhìn đối tượng một cách坦然 quân bình.

Trong bộ chú giải **ATTHASĀLINI** có giải thích:

“*Là một trạng thái vô tư (majjattam) liên quan đến đối tượng, và bao hàm một sự liễu tri tường tận (paricchindanakam nānam)*”.

Tại đây, chi Thiền Xả có đặc tính rất quan trọng, chắc chắn đây không phải một cảm thọ vô ký thông thường. Chi Thiền Xả (*Jhāna Upekkhà*) được phát triển do một ý chí mạnh mẽ của Hành Giả, một khi nhận định rằng chi Thiền Lạc vẫn còn thô thiền, loại bỏ hẳn chi Thiền này cũng tương tự như ba chi Thiền đầu tiên đã được loại bỏ.

Hành Giả cố gắng trau dồi và phát triển chi Thiền *Upekkhà - Xả*, vi tế và khinh an tịnh lạc hơn, chứng đạt tầng Ngũ Thiền, hơi thở nhẹ nhàng ngưng nhịp, đã vượt lên cả hai – đau khổ và thỏa thích, Hành Giả không còn cảm thọ đau đớn.

Chi Thiền Xả là một hình thức vi tế của Tâm Sở *Tatramajjhataṭṭa – Trung Gian*, bình thân và quân bình, một trong những Tâm Sở luôn phối hợp với những Tâm Tịnh Hảo (*Sobhana Citta*).

Trong câu Pāli “*Upekkhà satipārisuddhi – Xả Tịnh Niệm*” sự thanh tịnh của tâm niệm khởi sanh, bởi do trạng thái bình thân (*Upekkhà*), được nói đến là Tâm Sở Trung Gian. Tâm Sở này luôn hiện hữu trong bốn tầng Thiền đầu, và khi đến tầng Ngũ Thiền, sanh khởi mạnh và đứng hàng chủ vị một cách vi tế. Từ ngữ *Upekkhà* bao hàm cả hai ý nghĩa, Xả thọ Vô Ký (*Upekkhà vedanā*) và trạng thái quân bình坦然 nhiên (*Xả - Upekkhà*), đều nằm ở trong Ngũ Thiền.

Cũng nên biết rằng, có bốn loại *Upekkhà – Xả*, như sau:

* Thọ Vô Ký suông, là một cảm thọ tương ứng với sáu Tâm Bất Thiện (*Akusala Citta* – 4 Tâm căn Tham Xả thọ, và 2 Tâm căn Si).

* Thọ Vô Ký tiêu cực (*Anubhavana Upekkhà*) phối hợp với tám Tâm căn Môn Vô Nhân (*Ahetuka dvipancavinnāna* – Ngũ Song Thức Vô Nhân – Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt) là những Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân liên hệ với từng đôi Thức, bao gồm cả Thiện và Bất Thiện.

* *Upekkhà – Xả*, có đặc tính tri thức, luôn phối hợp với hai Tâm Duy Tác Tịnh Hảo (*Sobhana Kriyā Citta*), và hai Tâm Thiện Tịnh Hảo (*Sobhana Kusala Citta*), câu hành Hỷ tương ứng Trí.

* *Upekkhà* – *Xả*, có đặc tính đạo đức phối hợp với tất cả Tâm Tịnh Hảo (*Sobhana Citta*), đặc biệt ở trong Ngũ Thiên.

Với hai Pháp cao thượng, *Brahmavihàrupekkhà* – *Xả Phạm Trú* và *Sankhàrupekkhà* – *Hành Xả*, bao hàm cả hai loại – trí thức và đạo đức, của *Upekkhà* – *Xả*.

Với *Xả Phạm Trú*, thuộc Tứ Vô Lượng, là trạng thái bình thản, không chao động, quân bình, trước những thăng trầm của Bát Phong trong đời sống.

Với *Hành Xả*, một trạng thái không ưa cũng không ghét, không luyến ái cũng không bắt toại nguyện, đối với tất cả Pháp Hữu Vi.

6. Từ ngữ “*Ekaggata* – *Nhất Thống*”.

Xuất nguyên từ “*Eka + Agga + Tā*” có ý nghĩa là một điểm duy nhất, hay nhất điểm tâm. Là một Tâm Sở có trạng thái gom tâm an trụ vào một điểm, là Pháp an tịnh và cho Pháp Tương Ứng hiện diện trong một cảnh duy nhất. Tại đây, chỉ Thiền Nhất Thống có đặc tính giúp Tâm của Hành Giả được an trụ khấn khít vào đề mục, và tạm thời chế ngự và khắc phục *Tham Dục Triền Cái* (*Kāma Nivaraṇa*).

Tổng kết, có tất cả 15 Tâm Sắc Giới, bao gồm 5 Tâm Thiền Sắc Giới mà ta có thể trau dồi tu tập ngay trong kiếp sống này.

Năm Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới tương ứng với năm Tâm Thiền mà Hành Giả sẽ thụ hưởng sau khi tử trong Cõi Dục Giới, và tái tục về Cõi Sắc Giới.

Năm Tâm Duy Tác Sắc Giới, riêng biệt chỉ dành cho Đức Phật và chư vị Alahán chứng nghiệm trong kiếp hiện tại, hoặc chư vị Alahán trú ngụ trong Cõi Sắc Giới.

Với những bậc hiền trí vui thích tu tập hành Thiền, nỗ lực chuyên tu chứng đạt các tầng Thiền, sẽ có hai Cõi Giới đi tới cho những Hành Giả thành đạt, Cõi Sắc Giới (*Rūpavacara*) và Cõi Vô Sắc Giới (*Arūpavacara*).

Trong các Cõi Vô Sắc, không có xác thân vật chất, mà chỉ có Danh Pháp duy nhất. Lễ thường, Danh và Sắc, liên quan mật thiết và không thể tách rời nhau. Tuy nhiên, bởi do năng lực ý chí và tu tập, làm cho Danh Pháp tách rời ra khỏi Sắc Pháp. Hạng Phạm Thiên Sắc Giới được biết có sắc thân vô cùng vi tế.

Trong phần chú giải có trình bày: “Gọi là Sắc Giới (*Rūpaloka*) là vì vẫn còn Sắc Pháp vi tế. Tuy nhiên, ở phần Vô Sắc Giới (*Arūpaloka*), hoàn toàn tuyệt nhiên, không còn sự hiện hữu của Sắc Pháp”.

Câu hỏi gợi ý trong phần “*Tâm Sắc Giới*”.

1/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của những Tâm sau đây: Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Nhân, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, Tâm Bất Thiền.

Đáp: Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurùpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarùpa)*. Tâm tu tập đề mục Thiền còn Sắc Pháp.

Tâm Vô Nhân là Tâm sanh khởi không có một trong sáu Nhân Tương Ứng phối hợp. (Sáu Nhân Tương Ứng là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si). Tâm Vô Nhân là thuộc phần Vô Ký (Quả và Duy Tác) sanh khởi một cách máy móc, tiếp thu Cảnh, và không để lại hậu quả của sự tiếp thu Cảnh.

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Dục (Vatthukàma)* và *Phiền Não Dục (Kilesakàma)*, sanh khởi phối hợp với Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm làm việc Thiền nương sanh trong Cõi Dục Giới.

Tâm Bất Thiện là Tâm tạo tội lỗi và cho quả khổ đau, hoặc là Tâm kết hợp với Tâm Sở Bất Thiện.

Có tất cả 12 thứ Tâm Bất Thiện, gồm 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si.

2/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Thiền nào Câu Hành Hỷ, tính từ Tâm Sơ Thiền đến Tâm Tứ Thiền?*

Đáp: Đó là: Tâm Sơ Thiền hội đủ năm chi Thiền, Tâm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Nhị Thiền có bốn chi Thiền, Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Tam Thiền có ba chi Thiền, Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

3/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Thiền nào có hai chi Thiền, có ba chi Thiền?*

Đáp: Tâm Tứ Thiền có hai chi Thiền là Lạc và Nhất Thống.

Tâm Ngũ Thiền có hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống.

Tâm Tam Thiền có ba chi Thiền là Hỷ, Lạc và Nhất Thống.

4/ Hỏi: *Có bao nhiêu Tâm Sắc Giới? Có bao nhiêu Tâm Thiền Sắc Giới? Có bao nhiêu Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới? Có bao nhiêu Tâm Duy Tác Sắc Giới?*

Đáp: Có 15 Tâm Sắc Giới.

Có 5 Tâm Thiền Sắc Giới. Có 5 Tâm Quả Sắc Giới. Có 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới.

5/ Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa của Tâm Sắc Giới.*

Đáp: Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurùpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarùpa)*.

Tâm tu tập đề mục Thiền còn Sắc Pháp.

6/ Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa hai loại Tâm, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo và Tâm Sắc Giới. Hãy cho biết số lượng Tâm ở cả hai phần Tâm đó.*

Đáp: - Sự khác biệt giữa hai loại Tâm, Tâm Dục Giới Tịnh Hảo và Tâm Sắc Giới, là:

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Dục (Vatthukàma)* và *Phiền Não Dục (Kilesakàma)*, sanh khởi phối hợp với Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm làm việc Thiện nung sanh trong Cõi Dục Giới. Có 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vật Sắc (Vatthurūpa)* và *Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)*.

Tâm tu tập đề mục Thiền còn Sắc Pháp.

Có 15 Tâm Sắc Giới.

7/ Hỏi: *Có bao nhiêu tầng Thiền, nếu tính theo Tạng Abhidhamma, và nếu tính theo Tạng Kinh và bộ chú giải Visuddhi Magga?*

Đáp: Nếu tính theo Tạng Abhidhamma thì có năm tầng Thiền.

Nếu tính theo Tạng Kinh và bộ chú giải Visuddhi Magga thì có bốn tầng Thiền.

8/ Hỏi: *Hãy trình bày, do nguyên nhân nào, có sự khác biệt giữa hai trường hợp trên.*

Đáp: Nguyên nhân có sự khác biệt giữa hai trường hợp trên, là vì:

Tạng Abhidhamma tính theo chi Thiền nên mới có năm tầng Thiền.

Tạng Kinh và bộ chú giải Visuddhi Magga tính theo Cõi Thiền Sắc Giới nên mới có bốn tầng Thiền.

9/ Hỏi: *Có bao nhiêu chi Thiền trong từng mỗi tầng Thiền Sắc Giới, có Sơ Thiền, v.v.?*

Đáp: Tầng Sơ Thiền Sắc Giới có năm chi Thiền, là Tầm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Nhị Thiền Sắc Giới có bốn chi Thiền, là Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Tam Thiền Sắc Giới có ba chi Thiền, là Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tầng Tứ Thiền Sắc Giới có hai chi Thiền, là Lạc - Nhất Thống.

Tầng Ngũ Thiền Sắc Giới có hai chi Thiền, là Xả - Nhất Thống.

10/ Hỏi: *Trong việc tu tập (Bhàvanà) có bao nhiêu phương cách? Và ý nghĩa của từng mỗi phương cách tu tập đem lại kết quả ra sao?*

Đáp: Có hai phương hướng để tu tập (Bhàvanà), là:

(1) – Samatha: Thiền Chỉ. Hành Giả tiến tu theo Thiền Chỉ, thúc liễm thân tâm an tịnh, tĩnh lặng.

Với phương cách này để trau dồi và thành đạt các tầng Thiền, qua đó, Hành Giả có thể phát triển những năng lực thần thông do bởi Thắng Trí.

Đến khi thân hoại mạng chung, không bị hoại Thiền mà đã chứng đắc, thì Hành Giả sẽ được tục sinh vào các Cõi Tầng Thiền (Sắc Giới và Vô Sắc Giới) hưởng phước lạc Thiền.

(2) – *Vipassanà*: Thiền Quán. Hành Giả phát triển Tuệ Quán, thấy đúng chân thực tướng của tất cả các Pháp theo Vô Thường - Khổ Đau - Vô Ngã, chứng ngộ Đạo Quả và Níp Bàn.

11/ *Hỏi*: *Hãy trình bày phần nghịch nghĩa của những chi Thiền, như chi Thiền Tầm, v.v.*

Đáp: Chi Thiền Tầm chế ngự và khắc phục trạng thái Hôn Trầm Thùy Miên.
Chi Thiền Tứ chế ngự và khắc phục trạng thái Hoài Nghi.
Chi Thiền Hỷ chế ngự và khắc phục trạng thái Sân Hận.
Chi Thiền Lạc chế ngự và khắc phục trạng thái Trạo Cử - Hối Hận.
Chi Thiền Nhất Thống chế ngự và khắc phục trạng thái Tham Dục.

-----00000-----

12 ARÙPÀVACARACITTA – 12 TÂM VÔ SẮC GIỚI

*Ālambanappabhedena Catudhàruppàmanasam
Punnappàkkriyàbheda Puna dvādasadhā thitam.*

Tâm Vô Sắc Giới khi phân chia theo Cảnh thì có bốn loại; khi phân tích theo Thiện, Quả, Dục Tác, thời có mười hai thứ.

Câu kệ trên trình bày tất cả Tâm đã được phân chia theo Giống, và tổng kết lại, gọi là Tâm Vô Sắc Giới. Nơi gọi là Tâm Vô Sắc Giới, do bởi 12 cái Tâm này, phần đa số du hành sinh hoạt trong Địa Giới thuộc sản địa của “*VatthuArùpa – Vật Vô Sắc*”, và “*KilesaArùpa – Phiền Nảo Vô Sắc*”.

- Vật Vô Sắc là 12 Tâm Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.
- Phiền Nảo Vô Sắc là Ái Vô Sắc và Hữu Vô Sắc.

Như có Chú Giải Pàli trình bày như sau:

“*Arùpassa bhavoti = Arùpam*”- Địa Giới nào là sản địa của Vật Vô Sắc và Phiền Nảo Vô Sắc, như thế Địa Giới đó, gọi là Vô Sắc Giới, là bốn Vô Sắc Địa Giới.

“*Arùpe avacaratiti = Arùpàvacararam*”- Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Địa Giới là sản địa của Vật Vô Sắc và Phiền Nảo Vô Sắc, như thế gọi là Tâm Vô Sắc Giới.

Có tất cả mười hai Tâm Vô Sắc Giới (*Arùpavacaracitta*) được trình bày theo phần Pàli như sau:

1. *Upekkhàekaggatàsahitam Ākàsànancàyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam* Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

2. *Upekkhàekaggatàsahitam Vinnànancàyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam* - Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

3. *Upekkhàekaggatàsahitam Ākincannàyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam* – Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

4. *Upekkhàekaggatàsahitam Nevasannànāsannàyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam* – Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

Cũng tương tự với 15 Tâm Sắc Giới (*Rùpavacaracitta*) như đã được trình bày ở phần trên, 12 Tâm Vô Sắc Giới (*Arùpavacaracitta*) cũng có những đặc tính tương tự.

Những Tâm thường luôn sinh hoạt trong Cõi Vô Sắc Giới (*Arùpaloka*) được gọi là Tâm Vô Sắc Giới (*Arùpavacaracitta*).

Có tất cả 12 Tâm, gồm:

- bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới mà Hành Giả có thể trau dồi và phát triển ngay trong kiếp hiện tại này,
- bốn Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới tương ứng với bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới mà Hành Giả sẽ thọ hưởng sau khi chết,
- và bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán ngay trong kiếp sống này.

Cũng cần nên biết, năm tầng Thiền Sắc Giới có sự khác biệt nhau do các chi Thiền, có chi Tâm, chi Tứ, v.v.

Bốn tầng Thiền Vô Sắc Giới có sự khác biệt nhau về các đề mục.

Tuy nhiên, Tâm Vô Sắc Giới có điểm khác biệt với Tâm Sắc Giới, là chỉ dành riêng cho những Hành Giả đã chứng đắc Ngũ Thiền Sắc Giới, chỉ có hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống, chuyên tâm nỗ lực với những đề mục thuần Danh Pháp, không còn Sắc Pháp.

Do năng lực của ý chí, chỉ có Tâm tồn tại trong những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có thể tách rời Danh ra khỏi Sắc.

Với Hành Giả đã từng có phát triển ở tầng Ngũ Thiền Sắc Giới (*Rùpajhàna*) và muốn trau dồi Thiền Vô Sắc, chuyên chú Tâm vào Quang Tướng (*Patibhàga Nimitta*) của đề mục Hư Không (*Àkàsa kasina*) đã có trong thời gian tu tập lúc trước.

Hành Giả chú mục vào một đốm ánh sáng nhỏ trong Tâm Thức, và duy trì Quang Tướng này cho được lâu dài.

Tiếp tục như thế, Hành Giả khởi nguyện cho ánh sáng này lớn dần lên cho đến khi bao trùm toàn thể không gian.

Không gian đầy ánh sáng này quả không có thực, không phải là một Siêu Lý Đế (*Paramattha Sacca*), mà chỉ là một Chế Định (*Pannatti* – thuộc Tục Đế (*Sammuti Sacca*)).

Từ ngữ Pàli được nói đến là “*Kasinugghàtimākāsa – Hư Không phát triển với đề mục Hoàn Tịnh (Kasina)*”.

Chú Tâm vào đề mục này không gián đoạn, hành giả niệm “*Àkāso ananto – Hư Không vô lượng vô biên*” cho đến chứng đạt tầng Thiền Vô Sắc Giới đầu tiên – “*Àkàsānancāyatana – Không Vô Biên Xứ*” với hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống.

Tương tự với tầng Thiền Sắc Giới, tiến trình tư tưởng (Lộ Trình Tâm) của hành giả tu tập Thiền Vô sắc Giới, diễn tiến như sau:

- *Manodvārāvajjana* – Khai ý Môn,
- *Parikamma* – Chuẩn Bị (với Độn Căn hành giả),
- *Upacāra* - Cận Hành,
- *Anuloma* – Thuận Tòng,
- *Gotrabhū* – Chuyển Tộc,
- *Àkàsānancāyatana* - Không Vô Biên Xứ,
- *Bhavanga* – Hữu Phần.

Sát na Tâm Chuẩn Bị (*Parikamma*) có thể không sanh khởi với Lợi Căn hành giả.

Hành giả tiếp tục tu tập, khẩn khít vào tầng Sơ Thiền Vô Sắc Giới, và nhận thức rằng “*chính Tâm Thức quả là vô lượng vô biên – Vinnānam anantam*”, phủ nhận vào đề mục của tầng Sơ Thiền “Không Vô Biên Xứ”, phát triển chú tâm vào đề mục “*Thức Vô Biên Xứ - Vinnānancāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Nhị Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Siêu Lý Đế (Paramattha sacca)*.

Để phát triển tầng Tam Thiền Vô Sắc Giới, hành giả lấy đề mục của tầng Sơ Thiền là “Không Vô Biên Xứ” và nhận thức rằng “*Không có chi, không có gì cả - Natthi kinci*” phát triển chú tâm vào đề mục “*Vô Sở Hữu Xứ - Ākincannāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Tam Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Chế Định (Pannatti)*.

Cuối cùng là tầng Tứ Thiền Vô Sắc Giới được phát triển bằng cách lấy đề mục của Tam Thiền Vô Sắc Giới làm đối tượng.

Với đề mục “*Vô Sở Hữu Xứ*” rất là vi tế và khó nhận định quả quyết về Tâm hiện hữu hay không hiện hữu. Chú tâm vào đề mục này, hành giả nhận thức rằng “*Chẳng phải Tưởng như vậy, và cũng chẳng phải chẳng phải Tưởng như vậy, quả thật là vắng lặng, quả thật là tối thượng – Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ – Nevasanna n’asannāyatana*” cho đến chứng đạt tầng Tứ Thiền Vô Sắc Giới, với đề mục thuộc *Siêu Lý Đế (Paramattha Sacca)*.

Ghi chú:

1. Hai Tâm Sơ Thiền và Tam Thiền lấy đề mục *Chế Định (Pannatti)* làm đối tượng, về tánh cách vô lượng vô biên của Hư Không, và khái niệm về Hư Vô.
2. Hai Tâm Nhị Thiền và Tứ Thiền lấy đề mục *Siêu Lý Đế (Paramattha sacca)* làm đối tượng, về tánh cách vô lượng vô biên của Tâm Thức.
3. Tâm Nhị Thiền lấy Tâm Sơ Thiền làm đề mục, và Tứ Thiền lấy Tam Thiền làm đề mục, bằng cách phủ nhận cái đề mục cũ, và tiến tu đề mục mới. (*Phủ nhận đề mục “Không Vô Biên Xứ” rồi tiến tu đề mục “Thức Vô Biên Xứ”*).

Bốn Tâm Thiền Vô Sắc Giới có bốn Tâm Dị Thục Quả tương ứng ở trong Cõi Vô Sắc Giới. Với bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới chỉ hiện hành với Đức Phật và chư vị Alahán. Trong tất cả mười hai Tâm Thiền Vô Sắc Giới chỉ có hai chi Thiền là *Xả (Upekkhā)* và *Nhất Thống (Ekaggata)*, tương tự với Ngũ Thiền Sắc Giới.

27 MAHAGGACITTA – 27 TÂM ĐÁO ĐẠI

Khi kết hợp 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới lại, gọi là Tâm Đáo Đại. Gọi là Tâm Đáo Đại, do bởi những Tâm này du hành đến chỗ rộng lớn và đặc biệt.

Có Chú Giải Pàli trình bày như sau:

“*Mahantam gatoti = Mahaggato*” - Tâm thường nào đi đến chỗ rộng lớn và đặc biệt, như thế Tâm đó gọi là Tâm Đáo Đại.

81 LOKIYACITTA – 81 TÂM HIỆP THẾ

Khi kết hợp 54 Tâm Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại lại, gọi là 81 Tâm Hiệp Thế. Gọi là Tâm Hiệp Thế, do bởi những Tâm này thường ở trong Tam Giới, là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

Có Chú Giải Pàli trình bày như sau:

“*Loke niyuttati = Lokiyà*” - Những Pháp nào thường kết hợp ở trong Tam Giới, như thế những Pháp ấy gọi là Hiệp Thế.

40 LOKUTTARACITTA – 40 TÂM SIÊU THẾ

Chú Giải: Từ ngữ “*Lokuttara – Siêu Thế*”, khi chia ra thành hai từ ngữ là “*Loka + Uttara*”.

Với “*Loka – Thế gian*” có nghĩa “*Pancupàdanakkhandha – Chấp thủ ngũ uẩn*” là năm nhóm của sự luyến ái.

Với “*Uttara – Vượt thoát khỏi*”.

Như vậy, “*Lokuttara – Siêu Thế*” là Pháp vượt thoát khỏi trạng thái chấp thủ ngũ uẩn.

Từ ngữ này chỉ áp dụng một cách chính xác cho Bốn Đạo.

Các Quả được gọi là *Lokuttara* vì đã vượt thoát khỏi hắc thế gian chấp thủ ngũ uẩn.

5 Sotàpattimaggacitta - 5 Tâm Đạo Thất Lai, 5 Sotàpattiphalacitta – 5 Tâm Quả Thất lai là:

1. *Vitakkavicàrapàtisukhaekaggatàsahitam pathamajjhàna sotàpattimaggacitta, sotàpattiphalacitta – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai Sơ Thiền câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Quả Thất Lai Sơ Thiền cùng sanh với năm chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. *Vicàrapàtisukhaekaggatàsahitam dutiyajjhàna sotàpattimaggacitta, sotàpattiphalacitta – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai Nhị Thiền câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Quả Thất Lai Nhị Thiên cùng sanh với bốn chi Thiên là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. *Pītisukhaekaggatāsahitam tatiyajjhāna sotāpattimaggacitta, sotāpattiphalacitta* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai Tam Thiên câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Quả Thất Lai Tam Thiên cùng sanh với ba chi Thiên là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. *Sukhaekaggatāsahitam catutthajjhāna sotāpattimaggacitta, sotāpattiphalacitta* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai Tứ Thiên câu hành Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Quả Thất Lai Tứ Thiên cùng sanh với hai chi Thiên là Lạc, Nhất Thống.

5. *Upekkhāekaggatāsahitam pancamajjhāna sotāpattimaggacitta, sotāpattiphalacitta* – Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai Ngũ Thiên câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Quả Thất Lai Ngũ Thiên cùng sanh với hai chi Thiên là Xả, Nhất Thống.

*5 Sakadāgāmimaggacitta – 5 Tâm Đạo Nhất Lai, 5 Sakadāgāmiphalacitta – 5 Tâm Quả Nhất Lai, là:

1. *Vitakkavicārāpītisukhaekaggatāsahitam pathamajjhāna sakadāgāmimaggacitta, sakadāgāmiphalacitta* – Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai Sơ Thiên câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai Sơ Thiên cùng sanh với năm chi Thiên là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. *Vicārāpītisukhaekaggatāsahitam dutiyajjhāna sakadāgāmimaggacitta, sakadāgāmiphalacitta* – Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai Nhị Thiên câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai Nhị Thiên cùng sanh với bốn chi Thiên là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. *Pītisukhaekaggatāsahitam tatiyajjhāna sakadāgāmimaggacitta, sakadāgāmiphalacitta* – Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai Tam Thiên câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai Tam Thiên cùng sanh với ba chi Thiên là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. *Sukhaekaggatàsahitam catutthajjhàna sakadàgàmimaggacitta, sakadàgàmiphalacitta - Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai Tứ Thiền câu hành Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai Tứ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Lạc, Nhất Thống.

5. *Upekkhàekaggatàsahitam pancamajjhàna sakadàgàmimaggacitta, sakadàgàmiphala citta -Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai Ngũ Thiền câu hành Xả, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai Ngũ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

*5 Anàgàmimaggacitta – 5 Tâm Đạo Bất Lai, 5 Anàgàmiphalacitta – 5 Tâm Quả Bất Lai là:

1. *Vitakkavicàrapitisukhaekaggatàsahitam pathamajjhàna anàgàmimaggacitta, anàgàmiphalacitta – Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai Sơ Thiền câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Quả Bất Lai Sơ Thiền cùng sanh với năm chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. *Vicàrapitisukhaekaggatàsahitam dutiyajjhàna anàgàmimaggacitta, anàgàmiphalacitta – Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai Nhị Thiền câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Quả Bất Lai Nhị Thiền cùng sanh với bốn chi Thiền là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. *Pitisukhaekaggatàsahitam tatiyajjhàna anàgàmimaggacitta, anàgàmiphalacitta – Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai Tam Thiền câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Quả Bất Lai Tam Thiền cùng sanh với ba chi Thiền là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. *Sukhaekaggatàsahitam catutthajjhàna anàgàmimaggacitta, anàgàmiphalacitta – Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai Tứ Thiền câu hành Lạc, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Quả Bất Lai Tứ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Lạc, Nhất Thống.

5. *Upekkhàekaggatàsahitam pancamajjhàna anàgàmimaggacitta, anàgàmiphalacitta – Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai Ngũ Thiền câu hành Xả, Nhất Thống.*

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Bất Lai, một Tâm Quả Bất Lai Ngũ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

*5 Arahattamaggacitta – 5 Tâm Đạo Vô Sinh, 5 Arahattaphalacitta – 5 Tâm Quả Vô Sinh, là:

1. Vitakkavicàrapitisukhaekaggatàsahitam pathamajjhàna arahattamaggacitta, arahattaphalacitta – Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh Sơ Thiền câu hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Vô Sinh, một Tâm Quả Vô Sinh Sơ Thiền cùng sanh với năm chi Thiền là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. Vicàrapitisukhaekaggatàsahitam dutiyajjhàna arahattamaggacitta, arahattaphalacitta – Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh Nhị Thiền câu hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Vô Sinh, một Tâm Quả Vô Sinh cùng sanh với bốn chi Thiền là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. Pitisukhaekaggatàsahitam tatiyajjhàna arahattamaggacitta, arahattaphalacitta – Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh Tam Thiền câu hành Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Vô Sinh, một Tâm Quả Vô Sinh Tam Thiền cùng sanh với ba chi Thiền là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. Sukhekaggatàsahitam catutthajjhàna arahattamaggacitta, arahattaphalacitta – Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh Tứ Thiền câu hành Lạc, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Vô Sinh, một Tâm Quả Vô Sinh Tứ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Lạc, Nhất Thống.

5. Upekkhàekaggatàsahitam pancamajjhàna arahattamaggacitta, arahattaphalacitta – Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh Ngũ Thiền câu hành Xả, Nhất Thống.

Dịch nghĩa: Một Tâm Đạo Vô Sinh, một Tâm Quả Vô Sinh Ngũ Thiền cùng sanh với hai chi Thiền là Xả, Nhất Thống.

Ghi chú: Khi Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta) được phát triển xuyên qua một trong năm tầng Thiền Thiện Sắc Giới (Kusala Rùpa Jhàna) thì sẽ có tất cả **bốn mươi (8x5=40)** loại Tâm Siêu Thế (tính rộng).

Việc sanh khởi của Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai của Lợi Căn “Tikkhapuggala” hành giả như sau:

Hành giả đang tiến tu Pháp Quán, trước khi sẽ đắc chứng Đạo Quả, có được thấy Tam Tướng một cách rõ ràng cùng tột, thì Hữu Phần chuyển động sanh khởi hai sát na, gọi là *Hữu Phần Rúng Động*, *Hữu Phần Dứt Dòng* rồi diệt mất.

Tiếp nối là *Tâm Khai Ý Môn* sanh khởi tiếp thu thực tính Sắc hay Danh rồi diệt mất. Tuần tự một trong bốn Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí sanh khởi ba sát na, trong đó có *Cận Hành*, *Thuận Tòng* tiếp thu Cảnh Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt, và *Chuyển Tộc* tiếp thu Cảnh Níp Bàn ở vị trí là khai mở Đạo Thất Lai và hủy diệt tộc tánh Phàm Phu rồi diệt mất.

Tiếp theo, Tâm Đạo Thất Lai sanh khởi một sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn, cùng lúc hủy diệt trọn vẹn không dư sót Tà Kiến, Hoài Nghi rồi cũng diệt.

Kế tiếp, Tâm Quả Thất Lai sanh khởi ba sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn rồi cũng diệt mất.

Sau đó, Tâm Hữu Phần lại sanh khởi và Lộ Trình Ý Môn với bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí thường sanh khởi làm nhiệm vụ ở vị trí Lộ Trình Phán Khán, là quán sát Đạo Quả, Níp Bàn, Phiền Náo đã được xa lìa và vẫn còn dư sót, sanh khởi nhiều vòng Lộ Trình Tâm vừa theo thích hợp.

Việc sanh khởi của Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc trên của Đôn Căn “Mandapugga la” hành giả như sau:

Hành giả đang tiến tu Pháp Quán, trước khi Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc trên sẽ sanh khởi, thì được thấy Tam Tướng một cách rõ ràng cùng tột, thì Hữu Phần chuyển động sanh khởi hai (2) sát na, gọi tên là *Hữu Phần Rúng Động*, *Hữu Phần Dứt Dòng* rồi cũng diệt mất.

Tiếp nối, Tâm Khai Ý Môn sanh khởi tiếp thu thực tính Sắc hoặc Danh rồi diệt mất. Tuần tự, bất luận một trong bốn Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí sanh khởi bốn sát na trong đó có *Chuẩn Bị*, *Cận Hành*, *Thuận Tòng* tiếp thu Cảnh Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt và “*Vodanà – Dũ Tịnh*” tiếp thu Cảnh Níp Bàn ở vị trí là khai mở ba Đạo bậc trên.

Tiếp theo, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Đạo Vô Sinh sanh khởi một sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn cùng lúc hủy diệt trọn vẹn Phiền Náo hoàn toàn không còn dư sót vừa theo thích hợp rồi cũng diệt.

Kế tiếp, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh sanh khởi hai sát na tiếp thu Cảnh Níp Bàn rồi cũng diệt mất.

Sau đó, Tâm Hữu Phần lại sanh khởi và Lộ Trình Phán Khán quán sát Đạo Quả, Níp Bàn, Phiền Náo được sanh khởi tiếp nối vừa theo thích hợp.

Giải thích:

1. Phàm Tam Nhân nếu tiến tu *Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammatthana)* thì sẽ thành tựu là người *phúc lộc thiên (Jhānalābhīpuggala)* Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Nếu tiến tu *Quán Nghiệp Xứ (Vipassanākammamattāna)* thì sẽ thành tựu **Bạc Thất Lai**.

2. Nếu Bạc Thất Lai tiến tu Chỉ Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu là người phúc lộc thiên Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Nếu tiến tu Quán Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu **Bạc Nhất Lai**, và nếu nhập Thiên Quả thì thường sanh **Quả Thất Lai**.

3. Nếu Bạc Nhất Lai tiến tu Chỉ Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu là người phúc lộc thiên Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Nếu tiến tu Quán Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu **Bạc Bất Lai**, và nếu nhập Thiên Quả thì thường sanh **Quả Nhất Lai**.

4. Nếu Bạc Bất Lai tiến tu Chỉ Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu là người phúc lộc thiên Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Nếu tiến tu Quán Nghiệp Xứ thì sẽ thành tựu **Bạc Vô Sinh**, và nếu nhập Thiên Quả thì thường sanh **Quả Bất Lai**.

Chú giải: Giải thích và dẫn chứng Pāli chú giải với nguyên nhân nào mà *Tâm Đồng Lực Dục Giới* có được tên gọi là “*Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc, và Dủ Tịnh*”.

1. *Parikamma – Chuẩn Bị*: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Chuẩn Bị*, vì làm nhân cho việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo, làm cho sanh khởi Tâm Đồng Lực Kiên Cố, tức là Thắng Trí, Thiên, Đạo Quả được khởi sanh, do đó mới gọi tên là “*Chuẩn Bị*”.

Như có Pāli chú giải trình bày như sau:

“*Indriya samatādihi paritobhāyehi appanā kriyati sajjīyati etenāti = Parikamma*”- Việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo làm thành từng phần kiên cố do có sự việc quân bình cân nhắc từ nơi Ngũ Quyền với Tâm Đồng Lực này, do đó Tâm Đồng Lực Dục Giới mà làm nhân cho việc chuẩn bị, sắp đặt kiến tạo làm khởi sanh Tâm Đồng Lực Kiên Cố, được gọi là “*Chuẩn Bị*”.

Hoặc là “*Parikaroti appanam abhisankharotīti = Parikammam*”- Tâm Đồng Lực nào thường chuẩn bị, sắp đặt Thiên, Thắng Trí, Đạo Quả là phần Kiên Cố được sanh khởi, như thế Tâm Đồng Lực đó, gọi tên là “*Chuẩn Bị*”.

2. *Upacāra – Cận Hành*: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Cận Hành*, là vì thành Đồng Lực sanh khởi bên trong phạm vi của Đồng Lực Kiên Cố.

Như có Pāli chú giải trình bày như sau:

“*Appanāya upaccacaratīti = Upacāro*”- Tâm Đồng Lực nào thường sanh khởi cận lân với Kiên Cố, như thế Tâm Đồng Lực đó gọi là “*Cận Hành*”.

Hoặc là “*Samipe caratiti = Upacàro*”- Tâm Đồng Lực nào thường sanh khởi cận lân với Kiên Cố là Thiền, Thắng Trí, Đạo Quả, như thế Tâm Đồng Lực đó, gọi tên là “Cận Hành”.

3. *Anuloma – Thuận Tùng*: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Thuận Tùng*, là vì hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, do việc bài xuất Pháp thành đối nghịch (Cảnh nghịch), như thế mới gọi tên là “*Thuận Tùng*”.

Như có Pàli chú giải trình bày như sau:

“*Paccanīkadhamma vidhamanena appanāya anukulanti = Anulomam*”- Tâm Đồng Lực nào thường hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố do việc bài xuất Pháp đối nghịch, như thế Tâm Đồng Lực đó gọi tên là “*Thuận Tùng*”.

Hoặc là “*Pubbāparānam anulomatīti = Anulomam*”- Tâm Đồng Lực nào thường sanh khởi dài theo ở cả hai phía Đồng Lực, tức là Đồng Lực Chuẩn Bị sanh khởi ở **phần trước** của Lộ Trình Thiền, Lộ Trình Đắc Đạo, và Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố thì sanh khởi ở **phía sau**, do đó Tâm Đồng Lực đó, gọi tên là “*Thuận Tùng*”.

4. *Gotrabhū – Chuyển Tộc*: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Chuyển Tộc*, là vì thực hiện chặt đứt hủy diệt **chủng tộc Dục Giới** (trong Lộ Trình Thiền) và thực hiện việc chặt đứt hủy diệt **chủng tộc Phàm Phu** (trong Lộ Trình Đắc Đạo) cho hòa nhập vào **chủng tộc Đáo Đại** (trong Lộ Trình Thiền), và **chủng tộc Siêu Thế** (trong Lộ Trình Đắc Đạo). Do đó, Tâm Đồng Lực đó gọi là “*Chuyển Tộc*”.

Như có Pàli chú giải trình bày như sau:

“*Gottam abhībhuyyati chijjati etthāti = Gotrabhū*”- chặt đứt hủy diệt chủng tộc Dục Giới hoặc Phàm Phu (bởi 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí) như thế gọi là “*Chuyển Tộc*”.

Hoặc là “*Gottam bhāveti vuddhetīti = Gotrabhū*”- Tâm Đồng Lực nào thường làm tiến hóa đến chủng tộc Đáo Đại – Siêu Thế, như thế Tâm Đồng Lực đó, gọi tên là “*Chuyển Tộc*”.

5. *Vodanā – Dũ Tịnh*: Đồng Lực Dục Giới có tên gọi là *Dũ Tịnh*, là vì làm cho các bậc Thánh Nhân càng tăng tiến sự thanh tịnh một cách rất vi diệu.

Tức là Bạc Thất Lai trong khi được chứng đắc Đạo Quả Nhất Lai thường có Đồng Lực Dục Giới làm nhiệm vụ tiếp thu Níp Bàn, trước hết là bỏ Pháp Hữu Vi lại, làm cho Đạo Nhất Lai sanh khởi tiếp thu Cảnh Níp Bàn cùng lúc thực hiện việc diệt trừ “*Anusayakilesa – Tùy Miên Phiền Nảo*” một cách rất đặc biệt, hơn cả ở phần diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo của Đạo Thất Lai trở đi.

Bạc Nhất Lai khi được chứng đắc Đạo Quả Bất Lai và Bạc Bất Lai khi được chứng đắc Đạo Quả Vô Sinh, thì thường có Đồng Lực Dục Giới làm nhiệm vụ tương tự để cho Đạo Bất Lai và Đạo Vô Sinh được khởi sanh tiếp thu

Cảnh Níp Bàn, luôn cả thực hiện việc diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo với mãnh lực vi diệu thù thắng hơn cả việc diệt trừ Tùy Miên Phiền Nảo ở Đạo bậc thấp, do đó mới được gọi là “*Dũ Tịnh*”.

Như có Pàli chú giải trình bày như sau:

“*Vodànetiti = Vodànam*”- *Tâm Đồng Lực* nào thường làm cho Thánh nhân càng tăng tiến sự thanh tịnh một cách rất vi diệu, như thế *Tâm Đồng Lực* đó, gọi tên là “*Dũ Tịnh*”.

TÍNH SỐ LƯỢNG 89 TÂM THEO TỨ XUẤT SANH (SANJÀTI)

*Dvādasakusalānevam Kusalānekavīsati
Chattimseva vipākāni Kriyācittāni vīsati.*

Tính số lượng 89 Tâm phân loại theo sự xuất sanh, như thế có 12 Tâm Bất Thiện, 21 Tâm Thiện, 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác.

TÍNH SỐ LƯỢNG 89 TÂM THEO ĐỊA GIỚI (BHÙMI)

*Catupannāsadhā kāme Rūpe pannarasīraye
Cittāni dvādasārūpe Atthadhānuttare tathā.*

Tính số lượng 89 Tâm phân loại theo cả bốn Địa Giới, như thế có 54 Tâm được liệt kê vào Dục Địa Giới, có 15 Tâm được liệt kê vào Sắc Địa Giới, có 12 Tâm được liệt kê vào Vô Sắc Giới, có 8 Tâm được liệt kê vào Siêu Thế.

Ghi chú: Có hai loại “***Bhùmi – Địa Giới***” là:

1. *Thànabhùmi – Xứ Địa Giới*: là trú xứ của tất cả chúng sanh, là 31 Cõi Giới.
2. *Avatthàbhùmi – Sinh Hoạt Địa Giới*: là tất cả Pháp bị hạn định ranh giới theo Tam Ái.

Lại nữa, *Sinh Hoạt Địa Giới* có bốn loại là:

1. *Kāma avatthàbhùmi – Dục Sinh Hoạt Địa Giới*: là Pháp bị hạn định ranh giới theo Ái Dục, là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc.
2. *Rūpa avatthàbhùmi – Sắc Sinh Hoạt Địa Giới*: là Pháp bị hạn định ranh giới theo Ái Sắc, là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở.
3. *Arūpa avatthàbhùmi – Vô Sắc Sinh Hoạt Địa Giới*: là Pháp bị hạn định ranh giới theo Ái Vô Sắc, là 12 Tâm Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.
4. *Lokuttara avatthàbhùmi – Siêu Thế Sinh Hoạt Địa Giới*: là Pháp vượt thoát khỏi việc hạn định ranh giới của cả Tam Ái, là 8 Tâm Siêu Thế, 36 Tâm Sở, Níp Bàn.

Như thế, nơi gọi là Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới thì có cả hai lãnh vực Địa Giới, còn Siêu Thế Giới thì **chỉ có duy nhất một Sinh Hoạt Địa Giới**.

TÂM SIÊU THẾ THEO PHẦN GIẢN LƯỢC VÀ GIẢI RỘNG

(1) <i>Catumaggappabhedena</i>	<i>Catudhà kusalam tathà</i>
<i>Pàkam tassa phalattati</i>	<i>Atthadhànutaram matam</i>
(2) <i>Jhàrangayogabhedena</i>	<i>Katvekekam tu pancadhà</i>
<i>Vuccatànutaram cittam</i>	<i>Cattàlisaṇḍhanti ca.</i>

1/ Tâm Siêu Thế theo giản lược có 8 Tâm Thiện, là tính theo Đạo có bốn, và Tâm Quả có bốn là Quả của 4 Đạo.

2/ Tám Tâm Siêu Thế trình bày theo giải rộng thì có 40, do bởi phân loại theo việc kết hợp với chi Thiện. Mỗi một Tâm Siêu Thế có 5, như thế 8 Tâm Siêu Thế mới thành 40.

67 JHĀNACITTA – 67 TÂM THIỀN

(1) <i>Yathà ca rūpāvacara</i>	<i>Gayhatànutaram tathà</i>
<i>Pathamāḍijjhānabhede</i>	<i>Āruppancāpi pancame</i>
(2) <i>Ekādasavidham tasmā</i>	<i>Pathamāḍikamīritam</i>
<i>Jhānamekekamante tu</i>	<i>Tevisaṭṭavidham bhava</i>

1/ Tâm Sắc Giới khi liệt kê theo cả năm chi Thiện có Sơ Thiện, v.v., đường nào thì Tâm Siêu Thế cũng được liệt kê theo thể thức đó. Còn 12 Tâm Vô Sắc Giới chỉ liệt kê vào trong Ngũ Thiện.

2/ Do đó, Giáo Sư mới đề cập rằng theo mỗi Tâm Thiền có Sơ Thiện, v.v., có được 11 cái, còn với Tâm Ngũ Thiện có 23 cái.

Câu kệ trên trình bày việc tổng hợp Tâm Thiền ở phần Hiệp Thế và Siêu Thế, với Tâm Sơ Thiện có 11, là 3 Tâm Sơ Thiện Hiệp Thế và 8 Tâm Sơ Thiện Siêu Thế.

Và với 11 Tâm Nhị Thiện, 11 Tâm Tam Thiện, 11 Tâm Tứ Thiện, cũng giống như vậy.

Đối với 23 Tâm Ngũ Thiện thì có 15 Tâm Ngũ Thiện Hiệp Thế, là 3 Tâm Ngũ Thiện Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới, và 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế.

Những Tâm này gọi là Tâm Thiền do kết hợp với cả năm chi Thiền có Tâm, v.v, làm chủ vị đi vào thẩm thị trong Cảnh Nghiệp Xứ hoặc Cảnh Níp Bàn.

Còn Tâm Siêu Thế ở phần giản lược, mặc dù có cả năm Tâm Sở này phối hợp một cách xác thực, nhưng những Tâm Sở này không thành chi Thiền do không có liên quan với nhau trong việc thẩm thị “*Cảnh Thiền Chỉ - Samathàarammana*” bất luận trong Hữu này và Hữu tới.

Do nhân này, Tâm Siêu Thế ở phần giản lược mới không gọi là Tâm Thiền.

Như Chú giải Pàli trình bày rằng:

“*Kasinaḍi àrammanam jhàyaṭi upanijjhàyaṭitī = Jhānam*” - Tất cả Tâm Sở có Tâm, v.v, thường vào thẩm thị cảnh có Biến Xứ v.v, như thế những Tâm Sở này gọi là Thiền, tức là năm chi Thiền có Tâm, v.v,

“*Vitakkàdijjhānangehi sampayuttam cittanti = Jhānacittam*” - Tâm nào thường phối hợp với năm chi Thiền có Tâm, v.v, như thế Tâm đó gọi là Tâm Thiền.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THÀNH TỪNG PHẦN TRONG CHÍN PHẦN THEO PHÂN CHI PHÁP

1. Phân tích Tâm chia theo Giống (Jàtibhedanaya): việc phân chia Tâm theo Giống, thì có bốn Giống là:

- Tâm theo giống Bất Thiện hay Tâm Bất Thiện có 12 Tâm, là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, và 2 Tâm Si.
- Tâm theo giống Thiện hay Tâm Thiện có 37 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, và 20 Tâm Đạo.
- Tâm theo giống Quả hay Tâm Dị Thục Quả có 52 Tâm, là 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế.
- Tâm theo giống Duy Tác hay Tâm Duy Tác có 20 Tâm, là 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại.

2. Phân tích Tâm chia theo Địa Giới (Bhùmbhedanaya): việc phân chia Tâm theo Địa Giới, thì có bốn Địa Giới là:

- * Tâm ở phần Dục Giới hay Tâm Dục Giới có 54 Tâm.
- * Tâm ở phần Sắc Giới hay Tâm Sắc Giới có 15 Tâm.
- * Tâm ở phần Vô Sắc Giới hay Tâm Vô Sắc Giới có 12 Tâm.
- * Tâm ở phần Siêu Thế hay Tâm Siêu Thế có 40 Tâm.

3. Phân tích Tâm chia theo Tịnh Hảo (Sobhanabhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Tịnh Hảo và Tịnh Hảo.

- Tâm ở phần Vô Tịnh Hảo hay Tâm Vô Tịnh Hảo có 30 Tâm, là 12 Tâm Bất Thiện, và 18 Tâm Vô Nhân.

- Tâm ở phần Tịnh Hảo hay Tâm Tịnh Hảo có 91 Tâm, là 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Sắc Giới, và 40 Tâm Siêu Thế.

4. Phân tích Tâm chia theo Hiệp Thế (Lokabhedanaya): việc phân chia Tâm theo Hiệp Thế và Siêu Thế.

- Tâm ở phần Hiệp Thế hay Tâm Hiệp Thế có 81 Tâm, là 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới.
- Tâm ở phần Siêu Thế hay Tâm Siêu Thế có 40 Tâm Siêu Thế.

5. Phân tích Tâm chia theo Nhân (Hetubhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Nhân và Hữu Nhân.

- Tâm ở phần Vô Nhân hay Tâm Vô Nhân có 18 Tâm Vô Nhân.
- Tâm ở phần Hữu Nhân hay Tâm Hữu Nhân có 103 Tâm, là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

6. Phân tích Tâm chia theo Thiên Na (Jhānabhedanaya): việc phân chia Tâm theo Phi Thiên và Hữu Thiên.

- Tâm không phối hợp với chi Thiên gọi là Tâm Phi Thiên có 54 Tâm Dục Giới.
- Tâm phối hợp với chi Thiên gọi là Tâm Thiên có 67 Tâm, là 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

7. Phân tích Tâm chia theo Thọ (Vedanabhedanaya): việc phân chia Tâm theo năm (5) Thọ, là Lạc thọ, Khổ thọ, Ưu thọ, Hỷ thọ, và Xả thọ.

- Tâm câu hành Lạc có 1 Tâm, là 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc.
- Tâm câu hành Khổ có 1 Tâm, là 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ.
- Tâm câu hành Hỷ có 62 Tâm, là 4 Tâm Tham câu hành Hỷ, 1 Tâm Thâm Tấn câu hành Hỷ, 1 Tâm Tiểu Sinh, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Hỷ, 12 Tâm Sắc Giới câu hành Hỷ, 32 Tâm Siêu Thế câu hành Hỷ.
- Tâm câu hành Ưu có 2 Tâm, là 2 Tâm Sân câu hành Ưu.
- Tâm câu hành Xả có 55 Tâm, là 4 Tâm Tham câu hành Xả, 2 Tâm Si câu hành Xả, 8 Tâm Ngũ Song Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 2 Tâm Thâm Tấn câu hành Xả, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Xả, 15 Tâm Đáo Đại câu hành Xả, 8 Tâm Siêu Thế câu hành Xả.

8. Phân tích Tâm chia theo Phối Hợp (Sampayogabhedanaya): việc phân chia Tâm theo Tương Ứng và Bất Tương Ứng.

- Tâm ở phần Tương Ứng có 87 Tâm, là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến, 2 Tâm Sân, 2 Tâm Si, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tương Ứng Trí, và 67 Tâm Thiền.
- Tâm ở phần Bất Tương Ứng có 34 Tâm, là 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến, 18 Tâm Vô Nhân, và 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Bất Tương Ứng Trí.

Ghi chú: 18 Tâm Vô Nhân được liệt kê vào trong phần ***Bất Tương Ứng***.
67 Tâm Thiền được liệt kê vào trong phần ***Tương Ứng***.

9. *Phân tích Tâm chia theo Dẫn Dụ (Sankhàrabhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Dẫn và Hữu Dẫn.*

- Tâm ở phần Vô Dẫn hay Tâm Vô Dẫn có 37 Tâm, là 4 Tâm Tham Vô Dẫn, 1 Tâm Sân Vô Dẫn, 2 Tâm Si, 18 Tâm Vô Nhân, và 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Vô Dẫn.
- Tâm ở phần Hữu Dẫn hay Tâm Hữu Dẫn có 84 Tâm, là 4 Tâm Tham Hữu Dẫn, 1 Tâm Sân, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Dẫn, 67 Tâm Thiền.

Ghi chú: 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân được liệt kê vào trong phần ***Vô Dẫn***.
67 Tâm Thiền được liệt kê vào trong phần ***Hữu Dẫn***.

Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Vô Sắc Giới, Tâm Siêu Thế:

1/ *Hỏi:* Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm: Tâm Vô Dẫn với Tâm Hữu Dẫn. Tâm Tương Ứng với Tâm Bất Tương Ứng. Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác.

Đáp: - Sự khác biệt giữa Tâm Vô Dẫn với Tâm Hữu Dẫn, là:

Tâm Vô Dẫn là Tâm sanh khởi một cách không có sự dẫn dụ về Thân Lời Ý của ta hay của người.

Tâm Hữu Dẫn là Tâm sanh khởi có sự dẫn dụ về Thân Lời Ý của ta hay của người.

- Sự khác biệt giữa Tâm Tương Ứng với Tâm Bất Tương Ứng, là:

Tâm Tương Ứng là Tâm sanh khởi có sự kết hợp với Pháp Tương Ứng. Ví dụ: Tâm Tương Ứng Kiến là Tâm sanh khởi phối hợp với sự thấy sai.

Tâm Bất Tương Ứng là Tâm sanh khởi không có sự kết hợp với Pháp Tương Ứng. Ví dụ: Tâm Bất Tương Ứng Kiến là Tâm sanh khởi không phối hợp với sự thấy sai.

- Sự khác biệt giữa Tâm Duy Tác Vô Nhân với Tâm Đại Duy Tác, là:

Tâm Duy Tác Vô Nhân có ba thứ Tâm là:

- Tâm Khai Ngũ Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ngũ, sanh khởi cả hai hạng người, là Phàm nhân và Thánh nhân.
- Tâm Khai Ý Môn làm việc máy móc mở cửa Lộ Ý và phán xét Lộ Ngũ, sanh khởi cả hai hạng người, là Phàm nhân và Thánh nhân.
- Tâm Tiểu Sinh chỉ làm việc mở nụ cười suông của bậc Vô Sinh.

Tâm Đại Duy Tác là những Tâm Đại Thiện chỉ sanh khởi ở bậc Vô Sinh, chỉ có hành động và không có để lại hậu quả của hành động.

2/ Hỏi: Hãy phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Giống, phần Địa Giới, phần Tịnh Hảo, phần Nhân Tương Ứng, phần Thiện.

Đáp: - Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Giống, là:

- * Tâm theo giống Bất Thiện, hay Tâm Bất Thiện có 12 Tâm.
- * Tâm theo giống Thiện, hay Tâm Thiện có 17 Tâm (8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại).
- * Tâm theo giống Quả, hay Tâm Dị Thục Quả có 32 Tâm (15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại).
- * Tâm theo giống Duy Tác, hay Tâm Duy Tác có 20 Tâm (3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

- Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Địa Giới, là:

- * Tâm theo phần Dục Giới, hay Tâm Dục Giới có 54 Tâm.
- * Tâm theo phần Sắc Giới, hay Tâm Sắc Giới có 15 Tâm.
- * Tâm theo phần Vô Sắc Giới, hay Tâm Vô Sắc Giới có 12 Tâm.

- Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Tịnh Hảo, là:

- * Tâm theo phần Vô Tịnh Hảo, hay Tâm Vô Tịnh Hảo có 30 Tâm (12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân).
- * Tâm theo phần Tịnh Hảo, hay Tâm Tịnh Hảo có 51 Tâm (24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại).

- Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Nhân Tương Ứng, là:

- * Tâm theo phần Vô Nhân, hay Tâm Vô Nhân có 18 Tâm.
- * Tâm theo phần Hữu Nhân, hay Tâm Hữu Nhân có 63 Tâm (12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại).

- Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo phần Thiện, là:

- * Tâm không phối hợp với chi Thiện, hay Tâm Phi Thiện có 54 Tâm (54 Tâm Dục Giới).

* Tâm có phối hợp với chi Thiên, hay Tâm Thiên có 27 Tâm Đáo Đại.

3/ *Hỏi: Trong 67 Tâm Thiên có bao nhiêu Tâm thuộc giống Thiện, giống Quả, giống Duy Tác?*

Đáp: Trong 67 Tâm Thiên có 29 Tâm thuộc giống Thiện, hay Tâm Thiện Thiên (9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo).

Trong 67 Tâm Thiên có 29 Tâm thuộc giống Quả, hay Tâm Quả Thiên (9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế).

Trong 67 Tâm Thiên có 9 Tâm thuộc giống Duy Tác, hay Tâm Duy Tác Thiên (9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

4/ *Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa tên của những Tâm sau đây: Tâm Vô Tịnh Hảo, Tâm Sắc Giới, Tâm Đáo Đại, Tâm Hiệp Thế, Tâm Siêu Thế.*

Đáp: Tâm Vô Tịnh Hảo là Tâm ngoài phần của Tâm Tịnh Hảo (tốt đẹp), là những Tâm sanh khởi không có phối hợp với những Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Sắc Giới là Tâm thường luôn du hành sinh hoạt trong lãnh vực của *Vat Sacc (Vatthurupa)* và *Phiền Nã Sacc (Kilesarupa)*.

Tâm tu tập đề mục Thiên còn Sắc Pháp.

Tâm Đáo Đại là Tâm thường du hành sinh hoạt đến chỗ rộng lớn và đặc biệt. Tâm Đáo Đại là Tâm kết hợp của 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới.

Tâm Hiệp Thế là Tâm thường du hành sinh hoạt ở trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới).

Tâm Hiệp Thế là Tâm kết hợp của 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới.

Tâm Siêu Thế là Tâm vượt thoát khỏi Tam Ái và Ngũ Thủ Uẩn.

5/ *Hỏi: Bởi nguyên nhân nào trong phần Tâm Siêu Thế chỉ có Thiện và Quả, không có phần Duy Tác?*

Đáp: Tâm Siêu Thế không có phần Duy Tác là vì Tâm Siêu Thế lấy Cảnh Níp Bàn làm đối tượng.

Với Tâm Duy Tác lấy chúng sanh làm đối tượng.

Do đó, Tâm Siêu Thế không có phần Duy Tác.

6/ *Hỏi: Số lượng Tâm theo giản lược có 89 Tâm, theo giải rộng có 121 Tâm. Sự khác biệt nhau tại chỗ nào? Và Tâm Thiên có hai chi Thiên có số lượng bao nhiêu? Và những chi, xin kể ra?*

Đáp: - Sự khác biệt giữa theo giản lược và theo giải rộng, là:

Số lượng 89 Tâm theo giản lược là việc tính theo phần Tâm Siêu Thế chỉ có 8 Tâm, là 4 Tâm Đạo và 4 Tâm Quả (theo Thiên Khô).

Số lượng 121 Tâm theo giải rộng là việc tính theo phần Tâm Siêu Thế có 40 Tâm, là 20 Tâm Đạo và 20 Tâm Quả (theo có tu tập Thiên Chí).

- Có 34 Tâm Thiên có hai chi Thiên, là:

* Có 11 Tâm Tứ Thiên có hai chi Thiên, Lạc và Nhất Thống, là 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiên Siêu Thế.

* Có 23 Tâm Ngũ Thiên có hai chi Thiên, Xả và Nhất Thống, là 3 Tâm Ngũ Thiên Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới và 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế.

7/ *Hỏi: Hãy phân tích 121 Tâm theo phần Giống, phần Thọ, phần Tịnh Hảo.*

Đáp: - Phân tích 121 Tâm theo phần Giống, là:

* Tâm theo giống Bất Thiện, hay Tâm Bất Thiện có 12 Tâm.

* Tâm theo giống Thiện, hay Tâm Thiện có 37 Tâm (8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo).

* Tâm theo giống Quả, hay Tâm Dị Thục Quả có 52 Tâm (15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế).

* Tâm theo giống Duy Tác, hay Tâm Duy Tác có 20 Tâm (3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

- Phân tích 121 Tâm theo phần Thọ, là:

* Có 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Thọ.

* Có 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ Thọ.

* Có 62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ, là 4 Tâm Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Thảm Tán Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hỷ Thọ, 12 Tâm Sắc Giới Hỷ Thọ, 32 Tâm Siêu Thế Hỷ Thọ.

* Có 2 Tâm căn Sân Câu Hành Ưu Thọ.

* Có 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ, là 4 Tâm Tham Xả Thọ, 2 Tâm Si Xả Thọ, 14 Tâm Vô Nhân Xả Thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Xả Thọ, 3 Tâm Sắc Giới Xả Thọ, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế Xả Thọ.

- Phân tích 121 Tâm theo phần Tịnh Hảo, là:

* Có 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, là 12 Tâm Bất Thiện và 18 Tâm Vô Nhân.

* Có 91 Tâm Tịnh Hảo, là 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

8/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm Thiên nào Câu Hành Hỷ, tính từ Tâm Sơ Thiên đến Tâm Tứ Thiên?*

Đáp: Đó là: Tâm Sơ Thiền hội đủ năm chi Thiền, Tầm - Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Nhị Thiền có bốn chi Thiền, Tứ - Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

Tâm Tam Thiền có ba chi Thiền, Hỷ - Lạc - Nhất Thống.

9/ Hỏi: *Hãy phân tích Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Giống, phần Hiệp Thế, phần Thọ.*

Đáp: - Có 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền, là:

* Có 11 Tâm Tứ Thiền có hai chi Thiền, Lạc và Nhất Thống, là 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế.

* Có 23 Tâm Ngũ Thiền có hai chi Thiền, Xả và Nhất Thống, là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới và 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế.

- Phân tích 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Giống, là:

* Có 5 Tâm Thiện Tứ Thiền, là 1 Tâm Thiện Tứ Thiền Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Tứ Thiền Siêu Thế.

* Có 5 Tâm Quả Tứ Thiền, là 1 Tâm Quả Tứ Thiền sắc Giới, 4 Tâm Quả Tứ Thiền Siêu Thế.

* Có 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiền Sắc Giới.

* Có 9 Tâm Thiện Ngũ Thiền, là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới, 4 Tâm Ngũ Thiền Vô Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Ngũ Thiền Siêu Thế.

* Có 9 Tâm Quả Ngũ Thiền, là 1 Tâm Quả Ngũ Thiền Sắc Giới, 4 Tâm Quả Ngũ Thiền Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả Ngũ Thiền Siêu Thế.

* Có 5 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền, là 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Vô Sắc Giới.

- Phân tích 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Hiệp Thế, là:

* Có 3 Tâm Tứ Thiền thuộc phần Sắc Giới, hay 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới.

* Có 8 Tâm Tứ Thiền thuộc phần Siêu Thế, hay 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế.

* Có 15 Tâm Ngũ Thiền Hiệp Thế, là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 12 Tâm Ngũ Thiền Vô Sắc Giới.

* Có 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế.

- Phân tích 34 Tâm Thiền có hai chi Thiền theo phần Thọ, là:

* Có 11 Tâm Tứ Thiền Câu Hành Lạc Thọ, là 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới Lạc Thọ, 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế Lạc Thọ.

* Có 23 Tâm Ngũ Thiền Câu Hành Xả Thọ, là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới Xả Thọ, 12 Tâm Ngũ Thiền Vô Sắc Giới Xả Thọ, 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế Xả Thọ.

10/ Hỏi: Từ ngữ “*Sampayutta – Tương Ứng*” có mấy loại? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ “*Sampayutta – Tương Ứng*” có năm loại, là:

(1) – *Ditthagatasampayutta – Tương Ứng Kiến*: Tâm tương ứng (hòa trộn) với Tà Kiến, là sự thấy sai.

(2) – *Patighasampayutta – Tương Ứng Phần Hận*: Tâm tương ứng (hòa trộn) với Sân Hận, là sự bất hỷ duyệt (không vui).

(3) – *Vicikicchāsampayutta – Tương Ứng Hoài Nghi*: Tâm tương ứng (hòa trộn) với Hoài Nghi, là sự nghi lự.

(4) – *Uddhaccasampayutta – Tương Ứng Điều Cử*: Tâm tương ứng (hòa trộn) với Điều Cử, là sự phóng dật.

(5) – *Nānasampayutta – Tương Ứng Trí*: Tâm tương ứng (hòa trộn) với Trí Tuệ, là sự tri thức sáng suốt.

11/ Hỏi: Tâm không có từ ngữ “*Jhānasampayutta – Thiền Tương Ứng*” nhưng được liệt kê vào trong phần *Tương Ứng Trí* có số lượng bao nhiêu? Và là những chi?

Đáp: Có 12 Tâm Tương Ứng Trí, đó là: 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tương Ứng Trí.

* Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn, Tâm số 31, 32, 33.

* Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 34, 35, 36.

* Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn, Tâm số 43, 44, 45.

* Ba Tâm Đại Thiện, Đại Quả, Đại Duy Tác Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Hữu Dẫn, Tâm số 46, 47, 48.

12/ Hỏi: Tâm không có từ ngữ “*Pancamajjhāna – Ngũ Thiền*” nhưng được liệt kê vào trong *Ngũ Thiền* có số lượng bao nhiêu? Và là những chi? Và do bởi nguyên nhân nào được liệt kê vào trong *Ngũ Thiền*?

Đáp: Đó là 12 Tâm Vô Sắc Giới. Tâm Vô Sắc Giới có điểm khác biệt với Tâm Sắc Giới, là chỉ dành riêng cho những hành giả đã chứng đắc Ngũ Thiền Sắc Giới, chỉ có hai chi Thiền là Xả và Nhất Thống, chuyên tâm nỗ lực với những đề mục thuần Danh Pháp, không còn Sắc Pháp.

Do năng lực ý chí, chỉ có Tâm tồn tại trong những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có thể tách rời Danh ra khỏi Sắc.

DỨT CHƯƠNG THỨ NHẤT - TỔNG HỢP TÂM.

-----00000-----

II. CHƯƠNG THỨ HAI: TỔNG HỢP TÂM SỞ (*CETASIKA SAṄGAHA*)

Trong chương thứ nhất – TỔNG HỢP TÂM (*CITTASAṄGAHA*) đã có đề cập đến phần Tâm Siêu Lý rồi, tiếp theo đây, sẽ đề cập đến thực tính phần Tâm Sở Siêu Lý.

Theo lẽ thường, tất cả chúng sanh cho dù hoàn toàn có đầy đủ các bộ phận trong cơ thể đi nữa, nhưng nếu thiếu phần Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở, thì tất cả chúng sanh cũng không có sự tri giác, và cũng không có khả năng làm được những cái chi, chẳng khác nào như hình nộm vậy thôi.

Và trong cả hai, Tâm và Tâm Sở này, là hai loại Pháp đồng cùng sanh khởi, đồng cùng diệt tắt, đồng cùng tiếp thu một cảnh, và đồng nương một trú căn xuất sanh; muốn tách lìa nhau cũng không thể được.

Tỷ dụ như, bánh xe răng xữ dụng dòng điện. Nếu chỉ có bánh xe răng không thôi, thì không thể làm được công việc, và bánh xe răng đang làm công việc xoay tròn cũng do nương vào dòng điện trong cả hai sợi dây điện. Nếu như đứt đi một sợi dây, thì một mình bánh xe răng cũng không có khả năng làm công việc được. Do đó, các bậc trí thức cũng nên biết sự hiện hành theo thực tính của Tâm và Tâm Sở như vậy.

Trong chương thứ hai, có tất cả 52 Tâm Sở được đề cập đến và phân loại. Mỗi loại Tâm đều được phân tách tỷ mỷ. Những loại Tâm Sở nào đồng phát sanh cùng với Tâm ấy, cũng được đề cập đến với đầy đủ chi tiết. Loại Tâm, trong đó có những Tâm Sở nào đồng phát sanh cũng được mô tả rành rẽ.

Với những độc giả thiếu kiên nhẫn sẽ thấy chương thứ hai này khô khan và không hứng thú. Nhưng đối với một Học Giả sáng suốt và suy tư, thì trái lại, chương thứ hai này sẽ được xem là một khái luận thú vị có tánh cánh trí thức. Thí dụ như, lúc mới nhìn vào, một sinh viên hóa học có thể cảm thấy nhiều công thức hóa học rất phức tạp, khó hiểu. Nhưng khi thật sự cố gắng phân tách và nghiên cứu từng hóa chất trong những cuộc thí nghiệm khác nhau, người sinh viên ấy mới thấy môn học quả thật hứng thú và hữu ích.

Cùng thế ấy, người mới đọc chương thứ hai này, nên cố gắng phân tách, thận trọng nghiên cứu từng loại Tâm, và tự mình tìm hiểu các loại Tâm Sở theo luận lý riêng của mình. Sau đó sẽ so sánh những gì ta đã nghĩ ra với phần Kinh điển căn bản. Qua đó, độc giả sẽ được thấy rằng chương thứ hai này giải minh một cách sáng tỏ, và thay vì hoang phí thời gian để cố nhớ những con số, thì sẽ nắm vững vàng một cách sáng suốt ý nghĩa của bản văn.

Theo Ngài Giáo Sư **ANURUDDHA** có trình bày như sau:

BỐN TRƯỜNG HỢP TRẠNG THÁI CỦA TÂM SỞ

*Ekuppàdanirodhà ca Ekàlambanavattthukà
Cetoyuttà dvipannàsa Dhammà cetasikà matà.*

Loại Pháp Tâm Sở có số lượng là 52, và phối hợp với Tâm theo trạng thái như sau: đồng sanh với Tâm, đồng diệt với Tâm, đồng một cảnh với Tâm, đồng nương một loại trú căn với Tâm.

PHÂN GIẢI THÍCH

Ngài Giáo Sư **ANURUDDHA** đã trình bày câu kệ trên để giải thích từ ngữ “*Cetasikam*” mà đã có đề cập đến trong bài kệ giới thiệu phía trên, của bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này, là “*Cittam cetasikam rūpam nibbānam sabbathà*”.

Và để có được sự hiểu biết về trường hợp trạng thái phối hợp với Tâm của tất cả 52 Tâm Sở này, gọi là “***Cetoyuttalakkhana – Tứ Đồng trạng thái***” hội đủ cả bốn (4) trường hợp như sau:

1. ***Ekuppàda – Đồng sanh***: Tâm Sở thường luôn cùng sanh với Tâm, có ý nghĩa là khi Tâm sanh thì Tâm Sở cũng cùng sanh khởi. Không thể nào có Tâm sanh trước và Tâm Sở sanh sau, hoặc là Tâm Sở sanh trước và Tâm lại sanh sau.
2. ***Ekanirodha – Đồng diệt***: cũng giống một kiểu như trên, khi Tâm diệt thì Tâm Sở cũng diệt với nhau, không có sự diệt trước hay sự diệt sau.
3. ***Ekàlambana – Đồng cảnh***: Cảnh mà Tâm đang tiếp thu cũng là cùng một cảnh với Tâm Sở đang tiếp thu, ví như Tâm đang tiếp thu cảnh sắc trắng thì Tâm Sở cũng đang tiếp thu cảnh sắc trắng; hoặc là Tâm tiếp thu cảnh sắc đen thì Tâm Sở cũng tiếp thu cảnh sắc đen.
4. ***Ekavatthuka – Đồng trú căn***: Nơi nương sanh của Tâm Sở cũng cùng một loại với nơi nương sanh của Tâm, ví như Tâm nương Nhãn căn sanh thì Tâm Sở cũng nương Nhãn căn sanh. Tâm nương Nhĩ căn sanh thì Tâm Sở cũng nương Nhĩ căn sanh. Tâm nương Ý căn sanh thì Tâm Sở cũng nương Ý căn sanh.

Kết hợp đủ cả bốn (4) trường hợp trạng thái này, nên mới được gọi là **Tâm Sở**. Trong cả bốn (4) trường hợp của Tứ Đồng trạng thái này, thì chỉ có ba (3) trường hợp là “***Đồng sanh, Đồng diệt, và Đồng cảnh***” luôn luôn có ở trong Tâm Sở một cách chắc chắn. Còn trường hợp thứ tư là “***Đồng trú căn***” thì trạng thái này hiện hữu không vững chắc. Bởi vì các Tâm Sở khi sanh trong Ngũ Uẩn

địa giới (Cõi Ngũ Uẩn) thì mới cần nương vào Trú căn mà sanh khởi, nhưng nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn thì không phải nương vào Trú căn mà khởi sanh.

Chú giải:

Từ ngữ “*Cetasika*” khi ngắt ra từng phần, có được như sau: “*Ceta + s + ika*” là Pháp phối hợp với Tâm, hay Thức, gọi là *Tâm Sở*. Tâm không thể hiện hữu ngoài các *Tâm Sở*. Cả hai, Tâm và các *Tâm Sở* tương ứng, luôn luôn đồng khởi sanh và đồng hoại diệt cùng một lúc. Tuy nhiên có vài đặc tánh vật chất, như “*Vinnatti Rūpa – Sắc Biểu Tri*, gồm có hai là: *Kāyavinnatti – Thân Biểu Tri*, phương thức phát biểu bằng hành động, và *Vācivinnatti – Ngữ Biểu Tri*, phương thức phát biểu bằng lời nói” đồng khởi sanh và đồng hoại diệt với Tâm Thức.

Ngoài những hình thức phát hiện ấy đặc tánh thứ ba là có một đối tượng đồng nhất với đối tượng của Tâm. Khi có hội đủ ba đặc tánh trên, quả nhiên, phải có đặc tánh thứ tư là đồng có chung một căn.

Trong *Abhidhamma – Vô Tỷ Pháp*, Tâm hay Thức thường luôn phối hợp với 52 *Tâm Sở* này. Tập hợp tất cả Tâm lại, gọi là *Thức Uẩn (Vinnānakhandha)*. Một trong các *Tâm Sở*, có *Tâm Sở Thọ (Vedanā)* còn được gọi là *Thọ Uẩn (Vedanākhandha)*. *Tâm Sở Tưởng (Sannā)* còn được gọi là *Tưởng Uẩn (Sannākhandha)* hay được gọi là nhóm “tri giác”. Năm mươi *Tâm Sở* còn lại được gọi là *Hành (Sankhāra)* còn được gọi là *Hành Uẩn (Sankhārakkhandha)* hay được gọi là nhóm “sinh hoạt tâm linh”, với *Tâm Sở Tư (Cetanā)* là quan trọng nhất trong những *Tâm Sở* này.

Như vậy, khi phân tách về *Ngũ Uẩn (Pancakkhandha)* thì ta có:

- *Thức Uẩn – Vinnānakhandha*: là tất cả Tâm, 121 Tâm.
- *Thọ Uẩn – Vedanākhandha*: là *Tâm Sở Thọ*.
- *Tưởng Uẩn – Sannākhandha*: là *Tâm Sở Tưởng*.
- *Hành Uẩn – Sankhārakkhandha*: là 50 *Tâm Sở* còn lại (trừ *Tâm Sở Thọ*, và *Tưởng*).
- *Sắc Uẩn – Rūpakhandha*: là tất cả 28 Sắc.

PHÂN TÍCH 52 TÂM SỞ THEO ĐỒNG NHÓM HAY BÓN (RÀSÌ)

Tất cả 52 *Tâm Sở* này, khi chia ra thành ba (3) nhóm, gọi là “*Ràsì*” (cùng nhóm, bợn, bầy).

- Là một nhóm *Tâm Sở Tợ Tha* có 13 cái cùng với nhau thành một nhóm,
- một nhóm *Tâm Sở Bất Thiện* có 14 cái cùng với nhau thành một nhóm,
- một nhóm *Tâm Sở Tịnh Hảo* có 25 cái cùng với nhau thành một nhóm.

Hoặc cũng sẽ được gọi là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

PHÂN TÍCH BA NHÓM THEO THỨ LOẠI

1. Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Tợ Tha được chia ra làm hai loại là:
 - một loại gồm có 7 Tâm Sở Biến Hành,
 - một loại gồm có 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.
2. Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Bất Thiện được chia ra làm năm loại là:
 - một loại gồm có 4 Tâm Sở Si Phần,
 - một loại gồm có 3 Tâm Sở Tham Phần,
 - một loại gồm có 4 Tâm Sở Sân Phần,
 - một loại gồm có 2 Tâm Sở Hôn Phần,
 - một loại gồm có 1 Tâm Sở Hoài Nghi.
3. Các Tâm Sở trong cùng một nhóm Tịnh Hảo được chia ra làm bốn loại là:
 - một loại gồm có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành,
 - một loại gồm có 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần,
 - một loại gồm có 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần,
 - một loại gồm có 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

CHÌA KHÓA THỨ NHẤT

*Terasanna samàna ca Cudda sàkusalà tathà,
Sobhanà pancavīsati Dvipannāsa pavuccare.*

Tâm Sở có: ▪ 13 Tâm Sở Tợ Tha, ▪ 14 Tâm Sở Bất Thiện, ▪ 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.	Gom thành 52 Tâm Sở.
Tâm Sở Tợ Tha có 7 Tâm Sở Biến Hành và 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.	Gom thành 13 Tâm Sở.
Tâm Sở Bất Thiện có 4 Tâm Sở Si Phần, ▪ 3 Tâm Sở Tham Phần, ▪ 4 Tâm Sở Sân Phần, ▪ 2 Tâm Sở Hôn Phần, ▪ 1 Tâm Sở Hoài Nghi.	Gom thành 14 Tâm Sở.
Tâm Sở Tịnh Hảo có: ▪ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành,	Gom thành 25 Tâm

▪ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, ▪ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, ▪ 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.	Sở.
---	-----

CHÌA KHÓA THỨ HAI

- 7 Sabbacittasàdhàranacetāsika – 7 Tâm Sở Biến Hành: Là Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất Thống, Mạng Quyền, Tác Ý.
- 6 Pakinnakacetāsika – 6 Tâm Sở Biệt Cảnh: Là Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.
- 4 Mocatukacetāsika – 4 Tâm Sở Si Phần: Là Si, Vô Tầm, Vô Quý, Điều Cữ.
- 3 LotikacEtāsika – 3 Tâm Sở Tham Phần: Là Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.
- 4 Docatukacetāsika – 4 Tâm Sở Sân Phần: Là Sân, Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận.
- 2 Thidukacetāsika – 2 Tâm Sở Hôn Phần: Là Hôn Trầm, Thụy Miên.
- 1 Vicikicchacetāsika – 1 Tâm Sở Hoài Nghi: Là Hoài Nghi.
- 19 Sobhanasàdhàranacetāsika – 19 Tâm Sở Tinh Hảo Biến Hành: Là Tín, Niệm, Tầm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Trung Gian, Thân An, Tâm An, Thân Khinh, Tâm Khinh, Thân Nhu, Tâm Nhu, Thân Thích, Tâm Thích, Thân Thuần, Tâm Thuần, Thân Chánh, Tâm Chánh.
- 3 Viraticetāsika – 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần: Là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.
- 2 Appamannacetāsika – 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần: Là Bi, Tùy Hỷ.
- 1 Pannindriyacetāsika – 1 Tâm Sở Tuệ Quyền: Là Tuệ.

TUẦN TƯ GIẢI THÍCH Ý NGHĨA CẢ 52 TÂM SỞ

* 7 Sabbacittasàdhàranacetāsika – 7 Tâm Sở Biến Hành:

1/ Phassa – Xúc: Là Pháp xúc chạm cảnh, là trạng thái tiếp xúc của ba yếu tố: Thức, Căn, và Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn **“Phas”**, tiếp xúc. Khi một đối tượng phát hiện đến Thức, xuyên qua một trong sáu căn thì Tâm Sở Xúc khởi sanh. Và không nên hiểu rằng chỉ là sự xúc chạm suông (*Na sangatimatto eva Phasso*).

Ví như cây trụ cột chính nâng đỡ trọn vẹn toàn thể sườn nhà, cùng thế ấy, Xúc nâng đỡ các Tâm Sở đồng sanh với Xúc, bao hàm ý nghĩa **“Phusati’ti – đụng chạm đến”**. Tâm Sở Xúc có được địa vị ưu tiên vì được xem như khởi thủy, bắt đầu tư tưởng và như “điều kiện tất phải có” cho các Tâm Sở đồng phát sanh, nâng đỡ nhiều cho tất cả, ví như cây trụ cột chính.

Tứ ý nghĩa của Tâm Sở Xúc:

- (1) Trang thái (Lakkhana): có sự xúc chạm (phusana).
- (2) Phân sự (Rasa): đụng chạm (sanghattana).
- (3) Sự thành tựu (Paccupatthàna): sự tiếp xúc của ba phần: Thức, Căn, và Cảnh.
- (4) Nhân căn (Padatthàna): có cảnh hiện bày.

Có Pàli chú giải trình bày là:

1/ “*Phassena phusitvā – có sự tiếp xúc do Xúc*”, “*Thức chứng nghiệm do Thọ - Vedanāya vediyati*”, “*Tri giác do Tưởng - Sannāya sanjānāti*”, “*Có ý muốn do Tác Ý- Cetanāya ceteti*”.

2/ Vedanā – Thọ: Là Pháp thụ hưởng cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*vid*” cảm thọ. Cũng như Tâm Sở Xúc, Thọ là đặc tính chánh yếu của tất cả các loại Tâm. Thọ có năm loại, với cả hai Tâm và Thân, là Khổ, Ưu, Hỷ, Lạc, và Xả. Theo các nhà chú giải, Thọ được ví như ông chủ thưởng thức món ăn do người đầu bếp nấu. Người nấu bếp ví như các Tâm Sở còn lại trong một tư tưởng. Một cách chính xác, Tâm Sở Thọ thụ hưởng Cảnh, khi Cảnh tiếp xúc với Căn tương ứng.

Tâm Sở Thọ cảm thọ những quả thiện hay bất thiện từ một hành động đã tạo tác trong kiếp hiện tại hoặc trong kiếp quá khứ.

3/ Sannā – Tưởng: Là Pháp nhớ tưởng cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Sam + nā*”, hiểu biết, nhận thức. Đặc tánh chánh yếu của *Sannā* là nhận ra đối tượng mà trước kia Tâm đã có lần biết, tri giác.

4/ Cetanā – Tư: là Pháp thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng trong cảnh cho làm phận sự của mình.

Cả hai danh từ “*Citta – Tâm*, và *Cetanā – Tư*” đều xuất nguyên từ ngữ căn “*Cit- suy tư*”, có ý nghĩa là “*ý muốn làm*” hay “*ý muốn làm động cơ đưa đến hành động*”, “*phối hợp (abhisandhāna) và tích trữ (āyuhana)*”.

Theo sách chú giải *Atthasālini* và *Vibhāvinī Tikā*, thì:

- *Cetanā* là Pháp phối hợp tất cả Tâm Sở đồng phát sanh với nó trên đối tượng của Tâm (*Attanā sampayutta dhamme ārammane abhisandahati*).
- *Cetanā* vừa tác hành nhiệm vụ của mình, vừa phối trí sinh hoạt của các Tâm Sở khác đồng phát sanh. Theo một lối giải thích khác,

- *Cetanà* là Pháp đưa đến hành động bằng cách tạo duyên cho Pháp được cấu tạo (*Sankhatàbhisankharane* và *byàpàram àpajjati'ti cetanà*).
- *Cetanà* là Pháp đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các hành động, thiện và bất thiện.

Theo nhà chú giải LEDI SAYADAW trình bày rằng:

- “*Cetanà* hành động trên các Tâm Sở đồng phát sanh với nó bằng cách thấu nhận đối tượng, và hành động nhằm thành tựu nhiệm vụ, là quyết định hành động”.
- *Cetanà* – *Tư*, là Tâm Sở có ý nghĩa quan trọng nhất trong các loại Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), còn với Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*) có *Pannà*, là trí tuệ.

Tâm Hiệp Thế có khuynh hướng tạo tác và tích trữ Nghiệp.

Tâm Siêu Thế, trái lại, có khuynh hướng tận diệt Nghiệp.

Do đó, *Cetanà* trong các Tâm Siêu Thế, không tạo tác Nghiệp.

Tuy nhiên, *Cetanà* trong tất cả những loại Tâm Hiệp Thế, Thiện hay Bất Thiện, đều được xem là Nghiệp (*Kamma*).

Đứng về phương diện tâm lý, thì:

- *Cetanà* quyết định các hoạt động của những Tâm Sở cùng phát sanh đồng thời với nó.
- Về phương diện đạo đức, *Cetanà* quyết định hậu quả dĩ nhiên phải đến của nó.
- Do đó, nếu không có *Cetanà*, tức nhiên không có *Kamma*.

5/ Ekaggatà – Nhất Thống: Là Pháp an tịnh và cho Pháp tương ưng hiện diện trong một cảnh duy nhất.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Eka + agga + tà*”, nhất điểm, trạng thái tâm gom vào một điểm, an trụ vào một đề mục, hay tập trung vào một đối tượng. Tâm Sở Nhất Thống được ví như ngọn đèn đứng vững, không bị gió làm giao động. Như trụ cột vững chắc mà gió không thể lay chuyển. Tâm Sở Nhất Thống ngăn ngừa, không để các Tâm Sở đồng phát sanh bị phát tán, và giữ chắc các Tâm Sở vào đề mục.

Tâm Sở Nhất Thống là một trong năm chi Thiền. Khi được phát triển và trau dồi đến mức độ cao thì Tâm Sở Nhất Thống trở thành *Samādhi – Định*.

6/ Jīvitindriya – Mạng Quyền: Là Pháp duy trì Pháp tương ưng.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Jivita – mạng sống*” + “*Indriya – quyền lực*”. Gọi “*Jivita – mạng sống, hay đời sống*”. Gọi “*Indriya – quyền lực*”, có năng lực

duy trì. Với *Cetanà* quyết định mọi sinh hoạt của tất cả Tâm Sở, nhưng với *Jivitindriya* – *Mạng Quyền* duy trì sự sống vào *Cetanà* và các Tâm Sở khác.

Có hai loại *Jivitindriya* – *Mạng Quyền*, là *Nāma Jivitindriya* – *Danh Mạng Quyền*, là Tâm Sở Mạng Quyền; và *Rūpa Jivitindriya* – *Sắc Mạng Quyền*. Với Tâm Sở Mạng Quyền duy trì sự sống của Tâm và các Tâm Sở (Danh Pháp), và Sắc Mạng Quyền duy trì sự sống của các Sắc Pháp. Ví như sen trong đầm được nước nâng đỡ, ví như em bé được bà vú nuôi chăm sóc ẵm bồng, Danh và Sắc Pháp được Mạng Quyền duy trì và nâng đỡ.

Một Sắc Mạng Quyền tồn tại trong mười bảy sát na Tâm. Mười bảy Danh Mạng Quyền liên tiếp sanh rồi diệt trong khoảng thời gian của một Sắc Mạng Quyền. Ví như người chèo thuyền phải tùy thuộc chiếc thuyền, và chiếc thuyền tùy thuộc người chèo thuyền, cùng thế ấy, Mạng Quyền tùy thuộc Danh và Sắc, và Danh và Sắc tùy thuộc vào Mạng Quyền.

7/ Manasikàra – Tác Ý: Là Pháp lập ý và dẫn dắt Pháp tương ưng đến Cảnh.

Đặc tính chánh là quay tâm hướng về cảnh. Tác Ý ví như bánh lái của một chiếc tàu, bộ phận không thể không có để hướng tàu về đến nơi bến bờ. Tâm không có Tác Ý (*Manasikàra*) cũng như tàu không có bánh lái. Tâm Sở Tác Ý cũng có thể ví như người đánh xe song mã, ngồi trên xe chăm chú vào hai con ngựa (Danh và Sắc) chạy song song đều đặn.

Với 7 Tâm Sở này gọi là *Biến Hành*, bởi do phối hợp được với tất cả Tâm. Khi phân chia từ ngữ thì có được ba câu là:

- “*Sabba+ Citta+ Sàdhàrana*”, là:
- “*Sabba – tất cả*”,
- “*Citta – Tâm*”,
- “*Sàdhàrana – chung, cùng khắp cả*”.

Khi kết hợp lại ba từ ngữ này thành: “*Sabbacittasàdhàrana – cùng khắp cả (biến mãn) đến tất cả Tâm*”.

* 6 Pakinnakacetāsika – 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.

1/ Vitakka – Tầm: Là Pháp dắt dẫn Pháp tương ưng đi đến Cảnh, là khảo lự (tư duy và tầm kiếm) Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: “*Vi*”+ “*takk – suy tư*”. Tâm Sở Tầm có ý nghĩa là sự gắn ghép, áp đặt các Tâm Sở đồng phát sanh vào Cảnh. Ở mặt khác, khi được trau dồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tầm là một yếu tố đầu tiên của Thiền, chỉ thiền Tầm của tầng Sơ Thiền, đem Tâm tầm kiếm đề mục Thiền, ví

như ong bay tìm đến hoa. Với Tâm Đạo Siêu Thế (*Lokuttara Magga Citta*) thì được gọi là *Chánh Tư Duy* (*Sammā Sankappa*), vì đã loại trừ các tư tưởng lầm lạc và đưa Tâm tới Níp Bàn.

2/ Vicàra – Tứ: Là Pháp có việc dò xét phủ lấy Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: "*Vi*" + "*car – đi thên thang bất định*". Tâm Sở Tứ có ý nghĩa là sinh hoạt liên tục của Tâm với Cảnh, quán sát, dò xét vào đối tượng. Khi trau giồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tứ là một yếu tố của Thiền, chi thiền Tứ của tầng Nhị Thiền, đưa Tâm đến quán sát đề mục Thiền, ví như ong bay lượn quanh quần hoa.

3/ Adhimokkha – Thắng Giải: Là Pháp phán quyết Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: "*Adhi + muc*" - phóng thích. Tâm Sở Thắng Giải có đặc tánh là xác định, chọn lọc, ví như quan tòa phán quyết. Vì tánh cách không lay chuyển của nó, do đó được ví như một cột trụ vững chắc.

4/ Viriya – Cần: Là Pháp có sự sách tấn, sấn sụt trong Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: "*Aj – có nghĩa đi*" + "*Ir*". Từ ngữ *Vira* là người chuyên cần nỗ lực hoàn thành công việc của mình một cách liên tục. Tâm Sở Cần có trạng thái, hay hành động của người cương quyết (*Vīraṇam bhāvo, kammam*), có ý nghĩa là Pháp được thực hiện hay hoàn tất đúng phương pháp (*Vidhinā irayitabbam pavattetabbam và*). Tâm Sở Cần có đặc tính bảo hộ (*upatthambana*), giữ vững (*paggahana*), chống đỡ (*ussahana*). Ví như một ngôi nhà hư cũ nhờ những cây cột mới để chống đỡ, cùng thế ấy, Tâm Sở Cần hỗ trợ và nâng đỡ các Tâm Sở khác đồng phát sanh.

Theo chú giải **ATTHASÀLINI** có trình bày rằng:

"*Viriya – Tinh tấn, chuyên cần, cố gắng, tận lực, là căn nguyên của mọi thành tựu mỹ mãn*".

5/ Pīti – Hỷ: là Pháp có sự hân hoan, vui thích trong Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: "*Pi*", *hoan hỷ, thích thú*. Đặc điểm của Tâm Sở Hỷ là tạo thích thú cho đối tượng. Xem Chương thứ nhất, trang 35, phần giải thích rộng về Hỷ.

6/ Chanda – Dục: Là Pháp có sự mong muốn Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn: "*Chad*", mong ước, mong muốn. Đặc tính chánh yếu của *Chanda* là "*ước muốn làm*", cũng như với tay nắm lấy một vật. Có ba loại *Chanda – Dục*, là:

a. Kāmachanda – Tham Dục: là khát vọng duyên theo lục trần, một trong năm Pháp Triền Cái (Nīvarana). Đây là một loại Pháp Bất Thiện.

b. *Kattukamyatà – Tác Dục*: là “ước muốn làm”, gồm cả hai loại, bất thiện và thiện.

c. *Dhammachanda – Pháp Dục*: là ước muốn chân chánh.

Chính ước muốn chân chánh này, đã thúc giục Thái Tử **SIDDHATTHA** từ bỏ mọi thứ vui dục lạc của đời vương giả. Người Phật tử luôn có *Dhammachanda*, với ước muốn chân chánh, để chứng ngộ Níp Bàn. Quả thật đây không là sự tham ái.

Theo chú giải nhận xét như sau: “Sự cố gắng quyết ý, hay ý chí là do *Cần* (*Viriya*). Trạng thái thích thú trong đối tượng là do *Hỷ* (*Pīti*). Có ý định liên quan đến đối tượng là do *Dục* (*Chanda*).

Sáu Tâm Sở này gọi là *Tâm Sở Biệt Cảnh*, bởi do phối hợp hết các loại Tâm, nhưng chỉ được vài phần, không là hết cả thủy.

Khi phân tách từ ngữ thì có được ba câu là: “*Pa + Kinna + Ka*”.

* “*Pa – một cách cùng khắp cả*”.

* “*Kinna – biến địa giai thị (rải rác cùng khắp)*”.

* “*Ka – không có ý nghĩa một cách riêng biệt*”.

Kết hợp lại ba từ ngữ này thành “*Pakinnaka*” - rải rác một cách cùng khắp.

Có ý nghĩa là 6 Tâm Sở này phối hợp được cùng khắp thể loại, được cả phần Hiệp Thế - Siêu Thế, phần Tịnh Hảo – Vô Tịnh Hảo, phần Thiện – Bất Thiện – Quả - Duy Tác, tuy nhiên không phải là phối hợp hết cả thủy. Khác biệt với cách phối hợp của *Tâm Sở Biến Hành*, là phần phối hợp được chung cả thủy và tất cả.

Kết hợp 7 *Tâm Sở Biến Hành* và 6 *Tâm Sở Biệt Cảnh* gọi là **Tâm Sở Tợ Tha**, bởi do những Tâm Sở này có thực tính hợp với giống của các Pháp.

Chẳng hạn như, trong Tâm Sở Tịnh Hảo có Tín, hoặc trong Tâm Sở Vô Tịnh Hảo có Si chẳng hạn, thường là Pháp khác biệt đối với Tâm Sở Tợ Tha. Nhưng với Tâm Sở Tợ Tha lại hợp với giống của cả hai nhóm Tâm Sở trên, nên mới phối hợp được với Tâm. Khác với Tâm Sở Tịnh Hảo thì không thể giống với Tâm Sở Vô Tịnh Hảo được, hoặc Tâm Sở Vô Tịnh Hảo cũng không thể giống với Tâm Sở Tịnh Hảo được, do đó mới không thể phối hợp cùng nhau với Tâm.

Khi phân tách từ ngữ “*Annasamàna*” thì có được hai từ ngữ là:

“*Anna + Samàna*”.

“*Anna – Pháp khác*”.

“*Samàna – giống nhau*”.

Kết hợp hai từ ngữ này lại thành “*Annasamàna – giống với Pháp khác*”.

14 AKUSALACETASIKA – 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN

* 4 Mocatukacetasiika – 4 Tâm Sở Si Phân:

1/ Moha – Si: là Pháp che lấp thực tính của cảnh đang hiện bày, là sự mê mờ.

Xuất nguyên từ ngữ căn "*Muh*"- mê mờ, lầm lạc, ảo tưởng, và làm cho tâm mù quáng, không nhận định đúng và không thấy rõ thực tính Pháp. *Moha – Si* là một trong ba (3) căn Bất Thiện, và nằm trong tất cả các loại Tâm Bất Thiện. Nghịch nghĩa của *Moha – Si*, là *Pannā – Tuệ*. Đặc tính chánh của *Moha* là lẫn lộn, không thấy rõ bản chất của sự vật. *Moha* như đám mây mờ, bao phủ tri kiến liên quan đến Nghiệp và Tứ Đế.

2/ Ahirika – Vô Tàm: là Pháp không có sự hổ thẹn đối với Ác hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn "*a+hirika*"- không có hổ thẹn, Vô Tàm (*Ahikkam = Ahirikam*). Người không có sự hổ thẹn khi làm điều bất thiện, gọi là *Ahiriko*. Với người có sự hổ thẹn (*Hiri*) sẽ chùng bước, thối lui, trước hành động bất thiện, cũng như lông gà co rút lại trước ngọn lửa. Người có *Ahirika – Vô Tàm*, có thể làm bất luận điều bất thiện nào và không có một chút rụt rè.

3/ Anottappa – Vô Quý: Là Pháp không có sự ghê sợ đối với Ác hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn "*Na+ava+ tapp*"- bứt rứt, dầy vò. Với *Ottappa – Quý*, là ghê sợ làm điều bất thiện, tức ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện. *Anottappa – Vô Quý*, nghịch nghĩa của *Ottappa*, được ví như con thiêu thân bị cháy sém trên ngọn lửa. Một người biết sợ nóng ắt không thọc tay vào lửa. Nhưng với con thiêu thân thì không ghê sợ hậu quả tai hại của hành động bay vào lửa, do đó, bị thiêu đốt. Cùng thể ấy, một người có sự *Anottappa – Vô Quý*, không biết sợ hậu quả của hành động bất thiện, có thể làm bất cứ điều ác nào, và cuối cùng phải thọ lãnh quả khổ đau trong Khổ thú.

4/ Uddhacca – Điều Cự: Là Pháp phóng dật, thân bất cảnh không vững vàng.

Xuất nguyên từ ngữ căn "*U*"- trên, phía trên, + căn "*Dhu*"- chao động, rung chuyển.

Có Pàli chú giải trình bày như sau:

"*Uddhutassa bhàvo Uddhuccam = Uddhaccam*" – trạng thái tán loạn lao chao, ví như trạng thái tán loạn của đồng tro tàn khi người ta ném cục đá vào. Đó là trạng thái tâm chao động, và nghịch nghĩa với trạng thái tâm an trụ. Là một trong năm Pháp Triền Cái (*Nivàrana, chướng ngại tinh thần*). Tâm Trạo Cự đối nghịch với chỉ Thiền Lạc.

Theo Chú giải **ATTHASĀLINI** có giải thích về *Uddhacca – Trạo Cử*, là trạng thái Tâm xao lãng, bồn khoăn lo âu, hay bối rối, không yên.

Bốn Tâm Sở này gọi là *Tứ Si Phần (Mocatuka)* bởi đưa Tâm Sở Si làm chủ vị, và cũng chính bốn Tâm Sở này được gọi là “*Sabbākusalasādhāranacetāsika – Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành*”, bởi do nhóm Tâm Sở này phối hợp trọn vẹn với tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

* 3 Lotikacetāsika – 3 Tâm Sở Tham Phần.

1/ Lobha – Tham: Là Pháp có sự mong cầu, và say đắm trong Cảnh dục trường thượng.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Lubh*”- *bám chặt vào, hay cột lại, ái luyến, bám níu*. Từ ngữ Ái Dục cũng được dùng trong nghĩa tương đương với *Lobha*. Khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng đáng được ưa thích, tức trần cảnh khả ái, thì thường có sự luyến ái hay bám níu phát sanh, đeo níu đối tượng và không buông bỏ.

2/ Ditthi – Tà Kiến: Là Pháp có sự thấy sai trong Cảnh.

Nên ghi nhận, có sự khác biệt giữa *Moha – Si* và *Ditthi – Tà Kiến*. Si mê che lấp, làm mê mờ đối tượng giống như một đám mây mờ bao phủ. Tà kiến liên quan đến quan kiến khur khur cố chấp vào ý tưởng của mình. Tà kiến bác bỏ, không chấp nhận bản chất thật sự và nhìn sự vật một cách sai lầm. Nghịch nghĩa với Tà Kiến là *Chánh Kiến (Sammā Ditthi)*, hay là *Nàna – Trí tuệ*.

3/ Māna – Ngã Mạn: Là Pháp có sự kiêu mạn.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Man*”- *suy tư*. Ngã mạn bao hàm ý nghĩa cống cao, tự cao tự đại. Ngã Mạn nếu tính theo hẹp thì có ba là: *Ý Hơn, Ý Bằng, Ý Thua*. Và nếu theo rộng thì có chín Pháp Ngã Mạn. Cũng nên ghi nhận, có sự khác biệt giữa Tà Kiến và Ngã Mạn.

Tà kiến phát sanh khái niệm về “*Ta*” và “*Của Ta*” liên quan đến quan kiến sai lầm về *tự ngã*. Ngã mạn cũng phát sanh khái niệm về “*Ta*” liên quan đến lòng *vị kỷ*. Do đó, hai Pháp này không bao giờ khởi sanh cùng một lúc trong một Tâm căn Tham.

Theo các nhà chú giải nhận xét và so sánh, *Ditthi* và *Māna* như hai mảnh hồ không thể sống chung một khu rừng. Ba Tâm Sở này được gọi là “*Lotika – Tam Tham Phần*” là vì đưa Tâm Sở Tham lên làm chủ vị, và phối hợp với tất cả tám Tâm căn Tham.

* 4 Docatukacetāsika – 4 Tâm Sở Sân Phần.

1/ Dosa – Sân: Là Pháp làm nguy hại đến Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Dus*”- *không hài lòng*, bất hỷ duyệt, bất mãn, bất toại nguyện. Còn gọi là “*Patigha* – do căn “*Pati*”- *chống lại*, và “*gha*”- *chạm vào, đụng vào, tiếp xúc*”. Ác ý, thù hận, cũng được xem cùng ý nghĩa với *Patigha*. Khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng không đáng ưa thích thì có tâm bất toại nguyện. Ở đâu có ác ý (*Patigha*) là có buồn phiền (*Domanassa*). Có buồn phiền là có bất toại nguyện, dưới hình thức thô thiển hay vi tế.

2/ Issà – Tật Đố: là Pháp không có sự thỏa thích vừa lòng về tài vật hay về thiện công đức của người.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*i*”+ căn “*su*”- *đố kỵ, ganh ghét*. Đặc tính của *Issà – Tật Đố*, là ganh tỵ về sự thành công và thịnh vượng của người khác. Như vậy, *Tật Đố* có tánh cách khách quan, bắt nguồn từ bên ngoài chủ thể.

3/ Macchariya – Lận Sắt: là Pháp có sự cực độ ái thích về tài vật hay thiện công đức của bản thân.

“*Macchariyassa bhàvo = Macchariya*” là trạng thái của người bòn xén keo kiệt. Đặc tính của *Macchariya* là che đậy, dấu kín sự thịnh vượng của mình. Ngược lại với *Issà*, *Macchariya* có tánh cách chủ quan, bắt nguồn từ bên trong chủ thể. Cả hai, *Issà – Tật Đố*, và *Macchariya – Lận Sắt*, đều được xem là cùng nhóm của *Dosa – Sân*.

4/ Kukucca – Hối Hận: là Pháp có sự rối loạn trong Tâm về Ác hạnh đã làm, và Thiện hạnh không được thực hiện.

“*Kukatassa bhàvo = Kukkuccam*” là trạng thái của người bòn chôn lo âu, hối hận vì đã có hành động sai lầm. Theo chú giải, điều bất thiện đã làm là “*Ku+kata*”, và như vậy, ăn năn hối hận về một điều bất thiện đã làm là *Kukkucca*, và ăn năn hối tiếc điều thiện đã bỏ qua không làm cũng là *Kukkucca*.

Trong Bộ Pháp Tụ (*Dhammasangani*) đã giải thích như sau:

“Tại sao Hối Hận?”

– Với Tâm cho rằng điều hợp pháp là bất hợp pháp, cái tâm cho rằng điều bất hợp pháp là hợp pháp; cái tâm cho rằng không hợp đạo đức là đạo đức, và điều hợp đạo đức cho rằng không hợp đạo đức – tất cả những trạng thái lo âu, sốt ruột, quá lo lắng, bứt rứt lương tâm, những mất mát tinh thần – đều được gọi là *Kukkucca*.

Kukkucca – Hối Hận, là một trong năm Pháp Triền Cái (*Nivarana*) và luôn đi chung với *Uddhacca – Trạo Cự*.

Tâm Sở *Kukkucca* chỉ liên quan đến quá khứ.

Bốn Tâm Sở này gọi là “*Docatuka – Tứ Sân Phần*” là bởi đưa Tâm Sở Sân làm chủ vị, và phối hợp với hai Tâm Sân.

* 2 Thidukacetāsika – 2 Tâm Sở Hôn Phần.

1/ Thina – Hôn Trầm: là Pháp làm cho Tâm bị muội lược, thối chuyển với Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*The*”- *co rút lại* + “*na*”. Vậy “*Thena*= *thàna*= *thina*”. *Thina – Hôn Trầm*, là trạng thái tâm uơn yếu bệnh hoạn, co rút lại, thối lui, ví như lông gà trước ngọn lửa. *Thina – Hôn Trầm* nghịch nghĩa với *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo chú giải có trình bày về *Thina – Hôn Trầm* là “*Cittagelannam*”- *trạng thái tâm uơn yếu bệnh hoạn*. Như vậy, *Thina* nghịch nghĩa với “*Cittakammannatà – Tâm Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm, thuộc Tâm Sở Tịnh Hào.

2/ Middha – Thụy Miên: là Pháp làm cho Tâm mê mờ lui sụt với Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Middh*”- *không hoạt động*, không có phản ứng, không có khả năng. Đây là trạng thái uể oải, uơn yếu, đã đuối, của Tâm Sở. Cả hai, *Thina – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, luôn luôn đi chung – là một trong năm Pháp Triền Cái (Hôn Thùy). Chi thiền *Vitakka – Tầm* khắc phục *Hôn Thùy Triền Cái*.

Cũng giống với *Thina – Hôn Trầm*, *Middha – Thụy Miên* nghịch nghĩa với *Viriya*. Như vậy, nơi nào có *Thina – Middha* là nơi đó không có *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo chú giải có trình bày về *Middha – Thụy Miên* là “*Kāyagelanna*”- *trạng thái “thân” uơn yếu bệnh hoạn*. Tại đây, từ ngữ “*Kāya*” không có nghĩa là cơ thể vật chất, hay thân này, mà là *cơ cấu tổng hợp các Tâm Sở*, tức *Vedanā*, *Sannā*, và *Sankhāra*. Do đó, *Middha* nghịch nghĩa với “*Kāyakammannatà – Thân Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm Sở.

Trong Bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅgani*) đã giải thích về hai Tâm Sở *Thina – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, như sau:

Thina – Hôn Trầm, là trạng thái trí năng khó chịu, uể oải, không sẵn sàng làm, nặng nề, chậm chạp, dính mắc và không linh động; trạng thái trí thức cố thủ, bám níu, khur khur cố chấp, cứng ngắt một chỗ.

Middha – Thụy Miên, là trạng thái cảm giác khó chịu, không sẵn sàng, có cảm giác như người bị liệm kín, bị bao phủ, bị ngăn chặn từ bên trong.

Trạng thái đã đuối làm cho buồn ngủ, mê mờ, trạng thái Tâm Sở như mơ màng, thiu thiu ngủ, nửa tỉnh nửa mê. Hai Tâm Sở này gọi là “*Thiduka – Nhị Hôn Phần*” bởi do hai Tâm Sở chỉ phối hợp với những Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn (là 4 Tâm Tham Hữu Dẫn, 1 Tâm Sân Hữu Dẫn).

1 Vicikicchàcetasika – 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

Vicikicchà – Hoài Nghi: là Pháp có sự nghi lự, không quyết đoán (là do dự lòng), là phê bình lý luận về ân đức Phật, Pháp, Tăng, v.v,

Theo chú giải nêu lên hai lối giải thích như sau:

a. “*Vici*”= *Vicinanto* - tìm kiếm, hay dò xét tìm hiểu.

“*Kicch*”- mệt mỏi, e ngại, bị phiền toái.

Đó là trạng thái phiền phức do bận rộn, thắc mắc, suy nghĩ, ngờ vực, bất định.

b. “*Vi*”- không có+ *Cikicchà* – thuốc (của tri kiến).

Vậy *Vicikicchà* là không được chữa trị bằng liều thuốc hiểu biết. Cả hai lối giải thích đều ám chỉ một trạng thái bất định, bồi rối, phân vân, hoài nghi.

Kết hợp lại, 14 Tâm Sở này gọi là 14 Tâm Sở Bất Thiện, là do bởi phối hợp duy nhất với nhóm Tâm Bất Thiện.

25 SOBHANACETASIKA – 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO

* 19 Sobhanasādhāranacetāsika – 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

1/ Saddhā – Tín: là Pháp có đức tin và tín thành chân thực với ân đức Phật, Pháp, Tăng, và có đức tin về Nghiệp và Nghiệp Quả.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Sam*”- tốt đẹp, + căn “*dah*”- thiết lập, đặt lên, đề trên. Theo Pāli chú giải, *Saddhā – Tín*, là niềm tin thiết lập vững chắc đặt trên ân đức Tam Bảo, Phật Pháp Tăng. Đặc tính chánh yếu của *Saddhā* là thanh lọc, làm cho trong sạch, tinh khiết (*sampasādana*) các Tâm Sở đồng phát sanh.

- *Saddhā – Tín*, là niềm tin tưởng, tín nhiệm, căn cứ trên sự hiểu biết.
- *Saddhā – Tín* làm cho phiền não của Tâm lắng xuống, và Tâm trở nên trong sạch.
- *Saddhā – Tín* cũng là sự hiểu biết bằng cách trực giác chứng nghiệm, hoặc là sự hiểu biết được huân tập từ nhiều kiếp quá khứ.

2/ Sati – Niệm: là Pháp có sự ghi nhớ lấy Cảnh liên quan với Thiện Nghiệp, về ân Đức Phật, Pháp, Tăng, v.v.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Sar*”- hồi nhớ, chú tâm, ghi nhớ. *Sati – Niệm* có khuynh hướng gọi hiện lên trước mắt những thiện pháp và không để cho các việc thiện bị lãng quên. Đặc tính chánh của *Sati – Niệm* là “Không trôi đi” (*apilāpana*). Không giống như trái bí, trái bầu, lu hũ nổi trôi trên mặt nước, *Sati – Niệm* trầm mình trong đề mục. Cũng nên biết rằng *Sati – Niệm* đặc biệt này không nằm trong các loại Tâm Bất Thiện. Trong Tâm Bất Thiện chỉ có *Tà Niệm* (*Micchā sati*).

Trong Bộ *Pháp Tu (Dhammasangani)* có giải thích như sau:

Sati- Niệm là ghi nhớ lại, đem Tâm trở lại đối tượng, sự chú tâm ghi nhớ, mang trong Tâm cái gì nghịch nghĩa với trạng thái nông cạn và lãng quên; sự chú tâm xem như một khả năng, sự chú tâm xem như một năng lực, chánh niệm.

3/ Hiri – Tàm: Là Pháp có sự không ưa thích và hổ thẹn với việc làm Ác hạnh.

4/ Ottappa – Quý: là Pháp có sự giựt mình ghê sợ với việc làm Ác hạnh.

Hai Tâm Sở *Hiri – Tàm* và *Ottappa – Quý* luôn đi chung với nhau. *Hiri – Tàm* được phân biệt với trạng thái nhút nhát, rụt rè; và *Ottappa – Quý* được phân biệt với trạng thái sợ hãi, kinh hoàng. *Hiri – Tàm* khởi sanh từ bên trong, và *Ottappa – Quý* từ bên ngoài, do ngoại cảnh. Thí dụ về cây thanh sắt, với một đầu của thanh sắt thì đốt nóng đỏ lên, và đầu kia thì thoa đồ dơ thúi vào. Ta không sợ tay vào đầu dơ thúi của thanh sắt vì ghê tởm, nhờm gớm; và không thể sờ vào đầu nóng kia vì sợ. Cùng thể ấy, *Hiri – Tàm* cũng sợ như đầu thanh sắt dơ thúi, và *Ottappa – Quý*, như đầu thanh sắt nóng.

Theo nhà chú giải **Rhys Davids** giải thích rõ ràng về sự liên quan mật thiết giữa hai Tâm Sở này như sau:

- *Hiri – Tàm* có nghĩa sự hổ thẹn (*lajjà*), *Ottappa – Quý* có nghĩa “nỗi ưu phiền đau khổ (*ubbego*) về hành động bất thiện”.
- *Hiri – Tàm* bắt nguồn từ bên trong (*Attādhīpati – Bản Ngã Trưởng Thượng*), tự mình cảm nhận hổ thẹn, và *Ottappa – Quý* chịu ảnh hưởng của xã hội (*Lokādhīpati – Thế Gian Trưởng Thượng*), sợ xã hội dị nghị.
- *Hiri – Tàm* xây dựng trên sự hổ thẹn, và *Ottappa – Quý* trên sự sợ sệt.
- *Hiri – Tàm* tiêu biểu trạng thái nhất trí, và *Ottappa – Quý*, ghi dấu sự phân giải tình trạng hiểm nguy và ghê sợ lỗi lầm.

* Nguồn gốc chủ quan của Hiri – Tàm có bốn:

- a. Ý niệm liên quan đến sự sanh trưởng.
- b. Đến tuổi tác,
- c. Đến giá trị,
- d. Và đến sự giáo dục.

Qua đó, *Hiri – Tàm* sẽ suy tư rằng: “Chỉ con cái hạng người ty liệt, như hạng nô lệ chẳng hạn, những người nghèo khó, đói khát, kém học, mới làm điều này”. Và vì nghĩ như vậy, người ấy tự chế, nhẫn nhịn không làm.

* Nguồn gốc của Ottappa – Quý, là ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện, nằm ở bên ngoài ta.

Đó là khởi sanh ý niệm “*hạng người thiện trí thức sẽ khiển trách ta*”.

- Nếu có *Hiri – Tàm*, biết hổ thẹn trước hành động bất thiện, Đức Phật dạy rằng, là vị chủ nhân tốt nhất của chính mình.
- Với người có nhiều nhạy cảm hơn, *Ottappa – Quý*, ghê sợ hậu quả của hành động bất thiện, thì các ông chủ của niềm tin là hướng dẫn tốt nhất.
- Trong khi *Hiri – Tàm*, suy gẫm về giá trị của sự sanh trưởng của ta, về giá trị của ông thầy ta, của giai cấp ta, và của bạn các đồng môn với ta; thì *Ottappa – Quý*, cảm thấy ghê sợ trước những phiền hà của chính ta, sự khiển trách của người khác, và quả báo trong một kiếp sống khác.
- Với *Hiri – Tàm* và *Ottappa – Quý* được xem là hai yếu tố rất quan trọng chi phối thế gian. Thiếu hai yếu tố này thì không có một xã hội văn minh nào có thể tồn tại.

5/ *Alobha – Vô Tham*: Là Pháp không có sự mong cầu có được, và không dính mắc trong Cảnh Dục trường thượng.

- *Alobha – Vô Tham* nghịch nghĩa với *Lobha – Tham*.
- *Alobha – Vô Tham* không phải chỉ có nghĩa là không luyến ái, mà có ý nghĩa *Dàna – Xả thí*, lòng quảng đại, bao dung.
- *Alobha – Vô Tham* là một phẩm hạnh tích cực liên quan đến lòng vị tha.
- *Alobha – Vô Tham* là một trong ba căn Thiện. Ví như giọt nước trên lá sen, lăn trôi đi mà không dính mắc.

Đặc tính chánh của *Alobha – Vô Tham* là buông bỏ, từ khước, không đeo níu vật gì.

6/ *Adosa – Vô Sân*: Là Pháp không làm nguy hại Cảnh.

- *Adosa – Vô Sân* nghịch nghĩa với *Dosa – Sân*.
- *Adosa – Vô Sân* không phải chỉ là không có lòng sân hận, hay không bắt toại nguyện, mà còn là một phẩm hạnh tích cực.
- *Adosa – Vô Sân* cùng nghĩa với *Mettà – Từ Ái*, một trong bốn phẩm hạnh cao thượng vô lượng vô biên, Tứ Phạm Trú.
- *Adosa – Vô Sân* là một trong ba căn Thiện. Ví như một hạo bằng hữu dễ chịu, có đặc tính không gắt gỏng, không nặng lời (*candikka*).

BỘ CHÚ GIẢI ATTHASĀLINI GIẢI THÍCH RỘNG LỚN VỀ BA CĂN THIỆN

Alobha (Vô Tham), *Adosa (Vô Sân)* và *Amoha (Vô Si)* là ba căn Thiện.

Trong ba đặc tánh này, *Alobha – Vô Tham*, có đặc tính là không gán bó, không dính mắc trong mọi sự vật, tựa như giọt nước trên lá sen.

Cơ năng của *Alobha – Vô Tham* là không chiếm hữu, như vị Tỳ Khưu siêu thoát (Vô Sinh). Biểu hiện của *Alobha – Vô Tham* là buông bỏ, phải sạch như người té vào đồng rác dơ bẩn.

Adosa – Vô Sân có đặc tính là không gắt gỏng hay phiền não, như một hào bằng hữu.

Cơ năng của *Adosa – Vô Sân* là sát trừ trạng thái bức bối, phiền toái hay nóng nảy. Biểu hiện của *Adosa – Vô Sân* là dễ mến, dịu dàng, như ánh trăng rằm.

Amoha – Vô Si có đặc tính, cơ năng, v.v, liên quan với *Tâm Sở Pannindriya – Tuệ Quyền*.

- Lại nữa, *Alobha – Vô Tham* nghịch nghĩa với ô nhiễm ích kỷ.
- *Adosa – Vô Sân* nghịch nghĩa với trạng thái bất tịnh.
- *Amoha – Vô Si* nghịch nghĩa với trạng thái những điều kiện phi đạo đức.
- Lại nữa, *Alobha – Vô Tham* là nguyên nhân đưa đến đức quảng đại, tâm xả thí.
- *Adosa – Vô Sân* đưa đến cuộc sống giới đức.
- *Amoha – Vô Si* đưa đến sự tu tập.

Do *Alobha – Vô Tham* không lấy cái gì đã có dư, vì người Tham lấy điều mình đã dư thừa.

Do *Adosa – Vô Sân* lấy cái gì không ít, vì người Sân lấy cái gì ít.

Do *Amoha – Vô Si* lấy cái gì chánh đáng, vì người Si chấp điều sai lầm.

Do *Alobha – Vô Tham*, trước một lỗi lầm hiển nhiên, thấy đúng thực tính của nó, và nhận thức theo sự đúng thực. Với người tham lam che giấu lỗi lầm.

Do *Adosa – Vô Sân*, trước một đức tánh hiển nhiên, thấy đúng thực tính của nó, và nhận thức theo đúng sự thực. Với người sân xóa bỏ, làm phai mờ đức tánh.

Do *Amoha – Vô Si*, ta nhận thấy chân thực tính của mọi sự vật và ghi nhận rõ ràng. Với người si mê thì thấy giả là thật, và thấy thật là giả.

Do *Alobha – Vô Tham*, sâu muộn không phát sanh khi xa cách người thân yêu “*Ái Biệt Ly*”, vì sự triu mến là bản chất cố hữu của người tham, cũng như không thể chịu đựng nổi tình trạng xa cách người thân yêu.

Do *Adosa – Vô Sân*, sâu muộn không phát sanh khi sống chung với người không ưa thích “*Oán Tắng Hội*”, vì trạng thái bất thỏa mãn là bản chất cố hữu của người sân, cũng như không thể chịu đựng sự kết hợp với người không ưa thích.

Do *Amoha – Vô Si*, sâu muộn không phát sanh khi không đạt được điều mong muốn “*Cầu Bất Đắc*”, vì bản chất cố hữu của người si mê là luôn tự hỏi và mong mỏi sự đạt thành.

Do *Alobha – Vô Tham*, không phát sanh sự sầu muộn vì hiện tượng tái sanh, vì *Alobha – Vô Tham* là đối nghịch Ái Dục, và Ái Dục là nguyên nhân đưa đến tái sanh.

Do *Adosa – Vô Sân*, không phát sanh sự sầu muộn vì tuổi già, vì người nhiều sân hận, tánh tình nóng nảy, mau già.

Do *Amoha – Vô Si*, không phát sanh sự sầu muộn vì chết, vì *Amoha – Vô Si* không thấy hiện tượng chết là đau khổ, và người si mê lại thấy cái chết quả thật đau khổ.

Hàng Cư Sĩ sống thuận hòa với nhau nhờ vào *Alobha – Vô Tham*;

Bậc Xuất Gia sống thuận hòa nhờ vào *Amoha – Vô Si*;

Và tất cả chung sống thuận hòa với nhau nhờ vào *Adosa – Vô Sân*.

Cũng cần nên biết, *Alobha – Vô Tham*, không tái sanh vào Cõi Ngạ quỷ, vì do Tham dục thường dẫn chúng sanh tái tục vào Cõi này.

Do *Adosa – Vô Sân*, không tái sanh vào Cõi Địa ngục, vì do Sân hận, bản tánh quạu quọ, gắt gỏng thường dẫn chúng sanh tái tục vào Cõi này.

Do *Amoha – Vô Si*, không tái sanh vào Cõi Súc sanh, vì do Si mê thường dẫn chúng sanh vào Cõi này.

Trong ba đức tánh, *Alobha – Vô Tham* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng chi phối của Tham ái;

Do *Adosa – Vô Sân* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng của Sân hận;

Do *Amoha – Vô Si* thúc giục ra khỏi ảnh hưởng của Si mê.

Hơn nữa, do ba đức tánh này, phát sanh ba ý niệm tương ứng:

- Ý niệm tương ứng về sự từ khước (ly dục),
- Ý niệm tương ứng về sự vô sân (không sân hận),
- Ý niệm tương ứng về sự bất hại (không gây tổn hại); và ý niệm về sự ghê tởm, về các Phạm Hạnh cao thượng.

Do *Alobha – Vô Tham* sát trừ về cực đoan lợi dưỡng.

Do *Adosa – Vô Sân* sát trừ về cực đoan khổ hạnh.

Do *Amoha – Vô Si* trau dồi tu tập theo hạnh Trung Đạo.

Do *Alobha – Vô Tham* sát trừ dây trói buộc của Tham ái.

Do *Adosa – Vô Sân*, sát trừ dây Sân hận.

Do *Amoha – Vô Si* sát trừ hai dây trói buộc của Giới cầm thủ và Kiến chấp thủ (độc đoán tin rằng chỉ có cái này là chân lý).

Trong Tứ Niệm Xứ, do năng lực của *Alobha – Vô Tham* và *Adosa – Vô Sân*, hai chi đầu tiên (là niệm Thân và niệm Thọ) được thành tựu.

Do năng lực của *Amoha – Vô Si*, hai chi sau được thành tựu (là niệm Tâm và Pháp).

Do *Alobha – Vô Tham*, dẫn đến sức khỏe, vì không còn ham mê đeo níu theo những gì lôi cuốn, chỉ làm những điều thích hợp với mình, do đó được khỏe mạnh.

Do *Adosa – Vô Sân*, đưa đến sự trẻ trung, vì không bị lửa sân thiêu đốt, không có sự sân hận, nên giữ được sự trẻ trung lâu dài.

Do *Amoha – Vô Si*, dẫn đến cao niên đắc lão, vì biết phân biệt được điều thích hợp và tránh những điều không thích hợp, do đó được tuổi thọ lâu dài.

Do *Alobha – Vô Tham*, đưa đến giàu có thanh vượng, vì do sự Xả thí, quả trở sanh được tài sản sự nghiệp.

Do *Adosa – Vô Sân*, đưa đến nhiều người thương mến, vì do Từ Ái, quả trở sanh đưa đến thêm bạn hữu.

Do *Amoha – Vô Si*, đưa đến những thành tựu cá nhân viên mãn, vì do Trí tuệ chỉ làm những điều lợi ích cho mình, tự điều chế mình.

Do *Alobha – Vô Tham* đưa đến đời sống của Thiên Giới.

Do *Adosa – Vô Sân* đưa đến đời sống của Phạm Thiên Giới.

Do *Amoha – Vô Si* đưa đến đời sống bậc Thánh nhân.

Do *Alobha – Vô Tham*, sống an vui với những tài sản đã thu thập, giữa những người và vật thuộc nhóm quen thuộc của mình, vì không còn luyến ái, khi những người và vật bị mất mát hay bị hoại diệt, không khởi sanh sự đau buồn nuôi tiếc.

Do *Adosa – Vô Sân*, sống an vui giữa những người và vật thuộc nhóm không quen biết của mình, vì không còn sân hận, không chất chứa tình cảm bất thân thiện, dù cho sống giữa những người thù nghịch.

Do *Amoha – Vô Si*, sống an vui giữa những người và vật không thuộc phe nhóm nào, vì Trí tuệ đã dứt bỏ mọi luyến ái.

Do *Alobha – Vô Tham*, có Tuệ Quán sâu sắc liễu tri đặc tướng Vô Thường, vì lòng tham ái ham muốn thọ hưởng, đã che lấp đặc tướng Vô Thường.

Do *Adosa – Vô Sân*, có Tuệ Quán sâu sắc liễu tri đặc tướng Khổ Đau, vì nhìn thấy các Pháp đều đau khổ, do bao sự cố chấp, nguyên nhân của lòng bất toại nguyện.

Do *Amoha – Vô Si*, có Tuệ Quán sâu sắc liễu tri đặc tướng Vô Ngã, vì nhận định rõ ràng chân thực tính của ngũ uẩn và các Pháp đều là Vô Ngã.

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân thực tính của sự vật này là Vô Thường, thì có còn khởi sanh lòng ham muốn sự vật này nữa không?”

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân thực tính của sự vật này là Khổ Đau, thì có còn khởi sanh trạng thái đau khổ khác nữa do lòng sân hận quá độ không?”

“Với người quả thật đã liễu tri tường tận rằng chân thực tính của sự vật này là Vô Ngã, thì có còn khởi sanh sự ảo tưởng hiện hữu của sự vật này nữa không?”

7/ Tatramajjhata – Trung Gian: là Pháp làm cho Tâm và Tâm Sở quân bình trong mỗi sự việc của bản thân, không có việc tăng giảm.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Tatra - ở đó*”, tức là Cảnh, đối tượng; “*Majjhata - ở khoảng giữa*”, là quân bình, không thiên về bên nào. Đặc tính chánh yếu của *Tatramajjhata* – *Trung Gian* là nhìn đối tượng một cách vô tư, bất thiên vị, ví như người đánh xe nhìn đồng đều vào cặp ngựa đã được huấn luyện thuần thục. Đôi khi *Tatramajjhata* và *Upekkhà* được dùng như đồng nghĩa. Do đó, khi liệt kê các Tâm Sở Vô Lượng Phần không còn đề cập đến *Upekkhà* – *Xả* nữa. Chính Tâm Sở này đồng sanh khởi với những Tâm Thiện câu hành *Xả Thọ* (*Upekkhāsahagata Kusala Citta*).

Trong chú giải Pàli có trình bày: “*Upekkhà satipàrisuddhi - Xả Niệm thanh tịnh*”- sự trong sạch của sự ghi nhớ sanh khởi do trạng thái bình thản, hay *Tâm Xả* (*Upekkhà*) được đề cập ở đây là *Tatramajjhata*.

Cũng cần nên biết, chi Thiện *Upekkhà - Xả*, là một hình thức vi tế của Tâm Sở *Tatra - majjhata - Trung Gian*, bình thản, quân bình.

Còn trong những Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, Tâm Sở *Tatramajjhata - Trung Gian* hiện bày như là một cảm giác không vui không buồn, tế nhị vô tư, và có sự hiểu biết phân giải rõ rệt.

8/ Kàyapassaddhi – Thân An: Là Pháp có sự an tịnh yên lặng ở ba (3) Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

9/ Cittapassaddhi – Tâm An: Là Pháp có sự an tịnh yên lặng ở Tâm trong các Thiện hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Pa+Sambh*”- làm cho an tịnh, yên lặng. *Passaddhi* là trạng thái an tịnh, yên lặng, tự tại. Đặc tính chánh của *Passaddhi - An Tịnh*, là diệt trừ, hay làm dịu bớt trạng thái sôi sục của dục vọng (*Kilesadaratha vùpasama*).

- *Passaddhi - An Tịnh* ví như tàn cây bóng mát đối với người đi đường đang bị nắng thiêu đốt.

- *Passaddhi* – *An Tịnh* nghịch nghĩa với *Uddhacca* – *Trạo Cử*, phóng dật, trạng thái tâm bị khích động.

Có hai loại trạng thái an tịnh, một về Thân, gồm *Tho* (*Vedanà*), *Tưởng* (*Sannà*) và *Hành* (*Sankhàra*); và một về Tâm, là tất cả Tâm Thức. Như vậy, *Kàya Passaddhi* – *Thân An* là trạng thái an tịnh của những Tâm Sở, và *Citta Passaddhi* – *Tâm An* là trạng thái an tịnh của Tâm.

10/ Kàyalahutà – Thân Khinh: Là Pháp có sự nhẹ nhàng ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

11/ Cittalahutà – Tâm Khinh: Là Pháp có sự nhẹ nhàng ở Tâm trong các Thiện hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Laghu*” - là nhẹ, mềm, mau lẹ.

- *Lahutà* – *Khinh Nhu*, là trạng thái nhẹ nhàng, thư thái.

Đặc tính chánh của *Lahutà* – *Khinh Nhu*, là diệt trừ trạng thái nặng nề của Tâm và Tâm Sở.

- *Lahutà* – *Khinh Nhu* ví như đặt gánh nặng xuống.
- *Lahutà* – *Khinh Nhu* nghịch nghĩa với *Thìna* và *Middha* (*Hôn Thùy*) làm cho Tâm Sở và Tâm nặng nề, và thô cứng.

12/ Kàyamudutà – Thân Nhu: Là Pháp có sự mềm dịu ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

13/ Cittamudutà – Tâm Nhu: Là Pháp có sự mềm dịu ở Tâm trong các Thiện hạnh.

Đặc tính chánh của *Mudutà* – *Nhu Thuận*, là diệt trừ trạng thái thô cứng và đề kháng.

- *Mudutà* – *Nhu Thuận* làm mất đi tính cách thô cứng, và làm cho Tâm trở nên mềm dẻo, nhu thuận để tiếp thu đối tượng.
- *Mudutà* – *Nhu Thuận*, ví như một tấm da có thấm dầu và nước đầy đủ, trở nên mềm dẻo, và có thể xử dụng được dễ dàng.
- *Mudutà* – *Nhu Thuận* nghịch nghĩa với *Ditthi* – *Tà Kiến* và *Màna* – *Ngã Mạn*, làm cho Tâm Sở và Tâm thô cứng, bất nhu thuận, và khó xử dụng.

14/ Kàyakammannatà – Thân Thích: Là Pháp có sự thích hợp ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

15/ Cittakammannatà – Tâm Thích: Là Pháp có sự thích hợp ở Tâm trong các Thiện hạnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Kamma+nya+tà = Kammanyatà = Kammannatà*”- là trạng thái dễ dàng xử dụng, hay tình trạng có thể dùng. Đặc tính chánh của *Kammannatà – Thích Ứng*, là diệt trừ trạng thái khó dạy, không dùng được, khó xử dụng, của các Tâm Sở và Tâm.

- *Kammannatà – Thích Ứng*, ví như kim loại đã được đốt nóng, dễ uốn nắn theo như ý sở cầu.
- *Kammannatà – Thích Ứng* nghịch nghĩa với tất cả các Pháp Triền Cái còn lại (là Tham dục, Oán hận, và Hoài Nghi).

Trong chú giải **ATTHASĀLINI** có ghi nhận rằng, hai cặp Tâm Sở này, *Mudutà – Nhu Thuận* và *Kammannatà – Thích Ứng*, tạo nên trạng thái tịnh lặng trong những sự việc thuận tiện, khi hành Thiện, và thích ứng, nhu thuận.

16/ Kàyapàgunnatà – Thân Thuận: Là Pháp có sự thuận thực ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

17/ Cittapàgunnatà – Tâm Thuận: Là Pháp có sự thuận thực ở Tâm trong các Thiện hạnh. Đặc tính chánh của *Pàgunnatà – Thuận Thực*, là diệt trừ trạng thái uơn yếu bệnh hoạn của Tâm và Tâm Sở. *Pàgunnatà – Thuận Thực* nghịch nghĩa với sự thiếu niềm tin.

18/ Kàyujjukatà – Thân Chánh: Là pháp có sự chánh trực ở ba Uẩn Tâm Sở trong các Thiện hạnh.

19/ Cittujjukatà – Tâm Chánh: Là Pháp có sự chánh trực ở Tâm trong các Thiện hạnh.

Đặc tính chánh của *Kàyujjukatà* và *Cittujjukatà* là ngay thẳng, nghịch nghĩa với trạng thái xiêu vẹo, quanh co, khuất khúc, lừa phỉnh, mưu mẹo.

Trong tất cả Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành thì có sáu loại Tâm Sở là: *Tâm Sở An*, *Tâm Sở Khinh*, *Tâm Sở Nhu*, *Tâm Sở Thích*, *Tâm Sở Thuận*, *Tâm Sở Chánh*, làm thành đôi với nhau mới đặng 12 cái, cộng chung với các Tâm Sở Tín, v.v, thành *Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành* có được 19 cái.

Gọi là *Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành* là do phối hợp được hết tất cả Tâm Tịnh Hảo.

Khi phân tích từ ngữ ra làm hai là: “*Sobhana+sàdhàrana*”.

Từ ngữ “*Sobhana*”- *tịnh hảo, tốt đẹp, không có tội*.

Từ ngữ “*sàdhàrana*”- *chung, biến hành, cùng khắp cả*.

Kết hợp cả hai từ ngữ này lại thành “*Sobhanasàdhàrana*”- cùng khắp cả trong Tâm Tịnh Hảo, phần không có tạo tội lỗi.

* 3 Viraticetasika – 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

1/ Sammavàcà – Chánh Ngữ: là việc nói lên những ngôn từ ở ngoài phần Tứ Ngữ Ác Hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế. Nghịch nghĩa với Tà Ngữ.

2/ Sammakammanta – Chánh Nghiệp: là việc tạo tác hành động ở ngoài phần Tam Thân Ác Hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế. Nghịch nghĩa với Tà Nghiệp.

3/ Sammajīva – Chánh Mạng: là việc nuôi mạng sanh kế ở ngoài phần Tứ Ngữ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh. Nghịch nghĩa với Tà Mạng.

Ba Tâm Sở này gọi là Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, do bởi Tâm Sở Tư (*Cetanà – Tác Ý*) ở ngoài phần Ác Hạnh làm chủ vị.

Chú giải: Xuất nguyên từ ngữ căn “Vi+Ram”- thỏa thích trong.

Virati là tiết chế, thỏa thích trong sự kiêng cử, ngăn ngừa.

Theo bộ chú giải **ATTHASĀLINI** có trình bày ba (3) loại *Virati* (Ngăn Trừ Phần) là:

a. Samādāna Virati – Giới Nguyên: Là kiêng cử tránh làm những điều bất thiện, vì đó là vi phạm giới luật mà mình đã tự nguyện nghiêm trì. Thí dụ: người Phật Tử kiêng cử không sát sanh, trộm cắp, v.v, để giữ tròn ngũ giới.

b. Sampatta Virati – Giới Ngăn Ngừa: Là kiêng cử tránh làm những điều bất thiện vì nghĩ đến dòng dõi tông môn, đến tuổi tác, đến sự giáo dục, v.v, của mình.

c. Samuccheda Virati – Giới Sát Trừ: Là giới hạnh của một Thánh đệ tử, không làm điều bất thiện, vì đã tận diệt mọi căn cội bất thiện.

Trong hai trường hợp đầu, *Samādāna Virati – Giới Nguyên* và *Samādāna Virati – Giới Ngăn Ngừa*, thì những quy tắc tốt đẹp còn có thể bị vi phạm, nhưng trường hợp các bậc Vô Sinh (Alahán) thì không bao giờ có xảy ra, vì các Ngài đã hoàn toàn tận diệt mọi lậu hoặc và dục vọng.

Điều cần lưu ý rằng, cả ba Tâm Sở này đồng cùng sanh một lúc trong Tâm Siêu Thế (*Lokuttara citta*). Còn trong những trường hợp khác, ba Tâm Sở này sanh khởi riêng rẽ, vì đây là ba Tác Ý (*Cetanà*) riêng biệt.

Khi hiện hữu trong Tâm Siêu Thế (*Lokuttara citta*), ba Tâm Sở này được xem là ba chi Đạo – Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, của Chi Đạo (*Maggāṅga*) và hợp thành nhóm *Sīla – Giới*.

- *SammāDitthi – Chánh Kiến* và *Sammā Sankappa – Chánh Tư Duy*, kết hợp lại thành nhóm *Pannā – Tuệ*, được hàm chứa trong các Tâm Sở *Pannindriya – Tuệ Quyền* và *Vitakka – Tầm*.

- *SammàVàyàma* – Chánh Tinh Tấn, *SammàSati* – Chánh Niệm, và *SammàSamādhi* – Chánh Định, được hàm chứa trong các Tâm Sở Cần, Niệm, và Nhất Thống.
- *SammàVàcà* – Chánh Ngữ, là kiêng cử tránh: vọng ngữ - *Musāvāda*, lường thiệt - *Pisunāvācà*, thô ác ngữ - *Pharusavācà*, và hồ ngôn loạn ngữ - *Sampapphalāpa*.
- *SammàKamṃanta* – Chánh Nghiệp, là kiêng cử tránh: sát sanh – *Pāṇātipāṭa*, trộm cắp – *Adinnādāna*, và tà dâm – *KāmesuMicchācāra*.
- *SammàĀjīva* – Chánh Mạng, là kiêng cử tránh: buôn bán độc dược, buôn bán các chất say, buôn bán vũ khí, buôn bán nô lệ, và buôn bán thú để làm thịt.

*2 Appamannācetasika – 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

1/ Karunā – Bi: Là Pháp có sự trắc ẩn với chúng sanh bị khổ đau, là người mà đang đón nhận sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận sự khổ đau vào thời vị lai.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Kar*”- làm ra, chế tạo + “*una*”. Pháp làm rung động trái tim của người hiền lương nhân đức trước cảnh ưu phiền đau khổ của kẻ khác là *Karunā – Bi*. Pháp làm tan biến nỗi ưu phiền đau khổ của kẻ khác là *Karunā – Bi*.

Đặc tính chánh của *Karunā – Bi*, là lòng mong muốn tiêu trừ nỗi đau khổ của người khác. Kẻ thù trực tiếp của *Karunā – Bi* là *Himsā – Hung Bạo*, và kẻ thù gián tiếp là *Domanassa – Ưu Phiền*.

- *Karunā- Bi* miễn những chúng sanh đau khổ.
- *Karunā – Bi* miễn loại bỏ những tư tưởng hung bạo.

2/ Muditā – Tùy Hỷ: Là Pháp có sự vui mừng với chúng sanh được an vui, là người mà đang đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được an vui trong thời vị lai.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Mud*”- hoan hỷ, bằng lòng. *Muditā – Hỷ*, không phải là một thiện cảm suông, mà là trạng thái hoan hỷ có tánh cách tán dương, vui vẻ ngợi khen.

Đặc tính chánh của *Muditā – Hỷ*, là lòng hoan hỷ ghi nhận sự thành vượng của kẻ khác (*Anumodanā*). Kẻ thù trực tiếp của *Muditā – Hỷ* là lòng *Issā- ganh tỵ*, và kẻ thù gián tiếp là *Pahāsa - vui mừng rồi rít*.

- *Muditā – Tùy Hỷ* những chúng sanh được an vui thành vượng.
- *Muditā – Hỷ* loại trừ sự ganh ghét (*Arati*).

Hai Tâm Sở này gọi là *Appamannācetasika - Tâm Sở Vô Lượng Phần*, do nương sanh theo chúng sanh bị đau khổ hay được an vui, bao la và vô hạn định.

BỘ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO GIẢNG GIẢI RỘNG LỚN VỀ TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Từ ngữ “*Appamannā – Vô Lượng*”- vì có đối tượng nhiều vô số kể, không có biên giới, vô giới hạn. Còn được gọi là *Brahma Vihāra – Phạm Trú*, chỗ nương ở của đời sống Phạm Hạnh. Có tất cả bốn (4) Pháp là:

- *Mettā – Từ, Karunā – Bi, Muditā – Hỷ, và Upekkhā – Xả.*
- *Mettā – Từ Ái* hàm chứa trong Tâm Sở *Adosa – Vô Sân.*
- *Upekkhā – Xả* hàm chứa trong Tâm Sở *Tatramajjhataṭṭā – Trung Gian.*

1/ Mettā – Từ: Xuất nguyên từ ngữ căn “*Mid*”- làm êm dịu, thương yêu, trạng thái của hảo bằng hữu. Pháp làm êm dịu tâm trí, hay tâm tánh dịu hiền của người bạn hiền lành, chính là *Mettā – Từ Ái*. *Mettā – Từ Ái*, bao gồm những ý nghĩa thiện chí, từ ái, tình thương vì lòng tốt.

Đặc tính chánh của *Mettā – Từ* là thái độ từ ái. Kẻ thù trực tiếp của *Mettā – Từ* là sự sân hận, hay ác ý (*Kodha*), và kẻ thù gián tiếp là tình thương vị kỷ (*Pema*).

- *Mettā – Từ Ái* bao trùm tất cả chúng sanh, không phân biệt một chúng sanh nào. Đỉnh cao của *Mettā – Từ Ái* là tự chan hòa, tự đồng nhất với tất cả chúng sanh.
- *Mettā – Từ Ái*, với lòng thành thật ước mong tất cả chúng sanh được tốt đẹp và an lành.
- *Mettā – Từ Ái* lánh xa sự ác ý.

2/ Upekkhā – Xả: Xuất nguyên từ ngữ căn “*Upa*”- một cách vô tư, công bằng + căn “*Ikkh*”- thấy, nhìn, xem.

Upekkhā – Xả, là nhìn một cách vô tư, không luyến ái cũng không bất toại nguyện. Đặc tính chánh của *Upekkhā – Xả* là một trạng thái quân bình vô tư. Kẻ thù trực tiếp của *Upekkhā – Xả* là khao khát ham muốn (*Rāga*), và kẻ thù gián tiếp là trạng thái thờ ơ lãnh đạm một cách thần nhiên, không có suy tư.

- *Upekkhā – Xả* loại bỏ sự luyến ái và lòng bất mãn.
- *Upekkhā – Xả* bao gồm tất cả người tốt và xấu, người thương và ghét, những vật vừa lòng và vật không vừa lòng, hạnh phúc và đau khổ, và những cặp đối nghịch tương tự.

Trong bộ chú giải *Visuddhi Magga – Thanh Tịnh Đạo* của Ngài **BUDDHAGHOSA** có chú giải đầy đủ chi tiết về *Tứ Phạm Trú (Brahma Vihāra)* này.

* Đặc tính chánh của Tâm Từ là bền chí theo đuổi đức tánh từ ái. Lòng triu mến vị kỷ là biểu hiện giả dạng (*Vipatti*) của Tâm Từ (*kẻ thù gián tiếp*).

* Đặc tính chánh của Tâm Bi là sự chia sẻ và làm suy giảm nỗi đau khổ của chúng sanh. Nước mắt và những bi lụy là biểu hiện giả dạng của Tâm Bi (*kẻ thù gián tiếp*).

* Đặc tính chánh của Tâm Hỷ là lòng thành thật ngợi khen sự thành tựu mỹ mãn của chúng sanh. Vui cười hỷ hả và những hình thức cười giỡn là biểu hiện giả dạng của Tâm Hỷ (*kẻ thù gián tiếp*).

* Đặc tính chánh của Tâm Xả là tâm quân bình với trí tuệ sáng suốt, nhìn thấy rõ lý Nghiệp Báo của chúng sanh, làm suy giảm những khao khát dục vọng. Trạng thái thản nhiên lãnh đạm thờ ơ là biểu hiện giả dạng của Tâm Xả (*kẻ thù gián tiếp*).

Tương tự như thế, Ngài **BUDDHAGHOSA** cũng đề cập đến bốn đức tánh của Tứ Phạm Trú này, nếu hành giả tu tập một cách chuyên cần thì sẽ diệt trừ tận gốc rễ những Pháp nghịch trong đời sống hằng ngày, là:

* Với Tâm Từ sẽ diệt trừ được lòng thù hận (*Vyàpàda*).

* Với Tâm Bi sẽ diệt trừ được sự hung bạo (*Viheṣa*).

* Với Tâm Hỷ sẽ diệt trừ được sự bất mãn nóng nảy (*Arati*).

* Với Tâm Xả sẽ diệt trừ được sự khao khát dục vọng (*Ràga*).

* Tâm Từ và sự thù hận không bao giờ đi chung.

Tuy nhiên, Tâm Từ và đối tượng của nó khi quá gần gũi thì Tâm Từ lại bị lòng luyến ái đe dọa. Về phương diện này, hãy thận trọng bảo vệ Tâm Từ.

* Tâm Bi và sự hung bạo không bao giờ đi chung.

Tuy nhiên, lòng bi mẫn đối với chính mình, tự thương xót mình, tự gấn bó khấn khít vào điều gì mình không có hay đã mất, về nỗi buồn mơ hồ tầm thường, sẽ là mối đe dọa của Tâm Bi.

* Tâm Hỷ và sự bất mãn nóng nảy không bao giờ đi chung.

Tuy nhiên, sự hoan hỷ với điều gì mình đang có, hoặc vui thích với những hạnh phúc thế tục vị kỷ, sẽ làm đi ý nghĩa cao thượng của Tâm Hỷ, là vui mừng ngợi khen những sự tốt đẹp của người khác.

* Tâm Xả và sự khao khát dục vọng không bao giờ đi chung.

Tuy nhiên, sự lãnh đạm không sáng suốt của người thế tục, không vượt qua được những giới hạn cũng như không nắm vững về nhân và quả, vì không

đủ khả năng để vượt qua khỏi sự vật bên ngoài, là một trở ngại quan trọng của Tâm Xả.

Ngài **BUDDHAGHOSA** nhận xét về đức tánh cao quý của Tứ Phạm Trú, và gọi là “*Appamanna*”- *Vô Lượng*.

Và dẫn chứng với thí dụ về câu chuyện của một người mẹ và bốn con, như sau:

- * Lòng ước muốn cho đứa con sơ sinh được mau chóng lớn, là Tâm Từ (*Mettà*).
- * Lòng ước muốn cho đứa con đang bị bệnh, sớm mau bình phục, là Tâm Bi (*Karunà*).
- * Lòng ước muốn cho đứa con được thành tựu viên mãn việc học hành, là Tâm Hỷ (*Mudità*).
- * Lòng ước muốn cho đứa con được bình yên ổn định trong công ăn việc làm, là Tâm Xả (*Upekkhà*).

* 1 Pannindriyacetasika – 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

Pannà – Tuệ: Là Pháp liễu tri một cách xác thực toàn diện Pháp Thực Tính.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Pa*”- *chân chánh*, đứng đắn, “*nà*”- *hiểu biết*. *Pannà* là hiểu biết chân chánh, biết đúng. Đặc tính chánh của *Pannà – Tuệ*, là thấu đạt thực tướng, hay hiểu biết thông suốt, tức hiểu biết thấu đáo, xuyên thấu. (*Yathàsabhāva pativedho* và *akkhalita pativedho*). Được gọi là Tuệ Quyền vì có quyền lực và khả năng trong phần lớn liễu tri bản chất thực tướng, và vì *Pannà* khắc phục được Vô Minh.

Trong Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhammapitaka*) các danh từ *Nàna*, *Pannà*, và *Amoha* thường được dùng đồng nghĩa.

- Trong các Tâm Tương Ứng Trí (*Nānasampayutta*), danh từ *Nàna* đồng nghĩa với *Pannà*.
- Trong Tứ Như Ý Túc (*Iddhipāda*), *Pannà* có tên gọi là *Vimamsā* (*Thẩm – quán trạch*).
- Trong những Tâm Thiền, khi nhập Định, hiện bày những thần thông, thì *Pannà* ở vị trí là *Abhinna – Thắng Trí*.
- Phát triển cao hơn nữa, trong phần *Maggāṅga – Chi Đạo*, thì *Pannà* là *Sammā Ditthi – Chánh Kiến*. Đỉnh cao của *Pannà* là trạng thái Toàn Giác của một vị Phật. *Pannà – Tuệ*, là thấy sự vật đúng như thật, thấy thực tướng của sự vật, tức thấy sự vật theo chân thực tính của *Vô Thường* (*Anicca*), *Khổ* (*Dukkha*), và *Vô Ngã* (*Anattā*).

TRÌNH BÀY BÀI KÊ GIỚI THIỆU VỀ PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGA)

*Tesam cittàviyuttānam Yathāyogamito param,
Cittuppādesu paccekam Sampayogo pavuccati.*

Tiếp theo đây, sẽ trình bày việc phối hợp của từng mỗi Tâm Sở có thực tính là Câu Sanh với Tâm, vừa theo phần sanh khởi và được phối hợp với Tâm.

Chú giải: Từ ngữ “Cittàviyuttā” - *Bất Ly Tâm*, là không thể tách rời ra khỏi Tâm được, tức là *Cetasika – Tâm Sở*.

Từ ngữ “Cittuppādo” - *Tâm Khởi Sanh*, là khởi điểm của Tâm.

TRÌNH BÀY PHẦN GIẢN LƯỢC NGUYÊN TẮC CỦA PHẦN PHỐI HỢP

*Satta sabbattha yujjanti Yathāyogam pakinnakā,
Cuddasākusalesveva Sobhanasveva sobhanā.*

Bảy Tâm Sở Biến Hành thường cùng phối hợp với tất cả Tâm. Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh thường phối hợp với các Tâm thích hợp. Mười bốn Tâm Sở Bất Thiện thường chỉ phối hợp với mười hai Tâm Bất Thiện. Hai mươi lăm Tâm Sở Tịnh Hảo thường chỉ phối hợp với năm mươi chín Tâm Tịnh Hảo.

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ trên chỉ trình bày một cách giản lược của Phần Phối Hợp, để làm căn bản cho sự hiểu biết trước, và sẽ giải thích một cách rộng rãi của Phần Phối Hợp tiếp theo đây.

PHẦN PHỐI HỢP CỦA 13 TÂM SỞ TỢ THA

Mười ba Tâm Sở Tợ Tha có bảy phần Phối Hợp, là:

1. Bảy Tâm Sở Biến Hành: tính thành một phần Phối Hợp. Và phối hợp được tất cả 89 hoặc 121 Tâm.

Còn sáu Tâm Sở Biệt Cảnh tính thành sáu phần Phối Hợp.

2. Tâm Sở Tầm: phối hợp được 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức) và 11 Tâm Sơ Thiện.

Không phối hợp có được 66 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Nhị Thiện, 11 Tâm Tam Thiện, 11 Tâm Tứ Thiện, và 23 Tâm Ngũ Thiện.

3. Tâm Sở Tứ: Phối hợp được 66 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiện, và 11 Tâm Nhị Thiện.

Không phối hợp có được 55 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Tam Thiên, 11 Tâm Tứ Thiên, và 23 Tâm Ngũ Thiên.

4. Tâm Sở Thắng Giải: Phối hợp được 110 Tâm, là 43 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, và 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp có được 11 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, và 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi.

5. Tâm Sở Căn: Phối hợp được 105 Tâm, là 38 Tâm Dục Giới (trừ 15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp có được 16 Tâm, là 15 Tâm Quả Vô Nhân, và 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

6. Tâm Sở Hỷ: Phối hợp được 51 Tâm, là 18 Tâm Dục Giới câu hành Hỷ, 11 Tâm Sơ Thiên, 11 Tâm Nhị Thiên, 11 Tâm Tam Thiên.

Không phối hợp có được 70 Tâm, là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Nhãn Thức, 55 Tâm câu hành Xả, 11 Tâm Tứ Thiên.

7. Tâm Sở Dục: Phối hợp được 101 Tâm, là 34 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

Không phối hợp có được 20 Tâm, là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân.

GÀTHASANGAHA – KÊ TỔNG HỢP

Tuần tự tiếp theo, là phần Phối Hợp và Bất Phối Hợp với Tâm của 6 Tâm Sở Biệt Cảnh như sau:

Te pana cittuppàdà yathàkkamam

Chasatthi pancapannàsa

Ekàdasa ca solasa

Sattati vīsati ceva

Pakinnakavivajjità

Pancapannàsa chasatthit-

Thisattati tisattati

Ekapannàsa cekuna

Sattati sapakinnakà.

Tóm lược tuần tự, ở phần 6 Tâm Sở Biệt Cảnh bất phối hợp với các Tâm, có số lượng theo thứ tự của Tâm Sở như tiếp theo đây, là 66, 55, 11, 16, 70, 20.

Còn Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp được với các Tâm có số lượng theo thứ tự của Tâm Sở như tiếp theo đây, là 55, 66, 78 (110), 73 (105), 51, 69.

Kệ Tổng Hợp trình bày phần Phối Hợp và Bất Phối Hợp của Tâm Sở Biệt Cảnh, là:

	Phối Hợp	Bất Phối Hợp
Tâm Sở Tâm	55	66
Tâm Sở Tứ	66	55
Tâm Sở Thắng Giải	78 (110)	11
Tâm Sở Cần	73 (105)	16
Tâm Sở Hỷ	51	70
Tâm Sở Dục	69 (101)	20

Kệ Tổng Hợp trình bày phần số lượng Tâm phối hợp với Tâm Sở Biệt Cảnh, có hai phần, là tính số Tâm theo giản lược (hợp), và theo giải rộng.

Đề cập đến các Tâm Sở *Thắng Giải*, *Cần* và *Dục* *phối hợp* được với hết tất cả Tâm Siêu Thế, nên số Tâm này được tính cả phần giản lược và giải rộng.

Phần các Tâm Sở *Tâm*, *Tứ*, và *Hỷ* *bất phối hợp* với hết tất cả Tâm Siêu Thế, nên số Tâm mà phối hợp được các Tâm Sở này được tính theo giải rộng.

Một trường hợp nữa của việc phối hợp Tâm Sở Biệt Cảnh, là việc các Tâm Sở *Tâm*, và *Tứ* *bất phối hợp* với Tâm Siêu Thế, chủ ý lấy phần Tâm Siêu Thế của bậc Thánh Nhân có được “*Jhānalābhi – Phúc Lộc Thiên*”.

Với các bậc Thánh Nhân được “*Sukhavipassaka – Lạc Quán*” thì các Tâm Sở trên sẽ bất phối hợp.

Với Tâm Sở Hỷ thường sanh tùy thuộc vào Tâm Siêu Thế, đề cập rằng, nếu Tâm Siêu Thế câu sanh Hỷ thọ thì Tâm Sở Hỷ phối hợp được, còn nếu Tâm Siêu Thế câu sanh Xả thọ thì Tâm Sở Hỷ bất phối hợp.

PHẦN PHỐI HỢP CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN

- 1/ Bốn Tâm Sở Si Phần phối hợp với tất cả 12 Tâm Bất Thiên.
- 2/ Tâm Sở Tham phối hợp với 8 Tâm căn Tham.
- 3/ Tâm Sở Tà Kiến phối hợp với 4 Tâm tương ưng Kiến.
- 4/ Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp với 4 Tâm bất tương ưng Kiến.
- 5/ Bốn Tâm Sở Sân Phần phối hợp với 2 Tâm căn Sân.
- 6/ Hai Tâm Sở Hôn Phần phối hợp với 5 Tâm Bất Thiên hữu dãn.
- 7/ Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp với 1 Tâm tương ưng Hoài Nghi.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN PHỐI HỢP CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN

Sabbāpunnesu cattāro Lobhamūle tayo gatā

<i>Dosamùlesu cattàro</i>	<i>Sasankhàre dvayam tathà</i>
<i>Vicikicchà vicikicchà</i>	<i>Citte càti catuddasa</i>
<i>Dvādasākusalesveva</i>	<i>Sampayujjanti pancadhà.</i>

Mười bốn Tâm Sở Bất Thiện thường chỉ phối hợp với mười hai Tâm Bất Thiện, và chia ra thành năm phần là:

- 1/ Bốn Tâm Sở Si Phần phối hợp hết tất cả 12 Tâm Bất Thiện, tính là một phần.
- 2/ Ba Tâm Sở Tham Phần (Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn) chỉ phối hợp với 8 Tâm căn Tham, tính là một phần.
- 3/ Bốn Tâm Sở Sân Phần chỉ phối hợp với 2 Tâm căn Sân, tính là một phần.
- 4/ Hai Tâm Sở Hôn Phần chỉ phối hợp với 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn, tính là một phần.
- 5/ Tâm Sở Hoài Nghi chỉ phối hợp với 1 Tâm tương ưng Hoài Nghi, tính là một phần.

PHẦN PHỐI HỢP CỦA HAI MƯƠI LĂM TÂM SỞ TỊNH HẢO

- 1/ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp với tất cả 59 hay 91 Tâm Tịnh Hảo.
- 2/ Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.
- 3/ Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, và 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền).
- 4/ Tâm Sở Tuệ phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện tương ưng Trí, 4 Tâm Đại Quả tương ưng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

KÊ TRÌNH BÀY BỐN PHẦN PHỐI HỢP CỦA 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO **(SOBHANACETASIKA)**

<i>Ekūnavīsati dhammà</i>	<i>Jāyantekūnasatthisu</i>
<i>Tayo solasa cittesu</i>	<i>Atthavīsatiyam dvayam</i>
<i>Pannā pakàsità satta</i>	<i>Cattālisavidhesupī</i>
<i>Sampayuttā catudhevam</i>	<i>Sobhanasveva sobhanā.</i>

Hai mươi lăm Tâm Sở Tịnh Hảo thường phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo và chia ra thành bốn phần là:

1/ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, tính là một phần.

2/ Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm Tịnh Hảo, tính là một phần.

3/ Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm, tính là một phần.

4/ Tâm Sở Tuệ phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm, tính là một phần.

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT VỀ VIỆC PHỐI HỢP CỦA HAI TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN

Việc phối hợp của hai Tâm Sở Vô Lượng Phần có hai trường phái ý kiến (vàda) là:

1. Samanāvāda – Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến: Là ý kiến của tất cả các nhà chú giải, như Giáo Sư ANURUDDHA, v.v, đều nói rằng hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp được hai mươi tám Tâm như đã được đề cập đến ở phần trên.

2. Kecivāda – Nhất Hệ Kiến: Là ý kiến của một vài nhà chú giải trình bày rằng: hai Tâm Sở Vô Lượng Phần này chỉ phối hợp trong 20 Tâm mà thôi, là 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, và 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiên).

Sẽ bắt phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện Xả thọ và 4 Tâm Đại Duy Tác Xả thọ, do bởi cho nhân quả là “Vihinsā – Nhựt Lận” là việc chủ ý hãm hại người khác, có chi pháp là *Tâm Sở Sân*.

- Thực tính của Bi thường là đối nghịch với Tâm Sở Sân.

“Arati – Bất Hỷ” là sự bất hỷ duyệt, không thỏa thích lòng, tâm bất khoái lạc với sự tốt đẹp của người khác, có chi pháp là *Ưu thọ* và có *Tật Đố* làm chủ vị.

- Thực tính của Tùy Hỷ thường là đối nghịch với Ưu thọ với chủ vị là *Tật Đố*.

Do đó Bi Tùy Hỷ phải nên phối hợp với Tâm câu hành Hỷ và không thích hợp trong việc phối hợp với Tâm câu hành Xả.

Tuy nhiên, “Samanāvāda- Nhất Trí Kiến” là các nhà chú giải nói rằng ý kiến của “Keciācariya – Nhất Ban Giáo Sư” này chỉ đúng được một phần, và sai một phần.

Việc đúng một phần là người đang tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ trong giai đoạn đầu, khi vẫn còn là “Parikammabhāvanā – Chuẩn Bị Tu Tập” và “Parikammanimitta – Sơ Tướng”, vẫn chưa đi đến “Uggahanimitta – Thô

Tướng” thì Bi Tùy Hỷ sẽ được sanh khởi, đúng thật là với Tâm Hỷ thọ, do đó Bi Tùy Hỷ phải sanh khởi và phối hợp với Tâm Hỷ thọ là việc đúng thực.

Tuy nhiên, khi tiếp tục tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ cho tới Thô Tướng được sanh khởi, thường là Tâm của hành giả tiến tu Nghiệp Xứ đã có sự rành rẽ

Như thế trong sát na tiến hóa Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ mà Thô Tướng đang sanh với Tâm của hành giả đã có sự rành rẽ như đã được nói đến, thì việc phối hợp với Hỷ thọ hoặc với Xả thọ cũng được, không buộc phải là thường luôn với Hỷ thọ; do vậy, việc nói rằng Bi Tùy Hỷ không sanh với Tâm Xả thọ là việc không đúng thực.

ANİYATAYOGÌ – NIYATAYOGÌCETASIKA – TÂM SỞ BẤT ĐỊNH VÀ NHẤT ĐỊNH

<i>Issà maccherakukkucca</i>	<i>Viratìkarunàdayo</i>
<i>Nànà kadàci mào ca</i>	<i>Thinamiddham tathà saha</i>
<i>Yathàvuttànusàrena</i>	<i>Sesà niyatayogino</i>
<i>Sangahanca pavakkhàni</i>	<i>Tesandàni yathàraham.</i>

Với tám Tâm Sở, là *Tật Đố*, *Lận Sắt*, *Hối Hận*, ba Tâm Sở Ngăn Trì *Phân*, *Bi*, *Tùy Hỷ*, thì phối hợp là khi có khi không, thỉnh thoảng, đôi khi và không cùng nhau phối hợp, gọi là “*Nànàkadàcicetasika – Riêng biệt và tùy lúc Tâm Sở*”.

- *Ngã Mạn* thì cũng phối hợp khi có khi không, gọi là “*Kadàcicetasika – Tùy Lúc Tâm Sở*”.
- *Hôn Trầm Thùy Miên* cũng là khi có khi không, nhưng cùng nhau phối hợp, gọi là “*Sahakadàcicetasika – Tùy lúc cùng nhau Tâm Sở*”.

Còn 41 Tâm Sở còn lại, ngoài 11 Tâm Sở này, thì phối hợp một cách vững chắc, gọi là “*Niyatayogìcetasika – Nhất Định Tâm Sở*”. Bây giờ sẽ trình bày việc đếm số lượng Tâm Sở theo phần được Phối Hợp, vừa theo thích hợp.

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ trình bày về mười một Tâm Sở Bất Định và bốn mươi một Tâm Sở Nhất Định, cùng với lời phát nguyện sẽ nói tới phần Tổng Hợp. Việc phối hợp của Tâm Sở với các Tâm như đã được nói đến, có một nhóm luôn luôn phối hợp với Tâm một cách chắc chắn, bất luận là Tâm sẽ sanh trong Cảnh Nội Phần hay Ngoại Phần, hoặc là bất luận ở công việc nào. Tuy nhiên, có vài nhóm Tâm

Sở chỉ được sanh trong cảnh phù hợp đặc biệt, không thể phổ thông được; do đó, việc phối hợp mới gọi là “*Khi có khi không*”.

Có mười một Tâm Sở có Cảnh hạn định theo đặc tính, và gọi là “*Aniyatayogī – Bất Định*”, là Ngã Mạn, Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận, Hôn Trầm, Thùy Miên, ba Ngăn Trừ Phần, và hai Vô Lượng Phần.

* Việc đề cập Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp bất định với 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến, là khi nào Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến sanh theo cách kiêu mạn (*Ahamgāha – Ngạo Mạn*) thì khi đó có Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp. Còn khi Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến sanh khởi và không có sự kiêu mạn thì Tâm Sở Ngã Mạn không có phối hợp. Như thế, Tâm Sở Ngã Mạn gọi là “*Kadācicetasika – Tùy lúc Tâm Sở*”.

* Cả ba Tâm Sở Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận đã được đề cập đến, là chỉ phối hợp với hai Tâm căn Sân, là việc phối hợp bất định, và cả ba Tâm Sở này nếu có phối hợp với Tâm căn Sân thì cũng chỉ phối hợp theo riêng từng mỗi Tâm Sở, không phối hợp chung cả ba cùng một lúc.

- Việc phối hợp bất định, có ý nghĩa là khi Tâm Sân sanh khởi chỉ thuần sự phần nộ, không có trạng thái ganh tỵ, bòn xén, hay rối loạn Tâm, bất luận loại nào, làm Cảnh thì khi đó Tâm sân không có phối hợp với ba Tâm Sở này.
- Chừng khi nào, Tâm Sân sanh khởi có sự ganh tỵ thiện công đức của người khác, thì ngay khi Tâm Sân sanh khởi, chỉ có Tâm Sở Tật Đố cùng phối hợp, còn Lận Sắt và Hối Hận không vào phối hợp.
- Khi Tâm Sân sanh khởi có sự bòn xén thiện công đức của tự bản thân, thì chỉ có Tâm Sở Lận Sắt vào phối hợp, và Tật Đố cùng Hối Hận không vào phối hợp.
- Khi Tâm Sân sanh khởi với sự rối loạn tâm về Ác hạnh đã tạo tác hay có sự rối loạn tâm về Thiện hạnh đã không được thực hiện, thì ngay khi Tâm Sân sanh khởi, chỉ có Tâm Sở Hối Hận vào phối hợp, và Tật Đố cùng Lận Sắt không vào phối hợp (***Bất Định và đi riêng***).

* Việc phối hợp của hai Tâm Sở Hôn Trầm - Thùy Miên đã có đề cập đến rằng chỉ có phối hợp với năm Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn, cũng là việc phối hợp bất định. Tuy nhiên, ngay trong sát na mà Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn sanh khởi và có phối hợp với hai Tâm Sở Hôn Thùy này, thì thường cùng nhau phối hợp một lượt. Việc phối hợp bất định có ý nghĩa là ngay sát na mà Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn sanh khởi, mặc dù là loại Tâm Hữu Dẫn nhưng bản chất không có sự thoái chuyển lui sụt, thì lúc đó Hôn Trầm Thùy Miên không phối hợp. Nhưng các

Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn này sanh khởi có sự thoái chuyển, không vững mạnh, thì có sự phối hợp của Hôn Trầm - Thùy Miên này (**Bất định mà đi chung**).

* Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm, gọi là Tâm Sở Bất Định phần “*Riêng biệt và tùy lúc*” với mục đích chỉ lấy phần Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế.

Còn đối với phần Siêu Thế, thì ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần gọi là “*Niyataekato- cetasika – Nhất định cùng nhau Tâm Sở*”, là phối hợp một cách xác định, và luôn cùng nhau phối hợp.

Như Giáo Sư **ANURUDDHA** có trình bày là:

“*Viratiyo pana tissopi lokuttacittesu sabbathàpi niyatà ekatova labbhanti. Lokiyesu pana kàràvacarakusalesveva kadàci sandissanti visum visum*”.

Có nghĩa là, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần khi phối hợp với Tâm Siêu Thế thường cùng nhau phối hợp một cách nhất định, gọi là “*Niyataekato – Nhất định cùng nhau*” với trạng thái thực hiện chức năng làm người sát tuyệt Ác hạnh qua việc mưu sinh xấu xa. Tuy nhiên, khi phối hợp với Tâm Hiệp Thế, như là Tâm Đại Thiện thì thường là phối hợp bất định, không cùng nhau, và khi có khi không.

Việc phối hợp của ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần với Tâm Đại Thiện là bất định và không chung nhau, là vì khi Tâm Đại Thiện sanh khởi nương vào Tín, Niệm, Tuệ, Từ, Bi, Hỷ mà không có liên quan với việc diệt trừ Ác hạnh trong việc mưu sinh xấu ác, khi Tâm Đại Thiện sanh khởi thì các Tâm Sở Ngăn Trừ Phần này bất phối hợp.

Khi Tâm Đại Thiện sanh khởi có việc loại trừ Tứ Ngũ Ác hạnh phần không có liên quan đến việc mưu sinh, thì chỉ có Tâm Sở Chánh Ngũ phối hợp, còn Chánh Nghiệp và Chánh Mạng bất phối hợp. Khi Tâm Đại Thiện sanh khởi có việc loại trừ Tam Thân Ác hạnh phần không có liên quan đến việc mưu sinh, thì chỉ có Tâm Sở Chánh Nghiệp phối hợp, còn Chánh Ngũ và Chánh Mạng bất phối hợp. Khi Tâm Đại Thiện sanh khởi có việc loại trừ Tam Thân Ác hạnh và Tứ Ngũ Ác hạnh, có việc mưu sinh làm chủ vị, thì chỉ có Tâm Sở Chánh Mạng phối hợp, còn Chánh Ngũ và Chánh Nghiệp bất phối hợp. (**Bất định và đi riêng**).

* Việc phối hợp của hai Tâm Sở Vô Lượng Phần với hai mươi tám Tâm là bất định, bởi vì các Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác sanh khởi nương vào Tín, Niệm, Tuệ, v.v, và không có nương nhờ vào Bi Tùy Hỷ, thì ngay sát na Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác sanh khởi, các Tâm Sở Vô Lượng Phần này bất phối hợp.

Khi Tâm Thiền Sắc Giới sanh khởi do nương vào việc tu tiên các Nghiệp Xứ, như là “*Kasīnakammattāna – Biện Xứ Nghiệp Xứ*” v.v, không có chủ ý nương vào việc tiến tu Vô Lượng Nghiệp Xứ, thì ngay sát na Tâm Thiền Sắc Giới sanh khởi, các Tâm Sở Vô Lượng Phần này cũng bất phối hợp, tuy rằng hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp được với hai mươi tám Tâm này.

Phải nói rằng, những 28 Tâm trên do nương sanh vào “*Dukkhasattapannatti – Khổ đau hữu tình chế định*” làm Cảnh, hay làm Nghiệp Xứ, thì khi đó Tâm Sở Bi mới phối hợp được, và Tâm Sở Tùy Hỷ bất phối hợp. Khi hai mươi tám Tâm trên, do nương sanh vào “*Sukhasattapannatti – An lạc hữu tình chế định*” làm Cảnh, hoặc làm Nghiệp Xứ, thì khi đó Tâm Sở Tùy Hỷ mới phối hợp được, và Tâm Sở Bi bất phối hợp.

TRÌNH BÀY GIẢN LƯỢC NGUYÊN TẮC PHẦN TỔNG HỢP

<i>Chattimsānuttare dhammā</i>	<i>Pancatimsa mahaggaṭṭe</i>
<i>Atthattimsāpi labbhanti</i>	<i>Kāmaṇvacara sobhane</i>
<i>Sattavīsati punnamhi</i>	<i>Dvādasāhetukēti ca</i>
<i>Yathā sambhavayogena</i>	<i>Pāncadhā tattha sangaho.</i>

Phần Tổng Hợp là việc tính số lượng Tâm Sở phối hợp dựa theo năm (5) trường hợp thích hợp với 89 hoặc 121 Tâm, đó là:

1. Ở Tâm Siêu Thế có 36 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).
2. Ở Tâm Đáo Đại có 35 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).
3. Ở Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 38 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
4. Ở Tâm Bất Thiện có 27 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 14 Tâm Sở Bất Thiện.
5. Ở Tâm Vô Nhân có 12 Tâm Sở phối hợp được, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Dục).

PHẦN GIẢI THÍCH

Câu kệ trên trình bày một cách giản lược ở phần Tổng Hợp, làm căn bản để hiểu biết trước, và tiếp theo đây sẽ giải thích phần Tổng Hợp một cách rộng rãi như sau:

PHÂN TÍCH 27 TÂM SỞ THEO 12 TÂM BẤT THIÊN (SATTAVĪSATI APUNNAMHI – 27 PHI PHÚC BẤT THIÊN)

1. Tâm căn Tham thứ nhất có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, và Tà Kiến.
2. Tâm căn Tham thứ hai có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, Tà Kiến, và 2 Hôn Phần.
3. Tâm căn Tham thứ ba có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, và Ngã Mạn.
4. Tâm căn Tham thứ tư có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, Tứ Si Phần, Tham, Ngã Mạn, và 2 Hôn Phần.
5. Tâm căn Tham thứ năm có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, và Tà Kiến.
6. Tâm căn Tham thứ sáu có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, Tà Kiến, và 2 Hôn Phần.
7. Tâm căn Tham thứ bảy có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, và Ngã Mạn.
8. Tâm căn Tham thứ tám có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tham, Ngã Mạn, và 2 Hôn Phần.
9. Tâm căn Sân thứ nhất có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tứ Sân Phần.
10. Tâm căn Sân thứ hai có 22 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tứ Sân Phần, và 2 Hôn Phần.
11. Tâm căn Si thứ nhất có 15 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), Tứ Si Phần, và Hoài Nghi.
12. Tâm căn Si thứ hai có 15 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục), và Tứ Si Phần.

KÊ TRÌNH BÀY BẢY PHẦN TỔNG HỢP TRONG 12 TÂM BÁT THIÊN
(AKUSALACITTA)

<i>Ekūṇavīsattthàrasa</i>	<i>Vīsekavīsa vīsati</i>
<i>Dvāvīsa pannaraseti</i>	<i>Sattadhākusale thitā.</i>

Trong 12 Tâm Bát Thiện có bảy phần Tổng Hợp, là:

1. Với số lượng 19 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Vô Dẫn thứ nhất và thứ hai, là tính một phần.
2. Với số lượng 18 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Vô Dẫn thứ ba và thứ tư, là tính một phần.
3. Với số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Vô Dẫn thứ năm, là tính một phần.

4. Với số lượng 21 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Hữu Dẫn thứ nhất và thứ hai, là tính một phần.
5. Với số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Hữu Dẫn thứ ba và thứ tư, là tính một phần.
6. Với số lượng 22 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Hữu Dẫn thứ năm, là tính một phần.
7. Với số lượng 15 Tâm Sở phối hợp được với 2 Tâm căn Si, là tính một phần.

KÊ TRÌNH BÀY 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN HIỆN HÀNH
(SABBĀKUSALAYOGĪCETASIKA) LÀ TÂM SỞ PHỐI HỢP ĐƯỢC TRONG
TẤT CẢ 12 TÂM BẤT THIÊN

*Sādhàranà ca cattaro Samàna ca dasàpare
Cuddase te pavuccanti Sabbākusalayogino.*

Bốn Tâm Sở Bất Thiên Biến Hành (là Tứ Si Phần), 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục) kết hợp lại gọi là Tâm Sở Bất Thiên Hiện Hành, là Tâm Sở phối hợp được trong tất cả 12 Tâm Bất Thiên.

(SABBĀKUSALAYOGĪCETASIKA – TÂM SỞ BẤT THIÊN HIỆN HÀNH PHỐI
HỢP)
PHÂN TÍCH 12 TÂM SỞ THEO 18 TÂM VÔ NHÂN (DVĀDASĀHETUKA)

1. Ngũ Song Thức có bảy Tâm Sở phối hợp, là 7 Tâm Sở Biến Hành.
2. Hai Tâm Tiếp Thâu, hai Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, một Tâm Khai Ngũ Môn, có mười Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Càn, Hỷ, Dục).
3. Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Càn, Dục).
4. Tâm Khai Ý Môn có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục).
5. Tâm Tiểu Sanh có 12 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục).

KÊ TRÌNH BÀY BỐN PHẦN TỔNG HỢP CỦA TÂM VÔ NHÂN

*Dvādashakādasā dasa Satta cāti catubbidho
Athārasāhetukesu Cattuppādesu sangaho.*

Có bốn phần Tổng Hợp trong 18 Tâm Vô Nhân là:

1. Số lượng 12 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Tiểu Sinh, tính là một phần.
2. Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Thảm Tấn Hỷ thọ và Tâm Khai Ý Môn, tính là một phần.

3. Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong ba Ý Giới và hai Tâm Thẩm Tấn Xả thọ, tính là một phần.
4. Số lượng 7 Tâm Sở phối hợp trong Ngũ Song Thức, tính là một phần.

PHÂN TÍCH 38 TÂM SỞ THEO 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
(ATTHATIMSĀPI LABBHANTIKĀMĀVACARASOBHANE)

1. Hai Tâm Đại Thiện thứ nhất và thứ hai có 38 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
2. Hai Tâm Đại Thiện thứ ba và thứ tư có 37 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tuệ Quyền).
3. Hai Tâm Đại Thiện thứ năm và thứ sáu có 37 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
4. Hai Tâm Đại Thiện thứ bảy và thứ tám có 36 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tuệ Quyền).

* Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp tất cả Tâm Đại Thiện có 38 Tâm Sở.

1. Hai Tâm Đại Quả thứ nhất và thứ hai có 33 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và 1 Tuệ Quyền.
2. Hai Tâm Đại Quả thứ ba và thứ tư có 32 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.
3. Hai Tâm Đại Quả thứ năm và thứ sáu có 32 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và 1 Tuệ Quyền.
4. Hai Tâm Đại Quả thứ bảy và thứ tám có 31 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), và 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

* Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp tất cả Tâm Đại Quả có 33 Tâm Sở.

1. Hai Tâm Đại Duy Tác thứ nhất và thứ hai có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngã Trừ Phần).
2. Hai Tâm Đại Duy Tác thứ ba và thứ tư có 34 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngã Trừ Phần, và 1 Tuệ Quyền).
3. Hai Tâm Đại Duy Tác thứ năm và thứ sáu có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngã Trừ Phần).
4. Hai Tâm Đại Duy Tác thứ bảy và thứ tám có 33 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngã Trừ Phần, và 1 Tuệ Quyền).

* Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp tất cả Tâm Đại Duy Tác có 35 Tâm Sở.

KÊ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY 12 PHẦN TỔNG HỢP CỦA 24 TÂM DỤC GIỚI
TINH HẢO (KÀMÀVACARASOBHANACITTA)

<i>Atthatimsa sattatimsa</i>	<i>Dvayam chattimsakam subhe</i>
<i>Pancatimsa catuttimsa</i>	<i>Dvayam tettimsakam kriye</i>
<i>Tettimsa pàke bàttimsa</i>	<i>Dvayekatim sakam bhawe</i>
<i>Sahetukàmàvacara</i>	<i>Punnàpàkakriyàmane.</i>

Trong các Tâm Thiện Dục Giới, Quả Dục Giới Hữu Nhân, và Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân; có bốn phần Tổng Hợp trong tám Tâm Thiện Dục Giới, là:

1. Với số lượng 38 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ nhất và thứ hai, tính là một phần.
2. Với số lượng 37 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ ba và thứ tư, thứ năm và thứ sáu, tính là hai phần.
3. Với số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ bảy và thứ tám, tính là một phần.

* Có bốn phần Tổng Hợp trong tám Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, là:

1. Với số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ nhất và thứ hai, tính là một phần.
2. Với số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ ba và thứ tư, thứ năm và thứ sáu, tính là hai phần.
3. Với số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ bảy và thứ tám, tính là một phần.

* Có bốn phần Tổng Hợp trong tám Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân, là:

1. Với số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ nhất và thứ hai, tính là một phần.
2. Với số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ ba và thứ tư, thứ năm và thứ sáu, tính là hai phần.
3. Với số lượng 31 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ bảy và thứ tám, tính là một phần.

PHÂN TÍCH 35 TÂM SỞ THEO 27 TÂM ĐÁO ĐAI (PANCATIMSA
MAHAGGATE)

Mahaggatesu pana (1) tisu Pathamajjhànikacittesu tàva annasamànà terasa cetasikà Viratittayavajjità dvàvīsati Sobhanacetasikà c'āti pancatimsa dhammā sangaham gacchanti. Karunā-Muditā paṇ'ettha paccekam'eva yojetabbā. Tathā (2) Dutiyajjhànikacittesu Vitakkavajjà, (3) Tatiyajjhànikacittesu Vitakka Vicàravajjà, (4) Catutthajjhànikacittesu Vitakka-Vicàra-Pītivajjà, (5)

Pancamajjhànikacittesu pana pannarasasu Appamannàyo na labbhanti'ti sabbathà'pi sattavisati-Mahaggata cittesu pancakajjhànavasena pancadhà'va sangaho hoti'ti.

1. Ba Tâm Sơ Thiên có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần).
2. Ba Tâm Nhị Thiên có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần).
3. Ba Tâm Tam Thiên có 33 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần).
4. Ba Tâm Tứ Thiên có 32 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần).
5. Mười lăm Tâm Ngũ Thiên có 30 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), và 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần, và hai Vô Lượng Phần).

KÊ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN TỔNG HỢP CỦA 27 TÂM ĐÁO ĐẠI

*Pancatimsa catuttimsa
Dvattimsa ceva timseti*

*Tettimsa ca yathàkkamam
Pancadhàva Mahaggate.*

Có năm phần Tổng Hợp trong 27 Tâm Đáo Đại, là:

1. Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Sơ Thiên, tính là một phần.
2. Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Nhị Thiên, tính là một phần.
3. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Tam Thiên, tính là một phần.
4. Số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong ba Tâm Tứ Thiên, tính là một phần.
5. Số lượng 30 Tâm Sở phối hợp trong mười lăm (15) Tâm Ngũ Thiên, tính là một phần.

PHÂN TÍCH 36 TÂM SỞ THEO 40 TÂM SIÊU THỂ (CHATTIMSÀNUTTARE DHAMMÀ)

- (1) Lokuttaresu tàva atthasu pathamajjhànikacittesu Annasamànà terasa cetasikà Appamannàvajjità tevīsati Sobhanacetasikà c'āti chattimsa dhammà sangham gacchanti,
- (2) Tathà Dutiyajjhànikacittesu Vitakkavajjà,
- (3) Tatiyajjhànikacittesu Vitakka-Vicàravajjà,
- (4) Catutthajjhànikacittesu Vitakka-Vicàra-Pitivajjà,

(5) *Pancamajjhànikacittesu'pi Upekkhàсахagatà te eva sangayhanti'ti sabbathà'pi atthasu Lokuttaracittesu Pancamajjhànavasena pancadhà'va sangaho hoti'ti.*

1. Tám Tâm Sơ Thiền có 36 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
2. Tám Tâm Nhị Thiền có 35 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
3. Tám Tâm Tam Thiền có 34 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).
4. Tám Tâm Tứ Thiền và tám Tâm Ngũ Thiền có 33 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hy), và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).

KÊ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN TỔNG HỢP TRONG 40 TÂM SIÊU THỂ

*Chattimsa pancatimsà ca Catuttimsa yathàkkamam
Tettimsa dvaya miccevam Pancadhànuttare thità.*

Có năm phần Tổng Hợp trong 40 Tâm Siêu Thể, là:

1. Với số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Sơ Thiền, tính là một phần.
2. Với số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Nhị Thiền, tính là một phần.
3. Với số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Tam Thiền, tính là một phần.
4. Với số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong tám Tâm Tứ Thiền và tám Tâm Ngũ Thiền, tính là hai phần.

TRÌNH BÀY SỰ KHÁC BIỆT CỦA TÂM SỞ THỌ PHỐI HỢP VỚI NĂM TÂM THIỀN

Tâm Sở Thọ phối hợp từ Tâm Sơ Thiền đến Tâm Tứ Thiền là **Hy thọ**. Tâm Sở Thọ phối hợp với Tâm Ngũ Thiền là **Xả thọ**.

KÊ TRÌNH BÀY MỘT VÀI PHẦN TÂM SỞ TỊNH HẢO KHÔNG PHỐI HỢP VỚI TÂM TỊNH HẢO

*Na vijjantettha viratì Kriyesu ca mahaggate
Anuttare appamannà Kàmapàke dvayam tathà.*

Trong số lượng 91 Tâm Tịnh Hảo, thì có ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đại Duy Tác và Tâm Đáo Đại. Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần không phối hợp với Tâm Siêu Thế. Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần và hai Tâm Sở Vô lượng Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả.

** Trình bày nguyên nhân ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác.*

Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần mà sanh khởi ngoài việc diệt trừ Ác Hạnh, hiện hữu nhất thời thường là giống Thiện (*Kusalajāti*), không thể là giống Quả (*Vipākajāti*) hay là giống Duy Tác (*Kriyājāti*) được.

Do nhân này, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác.

** Trình bày nguyên nhân ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần không phối hợp với Tâm Đáo Đại.*

Những Tâm Thiện và Duy Tác Đáo Đại thường sanh khởi nương theo “*Parikammasamādhī - Chuẩn Bị Định*”, “*Upacārasamādhī - Cận Hành Định*” khởi sanh từ “*Parikammabhāvanā - Chuẩn Bị Tu Tập*”, “*Upacārabhāvanā - Cận Hành Tu Tập*” có Nghiệp Xứ làm Cảnh, không phải sanh với đối tượng là diệt trừ Ác Hạnh, thường sanh phải có “*Viramītabbavatthu - Đề mục tự chế vật*” làm Cảnh bất luận trường hợp.

Còn Tâm Quả Đáo Đại thường là Quả của Tâm Thiện Đáo Đại, nên phải hiện hành theo Tâm Thiện Đáo Đại với mọi trường hợp.

** Trình bày nguyên nhân Tâm Sở Vô Lượng Phần không phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Siêu Thế.*

Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần làm việc trắc ẩn với những chúng sanh đang thụ lãnh sự đau khổ, và làm việc vui mừng với những chúng sanh đang thụ lãnh sự an lạc.

Thế Pháp của sự trắc ẩn hoặc sự vui mừng đối với người khác, cần phải có “*Chúng sanh chế định*” làm Cảnh.

Với Tâm Đại Quả được sanh khởi phải nương vào Siêu Lý trong Cảnh Dục.

Còn Tâm Siêu Thế sanh khởi phải có Níp Bàn làm Cảnh, không thể lấy đề mục “*Chúng sanh chế định*” làm Cảnh được.

Do đó, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần không thể phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Siêu Thế.

KÊ TRÌNH BÀY TÂM SỞ LÀM CHO TÂM KHÁC BIỆT NHAU

*Anuttare jhānadhammā
Viratī nānapīti ca*

*Appamannā ca majjhima
Parittesu viśesakā*

Năm chi Thiên là Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống thường làm Tâm Siêu Thế khác biệt nhau. Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần và năm chi Thiên thường làm Tâm Đáo Đại khác biệt nhau. Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Tuệ, Tâm Sở Hỷ, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần thường làm Tâm Dục Giới Tịnh Hảo khác biệt nhau.

PHẦN GIẢI THÍCH

* Năm chi Thiên làm cho Tâm Siêu Thế khác biệt nhau, là:

- Tâm Sở Tầm làm cho Tâm Sơ Thiên sai khác với các Tâm Thiên phần còn lại.
- Tâm Sở Tứ làm cho Tâm Nhị Thiên sai khác với ba Tâm Thiên còn lại, có Tâm Tam Thiên, v.v.,
- Tâm Sở Hỷ làm cho Tâm Tam Thiên sai khác với Tâm Tứ Thiên và Tâm Ngũ Thiên.
- Lạc thọ làm cho Tâm Tứ Thiên sai khác với Tâm Ngũ Thiên.
- Xả thọ làm cho Tâm Ngũ Thiên sai khác với bốn Tâm Thiên trước.

* Trong Tâm Đáo Đại, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần làm cho mười hai Tâm Đáo Đại, từ Tâm Sơ Thiên đến Tâm Tứ Thiên sai khác với mười lăm Tâm Ngũ Thiên. Phần năm chi Thiên thường làm cho Tâm Đáo Đại sai khác nhau, cũng tương tự với trường hợp ở phần Tâm Siêu Thế.

- * Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần làm cho Tâm Đại Thiện sai khác với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác.
- Tâm Sở Tuệ Quyền làm cho Tâm Tương Ứng Trí sai khác với Tâm Bất Tương Ứng Trí.
- Tâm Sở Hỷ làm cho Tâm câu hành Hỷ sai khác Tâm câu hành Xả.
- Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần làm cho Tâm Đại Thiện và Tâm Đại Duy Tác sai khác với Tâm Đại Quả.

TRÌNH BÀY HỖN HỢP HAI PHẦN (TADUBHAYAMISSAKANAYA = TAD + UBHAYA + MISSAKA + NAYA) LÀ PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGA) VÀ PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHA) KẾT HỢP LẠI TRONG NHÓM TÂM SỞ TỶ THA (ANNASAMĀNARĀSĪ)

1. Phassa – Xúc: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp, Tâm Sở Xúc phối hợp trong tất cả Tâm.

Theo phần Tổng Hợp, thường có 52 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp (kể cả Xúc), do đó, có 51 Tâm Sở phối hợp được với Tâm Sở Xúc (trừ chính mình).

Các Tâm Sở Biến Hành còn lại, cũng hiện hành cùng một phương thức này, là:

2. Vedanà – Thọ: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
3. Sannà – Tưởng: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
4. Cetanà – Tư: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
5. Ekaggatà – Nhất Thống: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
6. Jīvitindriya – Mạng Quyên: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
7. Manasikāra – Tác Ý: có 51 Tâm Sở (trừ chính mình),
8. Vitakka – Tầm: có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp, Tâm Sở Tầm phối hợp được 55 Tâm.

Trong số 55 Tâm này, khi đề cập theo phần Tổng Hợp, thường có 52 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp.

Do đó, Tâm Sở mà phối hợp được với Tâm Sở Tầm mới có được 51 Tâm Sở (trừ chính mình).

Năm Tâm Sở Biệt Cảnh còn lại, cũng hiện hành cùng một phương thức này, là:

9. Vicāra – Tứ: có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình),
10. Adhimokkha – Thắng Giải: có 50 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chính mình),
11. Viriya – Cần: có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình),
12. Pīti – Hỷ: có 46 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi, và chính mình).
13. Chanda – Dục: có 50 Tâm Sở phối hợp (trừ Hoài Nghi, và chính mình).

* Trong nhóm Bất Thiện (Akusalarāsi).

1. Moha – Si: có 26 Tâm Sở phối hợp là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 13 Tâm Sở Bất Thiện (trừ chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp, Tâm Sở Si phối hợp trong tất cả Tâm Bất Thiện.

Trong tất cả Tâm Bất Thiện mà Tâm Sở Si phối hợp được, khi đề cập theo phần Tổng Hợp, thường có 27 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp.

Do đó, Tâm Sở mà phối hợp với Tâm Sở Si có được 26 Tâm Sở (trừ chính mình).

Ba Tâm Sở còn lại cũng hiện hành cùng một phương thức này, là:

2. Ahirika – Vô Tàm: có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ Vô Tàm).
3. Anottappa – Vô Quý: có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).
4. Uddhacca – Điều Cử: có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

5. Lobha – Tham: có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 8 Tâm Sở Bất Thiện (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi, và chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp, Tâm Sở Tham phối hợp trong 8 Tâm căn Tham.

Trong 8 Tâm căn Tham này, khi đề cập theo phần Tổng Hợp thường có 22 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp.

Do đó, Tâm Sở mà phối hợp được với Tham mới có 21 Tâm Sở (trừ chính mình).

Hai Tâm Sở Tham Phần còn lại cũng hiện hành cùng một phương thức này, là:

6. Ditthi – Tà Kiến: có 20 Tâm Sở phối hợp (trừ Ngã Mạn, và chính mình).

7. Màna – Ngã Mạn: có 20 Tâm Sở phối hợp (trừ Tà Kiến, và chính mình).

8. Dosa – Sân: có 21 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 9 Tâm Sở Bất Thiện (trừ Tam Tham Phần, Hoài Nghi, và chính mình), vì khi đề cập theo phần Tổng Hợp, Tâm Sở Sân phối hợp trong 2 Tâm căn Sân.

Trong 2 Tâm căn Sân mà Tâm Sở Sân phối hợp, khi đề cập theo phần Tổng Hợp thường có 22 Tâm Sở phối hợp.

Do đó, Tâm Sở mà phối hợp với Tâm Sở Sân có được 21 Tâm Sở (trừ chính mình).

Ba Tâm Sở (9) *Issà - Tật Đồ*, (10) *Macchhariya – Lận Sắt*, (11) *Kukkucca – Hối Hận*, với mỗi Tâm Sở này có 19 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), Tứ Si Phần, Tâm Sở Sân, hai Tâm Sở Hôn Phần. Ba Tâm Sở này khi đề cập theo phần Tổng Hợp thường phối hợp với hai Tâm căn Sân, cũng tương tự như Tâm Sở Sân vậy. Do đó, số lượng Tâm Sở mà phối hợp được cũng sẽ là 21 Tâm Sở (trừ chính mình) giống như Tâm Sở Sân. Tuy nhiên, mỗi Tâm Sở này có số lượng Tâm Sở phối hợp được chỉ là 19 Tâm Sở, vì ba Tâm Sở này là “*Riêng biệt và tùy lúc- nàṇakadāci*” không sanh chung nhau.

Do đó, Tâm Sở phối hợp với từng mỗi ba Tâm Sở này chỉ có được 19 Tâm Sở.

12. và 13. Thiḍḍakacetasika – Hai Tâm Sở Hôn Phần: Có 22 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 12 Tâm Sở Bất Thiện (trừ Hoài Nghi và chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp thì hai Tâm Sở này phối hợp với 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn.

Trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn này, khi đề cập theo phần Tổng Hợp có 26 Tâm Sở phối hợp.

Do đó, Tâm Sở mà phối hợp với hai Tâm Sở Hôn Phần, ở từng mỗi cái Tâm Sở có được 25 Tâm Sở (trừ chính mình).

14. *Vicikicchàcetasika – Tâm Sở Hoài Nghi*: có 14 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), và Tứ Si Phần, gom lại thành 14 Tâm Sở.

* *Trong nhóm Tịnh hảo (Sobhanaràsi).*

1. *Sobhanasàdhàranacetasika – 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành*: có 37 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ chính mình).

2. *Vīratīcetasika – Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần*:

* Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ở phần Hiệp Thế có 33 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và Tâm Sở Tuệ Quyền.

Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế phối hợp với Tâm Đại Thiện, và trong Tâm Đại Thiện có 38 Tâm Sở phối hợp, nhưng số lượng Tâm Sở phối hợp với từng mỗi Tâm Sở của ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần chỉ có 33 Tâm Sở, vì cả năm Tâm Sở là Ba Ngăn Trừ Phần và hai Vô Lượng Phần không có sanh chung nhau, do đó phải loại trừ ra.

* Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ở phần Siêu Thế có 35 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, hai Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (trừ chính mình), và một Tâm Sở Tuệ Quyền.

Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Siêu Thế thường phối hợp nhất định và cùng sanh chung nhau, mới gọi là “*Niyataekato – Nhất định cùng nhau*”.

Tâm Siêu Thế thường có 36 Tâm Sở phối hợp, do đó, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Siêu Thế mới có 35 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình) theo từng mỗi Tâm Sở.

3. *Appamānācetasika – Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần*: có 33 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh hảo Biến Hành, và Tuệ Quyền.

Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm Tịnh Hảo, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, và 12 Tâm Sắc Giới Hỷ thọ.

Trong 28 Tâm Tịnh Hảo có 38 Tâm Sở phối hợp, nhưng trong từng mỗi Tâm Sở phối hợp thì chỉ có 33 Tâm Sở, vì có năm Tâm Sở là ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần và hai Tâm Sở Vô Lượng Phần không có sanh chung nhau.

Do đó phải loại trừ ra, tương tự ở phần Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế.

4. *Pannācetasika – Tâm Sở Tuệ*: có 37 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ chính mình), vì khi đề cập theo phần Phối Hợp, Tâm Sở Tuệ phối hợp với tất cả Tâm Tương Ứng Trí; và các Tâm Tương Ứng Trí có 38 Tâm Sở phối hợp.

Do đó, Tâm Sở Tuệ mới có 37 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

KÊ TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TÂM SỞ THEO PHẦN GIẢI RỘNG CÓ 3,426 TÂM SỞ

Ittham cittaviyuttānam Sampayogaganca sangaham
Natvaṃ bhedaṃ yathāyogam Cittena samamuddise.

Theo phần Phối Hợp và phần Tổng Hợp của Tâm Sở phối hợp với Tâm như đã được đề cập đến rồi, tiếp theo đây, là phần trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với Tâm vừa theo thích hợp, như sau:

PHẦN GIẢI THÍCH

Kệ này trình bày tóm lược phương pháp tính Tâm Sở theo phần giải rộng của phần Phối Hợp (Sampayoga) và phần Tổng Hợp (Sangaha), là những Tâm Sở nào phối hợp với Tâm được bao nhiêu thì cũng tính Tâm Sở đó có số lượng bằng với số lượng Tâm mà Tâm Sở đó phối hợp.

* Sabbacittasādhāranacetāsika – Bảy Tâm Sở Biến Hành: từng mỗi Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm, do đó, mỗi Tâm Sở Biến Hành mới có số lượng bằng với tất cả Tâm, là 121 Tâm.

Như vậy, số lượng Tâm Sở của bảy Tâm Sở Biến Hành có tất cả là 847 Tâm Sở ($121 \times 7 = 847$ Tâm Sở Biến Hành).

* Pakinnakacetāsika – Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh: Có tổng số lượng là 488 Tâm Sở, với 55 Tâm Sở Tầm, 66 Tâm Sở Tứ, 110 Tâm Sở Thắng Giải, 105 Tâm Sở Cần, 51 Tâm Sở Hỷ, 101 Tâm Sở Dục.

Kết hợp cả hai phần Tâm Sở Biến Hành và Tâm Sở Biệt Cảnh có tổng số là: $847 + 488 = 1,335$ Tâm Sở Tợ Tha.

* Akusalacetāsika – Mười bốn Tâm Sở Bất Thiện: Có tổng số lượng là 83 Tâm Sở Bất Thiện, với 48 Tâm Sở Si Phần, 16 Tâm Sở Tham Phần, 8 Tâm Sở Sân Phần, 10 Tâm Sở Hôn Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

* Sobhanacetāsika – Hai mươi lăm Tâm Sở Tịnh Hảo: Với mỗi Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp được tất cả 91 Tâm Tịnh Hảo, do đó có số lượng là: $91 \times 19 = 1,729$ Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

- Mỗi Tâm Sở của Tam Ngã Trừ Phần phối hợp được 48 Tâm, do đó có số lượng là 144 Tâm Sở.

- Mỗi Tâm Sở của Vô Lượng Phần phối hợp được 28 Tâm, do đó có số lượng là 56 Tâm Sở.
- Tâm Sở Tuệ phối hợp được 79 Tâm, do đó có số lượng là 79 Tâm Sở.

Tổng kết các thành phần lại có: $1,335 + 83 + 1,729 + 144 + 56 + 79 = 3,426$ Tâm Sở.

Câu hỏi gợi ý trong phần Tâm Sở:

1/ Hỏi: *Hãy trình bày bốn trường hợp đặc tính của Tâm Sở, và dẫn chứng Pàli cho được cụ thể (không cần dịch nghĩa).*

Đáp: Bốn trường hợp đặc tính (*Cetoyuttalakkhana – Tứ Đồng Trạng Thái*) của Tâm Sở, là:

(1) *Ekuppāda – Đồng Sanh:* là đồng cùng sanh với Tâm, không sanh trước hoặc không sanh sau với Tâm.

(2) *Ekanirodha – Đồng Diệt:* là đồng cùng diệt với Tâm, không diệt trước hoặc không diệt sau với Tâm.

(3) *Ekālabhāna – Đồng Cảnh:* là đồng cùng tiếp xúc một Cảnh với Tâm.

(4) *Ekavattuka – Đồng Căn:* là đồng cùng nương một Trú Căn (thần kinh) xuất sanh với Tâm.

2/ Hỏi: *Sự việc như vậy là do bởi nguyên nhân nào? Hãy cho thí dụ kiểu mẫu vào việc phối hợp của Tâm và Tâm Sở làm cho tất cả chúng sanh được thành tựu ở mỗi sự việc.*

Đáp: Tất cả chúng sanh theo thường nhiên, cho dù hoàn toàn đầy đủ các bộ phận trong cơ thể đi nữa nhưng nếu thiếu phần Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở thì tất cả chúng sanh cũng không có sự tri giác và cũng không có khả năng làm được những cái chi, chẳng khác nào như hình nộm vậy thôi.

Và trong cả hai Tâm và Tâm Sở này, là loại Pháp luôn có *Tứ Đồng Trạng Thái*, muốn tách lìa nhau cũng không thể được. Ví như bánh xe răng xữ dụng cho dòng điện. Nếu chỉ có bánh xe răng không thôi thì không thể làm công việc được và bánh xe răng đang làm công việc xoay tròn do bởi nương vào dòng điện trong cả hai sợi dây điện. Nếu đứt đi một sợi dây thì một mình bánh xe răng cũng không có khả năng làm công việc được.

Do đó, bậc Thiện Trí Thức cũng nên biết sự hiện hành theo thực tính của Tâm và Tâm Sở vậy.

3/ Hỏi: *Có bao nhiêu nhóm trong 52 Tâm Sở? Là những nhóm nào? Và mỗi nhóm có số lượng là bao nhiêu? Và là những chi?*

Đáp: Tất cả 52 Tâm Sở chia thành ba nhóm (*Ràsi*). Là:

(1): Nhóm Tâm Sở Tợ Tha có số lượng là 13 cái, được chia ra thành hai tiểu nhóm là:

* Bảy Tâm Sở Biến Hành: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất Thống, Mạng Quyền, Tác Ý.

* Tám Tâm Sở Biệt Cảnh: Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.

(2): Nhóm Tâm Sở Bất Thiện có số lượng là 14 cái, được chia ra thành năm tiểu nhóm:

* Bốn Tâm Sở Si Phần: Si, Vô Tầm, Vô Quý, Điều Cử.

* Ba Tâm Sở Tham Phần: Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.

* Bốn Tâm Sở Sân Phần: Sân, Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận.

* Hai Tâm Sở Hôn Phần: Hôn Trầm, Thù Miên.

* Một Tâm Sở Hoài Nghi.

(3) Nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo có số lượng là 25 cái, được chia ra thành bốn tiểu nhóm là:

* 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành: Tín, Niệm, Tầm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Trung Gian, Thân An – Tâm An, Thân Khinh – Tâm Khinh, Thân Nhu – Tâm Nhu, Thân Thích – Tâm Thích, Thân Thuần – Tâm Thuần, Thân Chánh – Tâm Chánh.

* Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

* Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần: Bi, Tùy Hỷ.

* Một Tâm Sở Tuệ Quyền.

4/ Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa tên của những Tâm Sở sau đây: Tâm Sở Biến Hành, Tâm Sở Biệt Cảnh, Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, Tâm Sở Sân Phần, Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, Tâm Sở Vô Lượng Phần.*

Đáp: Tâm Sở Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả 121 Tâm, không phân biệt Giống, hay Nhóm. Khi phối hợp với Tâm thì luôn luôn đi chung hết cả thầy và tất cả bảy Tâm Sở,

Tâm Sở Biệt Cảnh là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả các nhóm Tâm, nhưng riêng biệt theo từng Cảnh thích hợp, không đi chung hết cả Nhóm. Tâm Sở Biệt cảnh phối hợp được cùng khắp, được cả phần Hiệp Thế - Siêu Thế, phần Tịnh Hảo – Vô Tịnh Hảo, phần Thiện – Bất Thiện, Quả, Duy Tác; tuy nhiên không phối hợp chung hết cả thầy.

Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp trọn vẹn tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

Tâm Sở Sân Phần là nhóm Tâm Sở này đưa Tâm Sở Sân làm chủ vị.

Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành là nhóm Tâm Sở này phối hợp được tất cả Tâm Tịnh Hảo. Khi phối hợp với Tâm Tịnh Hảo thì nhóm Tâm Sở này luôn luôn đi chung hết cả thấy và tất cả 19 Tâm Sở.

Tâm Sở Vô Lượng Phần là nhóm Tâm Sở này do nương sanh theo chúng sanh đau khổ hay an vui, bao la và vô hạn định.

5/ *Hỏi: Hãy trình bày thực tính của các Tâm Sở sau đây: Xúc, Thọ, v.v, Tuệ Quyền.*

Đáp: Xúc: là Pháp xúc chạm Cảnh.

Thọ: là Pháp thọ hưởng Cảnh.

Tư: là Pháp thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng trong Cảnh cho làm phận sự của ta.

Tác Ý: là Pháp lập ý và dẫn dắt Pháp Tương Ứng đến Cảnh.

Tầm: là Pháp dẫn dắt Pháp Tương Ứng đi đến Cảnh, là khảo lự (tư duy và tâm kiếm) Cảnh.

Thắng Giải: là Pháp phán quyết Cảnh.

Hỷ: là Pháp có sự hân hoan, vui thích trong Cảnh.

Dục: là Pháp có sự mong muốn Cảnh.

Si: là Pháp che lấp thực tính của hiện Cảnh đang có, là mê mờ.

Tham: là Pháp có sự mong cầu và say đắm trong Cảnh Dục trường thượng.

Sân: là Pháp làm nguy hại Cảnh.

Chánh Ngữ: việc nói lên ngôn từ ngoài phần Tứ Khẩu Ác hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế.

Chánh Nghiệp: việc tạo tác hành động ngoài phần Tam Thân Ác hạnh, và không liên quan đến công việc sanh kế.

Chánh Mạng: việc nuôi mạng sanh kế ngoài phần Tứ Khẩu Ác hạnh và Tam Thân Ác hạnh.

Bi: là Pháp có sự trắc ẩn với chúng sanh bị khổ đau, là người đang phải chịu nhận lãnh sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận khổ đau vào thời vị lai.

Tùy Hỷ: là Pháp có sự vui mừng với chúng sanh được an vui, là người đang đón nhận sự an vui hoặc sẽ được an vui trong thời vị lai.

Tuệ Quyền: là Pháp liễu tri một cách xác thực toàn diện Pháp Thực Tính.

6/ *Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa các Tâm Sở sau đây: Tư với Tác Ý. Tầm với Tư. Dục với Tham. Hôn Trầm với Thụy Miên.*

Đáp: - Sự khác biệt giữa Tâm Sở Tư với Tác Ý, là:

* **Tư:** là Pháp thúc đẩy và dẫn dụ Pháp Tương Ứng trong Cảnh cho làm phận sự của ta.

Cetanà là Pháp phối hợp tất cả Tâm Sở đồng phát sanh với nó trên đối tượng của Tâm. *Cetanà* vừa tác hành nhiệm vụ của mình, vừa phối trí sinh hoạt của các Tâm Sở khác đồng phát sanh.

Theo một lối giải thích khác,

Cetanà là Pháp đưa đến hành động bằng cách tạo duyên cho Pháp được cấu tạo. *Cetanà* là Pháp đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các hành động, thiện và bất thiện. *Cetanà* hành động trên các Tâm Sở đồng phát sanh với nó bằng cách thấu nhận đối tượng, và hành động nhằm thành tựu nhiệm vụ, là quyết định hành động. *Cetanà – Tư*, là Tâm Sở có ý nghĩa quan trọng nhất trong các loại Tâm Hiệp Thế (*Lokiyacitta*), còn với Tâm Siêu Thế (*Lokuttaracitta*) có *Pannà*, là trí tuệ.

Tâm Hiệp Thế có khuynh hướng tạo tác và tích trữ Nghiệp. Tâm Siêu Thế, trái lại, có khuynh hướng tận diệt Nghiệp. Do đó, *Cetanà* trong các Tâm Siêu Thế, không tạo tác Nghiệp. Tuy nhiên, *Cetanà* trong tất cả những loại Tâm Hiệp Thế, Thiện hay Bất Thiện, đều được xem là Nghiệp (*Kamma*).

Đúng về phương diện tâm lý, *Cetanà* quyết định các hoạt động của những Tâm Sở cùng phát sanh đồng thời với nó. Về phương diện đạo đức, *Cetanà* quyết định hậu quả dĩ nhiên phải đến của nó. Do đó, nếu không có *Cetanà*, tức nhiên không có *Kamma*.

* **Tác Ý:** là Pháp lập ý và dẫn dắt Pháp Tương Ứng đến Cảnh. Đặc tính chánh của **Tác Ý** là quay tâm hướng về cảnh. Tác Ý ví như bánh lái của một chiếc tàu, bộ phận không thể không có, để hướng tàu về đến nơi bến bờ. Tâm không có Tác Ý (*Manasikàra*) cũng như tàu không có bánh lái. Tâm Sở Tác Ý cũng có thể ví như người đánh xe song mã, ngồi trên xe chăm chú vào hai con ngựa (Danh và Sắc) chạy song song đều đặn.

- Sự khác biệt giữa Tầm với Tư, là:

* **Tầm:** là Pháp dẫn dắt Pháp Tương Ứng đi đến Cảnh, là khảo lự (tư duy và tầm kiếm) Cảnh.

Tâm Sở Tầm có ý nghĩa là sự gắn ghép, áp đặt các Tâm Sở đồng phát sanh vào Cảnh. Ở mặt khác, khi được trau giồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tầm là một yếu tố đầu tiên của Thiền, chỉ thiền Tầm của tầng Sơ Thiền, đem Tâm tầm kiếm đề mục Thiền, ví như ong bay tìm đến hoa.

Với Tâm Đạo Siêu Thế (*Lokuttara Magga Citta*) thì được gọi là *Chánh Tư Duy* (*Sammà Sankappa*), vì đã loại trừ các tư tưởng lầm lạc và đưa Tâm tới Níp Bàn.

* **Tứ:** là Pháp có việc dò xét phủ lấy Cảnh.

Tâm Sở Tứ có ý nghĩa là sinh hoạt liên tục của Tâm với Cảnh, quán sát, dò xét vào đối tượng.

Khi trau dồi và phát triển đầy đủ, Tâm Sở Tứ là một yếu tố của Thiền, chi thiền Tứ của tầng Nhị Thiền, đưa Tâm đến quán sát đề mục Thiền, ví như ong bay lượn quanh quần hoa.

- Sự khác biệt giữa Dục với Tham, là:

* **Dục:** là Pháp có sự ước muốn, mong muốn Cảnh.

Đặc tính chánh yếu của *Chanda* là “*ước muốn làm*”, cũng như với tay nắm lấy một vật.

Có ba loại *Chanda* – *Dục*, là:

1. *Kāmachanda* – Tham Dục: –là khát vọng duyên theo lục trần, một trong năm Pháp Triển Cái (Nīvarana). Đây là một loại Pháp Bất Thiện.
2. *Kattukamyatā* – Tác Dục: là “*ước muốn làm*”, gồm cả hai loại, bất thiện và thiện.
3. *Dhammachanda* – Pháp Dục: là ước muốn chân chánh.

Chính ước muốn chân chánh này, đã thúc giục Thái Tử Siddhattha từ bỏ mọi thứ vui dục lạc của đời vương giả.

Người Phật tử luôn có Dhammachanda, với ước muốn chân chánh, để chứng ngộ Níp Bàn. Quả thật đây không là sự tham ái.

Theo chú giải nhận xét như sau:

“*Sự cố gắng quyết ý, hay ý chí là do Cần (Viriya).*

Trạng thái thích thú trong đối tượng là do Hỷ (Pīti). Có ý định liên quan đến đối tượng là do Dục (Chanda).

* **Tham:** là Pháp có sự mong cầu và say đắm trong Cảnh Dục trường thượng. Đặc tính chánh yếu của Tham là *bám chặt vào, hay cột lại, ái luyến, bám níu*. Từ ngữ Ái Dục cũng được dùng trong nghĩa tương đương với Tham. Khi giác quan tiếp xúc với một đối tượng đáng được ưa thích, tức trần cảnh khả ái, thì thường có sự luyến ái hay bám níu phát sanh, đeo níu đối tượng và không buông bỏ.

- Sự khác biệt giữa Hôn Trầm với Thuy Miên, là:

* **Hôn Trầm:** là Pháp làm cho Tâm muội lược, thôi chuyển với Cảnh.

Đặc tính chánh yếu của Hôn Trầm là trạng thái tâm uơn yếu bệnh hoạn, co rút lại, thôi lui, ví như lông gà trước ngọn lửa.

Thìna – Hôn Trầm nghịch nghĩa với *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo chú giải có trình bày về *Thìna – Hôn Trầm* là:

“*Cittagelannam*”- *trạng thái tâm uơn yếu bệnh hoạn.*

Như vậy, *Thìna* nghịch nghĩa với “*Cittakammannatà – Tâm Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm, thuộc Tâm Sở Tịnh Hảo.

* **Thụy Miên:** là Pháp làm cho Tâm mê mờ, lui sụt với Cảnh.

Đặc tính chánh yếu của Thụy Miên là *không hoạt động*, không có phản ứng, không có khả năng.

Đây là trạng thái uể oải, ươn yếu, đã dươi, của Tâm Sở.

Cả hai, *Thìna – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, luôn luôn đi chung – là một trong năm Pháp Triền Cái (Hôn Thùy).

Chi thiền *Vitakka – Tâm* khắc phục *Hôn Thùy Triền Cái*.

Cũng giống với *Thìna – Hôn Trầm*, *Middha – Thụy Miên* nghịch nghĩa với *Viriya*. Như vậy, nơi nào có *Thìna – Middha* là nơi đó không có *Viriya – Tinh Tấn*.

Theo chú giải có trình bày về *Middha – Thụy Miên* là:

“*Kàya gelanna*”- trạng thái “thân” ươn yếu bệnh hoạn.

Tại đây, từ ngữ “*Kàya*” không có nghĩa là cơ thể vật chất, hay thân này, **mà là cơ cấu tổng hợp các Tâm Sở**, tức Thọ (*Vedanà*), Tưởng (*Sannà*), và Hành (*Sankhàra*).

Do đó, *Middha* nghịch nghĩa với “*Kàyakammannatà – Thân Thích*”, trạng thái thích hợp của Tâm Sở.

Trong Bộ Pháp Tụ (*Dhammasangani*) đã giải thích về hai Tâm Sở *Thìna – Hôn Trầm* và *Middha – Thụy Miên*, như sau:

Thìna – Hôn Trầm, là trạng thái trí năng khó chịu, uể oải, không sẵn sàng làm, nặng nề, chậm chạp, dính mắc và không linh động; trạng thái trí thức cố thủ, bám níu, khư khư cố chấp, cứng ngắt một chỗ.

Middha – Thụy Miên, là trạng thái cảm giác khó chịu, không sẵn sàng, có cảm giác như người bị liệt kín, bị bao phủ, bị ngăn chặn từ bên trong.

Trạng thái đã dươi làm cho buồn ngủ, mê mờ, trạng thái Tâm Sở như mơ màng, thiêu thiêu ngủ, nửa tỉnh nửa mê.

7/ Hỏi: Hãy đọc tên các Tâm Sở có Pháp Tính như sau: 1/ Pháp nhớ tưởng Cảnh, v.v, 7/ Pháp có sự rối loạn trong Tâm về Ác Hạnh đã làm và Thiện Hạnh không được thực hiện.

Đáp: (1) Pháp nhớ tưởng Cảnh là **Tưởng**.

(2) Pháp an tịnh và cho Pháp Tương Ứng hiện diện trong một Cảnh duy nhất là **Nhất Thống**.

(3) Pháp duy trì Pháp Tương Ứng là **Mạng Quyền**.

(4) Pháp có sự dò xét phủ lấp Cảnh là **Tứ**.

(5) Pháp có sự thấy sai trong Cảnh là **Tà kiến**.

(6) Pháp có sự kiêu căng ngạo mạn là **Ngã Mạn**.

(7) Pháp có sự rối loạn trong Tâm về Ác Hạnh đã làm và Thiện Hạnh không được thực hiện là **Hối Hận**.

8/ Hỏi: Sự nghi lự như thế nào mới gọi là Hoài Nghi? Sự nghi lự trong môn học đang nghiên cứu hoặc là sự nghi lự về tên người, tên sự vật chưa từng rõ biết, cũng là Hoài Nghi hay không? Hãy giải thích.

Đáp: Có 8 sự hoài nghi dẫn đến sự bất thiện, tội lỗi; là:

- (1) Hoài nghi về Phật,
- (2) Hoài nghi về Pháp,
- (3) Hoài nghi về Tăng,
- (4) Hoài nghi về Ta trong quá khứ,
- (5) Hoài nghi về Ta ngay hiện tại,
- (6) Hoài nghi về Ta trong vị lai,
- (7) Hoài nghi về Tam Học,
- (8) Hoài nghi về Liên Quan Tương Sinh (Thập nhị nhân duyên).

Ngoài ra, tất cả những sự nghi lự về tên người, tên sự vật, v.v, là hoài nghi thông thường, không tội lỗi.

9/ Hỏi: Có sự sai khác nhau như vậy là do bởi nguyên nhân nào? Và có sự chủ ý khác biệt loại nào?

Đáp: Có sự sai khác nhau là do những đôi Tâm Sở này, như Thân An – Tâm An, v.v, một Tâm Sở chủ ý về Thân bao gồm về Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn và Hành Uẩn, một Tâm Sở chủ ý về Tâm, là tất cả Tâm Thức.

Ví dụ: Có hai loại trạng thái an tịnh, một về Thân, gồm Thọ (*Vedanà*), Tưởng (*Sannà*) và Hành (*Sankhàra*); và một về Tâm, là tất cả Tâm Thức. Như vậy, *Kāya Passaddhi* – *Thân An* là trạng thái an tịnh của những Tâm Sở, và *Citta Passaddhi* – *Tâm An* là trạng thái an tịnh của Tâm.

10/ Hỏi: Hãy dịch câu kệ sau đây: “*Terasannasamànà v.v. dvipannāsa pavuccare*”.

Đáp: Đây là bài kệ tóm tắt về số lượng và các loại Tâm Sở.

Với ý nghĩa là: “Và cho đến đây đã nói đến 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo, gọi là 52 Tâm Sở”.

11/ Hỏi: Hãy dịch và giải thích câu kệ sau đây: “*Satta sabbattha yujjanti v.v. sobhana – nasveva sobhanà*”.

Đáp: Bảy Tâm Sở Biến Hành thường cùng phối hợp với tất cả Tâm,
 - sáu Tâm Sở Biệt Cảnh thường phối hợp với các Tâm thích hợp,
 - 14 Tâm Sở Bất Thiện thường chỉ phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện,
 - 25 Tâm Sở Tịnh Hảo thường chỉ phối với 59 Tâm Tịnh Hảo.

12/ *Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm Hiệp Thế? Là những Tâm Sở nào?*

Đáp: - Một cách tổng quát, có 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp tất cả Tâm Hiệp Thế.

- Có 27 Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm Bất Thiện, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện.

- Có 12 Tâm Sở phối hợp các Tâm Vô Nhân, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục).

- Có 38 Tâm Sở phối hợp các Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

- Có 35 Tâm Sở phối hợp các Tâm Đáo Đại, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

13/ *Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp được và không phối hợp được với các Tâm Sở sau đây: Tầm, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.*

Đáp: Số lượng Tâm phối hợp được và không phối hợp được, là:

	PHỐI HỢP	KHÔNG PHỐI HỢP
Tầm	55	66
Thắng Giải	78 (110)	11
Cần	73 (105)	16
Hỷ	51	70
Dục	69 (101)	20

14/ *Hỏi: Tâm câu hành Hỷ thọ mà không phối hợp được với Tâm Sở Hỷ có số lượng bao nhiêu? Hãy giải thích nguyên nhân vì sao không phối hợp được?*

Đáp: Có 11 Tâm là 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới và 8 Tâm Tứ Thiên Siêu Thế.

Tâm Tứ Thiên có hai chi là Lạc và Nhất Thống.

Từ ngữ *Sukha* - Lạc đồng nghĩa với từ ngữ *Somanassa* – Hỷ Duyệt, vui thích hài lòng. Tâm Tứ Thiên có chi Lạc, xem như đồng nghĩa với chi Hỷ, và theo sự phân tích Tâm theo phần Thọ thì Tâm câu hành Hỷ có 62 Tâm, là 4 Tâm Tham câu hành Hỷ, 1 Tâm Thâm Tấn câu hành Hỷ, 1 Tâm Tiểu Sinh, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Hỷ, 12 Tâm Sắc Giới câu hành Hỷ, 32 Tâm Siêu Thế câu hành Hỷ.

Như vậy, tuy Tâm Tứ Thiên có chi Lạc (câu hành Hỷ thọ) mà không có phối hợp với Tâm Sở Hỷ.

15/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm Quả phối hợp được với các Tâm Sở sau đây: Xúc, Thọ, Tứ, Cần, Hỷ.*

Đáp: - Tâm Sở Xúc phối hợp được tất cả các Tâm Quả (Hiệp Thế - Siêu Thế, Hữu Nhân - Vô Nhân). Cũng tương tự, với Tâm Sở Thọ phối hợp với tất cả Tâm Quả.

- Tâm Sở Tứ phối hợp được 66 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 23 Tâm Quả, là 5 Tâm Quả Vô Nhân (trừ Ngũ Song Thức), 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Sơ Thiên, và 5 Tâm Quả Nhị Thiên.

- Tâm Sở Cần phối hợp được 105 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 37 Tâm, là 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, và 20 Tâm Quả Siêu Thế.

- Tâm Sở Hỷ phối hợp được 51 Tâm, tuy nhiên về Tâm Quả, thì phối hợp được 20 Tâm, là 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, 5 Tâm Quả Sơ Thiên, 5 Tâm Quả Nhị Thiên, và 5 Tâm Quả Tam Thiên.

16/ Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Tầm phối hợp được bao nhiêu Tâm? Là những chi? Và hãy dịch câu kệ sau đây: “Sabbapunnesu cattàro v.v. sasankhàre dvayam tathà”.

Đáp: Tâm Sở Tầm phối hợp được 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức), và 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế và 8 Tâm Sơ Thiên Siêu Thế.

Dịch câu kệ sau đây:

“Sabbapunnesu cattàro lobhamùle tayo gatà
Dosamùlesu cattàro sasankhàre dvayam tathà”.

Bốn được thấy trong tất cả các Tâm Bất Thiện, ba trong các Tâm căn Tham, Bốn trong các Tâm căn Sân, hai trong các Tâm Hữu Dân.

17/ Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 Tâm cũng phải, và 35 Tâm cũng phải, không như định như thế là do bởi nguyên nhân nào? Và 27 với 35 Tâm, là những Tâm nào?

Đáp: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 Tâm cũng phải, 35 Tâm cũng phải, bất định như vậy, do bởi nguyên nhân là việc sanh phối hợp với Thọ của Tâm Siêu Thế theo giản lược một cách bất định, tức là nếu Tâm Siêu Thế sanh phối hợp với Xả Thọ thì Tâm Sở Hỷ không phối hợp với Tâm Siêu Thế.

Do đó mới phối hợp được 27 Tâm; nếu Tâm Siêu Thế sanh phối hợp với Hỷ Thọ thì Tâm Sở Hỷ vào phối hợp với Tâm Siêu Thế, do đó mới phối hợp được 35 Tâm.

* 27 Tâm đó là 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ (4 Tham Hỷ Thọ, 2 Vô Nhân Hỷ Thọ, 12 Dục Giới Tịnh Hào Hỷ Thọ, 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế).

* 35 Tâm đó là 18 Tâm Dục Giới Hỷ Thọ, 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế.

18/ *Hỏi: Hãy trình bày tên của các Tâm sau đây: Tâm phối hợp v.v.*

Đáp: (1) **Có 6 Tâm** phối hợp được với Tầm, nhưng bất phối hợp với Cần, là 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

(2) **Có 56 Tâm** phối hợp được với Cần, nhưng bất phối hợp với Tầm, là 11 Tâm Nhị Thiên, 11 Tâm Tam Thiên, 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên.

(3) **Có 49 Tâm** phối hợp được với cả hai Tầm và Cần, là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 11 Tâm Sơ Thiên.

(4) **Có 10 Tâm** bất phối hợp với cả hai Tầm và Cần, là 10 Tâm Ngũ Song Thức.

(5) **Có 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế** phối hợp được với Ngăn Trừ Phần, nhưng bất phối hợp với Vô Lượng Phần.

(6) **Có 20 Tâm** phối hợp được với Vô Lượng Phần, nhưng bất phối hợp với Ngăn Trừ Phần, là 8 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

(7) **Có 8 Tâm Đại Thiện** phối hợp được với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần.

(8) **Có 53 Tâm** bất phối hợp với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần, là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Ngũ Thiên Hiệp Thế.

19/ *Hỏi: Hãy trình bày câu kệ đề cập đến số lượng Tâm bất phối hợp với sáu Tâm Sở Biệt Cảnh.*

Đáp: Câu kệ trình bày số lượng Tâm bất phối hợp với sáu Tâm Sở Biệt Cảnh, là:

*Chasatthi pancapannàsa Ekàdasa ca solasa
Sattati vīsati ceva Pakinnakavivajjitā.*

*Sáu mươi sáu, năm mươi lăm, mười một và mười sáu
Bảy mươi và hai mươi- không có Tâm Sở Biệt Cảnh.*

Giải thích:

1. Tâm Sở Tầm bất phối hợp với **66 Tâm**.
2. Tâm Sở Tứ bất phối hợp với **55 Tâm**.

3. Tâm Sở Thắng Giải bất phối hợp với **11 Tâm**.
4. Tâm Sở Cần bất phối hợp với **16 Tâm**.
5. Tâm Sở Hỷ bất phối hợp với **70 Tâm**.
6. Tâm Sở Dục bất phối hợp với **20 Tâm**.

20/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Bất Thiện? Là những Tâm Sở nào?

Đáp: Có 14 Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Bất Thiện, là 7 Tâm Sở Biến Hành, 1 Tâm Sở Tầm, 1 Tâm Sở Tứ, 1 Tâm Sở Cần, 4 Tâm Sở Si Phần.

21/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở Bất Thiện phối hợp một cách đặc biệt với Tâm căn Tham? Là những Tâm Sở nào?

Đáp: Có ba Tâm Sở Bất thiện phối hợp một cách đặc biệt với Tâm căn Tham, là Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.

22/ Hỏi: Hãy giải thích nguyên nhân vì sao Tâm Sở Tà Kiến không thể sanh cùng với Tâm Sở Ngã Mạn trong cùng một cái Tâm?

Đáp: - Sự khác biệt giữa Tà Kiến và Ngã Mạn, là:

Tà kiến phát sanh khái niệm về Ngũ Uẩn Danh Sắc này liên quan đến quan kiến sai lầm về **tự ngã** là “**Ta**” và “**Của Ta**” .

Ngã mạn cũng phát sanh khái niệm về Ngũ Uẩn Danh Sắc này là “**Ta**” liên quan đến lòng **vị kỷ**.

Do đó, hai Pháp này không bao giờ khởi sanh cùng một lúc trong một Tâm căn Tham.

Theo các nhà chú giải nhận xét và so sánh, *Ditthi* và *Māna* như hai mảnh hồ không thể sống chung một khu rừng.

23/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với Tâm Tương Ứng và bất phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng? Là những Tâm Sở nào?

Đáp: Có **6 Tâm Sở Bất Thiện** phối hợp với Tâm Tương Ứng và bất phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng, là 1 Tâm Sở Tà Kiến, 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

24/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với Tâm theo số lượng như sau: một cái, hai cái, ba cái, bốn cái, năm cái, sáu cái, bảy cái, tám cái.

Đáp: (1) Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với một cái Tâm là **Tâm Sở Hoài Nghi**.

(2) Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với hai cái Tâm là **bốn Tâm Sở Sân Phần**.

(3) **Không có** Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với **ba cái Tâm**.

(4) Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với bốn cái Tâm là **1 Tâm Sở Tà Kiến, 1 Tâm Sở Ngã Mạn.**

(5) Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với năm cái Tâm là **1 Tâm Sở Hôn Trầm, 1 Tâm Sở Thùy Miên.**

(6) **Không có** Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với **sáu cái Tâm.**

(7) **Không có** Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với **bảy cái Tâm.**

(8) Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với tám cái Tâm là **1 Tâm Sở Tham.**

25/ Hỏi: *Hãy phân tích Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp một cách riêng biệt trong tất cả Tâm Tịnh Hảo?*

Đáp: Có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp được tất cả Tâm Tịnh Hảo, nhưng theo phần đặc biệt thì có 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

26/ Hỏi: *Hãy trình bày trạng thái khác biệt của việc phối hợp ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ngay sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế, và Tâm Siêu Thế?*

Đáp: Trạng thái khác biệt nhau của Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ngay sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế và Tâm Siêu Thế, là:

* Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Đại Thiện thì việc phối hợp bất định và không cùng đi chung, nên gọi là *Aniyata – Bất Định* và *Nàṇakadāci – Tùy trường hợp.*

* Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Siêu Thế thì việc phối hợp nhất định và cùng đi chung, nên gọi là *Niyataekato – Nhất Định như một.*

27/ Hỏi: *Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp với Tâm Sở Vô Lượng Phần theo cả hai phía “Samanāvāda – Liên Hợp Kiến” và “Kecivāda – Nhất Hệ Kiến”. Và giải thích cả hai loại ý kiến trên, phía nào là đúng đắn?*

Đáp: Việc phối hợp của hai Tâm Sở Vô Lượng Phần có hai trường phái ý kiến (vāda) như sau:

(1) Samanāvāda – Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến: là ý kiến của tất cả các nhà chú giải, như Giáo Sư ANURUDDHA, v.v, đều nói rằng hai Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp được hai mươi tám Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới) như đã được đề cập đến ở phần trên.

(2) Kecivāda – Nhất Hệ Kiến: là ý kiến của một vài nhà chú giải trình bày rằng: hai Tâm Sở Vô Lượng Phần này chỉ phối hợp trong 20 Tâm mà thôi, là 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, và 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới).

Sẽ bắt phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện Xả thọ và 4 Tâm Đại Duy Tác Xả thọ, do bởi cho nhân quả là “*Vihinsà – Nhuru Lân*” là việc chủ ý hãm hại người khác, có chi pháp là *Tâm Sở Sân*. Thực tính của Bi thường là đối nghịch với Tâm Sở Sân. “*Arati – Bất Hỷ*” là sự bất hỷ duyệt, không thỏa thích lòng, tâm bất khoái lạc với sự tốt đẹp của người khác, có chi pháp là *Ưu thọ và có Tật Đố làm chủ vị*.

Thực tính của Tùy Hỷ thường là đối nghịch với Ưu thọ với chủ vị là Tật Đố.

Do đó Bi Tùy Hỷ phải nên phối hợp với Tâm câu hành Hỷ và không thích hợp trong việc phối hợp với Tâm câu hành Xả.

Tuy nhiên, “*Samanàvāda- Nhất Trí Kiến*” là các nhà chú giải nói rằng ý kiến của “*Keciacariya – Nhất Ban Giáo Sư*” này chỉ đúng được một phần, và sai một phần.

Việc đúng một phần là người đang tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ trong giai đoạn đầu, khi vẫn còn là “*Parikammabhāvanā – Chuẩn Bị Tu Tập*” và “*Parikammanimitta – Sơ Tướng*”, vẫn chưa đi đến “*Uggahanimitta – Thô Tướng*” thì Bi Tùy Hỷ sẽ được sanh khởi, đúng thật là với Tâm Hỷ thọ, do đó Bi Tùy Hỷ phải sanh khởi và phối hợp với Tâm Hỷ thọ là việc đúng thực.

Tuy nhiên, khi tiếp tục tiến tu Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ đi tới Thô Tướng được sanh khởi, thường là Tâm của hành giả tiến tu Nghiệp Xứ đã có sự rành rẽ hoàn toàn tốt đẹp trong Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ này.

Như thế trong sát na tiến hóa Bi Tùy Hỷ Nghiệp Xứ mà Thô Tướng đang sanh với Tâm của hành giả đã có sự rành rẽ như đã được nói đến, thì việc phối hợp với Hỷ thọ hoặc với Xả thọ cũng được, không buộc phải là thường luôn với Hỷ thọ; do vậy, việc nói rằng Bi Tùy Hỷ không sanh với Tâm Xả thọ là việc không đúng thực.

28/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế phối hợp với Tâm Sở Tuệ? Là những chi? Và hãy giải thích 16 phần Phối Hợp một cách giản lược.

Đáp: Có 18 Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế phối hợp với Tâm Sở Tuệ, là: 2 Tâm Đại Thiện, 2 Tâm Đại Quả, 2 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiên, 3 Tâm Nhị Thiên, 3 Tâm Tam Thiên, 3 Tâm Tứ Thiên.

Trình bày 16 phần Phối Hợp một cách giản lược, là:

* 13 Tâm Sở Tợ Tha có 7 phần Phối Hợp, là:

- 7 Tâm Sở Biến Hành tính thành một phần Phối Hợp.
- 6 Tâm Sở Biệt Cảnh tính thành 6 phần Phối Hợp.

* 14 Tâm Sở Bất Thiện có 5 phần Phối Hợp, là:

- 4 Tâm Sở Si Phần phối hợp với 12 Tâm Sở Bất Thiện tính thành một phần.
- 3 Tâm Sở Tham Phần phối hợp với 8 Tâm căn Tham tính thành một phần.
- 4 Tâm Sở Sân Phần phối hợp với 2 Tâm căn Sân tính thành một phần.

- 2 Tâm Sở Hôn Phần phối hợp với 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn tính thành một phần.

- 1 Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp với 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi tính thành một phần.

* 25 Tâm Sở Tịnh Hảo có 4 phần Phối Hợp, là:

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo tính thành một phần.

- 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm tính thành một phần.

- 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm tính thành một phần.

- 1 Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với 47 hoặc với 79 Tâm tính thành một phần.

29/ Hỏi: Hãy dịch cả hai bài Kệ sau đây:

(1) *Ekūṇavīsati dhammā v.v. Atthavīsatiyam dvayam.*

(2) *Pannā pakāsita satta v.v. Sobhanasveva sobhanā.*

Đáp: Dịch hai bài Kệ như sau:

(1) *Ekūṇavīsati dhammā Jāyantekūnasatthisu*

Tayo solasa cittesu Atthavīsatiyam dvayam.

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo tính thành một phần, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với 16 Tâm hoặc 48 tính thành một phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với 28 Tâm tính thành một phần.

(2) *Pannā pakāsita satta- Cattāḷisavidhesu*

Sampayuttā catudhevam Sobhanesevva sobhanā.

1 Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm tính thành một phần,

25 Tâm Sở Tịnh Hảo thường phối hợp với 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, các Tâm Sở này phối hợp theo bốn cách.

30/ Hỏi: Hãy giải thích bài kệ sau đây: “*Issamaccherakukkucca v.v. tathā saha*”.

Đáp: *Issa maccherakukkucca - Viratīkarunādayo*

Nānā kadāci māno ca Thīnamiddham tathā saha.

Câu kệ này trình bày Tâm Sở phối hợp một cách bất định, gọi là *Aniyatayogīcetasika* – Tâm Sở Bất Định, khi chia tất cả Tâm Sở Bất Định thì ra thành 3 nhóm là:

* *Nānākadācīcetasika* – Riêng biệt và tùy lúc Tâm Sở: có 8, là Tật Đồ, Lận Sất, Hối Hận, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

* *Sahakadācīcetasika* – Tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở: có 2, là Hôn Trầm, Thùy Miên.

* *Kadàcicetasika – Tùy lúc Tâm Sở*: có 1, là Ngã Mạn.

31/ *Hỏi*: Lời nói: “*Aniyatayogicetasika – Tâm Sở Bất Định*” có ý nghĩa chi? Có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Và hãy trình bày số lượng Tâm Sở sau đây khi chia theo phần Giống.

Đáp: Từ ngữ “*Aniyatayogicetasika – Tâm Sở Bất Định*” có ý nghĩa là Tâm Sở phối hợp một cách bất định với Tâm, có số lượng là 11 Tâm Sở, gồm có: 1 Tâm Sở Ngã Mạn, 1 Tâm Sở Tật Đồ, 1 Tâm Sở Lận Sắt, 1 Tâm Sở Hối Hận, 2 Tâm Sở Hôn Phần, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Khi chia số lượng những Tâm Sở này theo sự phân chia Giống, thì có:

- * Có 6 Giống Bất Thiện.
- * Có 5 Giống Thiện.
- * Có 5 Giống Dị Thục Quả.
- * Có 2 Giống Duy Tác.

32/ *Hỏi*: Hãy phân tích những loại Tâm Sở Bất Định theo “*Riêng biệt và tùy lúc*”, “*Tùy lúc và cùng nhau*” và “*Tùy lúc*”, và hãy dẫn chứng cụ thể (không cần dịch nghĩa).

Đáp:- Tâm Sở Bất Định theo phần *Riêng biệt và tùy lúc*, có 8, là: Tật Đồ, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần.

- Tâm Sở Bất Định theo phần *Tùy lúc và cùng nhau*, có 2, là: Hôn Phần.
- Tâm Sở Bất Định theo phần *Tùy lúc*, có 1, là: Ngã Mạn.

Dẫn chứng bài kệ trình bày ý nghĩa như sau:

Issa maccherakukkucca- Viratikarunàdayo
Nanà kadàci mào ca Thìnāmidham tathā saha.

33/ *Hỏi*: Hãy trình bày các Tâm Sở sau đây: Tâm Sở Bất Định một cách xác định, Tâm Sở Bất Định không xác định, Tâm Sở Nhất Định một cách xác định, Tâm Sở Nhất Định không xác định.

Đáp: - Có 8 Tâm Sở Bất Định một cách xác định, là: Tật Đồ, Lận Sắt, Hối Hận, Vô Lượng Phần, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Thùy Miên.

- Có 3 Tâm Sở Bất Định không xác định, là: 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.
- Có 41 Tâm Sở Nhất Định một cách xác định, là trừ ra 11 Tâm Sở Bất Định.
- Có 3 Tâm Sở Nhất Định không xác định, là: 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

34/ *Hỏi*: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm sau đây: (1) Tâm căn Tham thứ 1, (2) Tâm căn Tham thứ 4, (3) Tâm căn Tham thứ 5, (4) Tâm căn Tham thứ 8, (5) Tâm căn Si thứ 1.

Đáp: (1) Có 19 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1.

(2) Có 21 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 4.

- (3) Có **18 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 5.
- (4) Có **20 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8.
- (5) Có **15 Tâm Sở** phối hợp với Tâm căn Si thứ 1.

35/ Hỏi: Hãy dịch câu kệ tiếp theo sau đây: “Chattimsànuttare dhammà v.v. pancadhà tattha sangaho”.

Đáp: *Chattimsànuttare dhammà Pancatimsa mahaggate*
Atthatimsàpi labbhanti Kàma vacarasobhane
Sattavīsati punnamhi Dvādasāhetuketi ca
Yathā sambhavayogena Pancadhà tattha sangaho.

Dịch: Phần Tổng Hợp là việc tính số lượng Tâm Sở phối hợp dựa theo năm trường hợp thích hợp với 89 hoặc 121 Tâm, đó là:

- (1) Ở Tâm Siêu Thê có 36 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).
- (2) Ở Tâm Đáo Đại có 35 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).
- (3) Ở Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 38 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.
- (4) Ở Tâm Bất Thiện có 27 Tâm Sở phối hợp được, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 14 Tâm Sở Bất Thiện.
- (5) Ở Tâm Vô Nhân có 12 Tâm Sở phối hợp được, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Dục).

36/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Bất Thiện có số lượng Tâm Sở phối hợp như sau: 15, 18, 19, 20, 21, 22.

- Đáp: - Tâm Bất Thiện có số lượng 15 Tâm Sở phối hợp, là **2 Tâm căn Si**.
 - Tâm Bất Thiện có số lượng 18 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 5 và thứ 7**.
 - Tâm Bất Thiện có số lượng 19 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 1 và thứ 3**.
 - Tâm Bất Thiện có số lượng 20 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 6 và thứ 8, Tâm căn Sân thứ 1**.
 - Tâm Bất Thiện có số lượng 21 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn Tham thứ 2 và thứ 4**.
 - Tâm Bất Thiện có số lượng 22 Tâm Sở phối hợp, là **Tâm căn thứ 2**.

37/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp với hai Tâm căn Sân theo phần Tâm Sở Bất Định và Tâm Sở Nhất Định.

Đáp: - Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 1, thì có 3 Tâm Sở Bất Định, và 17 Tâm Sở Nhất Định.

- Trong số lượng 22 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 2, thì có 5 Tâm Sở Bất Định, và 17 Tâm Sở Nhất Định.

38/ Hỏi: Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có bao nhiêu? Là những Tâm Sở nào? Hãy dẫn chứng Pàlì trình bày cho cụ thể.

Đáp: Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có số lượng là 14 Tâm Sở, gồm có: 4 Tâm Sở Si Phần, 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục). Như có Pàlì dẫn chứng như sau:

*Sàdhàranà ca cattàro Samàna ca dasàpare
Cuddasete pavuccanti Sabbākusalayogino.*

4 Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, 10 Tâm Sở Tợ Tha,
Kết hợp lại gọi là Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành.

39/ Hỏi: Trong 18 Tâm Vô Nhân, Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối đa, và Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối thiểu?

Đáp: Trong 18 Tâm Vô Nhân, **Tâm Tiểu Sinh** có số lượng Tâm Sở phối hợp tối đa, và **Ngũ Song Thức** có số lượng Tâm Sở phối hợp tối thiểu.

40/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm Vô Nhân bất phối hợp với các Tâm Sở sau đây: Xúc, Cần, Tầm, Dục.

Đáp: - **Không có** Tâm Vô Nhân nào bất phối hợp với Tâm Sở Xúc.

- Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tâm Sở Tầm là **Ngũ Song Thức**.

- Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tâm Sở Cần là **15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn**.

41/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm sau đây: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

Đáp: - Có **38 Tâm Sở** phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện.

- Có **33 Tâm Sở** phối hợp với 8 Tâm Đại Quả.

- Có **35 Tâm Sở** phối hợp với 8 Tâm Đại Duy Tác.

- Có **34 Tâm Sở** phối hợp với 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới.

- Có **32 Tâm Sở** phối hợp với 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

42/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp theo phần Nhất Định và Bất Định với các Tâm sau đây: Tâm căn Tham thứ 3, Tâm căn Tham thứ 8, Tâm Đại

Thiện thứ 1, Tâm Đại Duy Tác thứ 8, 3 Tâm Sơ Thiện Hiệp Thế, 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế.

Đáp: - Trong số lượng 19 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1 thì có 18 Tâm Sở Nhất Định, 1 Tâm Sở Bất Định.

- Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8 thì có 17 Tâm Sở Nhất Định, 3 Tâm Sở Bất Định.

- Trong số lượng 38 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Thiện thứ 1 thì có 33 Tâm Sở Nhất Định, 5 Tâm Sở Bất Định.

- Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Duy Tác thứ 8 thì có 31 Tâm Sở Nhất Định, 2 Tâm Sở Bất Định.

- Trong số lượng 35 Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Sơ Thiện Hiệp Thế thì có 33 Tâm Sở Nhất Định, 2 Tâm Sở Bất Định.

- Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế thì tất cả đều Nhất Định.

43/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Tịnh Hảo có số lượng Tâm Sở phối hợp bằng nhau như tiếp sau đây: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30.*

Đáp: - Có **10 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 36 Tâm Sở, là: Tâm Đại Thiện thứ 7 và thứ 8, và 8 Tâm Sơ Thiện Siêu Thế.

- Có **13 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 35 Tâm Sở, là: Tâm Đại Duy Tác thứ 1 và thứ 2, 3 Tâm Sơ Thiện Sắc Giới, và 8 Tâm Nhị Thiện Siêu Thế.

- Có **15 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 34 Tâm Sở, là: Tâm Đại Duy Tác thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, 3 Tâm Nhị Thiện Sắc Giới, và 8 Tâm Tam Thiện Siêu Thế.

- Có **23 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 33 Tâm Sở, là: Tâm Đại Quả thứ 1 và thứ 2, Tâm Đại Duy Tác thứ 7 và thứ 8, 3 Tâm Tam Thiện Sắc Giới, 8 Tâm Tứ Thiện Siêu Thế, và 8 Tâm Ngũ Thiện Siêu Thế.

- Có **7 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 32 Tâm Sở, là: Tâm Đại Quả thứ 3, thứ 4, thứ 5 và thứ 6, 3 Tâm Tứ Thiện Sắc Giới.

- Có **2 Tâm Tịnh Hảo** phối hợp với 31 Tâm Sở, là Tâm Đại Quả thứ 7 và thứ 8.

44/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng phần Tổng Hợp một cách giản lược của các Tâm sau đây: 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Thiện, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 40 Tâm Siêu Thế.

Đáp: Trình bày số lượng Phần Tổng Hợp một cách giản lược của các Tâm như sau:

- (1) 12 Tâm Bất Thiện có 7 phần Tổng Hợp.
- (2) 18 Tâm Vô Nhân có 4 phần Tổng Hợp.
- (3) 8 Tâm Đại Thiện có 4 phần Tổng Hợp.
- (4) 12 Tâm Vô Sắc Giới có 1 phần Tổng Hợp.
- (5) 40 Tâm Siêu Thế có 5 phần Tổng Hợp.

45/ Hỏi: Hãy trình bày nghĩa của phần Phối Hợp (Sampayoga) và phần Tổng Hợp (Sangaha).

Đáp: Trình bày nghĩa của phần Phối Hợp (Sampayoga) và phần Tổng Hợp (Sangaha) như sau:

* Phần **Phối Hợp** là đề cập đến Tâm Sở làm chủ vị, rồi trình bày số lượng Tâm phối hợp với những Tâm Sở đó có được bao nhiêu, là những Tâm nào.

* Phần **Tổng Hợp** là đề cập đến Tâm làm chủ vị, rồi trình bày số lượng Tâm Sở kết hợp với những Tâm đó có được bao nhiêu, là những Tâm Sở nào.

Hoặc nói một cách khác, phần Phối Hợp là tính số lượng Tâm kết hợp với Tâm Sở. Phần Tổng Hợp là tính số lượng Tâm Sở phối hợp với Tâm.

46/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở khác cùng sanh khởi với Tâm Sở sau đây: Thọ, Tầm, Thắng Giải, Hỷ, Dục, Si, Tà Kiến, Tật Đố, Hôn Trầm, Hoài Nghi, Tín, Bi.

Đáp: - Có **51 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Thọ.

- Có **51 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Tầm.
- Có **50 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Thắng Giải.
- Có **46 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Hỷ.
- Có **50 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Dục.
- Có **26 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Si.
- Có **20 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Tà Kiến.
- Có **19 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Tật Đố.
- Có **25 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Hôn Trầm.
- Có **14 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Hoài Nghi.
- Có **37 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Tín.
- Có **33 Tâm Sở** cùng sanh khởi với Tâm Sở Bi.

47/ Hỏi: Người nữ áo vàng đăc Quả Thất Lai (Dục Lưu), một ngày nọ đi qua rạp hát nhìn thấy các hình ảnh quảng cáo, khởi Tâm muốn xem, tức thời đi vào xem, và có nhiều sự vui thích. Muốn hiểu biết là ngay sát na xem những hình ảnh đó với Tâm Sở nào làm chủ vị, và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sanh chung, và là những Tâm Sở nào?

Đáp: Ngay sát na đó, Tâm Sở Tham làm chủ vị, và có **18 hoặc 17 Tâm Sở khác** cùng sanh chung với nhau, là:

* Có 18 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần, 1 Tâm Sở Ngã Mạn.

* Có 17 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần.

48/ Hỏi: Ngay phút giây đầu tiên, Cha Mẹ biết được tin thi rớt của người con thì cũng không phạt tội con, vì nghĩ là việc tự nhiên, nhưng sau đó có người thầy dạy học giải thích rằng cậu bé trai này không chú tâm học, thường luôn vắng lớp học, thì phát sanh sự tức giận. Muốn biết rằng ngay sát na đó, có Tâm Sở nào làm chủ vị và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sanh, và là những Tâm Sở nào?

Đáp: Ngay sát na đó, có Tâm Sở Sân làm chủ vị, và có **16 Tâm Sở khác** cùng sanh chung với nhau, là: 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Tâm Sở Si Phần.

49/ Hỏi: Khi các Học Giả đọc những câu hỏi Vô Tỷ Pháp này, có khả năng biết câu trả lời tức khắc. Muốn biết rằng ngay sát na đó, có Tâm Sở nào làm chủ vị và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng sanh, và là những Tâm Sở nào?

Đáp: Ngay sát na đó, có Tâm Sở Tuệ Quyền làm chủ vị, và có **34 Tâm Sở khác** cùng sanh chung với nhau, là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

50/ Hỏi: Hãy trình bày theo giải rộng số lượng Tâm Sở như sau: Xúc, Tứ, Hỷ, Điều Cử, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Sân, Hoài Nghi, Vô Sân, Chánh Ngữ, Tùy Hỷ, Tuệ.

Đáp: - Theo giải rộng, Tâm Sở Xúc (Phassa) có 121 Tâm Sở.

- Theo giải rộng, Tâm Sở Tứ (Vicàra) có 66 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hỷ (Pīti) có 51 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Điều Cử (Uddhacca) có 12 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Ngã Mạn (Māna) có 4 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hôn Trầm (Middha) có 5 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Sân (Dosa) có 2 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchā) có 1 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Vô Sân (Adosa) có 91 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Chánh Ngữ (Sammāvācā) có 48 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Tùy Hỷ (Muditā) có 28 Tâm Sở.
- Theo giải rộng, Tâm Sở Tuệ (Pannā) có 79 Tâm Sở.

51/ Hỏi: Hãy trình bày tuần tự trạng thái của 52 Tâm Sở Siêu Lý.
Đáp: Xin xem lại phần định nghĩa của các Tâm Sở.

DỨT THỨ HAI – TỔNG HỢP TÂM SỞ

***CÁC PHẦN TÂM VÀ TÂM SỞ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BIỂU ĐỒ
Ở PHẦN DƯỚI***

-----00000-----

PHÂN TỔNG HỢP TÂM VÀ TÂM SỞ

CETASIKA (TÂM SỞ)			13 TỢ THA							14 BẤT THIỆN							25 TỊNH HẢO							TÂM CÓ TÂM SỞ PHỐI HỢP	GOM LẠI CÓ 33 PHẦN
			7 BIẾN HÀNH	1 TÂM	1 TỬ	1 THẮNG GIẢI	1 CẢN	1 HỖ	1 DỤC	4 SI PHẢN	1 THAM	1 TÀ KIẾN	1 NGÃ MẠN	4 SÂN PHẢN	2 HÔN TRÂM THUY MIÊN	1 HOÀI NGHI	19 TỊNH HẢO BIẾN HÀNH	3 NGĂN TRỪ PHẦN	2 VÔ LƯỢNG	1 TUỆ QUYỀN					
CITTA (TÂM)			7	1	1	1	1	1	1	4	1	1									19	1			
	THAM CĂN THỨ 1	2	7	1	1	1	1	1	1	4	1	1			2						21				
12 BẤT THIỆN	THAM CĂN THỨ 3	3	7	1	1	1	1	1	1	4	1		1								19	1			
	THAM CĂN THỨ 4	4	7	1	1	1	1	1	1	4	1		1		2						21				
	THAM CĂN THỨ 5	5	7	1	1	1	1		1	4	1	1									18	1			
	THAM CĂN THỨ 6	6	7	1	1	1	1		1	4	1	1			2						20				
	THAM CĂN THỨ 7	7	7	1	1	1	1		1	4	1		1								18	1			
	THAM CĂN THỨ 8	8	7	1	1	1	1		1	4	1		1		2						20				
	SÂN CĂN THỨ 1	1	7	1	1	1	1		1	4				4							20	1			
	SÂN CĂN THỨ 2	2	7	1	1	1	1		1	4				4	2						22	1			
	SI CĂN THỨ 1	1	7	1	1		1			4						1					15	1			
	SI CĂN THỨ 2	2	7	1	1	1	1			4											15				
	18 VÔ NHÂN	NGŨ SONG THỨC 10		7																		7	1		
		THẨM TÂN XẢ THỌ 2		7	1	1	1															10	1		
3 Ý GIỚI (A) 3			7	1	1	1															10				

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA - TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP I

8 ĐẠI THIÊN	THẨM TÁN HỖ THỌ 1	7	1	1	1		1												11	1
	KHAI Ý MÔN 1	7	1	1	1	1													11	
	TIỂU SINH 1	7	1	1	1	1	1												12	
	ĐẠI THIÊN ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1							19	3	2	1	38	
8 ĐẠI QUẢ	ĐẠI THIÊN ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1							19	3	2		37	1
	ĐẠI THIÊN ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1							19	3	2	1	37	
	ĐẠI THIÊN ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1							19	3	2		36	
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1							19			1	33	
8 DUY TÁC	ĐẠI QUẢ ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1							19				32	1
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1							19			1	32	
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1							19				31	
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1							19		2	1	35	
27 THIÊN HIỆP THỂ	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1							19		2		34	1
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1							19		2	1	34	
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1							19		2		33	
	SƠ THIÊN 3	7	1	1	1	1	1	1							19		2	1	35	
40 THIÊN SIÊU THỂ	NHỊ THIÊN 3	7		1	1	1	1	1							19		2	1	34	1
	TAM THIÊN 3	7			1	1	1	1							19		2	1	33	
	TỨ THIÊN 3	7			1	1		1							19		2	1	32	
	NGŨ THIÊN 15	7			1	1		1							19			1	30	
40 THIÊN SIÊU THỂ	SƠ THIÊN 8	7 Hỷ	1	1	1	1	1	1							19	3		1	36	1
	NHỊ THIÊN 8	7 Hỷ		1	1	1	1	1							19	3		1	35	
	TAM THIÊN 8	7 Hỷ			1	1	1	1							19	3		1	34	
	TỨ THIÊN 8	7 Hỷ			1	1		1							19	3		1	33	
	NGŨ THIÊN 8	7 Xả			1	1		1							19	3		1	33	

(A): 3 TÂM Ý GIỚI: 2 TÂM THIẾP THẬU XÃ THỌ + 1 TÂM KHAI NGŨ MÔN

PHÂN PHỐI HỢP TÂM VÀ TÂM SỞ

TÊN TÂM SỞ (PHÂN PHỐI) (SAMPAYOGANAYA) (TÂM SỞ)		54 TÂM DỤC GIỚI												27 TÂM ĐÁO ĐẠI					40 TÂM SIÊU THỂ					GOM TÂM		GOM VÀO 16 PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGANAYA)		
		12 BÁT THIỀN				18 VÔ NHÂN					24 DỤC TỊNH HẢO			SẮC GIỚI VÀ VÔ SẮC GIỚI					GIẢI RỘNG					PHỐI HỢP GIẢN LƯỢC	PHỐI HỢP GIẢI RỘNG			
		8 THAM CĂN	2 SÂN CĂN	1 HOÀI NGHI	1 ĐIỆU CỬ	10 NGŨ SONG THỨC	2 TIẾP THẦU	3 THẨM TÁN	1 KHAI NGŨ MÓN	2 KHAI Ý - TIỂU SINH	8 ĐẠI THIỀN	8 ĐẠI QUẢ	8 ĐẠI DUY TÁC	3 SƠ THIỀN	3 NHỊ THIỀN	3 TAM THIỀN	3 TỬ THIỀN	15 NGŨ THIỀN	8 SƠ THIỀN	8 NHỊ THIỀN	8 TAM THIỀN	8 TỬ THIỀN	8 NGŨ THIỀN					
BIẾN HÀNH - 7		8	2	1	1	10	2	3	1	2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	89	121	1	7 PHẦN	
BIỆT CẢNH - (6)	TÂM	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3					8						55	1		
	TỬ	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3	3				8	8					66	1		
	THĂNG GIẢI	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	78	110	1		
	CĂN	8	2	1	1					2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	73	105	1		
	HỠ	8						1		1	4	4	4	3	3	3	3		8	8	8				51	1		
DỤC	8	2								8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	69	101	1			
TỬ SI PHẦN	SI	8	2	1	1																			12		5 PHẦN		
	VÔ TÂM	8	2	1	1																			12				
	VÔ QUỶ	8	2	1	1																			12				
	ĐIỆU CỬ	8	2	1	1																			12				
TAM	THAM	8																						8		1		

ABHIDHAMMATTHA SAṄGAHA - TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỬ PHÁP - TẬP I

1. DUY ẮT

III. CHƯƠNG THỨ BA: TỔNG HỢP LINH TINH (PAKINAKA SAṄGAHA)

TRÌNH BÀY SÁU MẪU ĐỀ VÀ LỜI THỆ NGUYÊN

1/ <i>Sāṃpayuttā yathāyogam</i>	<i>Te paṇṇāsa sabhāvato</i>
<i>Cittacetāsikā dhammā</i>	<i>Tesaṇḍāṇi yathārahamaṃ.</i>
2/ <i>Vedanā hetuto kicca</i>	<i>Dvārālamānavatthuto,</i>
<i>Cittuppadavaseneva</i>	<i>Sangaho nāma nīyate.</i>

Năm Mươi Ba (53) Thực Tính là Tâm và Tâm Sở, gọi là “*Nāmatepaṇṇāsa – Danh Ngũ Thập Tam*” là theo trạng thái tự mình phối hợp với “*Ekuppādata – Đồng Sanh*” vừa theo sự phối hợp tùy lúc tùy theo đặc tính, như đã được trình bày theo cách giải rộng (trong Chương Thứ Hai).

Bây giờ Sư (Ngài **ANURUDDHA** – tác giả) sẽ trình bày Tổng Hợp Linh Tinh của Tâm và Tâm Sở sanh khởi theo mãnh lực từ nơi Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh và Vật, vừa theo thích hợp.

PHÂN GIẢI THÍCH

Hai bài kệ trên, Giáo Sư **ANURUDDHA** có chủ ý trình bày cho thành “*Pubbānusandhi – Tiền Liên Kết*” và “*Aparānusandhi – Hậu Liên Kết*” với hai trường hợp:

- 1/ là việc tiếp nối giữa Chương Thứ Hai (đã có trình bày trên) với Chương Thứ Ba sẽ tiếp nối trình bày tiếp theo đây,
- 2/ là sắp đặt đề trình bày chủ đề của Chương Thứ Ba là sẽ trình bày sáu (6) loại “*Sangaha – Tổng Hợp*” có “*Vedanāsaṅgaha – Tổng Hợp Thọ*” v.v.,

Và cũng là trình bày lời thệ nguyện bảo chứng sẽ giải thích nội dung việc sanh khởi của Tâm theo phân loại Thọ, Nhân, Sự, Môn, Cảnh, và Vật.

Do đó, Chương Thứ Ba của bộ kinh “*Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*” này, Giáo Sư **ANURUDDHA** mới trình bày việc phân tích Tâm thành từng nhóm theo các Tổng Hợp.

Thật vậy, sự liệt kê theo Thọ, Nhân, Sự, Môn, Cảnh, Vật mà gọi là “*Vedanāsaṅgaha – Tổng Hợp Thọ*”, v.v, không phải chỉ liệt kê duy nhứt ở phần Tâm mà có cả Tâm Sở, bởi vì Tâm và Tâm Sở thường luôn câu sanh với nhau. Với lý do đó, Chương Thứ Ba sẽ trình bày sự liệt kê tất cả Tâm và Tâm Sở theo sáu (6) phần Tổng Hợp: Là Thọ, Nhân, v.v, để có được sự hiểu biết thuận lợi.

Từ ngữ “*Pakinnaka – Linh Tinh*” dịch là “*rải rác cùng khắp*”, như thế lời nói rằng “*Pakinnakasangaha – Tổng Hợp Linh Tinh*” được dịch là “*việc trình bày liệt kê Tâm và Tâm Sở rải rác cùng khắp*”, là việc trình bày liệt kê theo Thọ, Nhân, Sự, Môn, Cảnh và Vật bất luận theo trường hợp nào.

Lời nói rằng “*Nāmatepannāsa – Danh Ngũ Thập Tam*” là năm mươi ba (53) Pháp Thực Tính, tức là một (1) Tâm, và năm mươi hai (52) Tâm Sở - ở đây tính theo tướng trạng của bản Pháp.

Đó là 89 Tâm, khi tính theo trạng thái thì chỉ có duy nhất một đặc tính là *thường luôn tiếp xúc Cảnh (Ārammanavijāṇanālakkhaṇa)*, và tất cả có cùng một trạng thái giống nhau, do đó mới tính là một (1).

Và 52 Tâm Sở có trạng thái riêng từng mỗi bản thể Pháp, không giống nhau, như Tâm Sở Xúc có trạng thái xúc chạm Cảnh (*Phusanālakkhaṇa*), Tâm Sở Thọ có trạng thái hưởng thụ Cảnh (*Anubhavanālakkhaṇa*) chẳng hạn như thế.

Do đó khi kết hợp Tâm và Tâm Sở vào nhau, mới gọi là “*Nāmatepannāsa – Danh Ngũ Thập Tam*” là 53 Pháp Thực Tính.

VEDANĀSANGAHA – TỔNG HỢP THỌ

Việc liệt kê Tâm – Tâm Sở phân loại theo Thọ, gọi là Tổng Hợp Thọ.

TRÌNH BÀY BA THỌ VÀ NĂM THỌ

Tattha vedanāsangahe tāva tividha vedanā:

*1/ Sukham dukkhamupekkhāti Tividhā tattha vedanā
Somanassam domanassa Miti bhedenā pancadhā.*

Trong Tổng Hợp Thọ, với trạng thái của việc hưởng thọ Cảnh có ba loại Thọ là: Lạc, Khổ, Xả; gọi là “*Ārammanānubhavanālakkhaṇa – Trạng thái tiếp thụ Cảnh*”. Và việc phân loại theo Quyền Lực, thì gọi là “*Indriyabheda – Quyền Phân Loại*” có năm loại Thọ là Lạc, Khổ, Hỷ, Ưu và Xả.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO NGŨ THỌ

*2/ Sukhamekattha dukkhanca Domanassam dvaye thitam
Dvāsattisū somanassam Pancapannāsaketarā.*

Lạc thọ và Khổ thọ phối hợp với mỗi Tâm Thân Thức theo từng mỗi loại. Ưu thọ phối hợp với hai Tâm. Hỷ thọ phối hợp với 62 Tâm. Ngoài ra là Xả thọ phối hợp với 55 Tâm.

GIẢI THÍCH BÀI KÊ THỨ NHẤT

Việc trình bày phân loại theo Thọ, có hai (2) phần là:

1. Phần thứ nhất, trình bày theo “Arammanānubhavanānaya – Trạng thái tiếp thụ Cảnh”, là trạng thái hiện hành theo việc hưởng thọ Cảnh.
2. Phần thứ hai, trình bày theo “Indriyabhedanaya – Quyền phân loại”, là thành việc chánh yếu, thành người chủ quản.

CÓ BA LOẠI THỌ TRONG TRẠNG THÁI TIẾP THỌ CẢNH

Trạng thái hiện hành theo việc thọ lãnh Cảnh của tất cả chúng sanh thường có ba loại là:

1. Ngay thời gian đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự hiểu biết an vui, gọi là Sukhave – danā – Lạc thọ.
2. Ngay thời gian đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự hiểu biết không an vui, gọi là Dukhavedanā – Khổ thọ.
3. Ngay thời gian đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự tịnh tĩnh, phi lạc phi khổ, gọi là Upekkhavedanā – Xả thọ.

CÓ NĂM LOẠI THỌ PHÂN LOẠI THEO QUYỀN

Việc hưởng thọ Cảnh của tất cả chúng sanh liên quan với Thân và Tâm.

1. Liên quan với Thân có hai loại Thọ: là sự tri giác an vui và không an vui.
2. Liên quan với Tâm có ba loại Thọ: là sự tri giác an vui, không an vui, và tịnh tĩnh.

* Sự tri giác an vui liên quan với Thân thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm Thân Thức câu hành Lạc, gọi là Sukhavedanā – Lạc thọ.

* Sự tri giác không an vui liên quan với Thân thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm Thân Thức câu hành Khổ, gọi là Dukhavedanā – Khổ thọ.

* Sự tri giác an vui liên quan với Tâm thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Hỷ, gọi là Somanassavedanā – Hỷ thọ.

* Sự tri giác không an vui liên quan với Tâm thành chánh yếu, thành người chủ quân, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Ưu, gọi là Domanassavedanà – Ưu thọ.

* Sự tri giác tịnh tĩnh liên quan với Tâm thành chánh yếu, thành người chủ quân, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Xả, gọi là Upekkhavedanà – Xả thọ.

GIẢI THÍCH BÀI KÊ THỨ HAI

1. Tâm câu sanh Lạc thọ có 1, là Tâm Thân Thức câu hành Lạc.
2. Tâm câu sanh Khổ thọ có 1, là Tâm Thân Thức câu hành Khổ.
3. Tâm câu sanh Hỷ thọ có 62, là 62 Tâm câu hành Hỷ.
4. Tâm câu sanh Ưu thọ có 2, là 2 Tâm căn Sân.
5. Tâm câu sanh Xả thọ có 55, là 55 Tâm câu hành Xả.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO BA LOẠI THO (PHẦN TRANG THÁI TIẾP THU CẢNH)

1. Có 63 Tâm câu sanh Lạc thọ là:

1 Sukhasahagatakàyavinnānacitta – 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc.

62 Somanassasahagatacitta – 62 Tâm câu hành Hỷ.

Kết hợp lại thành 63 Tâm câu sanh Lạc thọ.

2. Có 3 Tâm câu sanh Khổ thọ là:

1 Dukkhasahagatakàyavinnānacitta – 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ.

2 Domanassasahagatacitta – 2 Tâm câu hành Ưu.

Kết hợp lại thành 3 Tâm câu sanh Khổ thọ.

3. Có 55 Tâm câu sanh Xả thọ là:

55 Upekkhāsahagatacitta – 55 Tâm câu hành Xả.

PHÂN TÍCH 52 TÂM SỞ THEO NGŨ THO

1. Có sáu Tâm Sở chỉ câu sanh duy nhứt với một Tho, là:

* Bốn Tâm Sở Sân Phần câu sanh duy nhứt với Ưu thọ.

* Một Tâm Sở Hoài Nghi câu sanh duy nhứt với Xả thọ.

* Một Tâm Sở Hỷ câu sanh duy nhứt với Hỷ thọ.

2. Có hai mươi tám Tâm Sở câu sanh với hai Tho, là:

* Ba Tâm Sở Tham Phần câu sanh với Hỷ thọ và Xả thọ.

* Hai mươi lăm Tâm Sở Tịnh Hảo câu sanh với Hỷ thọ và Xả thọ.

3. Có mười một (11) Tâm Sở câu sanh với ba Thọ, là:

- * Năm Tâm Sở Biệt Cảnh (trừ Hỷ) câu sanh với Hỷ, Ưu, và Xả thọ.
- * Bốn Tâm Sở Si Phần câu sanh với Hỷ, Ưu, và Xả thọ.
- * Hai Tâm Sở Hôn Phần câu sanh với Hỷ, Ưu và Xả thọ.

4. Không có Tâm Sở câu sanh với bốn Thọ.

5. Có sáu Tâm Sở câu sanh với năm Thọ, là:

- * Sáu Tâm Sở Biệt Cảnh (trừ Thọ) câu sanh năm Thọ, là Lạc, Khô, Hỷ, Ưu, và Xả.

6. Có một Tâm Sở bất câu sanh với bất luận một loại Thọ nào, là Tâm Sở Thọ.

Việc phân tích Tâm và Tâm Sở theo phần *Vedanà-Thọ*, là nên lấy phần Phối Hợp và phần Tổng Hợp làm căn bản.

Khi đã hiểu biết phần Phối Hợp (*Sampayoganaya*) và phần Tổng Hợp (*Sangahanaya*) thì sẽ hiểu biết việc phân tích Tâm và Tâm Sở theo phần *Vedanà-Thọ* tương tự như vậy.

Chú giải:

Từ ngữ “*Vedanà-Thọ*”, là một trong những Tâm Sở Biến Hành quan trọng phối hợp với tất cả Tâm. Đặc tính của Thọ là cảm giác (*Vedayita lakkhana*). Thọ phát sanh do Xúc tạo duyên. *Cảm giác* được định nghĩa là “một cảm tưởng có sự hay biết, không bao gồm sự nhận diện hay hình dung đối tượng”. *Vedanà-Thọ*, biến đổi luồng tâm thức và tác hành như một năng lực nâng đỡ và tiêu diệt đời sống. Ví như Hỷ thọ thì nâng đỡ đời sống, còn Ưu thọ thì gây trở ngại. Do đó, *Vedanà-Thọ*, có một vai trò rất quan trọng trong kiếp nhân sinh.

Hưởng thụ Cảnh là phận sự của *Vedanà (Anubhavana rasa)*. Những sự hỷ duyệt hay bất hỷ duyệt tùy thuộc nơi tánh cách đáng hỷ duyệt hay bất hỷ duyệt của ngoại cảnh. Thế thường, ưa hay ghét phát sanh một cách mau lẹ, máy móc. Tuy nhiên đôi khi, bằng cách vận dụng ý chí, ta có thể quyết định cảm thọ mà không bị đối tượng chi phối. Thí dụ như thông thường, khi nhận thấy một người thù nghịch thì ta không vui, có Ưu thọ, và trạng thái bất hỷ duyệt hay Ưu thọ này khởi sanh đến ta một cách mau lẹ và máy móc. Tuy nhiên, với người có Chánh tri kiến thì trong trường hợp này, sẽ rải Tâm Từ (*Mettà*) đến người được xem là thù nghịch, và do đó, chứng nghiệm Hỷ thọ.

Thuở xưa, có một Bà La Môn tuôn ra những lời chưởi mắng Đức Phật, nhưng Ngài vẫn giữ thái độ mỉm cười và đáp lại bằng Tâm Từ.

*Đạo sĩ **KHANTIVĀDI** bị một vị vua say rượu ngược đãi thậm tệ, vẫn thành thật ước mong cho vị vua hung bạo kia được sống lâu, thay vì oán hận Vua.*

Một người khác đạo cuồng tín có thể chứa chấp Tâm sân hận khi nhìn thấy Đức Phật. Cảm thọ của người ấy, lúc bấy giờ là Ưu thọ, bất hỷ duyệt. Cùng thế ấy, khi nhìn thấy một Đạo Sư của một tôn giáo khác, người Phật Tử cuồng tín khởi Tâm bất hỷ duyệt. Cái gì là chất ăn thức uống cho người này, có thể là độc dược của người kia.

Về ngũ dục khoái lạc thường được hạng phàm phu vui thích ưa chuộng. Tuy nhiên, với bậc ẩn sĩ hiểu biết, có khuynh hướng trau giồi và phát triển thiền tập, sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn khi từ khước ngũ dục khoái lạc, và tình nguyện sống hạnh thanh bần lạc đạo nơi vắng vẻ an tịnh. Người thiên về dục lạc sẽ thấy sống như thế không khác nào ở cảnh địa ngục. Quả thật vậy, cái gì là thiên giới của người này, có thể là địa ngục của người kia. Thiên giới hay địa ngục đều do chính ta tạo nên, và ít hay nhiều, chính do Tâm tạo.

Đứng trên phương diện thuần túy vật chất thì có ba (3) loại Thọ, là Lạc (*Sukha*), Khổ (*Dukkha*), và Xả (*Adukkhamasukha*). Trạng thái *Adukkhamasukha* là cảm thọ phi khổ phi lạc, Xả thọ. Trạng thái này tương đương với cả hai, sự thân nhiên lãnh đạm, và sự thân nhiên khắc kỷ. Từ ngữ Pāli Xả thọ là *Upekkhā*, có cảm giác không vui không buồn.

Trong loại Tâm Bất Thiện, *Upekkhā* là thân nhiên, lãnh đạm, bởi do Vô Minh xúi giục.

Trong loại Tâm Quả Vô Nhân, *Upekkhā* là cảm giác thân nhiên suông.

Trong loại Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, *Upekkhā* là cảm giác thân nhiên hoàn toàn quân bình.

Trong loại Tâm Thiện, *Upekkhā* là cảm giác quân bình phát sanh do Định.

Trong 89 Tâm chỉ có hai Tâm Thân Thức phối hợp với Lạc thọ và Khổ thọ. Cả hai loại Tâm này đều là Tâm Quả Vô Nhân, kết quả của Thiện Nghiệp (*Kusala-kamma*) và Bất Thiện Nghiệp (*Akusalakamma*).

Ví như sự xúc chạm êm dịu đem lại Lạc thọ. Đụng mạnh vào mũi nhọn đem lại Khổ thọ.

Vậy tại sao chỉ có hai Tâm Thân Thức phối hợp với Lạc thọ và Khổ thọ, trong khi những Tâm Thức khác như Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v., chỉ có Xả thọ?

- Chỉ có xúc giác (Thân Thức) mới đem lại những cảm giác đau đớn hay thích thú.

Những giác quan khác chỉ phối hợp với Xả thọ. Sự xúc chạm giữa Sắc Thân Kinh (*Pasàdarūpa*) với những giác quan khác và các đối tượng tương ứng – cả hai đều là tánh chất phụ thuộc của Thân – không đủ mạnh để tạo nên cảm giác đau đớn hay thích thú về vật chất. Nhưng trong trường hợp của Xúc giác thì có xúc chạm của ba thành phần của Tứ Đại, là Đất (*Pathavi*), Lửa (*Tejo*), và Gió (*Vāyo*). Sự xúc chạm này đủ mạnh để gây cảm giác cho những tánh chất căn bản của Thân. Ví như bông gòn trên hòn đe thì không có gây ảnh hưởng, tuy nhiên, búa đập bông gòn trên đe sẽ có ảnh hưởng nhiều đến hòn đe.

Trong trường hợp của xúc giác thì có sự tiếp chạm mạnh. Các thành phần chánh yếu của Tứ Đại trực tiếp chạm mạnh vào những thành phần tương ứng của cơ thể.

Trường hợp các Thức khác, như Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v., chỉ có sự tiếp xúc suông mà không có sự xúc chạm đủ mạnh, do đó không tạo cảm giác đau đớn hay thích thú về vật chất.

Ngay khi Đức Phật bị một mảnh đá bay trúng vào chân thì Ngài có cảm giác đau đớn, trạng thái đau đớn thuộc về cơ thể vật chất, nhưng Lộ trình Đồng Lực (*Javana*) phát sanh do cảm giác đau không nhất thiết cấu sanh Khổ thọ. Ngài không bị cái đau làm chao động mà trong lúc ấy giữ Tâm hoàn toàn bình thản. Cảm giác chánh yếu trong Tâm của Ngài là Xả thọ.

Cùng thế ấy, khi nhìn thấy Đức Phật, một Phật Tử có một Tâm Nhãn Thức cấu hành Xả thọ, nhưng trong Lộ trình Đồng Lực vẫn là Thiện, và Thọ sẽ là cấu hành Hỷ thọ.

Ngay khi Đức Phật bị Tỳ khuru **DEVADATTA** gây thương tích, Ngài có Tâm Thân Thức cấu hành Khổ thọ. Là kết quả của một hành động bất thiện của Ngài trong quá khứ.

Ngược lại khi ngồi trên một cái ghế có đầy đủ tiện nghi thì có một Tâm Thân Thức cấu hành Lạc thọ. Tất cả những trạng thái đau đớn hay thích thú, đều là kết quả không thể tránh của Nghiệp đã tạo trong quá khứ.

DỨT TỔNG HỢP THỌ

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Thọ.

1. Hỏi: Với nhân nào Chương thứ Ba được gọi là Tổng Hợp Linh Tinh? Hãy trình bày ý nghĩa nội dung của tất cả 6 Mẫu Đề (*Màtikā*) với nhau.

Đáp: Chương Ba được gọi là Tổng Hợp Linh Tinh là vì trình bày sự tổng hợp tất cả Tâm và Tâm Sở đang ở khắp mọi nơi, đem tổng hợp lại theo từng phân loại từ nơi Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh, Vật.

Bởi do nhân này, Chương Ba mới gọi là Tổng Hợp Linh Tinh. Trình bày ý nghĩa nội dung của cả 6 Mẫu Đề:

(1) Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi ba hoặc năm Thọ.

(2) Tổng Hợp Nhân (Hetusaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Nhân.

(3) Tổng Hợp Sự Vụ (Kiccasaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi 14 Sự Vụ và 10 Sở.

(4) Tổng Hợp Môn (Dvārasaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Môn.

(5) Tổng Hợp Cảnh (Ārammanasaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Cảnh.

(6) Tổng Hợp Vật (Vatthusaṅgaha): ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Vật.

2/ Hỏi: *Nāmatepannāsa – Danh Ngũ Thập Tam là 53 Pháp Thực Tính, là những Pháp chi? Hãy trình bày phân loại theo của Thọ ở cả hai phần Pháp đó.*

Đáp: Danh Ngũ Thập Tam là 53 Pháp Thực Tính, là tất cả Tâm – nếu tính theo trạng thái thì chỉ có một và 52 Tâm Sở; và nếu phân loại theo Thọ thì có hai phần là:

(1) Ārammanānubhavanalakkhaṇanaya – Trạng thái tiếp thọ Cảnh: là trạng thái hiện hành theo việc thọ lãnh Cảnh.

(2) Indriyabhedaṇaya – Quyền phân loại: là thành việc chánh yếu, thành người chủ quản.

3/ Hỏi: *Hãy trình bày sự hiện hành theo 3 Thọ và 5 Thọ. Hãy dịch bài kệ sau đây:*

*Sukham dukkhamupekkhāti Tividhā tattha vedanā
Somanassam domanassa Miti bhedenā pancadhā*

Đáp: - Có ba Thọ theo trạng thái tiếp thọ Cảnh như sau:

* Trạng thái hiện hành theo việc thọ lãnh Cảnh của tất cả chúng sanh thường có ba loại Thọ là:

(1) Ngay sát na đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự hiểu biết an vui, gọi là Lạc Thọ (*Sukhavedanā*).

(2) Ngay sát na đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự hiểu biết không an vui, gọi là Khổ Thọ (*Dukhavedanā*).

(3) Ngay sát na đang thọ lãnh Cảnh, đôi khi có sự hiểu biết tịnh tĩnh, phi lạc phi khổ, gọi là Xả Thọ (*Upekkhavedanà*).

* Trạng thái hiện hành theo việc thọ lãnh Cảnh của tất cả chúng sanh theo năm loại Thọ là:

(1) Sự tri giác an vui liên quan với Thân, thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm Thân Thức câu hành Lạc, gọi là *Sukhavedanà – Lạc thọ*.

(2) Sự tri giác không an vui liên quan với Thân, thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm Thân Thức câu hành Khổ, gọi là *Dukhavedanà – Khổ thọ*.

(3) Sự tri giác an vui liên quan với Tâm, thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Hỷ, gọi là *Somanassavedanà – Hỷ thọ*.

(4) Sự tri giác không an vui liên quan với Tâm, thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Ưu, gọi là *Domanassavedanà – Khổ thọ*.

(5) Sự tri giác tịnh tĩnh liên quan với Tâm, thành chánh yếu, thành người chủ quản, là Tâm Sở Thọ hiện hữu trong Tâm câu hành Xả, gọi là *Upekkhavedanà – Xả thọ*.

Ý nghĩa của bài kê trên là: Theo *trạng thái tiếp thọ Cảnh* là trạng thái hiện hành theo việc thọ lãnh Cảnh thì có ba loại Thọ là Lạc thọ, Khổ thọ, Xả thọ.

Theo *Quyền phân loại* là phân loại theo quyền lực thì có năm loại Thọ là Lạc thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Ưu thọ, Xả thọ.

4/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm nào câu sanh với 62 Tâm Hỷ thọ, và 55 Tâm Xả thọ? Hãy tuần tự trình bày những Tâm và phân tích 121 Tâm theo 3 Thọ.*

Đáp: - Có 62 Tâm câu sanh với Hỷ Thọ, là: 4 Tâm căn Tham Hỷ thọ, 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hỷ thọ, 12 Tâm Sắc Giới Hỷ thọ, 32 Tâm Siêu Thế Hỷ thọ.

- Có 55 Tâm câu sanh với Xả Thọ, là: 6 Tâm Bất Thiện Xả thọ, 14 Tâm Vô Nhân Xả thọ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Xả thọ, 3 Tâm Sắc Giới Xả thọ, 12 Tâm Vô Sắc Giới Xả thọ, 8 Tâm Siêu Thế Xả thọ.

- Phân tích 121 Tâm theo 3 Thọ, là:

(1) Có **63 Tâm** câu sanh với Lạc Thọ, là: 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc thọ, 62 Tâm Câu Hành Hỷ thọ.

(2) Có **3 Tâm** câu sanh với Khổ Thọ, là: 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ thọ, 2 Tâm căn Sân.

(3) Có **55 Tâm** câu sanh với Xả thọ, là: 55 Tâm Câu Hành Xả thọ.

5/ *Hỏi: Hãy phân tích các Tâm Sở sau đây: Tâm Sở câu sanh duy nhứt một Thọ, hai Thọ, ba Thọ, bốn Thọ, năm Thọ; Tâm Sở bắt câu sanh với Thọ, Tâm Sở câu sanh Hỷ thọ nhưng bắt câu sanh Xả thọ, Tâm Sở câu sanh Xả thọ nhưng bắt câu sanh Hỷ thọ, Tâm Sở câu sanh cả hai Hỷ thọ và Xả thọ, Tâm Sở bắt câu sanh cả hai Hỷ thọ và Xả thọ.*

Đáp: (1) Có **6 Tâm Sở** câu sanh duy nhứt một Thọ, là: 1 Tâm Sở Hỷ, 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

(2) Có **28 Tâm Sở** câu sanh với hai Thọ, là: 3 Tâm Sở Tham Phần, 25 Tâm Sở Tịnh Hào.

(3) Có **11 Tâm Sở** câu sanh với ba Thọ, là: 5 Tâm Sở Biệt Cảnh (trừ Hỷ), 4 Tâm Sở Si Phần, 2 Tâm Sở Hôn Phần.

(4) **Không có** Tâm Sở câu sanh với bốn Thọ.

(5) Có **6 Tâm Sở** câu sanh với năm Thọ, là: 6 Tâm Sở Biến Hành (trừ Thọ).

(6) Có **1 Tâm Sở** bắt câu sanh với Thọ, là Tâm Sở Thọ (chính nó).

(7) Tâm Sở câu sanh với Hỷ Thọ nhưng bắt câu sanh với Xả Thọ, là : Tâm Sở Hỷ.

(8) Tâm Sở câu sanh với Xả Thọ nhưng bắt câu sanh với Hỷ Thọ, là: Tâm Sở Hoài Nghi.

(9) Có **45 Tâm Sở** câu sanh với cả hai Hỷ Thọ và Xả Thọ, là: 45 Tâm Sở (trừ Thọ, Hỷ, Sân, Hoài Nghi).

(10) Có **4 Tâm Sở** bắt câu sanh với Hỷ Thọ và Xả Thọ, là: 4 Tâm Sở Sân Phần.

6/ *Hỏi: Trong tất cả Tâm chia theo bốn Giống, thì:*

- Có bao nhiêu Tâm thuộc giống Thiện câu sanh với Thọ? Là những Tâm nào?

- Có bao nhiêu Tâm thuộc giống Bất Thiện câu sanh với Thọ? Là những Tâm nào?

- Có bao nhiêu Tâm thuộc giống Dị Thục Quả câu sanh với Thọ? Là những Tâm nào?

- Có bao nhiêu Tâm thuộc giống Duy Tác câu sanh với Thọ? Là những Tâm nào? Bởi nhân nào Tâm Sở Thọ bắt câu sanh với bất luận một loại Thọ nào? Xin hãy giải thích.

Đáp: (1) Tâm thuộc giống Thiện câu sanh được **hai Thọ**, là: Hỷ Thọ và Xả Thọ.

(2) Tâm thuộc giống Bất Thiện câu sanh được **ba Thọ**, là: Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả Thọ.

(3) Tâm thuộc giống Dị Thục Quả câu sanh được **bốn Thọ**, là: Lạc, Khổ, Hỷ và Xả Thọ.

(4) Tâm thuộc giống Duy Tác câu sanh được **hai Thọ**, là: Hỷ Thọ và Xả Thọ.

Tâm Sở Thọ bắt câu sanh với bất luận một loại Thọ nào là vì tất cả việc thọ lãnh Cảnh liên quan với Thân, với Tâm là thành thực tính của Tâm Sở Thọ.

Loại trừ Tâm Sở Thọ ra, thì không có một thực tính nào khác làm việc thọ lãnh Cảnh được. Do đó:

(1) Tâm Sở Thọ thọ lãnh Cảnh tốt đẹp liên quan với Thân, gọi là Lạc Thọ.

(2) Tâm Sở Thọ thọ lãnh Cảnh không tốt đẹp liên quan với Thân, gọi là Khổ Thọ.

(3) Tâm Sở Thọ thọ lãnh Cảnh tốt đẹp liên quan với Tâm, gọi là Hỷ Thọ.

(4) Tâm Sở Thọ thọ lãnh Cảnh không tốt đẹp liên quan với Tâm, gọi là Ưu Thọ.

(5) Tâm Sở Thọ thọ lãnh Cảnh trung bình liên quan với Tâm, gọi là Xả Thọ.

Bởi nhân này, Tâm Sở Thọ mới bắt câu sanh với một loại Thọ nào khác!

7/ Hỏi: Hãy trình bày bài kệ đề cập việc phân loại theo 3 Thọ, 5 Thọ, và bài kệ phân tích theo 5 Thọ.

Đáp: Bài kệ trình bày đến việc phân loại theo 3 Thọ và 5 Thọ, là:

Sukham dukkhamupekkhāti Tividhā tattha vedanā
Somanassam domanassa- Miti bhedenā pancadhā.

Nơi đây, Thọ có ba là Lạc, Khổ và Xả. Cùng với Hỷ và Ưu là năm.

Sukhamekattha dukkhanca Domanassam dvaye thitam
Dvāsattīsū samanassam Pancapannāsaketarā

Lạc và Khổ nằm trong một, Ưu trong hai,
Hỷ trong sáu mươi hai, Xả trong năm mươi lăm.

-----00000-----

HETUSANGAHA – TỔNG HỢP NHÂN

Tiếp theo là việc liệt kê phần Tổng Hợp Nhân v.v., cũng hiện hành với cùng một phương thức như vậy.

Việc liệt kê Tâm và Tâm Sở phân loại theo Nhân, gọi là Tổng Hợp Nhân.

TRÌNH BÀY SÁU NHÂN HAY CHÍN NHÂN

*Lobho doso ca moho ca Hetu akusalà tayo
Alobhà dosà moho ca Kusalàbyàkatà tathà.*

Có ba Nhân Bất Thiện là nhân Tham, Sân, Si. Nhân Thiện và nhân Vô Ký, mỗi loại có ba là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

PHÂN GIẢI THÍCH

Từ ngữ “*Hetu – Nhân*” có ý nghĩa là Pháp làm cho khởi sanh Quả, làm cho Pháp Quả được bền vững trong Cảnh và cho được phát triển.

* *Quả sanh từ nơi Nhân*: là Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp, Ý Nghiệp ở trong phần Thiện, hay Bất Thiện, hoặc Vô Ký.

* *Arammana – Cảnh*: là Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, Pháp thực tính liên quan với Vật hữu sanh mạng và phi hữu sanh mạng, tên sai khác, lời nói sai khác, sự kiện sai khác.

CÓ SÁU PHÁP LÀM NHÂN, TỨC LÀ CÁC TÂM SỞ, ĐÓ LÀ:

* *Lobha – Tham*: sự mong muốn được có.

* *Dosa – Sân*: sự sân hận.

* *Moha – Si*: sự vô tri.

* *Alobha – Vô Tham*: sự không tham muốn được có.

* *Adosa – Vô Sân*: sự không tức giận, bất sân hận.

* *Amoha – Vô Si*: sự không mê hoặc, sự hiểu biết.

Trong cả sáu Nhân này, nếu phân loại theo Vô Tịnh Hảo và Tịnh Hảo thì có sáu là:

* *Asobhanahetu – Nhân Vô Tịnh Hảo*: có ba, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si.

* *Sobhanahetu – Nhân Tịnh Hảo*: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

Nếu phân loại theo Bất Thiện, Thiện, và Vô Ký, có chín là:

* *Akusalahetu – Nhân Bất Thiện*: có ba, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si.

* *Kusalahetu – Nhân Thiện*: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* *Abyàkatahetu – Nhân Vô Ký*: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

Nếu phân loại theo Giống, có mười hai là:

* *Akusalajàti – Chủng Bất Thiện*: có ba, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si.

* *Kusalajàti – Chủng Thiện*: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* *Vipàkajàti – Chủng Di Thục Quả*: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Kiriyàjàti – Chủng Duy Tác: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

Nếu phân loại theo Địa Giới, có mười lăm là:

* Kàmahetu – Nhân Dục Giới: có sáu, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Rùpahetu – Nhân Sắc Giới: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Arùpahetu – Nhân Vô Sắc Giới: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Lokuttarahetu – Nhân Siêu Thế: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

Nếu phân loại theo Người, có hai mươi sáu là:

* Nhân sanh trong Phạm Phu: có sáu, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Nhân sanh trong người Thất Lai: có sáu, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Nhân sanh trong người Nhất Lai: có sáu, là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Nhân sanh trong người Bất Lai: có năm, là nhân Tham, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Nhân sanh trong người Vô Sinh: có ba, là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.

* Nhân làm cho Pháp Quả đang bền vững trong Cảnh: là khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, v.v., cho thấu suốt đến Tâm suy nghĩ các sự kiện sai khác rồi, thì những loại “Akusalacitta – Tâm Bất Thiện” là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si; hoặc là “Kusalacitta – Tâm Thiện” là Tín Tâm, Từ Tâm, Bi Tâm, Hỷ Tâm, Tâm tương ưng Trí thường sanh khởi và thấu bắt Cảnh sai khác, gìn giữ một cách kiên định.

Chính nơi đây là thành Quả bền vững trong Cảnh được sanh từ những loại Nhân trên.

* Nhân làm cho Pháp Quả đang phát triển lên: là khi Tâm bắt lấy những Cảnh sai khác thường luôn có nhiều năng lực khởi lên, có ý nghĩa là những loại Tham, hoặc Sân, hoặc Tín, v.v, ngay khi bắt đầu khởi sanh đang có sức lực yếu đuối, chưa có thể làm cho thành tựu trong việc Ác hạnh hoặc Thiện hạnh được.

Nhưng đến khi sức lực khởi sanh lên nhiều, thường có khả năng làm người tạo Ác hạnh trong những Thập Ác hạnh, hoặc tạo Thiện hạnh trong những Thập Thiện hạnh.

Chính nơi đây là thành Quả đặng phát triển do nương vào những loại Nhân trên.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM THEO NHÂN

Ahetukàthàraseka Hetukà dve dvàvīsati
Dvīhetukà matà satta Cattalīsa tihetukà.

Tâm Vô Nhân có 18, Tâm Nhất Nhân có 1, Tâm Nhị Nhân có 22, Tâm Tam Nhân có 47.

PHẦN GIẢI THÍCH

Số lượng 89 hoặc 121 Tâm được phân chia ra làm hai loại, là Tâm Vô Nhân và Tâm Hữu Nhân.

** Ahetukacitta – Tâm Vô Nhân:* có mười tám Tâm không phối hợp với Nhân là: 1 Tâm Khai Ngũ Môn, Ngũ Song Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thảm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 1 Tâm Tiểu Sinh; kết hợp lại thành 18 Tâm Vô Nhân.

** Sahetukacitta – Tâm Hữu Nhân:* có 71 hoặc 103 Tâm phối hợp với Nhân là: 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế; kết hợp lại thành 71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân.

** Phân tích 71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân theo Nhân, là:*

1. Ekāhetukacitta – Tâm Nhất Nhân: có 2 Tâm Nhất Nhân là hai Tâm căn Si, chỉ có một nhân là nhân Si.

2. Dvīhetukacitta – Tâm Nhị Nhân: có 22 Tâm Nhị Nhân là:

** tám Tâm căn Tham, với hai nhân là nhân Tham và Si.*

** hai Tâm căn Sân, với hai nhân là nhân Sân và Si.*

** mười hai Tâm bất tương ưng Trí, với hai nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân.*

3. Tīhetukacitta – Tâm Tam Nhân: có 47 hoặc 79 Tâm có ba Nhân là:

** mười hai Tâm tương ưng Trí Dục Giới.*

** hai mươi bảy Tâm Đáo Đại.*

** tám hoặc 40 Tâm Siêu Thế với ba Nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.*

Không có các Tâm có 4,5,6 Nhân bởi vì Tham Sân Si là các Nhân Vô Tịnh Hảo, và Vô Tham Vô Sân Vô Si là các Nhân Tịnh Hảo, do đó không thể cùng chung nhau phối hợp với Tâm được.

PHÂN TÍCH TÂM SỞ THEO NHÂN THUỘC PHẦN
“AGAHITAGGAHANANAYA” – (TÂM SỞ ĐÃ TÍNH RỒI KHÔNG TÍNH NỮA)

1. Ahetukacetāsika – Tâm Sở Vô Nhân: không có Tâm Sở Vô Nhân.
 2. Ekahetukacetāsika – Tâm Sở Nhất Nhân: có ba Tâm Sở có một Nhân là:
 - * Tâm Sở Tham có một nhân là nhân Tham.
 - * Tâm Sở Sân có một nhân là nhân Sân.
 - * Tâm Sở Si có một nhân là nhân Si.
 3. Dvīhetukacetāsika – Tâm Sở Nhị Nhân: có chín Tâm Sở có hai Nhân là:
 - * Tâm Sở Si có hai nhân là nhân Tham, nhân Sân.
 - * Tâm Sở Tà Kiến có hai nhân là nhân Tham, nhân Si.
 - * Tâm Sở Ngã Mạn có hai nhân là nhân Tham, nhân Si.
 - * Tâm Sở Tật Đồ có hai nhân là nhân Sân, nhân Si.
 - * Tâm Sở Lận Sất có hai nhân là nhân Sân, nhân Si.
 - * Tâm Sở Hối Hận có hai nhân là nhân Sân, nhân Si.
 - * Tâm Sở Vô Tham có hai nhân là nhân Vô Sân, nhân Vô Si.
 - * Tâm Sở Vô Sân có hai nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Si.
 - * Tâm Sở Tuệ Quyền có hai nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân.
 4. Tīhetukacetāsika – Tâm Sở Tam Nhân: có hai mươi bảy Tâm Sở có ba Nhân:
 - * Có năm Tâm Sở có ba Nhân là Tham, Sân, Si, gồm có: Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Điều Cữ, Tâm Sở Hôn Trầm, Tâm Sở Thụy Miên.
 - * Có hai mươi hai Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tâm Sở Vô Tham, Tâm Sở Vô Sân, Tâm Sở Tuệ Quyền) có ba Nhân là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
 5. Catuhetukacetāsika – Tâm Sở Tứ Nhân: không có Tâm Sở bốn Nhân.
 6. Pancahetukacetāsika – Tâm Sở Ngũ Nhân: có một Tâm Sở Hỷ có năm Nhân là nhân Tham, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.
 7. Chāhetukacetāsika – Tâm Sở Lục Nhân: có mười hai Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Hỷ) có sáu Nhân là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si, nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si.
 - * Kết hợp Tâm Sở có một Nhân là: có ba Tâm Sở.
 - * Kết hợp Tâm Sở có hai Nhân là: có chín Tâm Sở.
 - * Kết hợp Tâm Sở có ba Nhân là: có hai mươi bảy Tâm Sở.
 - * Kết hợp Tâm Sở có năm Nhân là: có một Tâm Sở.
 - * Kết hợp Tâm Sở có sáu Nhân là: có mười hai Tâm Sở.
- Tổng Hợp lại có năm mươi hai Tâm Sở.***

PHÂN TÍCH TÂM SỞ THEO NHÂN THUỘC PHẦN
“GAHITAGGAHANANAYA” – (TÂM SỞ ĐÃ TÍNH RỒI LẠI TÍNH NỮA)

1. Ahetukacetāsika – Tâm Sở Vô Nhân: có mười ba (13) Tâm Sở Vô Nhân là:

- * Mười hai (12) Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục) phối hợp với Tâm Vô Nhân.
- * Tâm Sở Si phối hợp với Tâm căn Si.

2. Ekahetukacetāsika – Tâm Sở Nhất Nhân: có hai mươi (20) Tâm Sở có một (1) Nhân:

- * Mười một (11) Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Hỷ, Tâm Sở Dục) phối hợp Tâm căn Si, có một (1) Nhân là nhân Si.
- * Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Điều Cữ phối hợp với Tâm căn Si, có một (1) Nhân là nhân Si.
- * Tâm Sở Hoài Nghi, Tâm Sở Tham, Tâm Sở Sân có một (1) Nhân là nhân Si.
- * Tâm Sở Si khi phối hợp với Tâm căn Tham, có một (1) Nhân là nhân Tham.
- * Tâm Sở Si khi phối hợp với Tâm căn Sân có một (1) Nhân là nhân Sân.
- * Tâm Sở Vô Tham phối hợp Tâm bất tương ưng Trí, có một (1) Nhân là nhân Vô Sân.
- * Tâm Sở Vô Sân phối hợp Tâm bất tương ưng Trí, có một (1) Nhân là nhân Vô Tham.

3. Dvīhetukacetāsika – Tâm Sở Nhị Nhân: có bốn mươi tám (48) Tâm Sở có hai (2) Nhân phối hợp với hai mươi hai (22) Tâm Nhị Nhân, là:

- * Mười ba (13) Tâm Sở Tợ Tha khi phối hợp với Tâm căn Tham có hai (2) Nhân là nhân Tham và nhân Si.
- * Mười ba (13) Tâm Sở Tợ Tha khi phối hợp với Tâm căn Sân có hai (2) Nhân là nhân Sân và nhân Si.
- * Mười ba (13) Tâm Sở Tợ Tha khi phối hợp với Tâm bất tương ưng Trí có hai (2) Nhân là nhân Vô Tham và nhân Vô Sân.
- * Tâm Sở Vô Tàm, Vô Quý, Điều Cữ khi phối hợp với Tâm căn Tham có hai (2) Nhân là nhân Tham và nhân Si.
- * Tâm Sở Vô Tàm, Vô Quý, Điều Cữ khi phối hợp với Tâm căn Sân có hai (2) Nhân là nhân Sân và nhân Si.
- * Tâm Sở Tà Kiến, Ngã Mạn có hai (2) Nhân là nhân Tham và nhân Si.
- * Tâm Sở Tật Đồ, Lận Sắt, Hối Hận có hai (2) Nhân là nhân Sân và nhân Si.
- * Tâm Sở Hôn Trầm, Thụy Miên khi phối hợp với Tâm căn Tham hữu dẫn có hai (2) Nhân là nhân Tham và nhân Si.
- * Tâm Sở Hôn Trầm, Thụy Miên khi phối hợp với Tâm căn Sân hữu dẫn có hai (2) Nhân là nhân Sân và nhân Si.

- * Hai mươi hai (22) Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Tuệ Quyền) khi phối hợp với Tâm bất tương ưng Trí có hai (2) Nhân là nhân Vô Tham và nhân Vô Sân.
- * Tâm Sở Vô Tham phối hợp với Tâm tương ưng Trí có hai (2) Nhân là nhân Vô Sân và nhân Vô Si.
- * Tâm Sở Vô Sân phối hợp với Tâm tương ưng Trí có hai (2) Nhân là nhân Vô Tham và nhân Vô Si.
- * Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với Tâm tương ưng Trí có hai (2) Nhân là nhân Vô Tham và nhân Vô Sân.

4. Tihetukacetasika – Tâm Sở Tam Nhân: có ba mươi lăm (35) Tâm Sở có ba (3) Nhân là mười ba (13) Tâm Sở Tợ Tha, hai mươi hai (22) Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tâm Sở Vô Tham, Vô Sân, Tuệ Quyền) phối hợp với bốn mươi bảy (47) Tâm Tam Nhân (hoặc 79 Tâm- tính rộng).

ĐẾM SỐ LƯỢNG NHÂN THEO GIẢI RỘNG CÓ 283 NHÂN

1. Akusalahetu – Nhân Bất Thiện: có số lượng hai mươi hai (22), là: Nhân Tham có 8, nhân Sân có 2, nhân Si có 12.
Kết hợp lại có hai mươi hai (22) Nhân Bất Thiện.

2. Kusalahetu – Nhân Thiện: có số lượng một trăm bảy (107), là: Nhân Vô Tham có 37, nhân Vô Sân có 37, nhân Vô Si có 33.
Kết hợp lại có một trăm bảy (107) Nhân Thiện.

4. Vipàkahetu – Nhân Di Thực Quả: có số lượng một trăm bảy (107), là: Nhân Vô Tham có 37, nhân Vô Sân có 37, nhân Vô Si có 33.
Kết hợp lại có một trăm bảy (107) Nhân Di Thực Quả.

5. Kiriyahetu – Nhân Duy Tác: Có số lượng bốn mươi bảy (47), là: Nhân Vô Tham có 17, nhân Vô Sân có 17, nhân Vô Si có 13.
Kết hợp lại có bốn mươi bảy (47) Nhân Duy Tác.

Tổng hợp lại, Nhân Bất Thiện có 22, Nhân Thiện có 107, Nhân Di Thực Quả có 107, và Nhân Duy Tác có 47 thì có tất cả 283 Nhân theo giải rộng.

Chú giải: Theo bộ chú giải ATTHASĀLINI giải thích về Hetu – Nhân, có bốn loại là:

1. Hetu hetu – Nhân nhân: Nguyên nhân của Nhân, hay duyên sanh Nhân.
Có ba Nhân Thiện, ba Nhân Bất Thiện, và ba Nhân Vô Ký.
Từ ngữ Hetu – Nhân, có ý nghĩa la căn cội, hay gốc rễ.

2. Paccayahetu – Duyên nhân: Điều kiện tạo Nhân, hay nguyên nhân tác dụng như một phương tiện.

Tứ Đại Hiện (*Mahābhūta*) là nguyên nhân, là duyên trong việc gọi tên của Sắc Uẩn, để Sắc Uẩn (*Rūpakkhandha*) được hiện bày.

Từ ngữ *Hetu – Nhân*, được dùng trong nghĩa tương quan tạo tác duyên.

Có sự khác biệt vi tế giữa *Hetu – Nhân* và *Paccaya – Duyên*.

Với *Hetu – Nhân* có ý nghĩa là gốc rễ (*Mūla*) căn cội, ví như rễ cây, và *Paccaya – Duyên* có ý nghĩa là yếu tố hỗ trợ (*Upakāra dhamma*) ví như phân bón, nước, và đất, những yếu tố giúp cho cây trưởng thành.

Sự khác biệt này cần phải được hiểu biết rõ ràng.

3. Uttamahetu – Chí thượng Nhân: nguyên nhân hay điều kiện chánh yếu tạo tác.

Là Nghiệp Thiện và Nghiệp Bất Thiện làm nhân cho sanh Quả dị thực Thiện và Quả dị thực Bất Thiện.

Một Trần Cảnh ưa thích tác động như một nguyên nhân chánh yếu (*Uttama*) để tạo Quả Thiện, và một Trần Cảnh không ưa thích tác động như một nguyên nhân chánh yếu để tạo Quả Bất Thiện.

Từ ngữ *Hetu – Nhân* có nghĩa là nguyên nhân chánh yếu.

4. Sādhāranahetu – Phổ thông Nhân: nguyên nhân hay điều kiện chung, phổ thông tạo tác. Vô Minh là nguyên nhân hay duyên hỗ trợ để cho tất cả Pháp Hành khởi sanh.

Từ ngữ *Hetu – Nhân* có nghĩa là nguyên nhân tổng quát, phổ thông.

Cũng như tinh chất của đất và nước là nguyên nhân phổ thông để giúp tạo tánh chất ngọt hay đắng của trái cây.

Cùng thể ấy, Vô Minh là nguyên nhân phổ thông của mọi Pháp Hành.

Tóm lại, từ ngữ *Hetu – Nhân* được hiểu theo nghĩa là căn cội, gốc rễ, nguyên nhân.

DỨT TỔNG HỢP NHÂN

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Nhân.

1/ Hỏi: Hãy giải thích ý nghĩa ý nghĩa gọi là Tổng Hợp Nhân. Hãy nêu nội dung sự việc sáu Tâm Sở có Tham, Sân, v.v. gọi là Nhân. Do nhân nào các Pháp Siêu Lý ở ngoài ra sáu Tâm Sở làm Nhân, không thể làm Nhân được? Hãy giải thích.

Đáp: Sự việc gọi là Tổng Hợp Nhân có ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở phân loại theo Nhân. Và trong sự việc sáu Tâm Sở có Tham, Sân, v.v.,

gọi là Nhân vì là Pháp làm cho Quả sanh khởi, làm cho Pháp Quả được bền vững trong Cảnh, và cho được phát triển.

Sự việc các Pháp Siêu Lý khác, ở ngoài sáu Tâm Sở làm Nhân, không thể làm Nhân được, bởi vì các Nhân trong Tổng Hợp Nhân này làm thành Pháp căn nguyên (*Mùla*), làm cội rễ của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; còn những Pháp Siêu Lý khác thì không thể thành căn cội của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, do đó những Pháp Siêu Lý khác ở ngoài ra sáu Tâm Sở này, không thể làm Nhân được.

2/ Hỏi: *Hãy phân tích sáu Nhân phân loại theo Tịnh Hảo, phân loại theo Giống, phân loại theo Cội, và hãy trình bày nguyên nhân sanh đối với các hạng Người sau đây:*

- Nhân sanh được với bậc Bất Lai nhưng bất sanh với bậc Vô Sinh.
- Nhân sanh được với bậc Vô Sinh nhưng bất sanh với bậc Bất Lai.
- Nhân sanh được với cả hai bậc Bất Lai và bậc Vô Sinh.
- Nhân bất sanh với cả hai bậc Bất Lai và bậc Vô Sinh.

Đáp: - Phân tích 6 Nhân theo phần Tịnh Hảo, là:

- * Nhân Vô Tịnh Hảo có ba, là: Tham, Sân, Si.
- * Nhân Tịnh Hảo có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

- Phân tích 6 Nhân theo phần Giống, là:

- * Giống Bất Thiện có ba, là: Tham, Sân, Si.
- * Giống Thiện có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- * Giống Dị Thục Quả có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- * Giống Duy Tác có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

- Phân tích 6 Nhân theo phần Cội, là:

- * Nhân Dục Giới có sáu, là: cả sáu Nhân.
- * Nhân Sắc Giới có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- * Nhân Vô Sắc Giới có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- * Nhân Siêu Thế có ba, là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

(1) Nhân sanh được với bậc Bất Lai nhưng bất sanh với bậc Vô Sinh, là Nhân Tham, Nhân Si.

(2) **Không có** Nhân sanh được với bậc Vô Sinh nhưng bất sanh với bậc Bất Lai.

(3) Nhân sanh được với cả hai bậc Bất Lai và bậc Vô Sinh, là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(4) Nhân bất sanh với cả hai bậc Bất Lai và bậc Vô Sinh, là: Nhân Sân.

3/ Hỏi: *Hãy trình bày Pháp Quả bền vững trong Cảnh và phát triển lên được trong Cảnh do bởi nương nhờ vào Nhân.*

Đáp: - Nhân làm cho Pháp Quả đăng bền vững trong Cảnh: Là khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, v.v., cho thấu suốt đến Tâm suy nghĩ các sự kiện sai khác rồi, thì những loại “*Akusalacitta – Tâm Bất Thiện*” là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si; hoặc là “*Kusalacitta – Tâm Thiện*” là Tín Tâm, Từ Tâm, Bi Tâm, Hỷ Tâm, Tâm tương ưng Trí thường sanh khởi và thấu bắt Cảnh sai khác, gìn giữ một cách kiên định. Chính nơi đây là **thành Quả bền vững trong Cảnh** được sanh từ những loại Nhân trên.

- Nhân làm cho Pháp Quả đăng phát triển lên: là khi Tâm bắt lấy những Cảnh sai khác thường luôn có nhiều năng lực khởi lên, có ý nghĩa là những loại Tham, hoặc Sân, hoặc Tín, v.v, ngay khi bắt đầu khởi sanh đang có sức lực yếu đuối, chưa có thể làm cho thành tựu trong việc Ác hạnh hoặc Thiện hạnh được.

Nhưng đến khi sức lực khởi sanh lên nhiều, thường có khả năng làm người tạo Ác hạnh trong những Thập Ác hạnh, hoặc tạo Thiện hạnh trong những Thập Thiện hạnh. Chính nơi đây là **thành Quả đăng phát triển** do nương vào những loại Nhân trên.

4/ Hỏi: Hãy đếm số lượng Nhân theo bài kệ sau đây:

Lobho doso ca moho ca Hetu akusalà tayo

Alobhàdosàmoho ca Kusalàbyakatà tathà.

Và hãy phân tích 89 Tâm theo Tâm Vô Nhân, Tâm Hữu Nhân, Tâm Nhất Nhân, Tâm Nhị Nhân, Tâm Tam Nhân, và hãy dẫn chứng qua bài kệ để làm căn bản.

Đáp: - Đếm số lượng Nhân theo bài kệ trên, thì có 9 Nhân, là:

(1) Nhân Bất Thiện có 3, là: Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.

(2) Nhân Thiện có 3, là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(3) Nhân Vô Ký có 3, là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

Phân tích 89 Tâm theo Tâm Vô Nhân:

- **18 Tâm Vô Nhân**, là 7 Tâm Quả Bất Thiện, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân.
- **71 Tâm Hữu Nhân**, là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

- Tâm Nhất Nhân có hai Tâm, là 2 Tâm căn Si.

- Tâm Nhị Nhân có 22 Tâm, là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Bất Tương Ưng Trí.

- Tâm Tam Nhân có 47 Tâm, là: 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tương Ưng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

Và có bài kệ dẫn chứng như sau:

Ahetukàtthàraseka

Hetukà dve dvàvīsati

Dvīhetukā mahā satta- Cattālīsa tīhetukā.

*Tâm Vô Nhân có 18, Tâm Nhất Nhân có 2
Tâm Nhị Nhân có 22, Tâm Tam Nhân có 47.*

5/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm có Nhân như sau:*

- Tâm Bất Thiện có nhân Tham nhưng không có nhân Sân.
- Tâm Bất Thiện có nhân Sân nhưng không có nhân Tham.
- Tâm Bất Thiện có cả hai nhân Tham và nhân Sân.
- Tâm Bất Thiện không có cả hai nhân Tham và nhân Sân.
- Và - Tâm Thiện có nhân Vô Tham nhưng không có nhân Vô Si.
- Tâm Thiện có nhân Vô Si nhưng không có nhân Vô Tham.
- Tâm Thiện có nhân Vô Tham và nhân Vô Si.
- Tâm Thiện không có nhân Vô Tham và nhân Vô Si.

Đáp: - Tâm Bất Thiện có nhân Tham nhưng không có nhân Sân, là: 8 Tâm căn Tham.

- Tâm Bất Thiện có nhân Sân nhưng không có nhân Tham, là: 2 Tâm căn Sân.
- **Không có** Tâm Bất Thiện có cả hai nhân Tham và nhân Sân.
- Tâm Bất Thiện không có cả hai nhân Tham và nhân Sân, là: 2 Tâm căn Si.
- Tâm Thiện có nhân Vô Tham nhưng không có nhân Vô Si, là 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí.
- **Không có** Tâm Thiện có nhân Vô Si nhưng không có nhân Vô Tham.
- Tâm Thiện có nhân Vô Tham và nhân Vô Si, là: 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đạo Đại, 4 hoặc 20 Tâm Đạo.
- **Không có** Tâm Thiện không có nhân Vô Tham và nhân Vô Si.

6/ Hỏi: *Khi phân tích Tâm theo sáu Nhân thì được có Tâm Vô Nhân, Tâm Nhất Nhân, Tâm Nhị Nhân, Tâm Tam Nhân, nhưng vì sao không có Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân? Hãy trình bày sự khác biệt giữa Tâm Vô Nhân và Tâm Hữu Nhân.*

Đáp: - Sự việc không có các Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân bởi vì Nhân Bất Thiện chỉ có ba Nhân là Tham Sân Si, Nhân Thiện và Nhân Vô Ký cũng chỉ có ba Nhân là Vô Tham Vô Sân Vô Si.

Lẽ thường, Nhân Bất Thiện không thể sanh chung với Nhân Thiện, hoặc với Nhân Vô Ký trong cùng một cái Tâm được, do đó không có các Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân.

- Trình bày sự khác biệt giữa Tâm Vô Nhân với Tâm Hữu Nhân, là:

(1) Tâm Vô Nhân là Tâm không có Nhân Tương Ứng, khi tiếp xúc Cảnh với năng lực yếu kém, và không có vững chắc.

Tâm Hữu Nhân là Tâm có Nhân Tương Ứng, khi tiếp thâu Cảnh với năng lực kiên định và vững chắc.

(2) Tâm Vô Nhân, khi phân theo Giống thì chỉ có hai Giống, là giống Dị Thực Quả và giống Duy Tác.

Tâm Hữu Nhân, khi phân theo Giống thì có 4 Giống, là giống Bất Thiện, giống Thiện, giống Dị Thực Quả, giống Duy Tác.

(3) Tâm Vô Nhân chỉ thuộc nhóm Dục Giới.

Tâm Hữu Nhân thì được cả ba nhóm Dục Giới, Đáo Đại, và Siêu Thế.

(3) Tâm Vô Nhân chỉ thuộc Hiệp Thế.

Tâm Hữu Nhân thì được cả hai là Hiệp Thế và Siêu Thế.

7/ Hỏi: Hãy phân tích 52 Tâm Sở theo “*Agahitaggahananaya – Tâm Sở đã tính rồi không tính nữa*” như sau: Tâm Sở Vô Nhân, Tâm Sở Nhất Nhân, Tâm Sở Tam Nhân, Tâm Sở Tứ Nhân, Tâm Sở Ngũ Nhân, Tâm Sở Lục Nhân. Và hãy trình bày tên gọi Nhân theo số lượng Nhân đó.

Đáp: (1) Không có Tâm Sở Vô Nhân.

(2) Có 3 **Tâm Sở Nhất Nhân**, là: Tâm Sở Tham, Tâm Sở Sân, Tâm Sở Hoài Nghi, có 1 Nhân là Nhân Si.

(3) Có 9 **Tâm Sở Nhị Nhân**, là Tâm Sở Si, có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân.

- Tâm Sở Tà Kiến, Tâm Sở Ngã Mạn, có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.

- Tâm Sở Tật Đố, Tâm Sở Lận Sắt, Tâm Sở Hối Hận, có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.

- Tâm Sở Vô Tham có 2 Nhân là Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

- Tâm Sở Vô Sân có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Si.

- Tâm Sở Vô Si có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

(4) Có 27 **Tâm Sở Tam Nhân**, là Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Điều Cử, Tâm Sở Hôn Trầm, Tâm Sở Thụy Miên, có 3 Nhân là: Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.

- 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Tuệ) có 3 Nhân, là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(5) **Không có Tâm Sở Tứ Nhân.**

(6) Có 1 **Tâm Sở Ngũ Nhân**, là Tâm Sở Hỷ có 5 Nhân, là: Nhân Tham, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(7) Có 12 **Tâm Sở Lục Nhân**, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ) có cả 6 Nhân.

8/ Hỏi: Có bao nhiêu Tâm Sở Vô Nhân, và là những chi? Hãy trình bày phần Tâm Sở “Tĩnh rồi tính nữa”. Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp với hai Tâm căn Sân, tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Si, theo phần Tâm Sở Vô Nhân, Tâm Sở Nhất Nhân, v.v, nơi sẽ làm được.

Đáp: - Tâm Sở Vô Nhân theo phần “tĩnh rồi tính nữa” có số lượng là 13, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục) khi phối hợp với 18 Tâm Vô Nhân, và Tâm Sở Si khi phối hợp với 2 Tâm căn Si, gom lại có 13 Tâm Sở.

- Phân tích Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm căn Tham.

- (1) Trong tất cả 22 Tâm Sở khi phối hợp với 8 Tâm căn Tham thì **không có Tâm Sở Vô Nhân**.
- (2) Có **2 Tâm Sở Nhất Nhân** là Tâm Sở Tham có 1 Nhân là Nhân Si, Tâm Sở Si có 1 Nhân là Tâm Sở Tham.
- (3) Trong 20 Tâm Sở còn lại là **Tâm Sở Nhị Nhân**, có 2 Nhân là Nhân Tham và Nhân Si.

- Phân tích Tâm Sở phối hợp với 2 Tâm căn Sân.

- (1) Trong tất cả 22 Tâm Sở khi phối hợp với 2 Tâm căn Sân thì **không có Tâm Sở Vô Nhân**.
- (2) Có **2 Tâm Sở Nhất Nhân** là Tâm Sở Sân có 1 Nhân là Nhân Si, Tâm Sở Si có 1 Nhân là Tâm Sở Sân.
- (3) Trong 20 Tâm Sở còn lại là **Tâm Sở Nhị Nhân**, có 2 Nhân là Nhân Sân và Nhân Si.

- Phân tích Tâm Sở phối hợp với 2 Tâm căn Si.

- (1) Trong tất cả 16 Tâm Sở khi phối hợp với 2 Tâm căn Si thì chính Tâm Sở Si làm **Tâm Sở Vô Nhân**, không có Tâm Sở nào khác đến phối hợp.
- (2) Trong 15 Tâm Sở còn lại là **Tâm Sở Nhất Nhân**, có 1 Nhân là Nhân Si.

9/ Hỏi Nhóm Tâm Sở nào mà Tâm Sở Vô Tham, Tâm Sở Vô Sân phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí? Nhóm Tâm Sở nào mà Tâm Sở Vô Tham, Tâm Sở Vô Sân phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí? Và 35 Tâm Sở Tam Nhân là những chi? Tam Nhân là những chi? (Hãy trình bày theo phần “Tĩnh rồi tính nữa”).

Đáp: - Tâm Sở Vô Tham, Vô Sân khi phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí là nhóm Tâm Sở Nhất Nhân.

- Tâm Sở Vô Tham, Vô Sân khi phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí là nhóm Tâm Sở Nhị Nhân.

- Và 35 Tâm Tam Nhân là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Tuệ) khi phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí, và 3 Nhân đó là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

10/ Hỏi: Hãy trình bày số lượng Nhân Bất Thiện, Nhân Thiện, Nhân Duy Tác theo giải rộng và hãy phân tích những loại Nhân đó cho được thấy rõ ràng.

Đáp: - Có **22 Nhân Bất Thiện**, là 8 Nhân Tham khi phối hợp với 8 Tâm căn Tham, 2 Nhân Sân khi phối hợp với 2 Tâm căn Sân, 12 Nhân Si khi phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện.

- Có **107 Nhân Thiện**, là 37 Nhân Vô Tham khi phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo; 37 Nhân Vô Sân khi phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo; 33 Nhân Vô Si khi phối hợp với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo.

- Có **47 Nhân Duy Tác**, là 17 Nhân Vô Tham khi phối hợp với 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại; 17 Nhân Vô Sân khi phối hợp với 8 Tâm Đại Duy tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại; 13 Nhân Vô Si khi phối hợp với 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại.

-----00000-----

KICCASANGAHA – TỔNG HỢP SỰ VỤ

Việc liệt kê Tâm và Tâm Sở phân loại theo Sự Vụ, gọi là Tổng Hợp Sự Vụ.

TRÌNH BÀY MƯỜI BỐN SỰ VỤ VÀ MƯỜI VỊ TRÍ

*Patisandhàdayo nàma
Dasadhà thànabhedena*

*Kiccabhedena cuddasa
Cittuppàdà pakàsità.*

Phân loại Tâm sanh khởi theo Sự Vụ có mười bốn Sự Vụ với tên gọi là Tâm Tái Tục, v.v, và phân loại theo Vị Trí thì có mười Vị Trí.

PHẦN GIẢI THÍCH

Tất cả Sự Vụ liên quan với Thân Ngữ Ý sẽ được thành tựu cũng do nương vào Tâm – Tâm Sở làm người điều khiển sự việc liên quan với Thân Ngữ mới được thành tựu, còn sự liên quan với Ý là sự việc suy nghĩ của sự kiện sai khác thì Tâm - Tâm Sở làm người tự thực hiện. Điều này trình bày cho thấy Tâm - Tâm Sở sanh diệt tương tự như dòng nước trôi chảy, thường có trách nhiệm tự nơi mình ở từng mỗi cái. Không có Tâm - Tâm Sở nào sanh khởi một cách vô trách nhiệm, và Tâm-Tâm Sở đang thực hiện trách nhiệm của tự bản Pháp cũng

phải có vị trí thành chỗ đặc biệt để từng mỗi sự việc một cách riêng biệt. Chính những vị trí này gọi là *Thàna – Vị Trí*.

Thí dụ dẫn chứng, Tâm - Tâm Sở được so sánh ví như người làm công việc, *Sự Vụ* so sánh giống như các sự việc, *Vị Trí* so sánh giống như địa vị của người làm công việc. Mỗi loại Tâm có sự vụ (nhiệm vụ) riêng biệt. Có vài loại Tâm đảm nhiệm nhiều sự vụ, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Tất cả đảm trách mười bốn sự vụ đặc biệt.

TRÌNH BÀY MƯỜI BỐN SỰ VỤ

Có mười bốn loại chức vụ của Tâm - Tâm Sở đang thực hiện:

1. *Patisandhikicca – Sự Tái Tục*: Làm chức vụ chuyển tiếp Cảnh giới mới.

Từ ngữ *Patisandhi-Tái Tục* là nối liền. Loại Tâm này theo kinh nghiệm được biết là lúc người mẹ thọ thai có tên gọi là Tâm Tái Tục (*hay Thức Nói Liền*). Được gọi như vậy, vì Tâm này nối liền hai kiếp sống, quá khứ và hiện tại. Tâm Tái Tục (*Patisandhicitta*) khởi sanh do chấp tư tưởng có nhiều năng lực lúc chết ở kiếp trước tạo điều kiện, và được xem là cội nguồn của luồng sống trong kiếp hiện tại. Trong một kiếp sống *chỉ có một sát na* Tâm Tái Tục. Những thành phần Tâm Thức chứa đựng trong sát na Tâm Hữu Phần (*Bhavangacitta*) mà về sau sanh khởi vô số trong suốt kiếp sống, và *chỉ có một sát na* Tâm Tử (*Cuticitta*) sanh khởi lúc lâm chung, tương tự như Tâm Tái Tục.

2. *Bhavangakicca – Sự Hữu Phần*: Làm chức vụ gìn giữ Cảnh giới.

Từ ngữ *Bhavanga-Hữu Phần* bao gồm *Bhava+Anga*, yếu tố của đời sống, hay điều kiện, thành phần hiện hữu thiết yếu của Danh Pháp không thể thiếu trong đời sống. Khi một người đang ngủ mê trong trạng thái không mộng mị, không có Trần Cảnh hiện bày, trạng thái Tâm Thức tiêu cực, thụ động. Khi Tâm không tiếp thu một Cảnh, ta có Tâm Hữu Phần. Tức khắc sau một Lộ trình Tâm, ta cũng có một sát na Tâm Hữu Phần.

Do đó, loại Tâm này cũng được gọi là *Vithimutta- Ngoại Lộ*, tự do, không liên quan với một Lộ trình Tâm. Đôi khi nó tác động như một trái độn giữa hai Lộ trình Tâm. Khi Trần Cảnh đến dòng Tâm Thức, thì luồng Tâm Hữu Phần sẽ dừng lại, và một sát na Tâm thích ứng với Trần Cảnh sẽ sanh khởi.

3. *Àvajjanakicca – Sự Khai Môn*: Làm chức vụ khai mở và quán xét Cảnh mới vào. Khi một Trần Cảnh đi vào Lộ Trình Tâm, thì dòng Tâm Hữu Phần đang hiện hữu trong Danh Pháp diệt. Tiếp đó là một sát na Tâm Hữu Phần Rúng

Động (*Bhavanga calana*) sanh khởi rồi diệt, kế đó là một sát na Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (*Bhavanga upaccheda*) sanh khởi rồi diệt.

Vì lẽ dòng Tâm Hữu Phần trôi chảy vô cùng mau lẹ, Trần Cảnh từ bên ngoài không thể sanh khởi tức khắc trong một tiến trình Tâm. Khi sát na Tâm Hữu Phần dừng lại, một sát na Tâm sanh khởi hướng về đối tượng. Nếu đối tượng thuộc về vật chất thì sát na Tâm này gọi là Khai Ngũ Môn (*Pancadvàràvajjana*). Nếu đối tượng thuộc về tinh thần thì sát na Tâm này gọi là Khai Ý Môn (*Manodvàràvajjana*).

4. Dassanakkicca – Sự Thấy: Làm chức vụ nhìn thấy.
5. Savanakkicca – Sự Nghe: Làm chức vụ lắng nghe.
6. Ghàyanakkicca – Sự Ngửi: Làm chức vụ ngửi mùi.
7. Sàyanakkicca – Sự Ném: Làm chức vụ ném vạ.
8. Phusanakkicca – Sự Cảm Xúc: Làm chức vụ xúc chạm.
9. Sampaticchanakkicca – Sự Tiếp Thâu: Làm chức vụ tiếp thọ Cảnh.
10. Santīranakkicca – Sự Thẩm Sát: Làm chức vụ xem xét chọn lọc Cảnh.

11. Votthabbanakkicca – Sự Đoán Định: Làm chức vụ phán đoán Cảnh.

Từ ngữ *Vi+Ava+Tha*, đứng lên, làm cho vững chắc, quyết định hoàn toàn. Chính ngay lúc này bản chất của Trần Cảnh được xác định một cách trọn vẹn. Đây là cửa ngõ đi vào Lộ Trình Tâm Thiện hay Bất Thiện. Phân biệt đúng hay sai là ngay sát na Tâm này. Chính giai đoạn này quyết định tiến trình tư tưởng, tốt hay xấu, thiện hay bất thiện. Và chính Tâm Khai Ý Môn làm nhiệm vụ này.

12. Javanakkicca – Sự Đồng Lực: Làm chức vụ hưởng thụ Cảnh.

Xuất nguyên từ ngữ căn *Ju* chạy nhanh, đồng tốc. Được gọi như vậy, vì trong Lộ trình Tâm, loại Tâm này diễn tiến liên tiếp bảy (7) hay năm (5) sát na Tâm, duyên theo một Trần Cảnh duy nhất. Trạng thái tinh thần trong tất cả bảy (7) hay năm (5) sát na này cùng giống nhau, nhưng năng lực khác nhau, mạnh yếu khác nhau.

Khi Tâm tiếp thâu một Trần Cảnh, hay duyên theo một đối tượng, thường có bảy (7) sát na Tâm Đồng Lực sanh khởi trong một Lộ trình Tâm. Trong Lộ trình Cận Tử hoặc khi bị ngắt xui, hay khi Đức Phật hiện bày Song Thông thì chỉ có năm (5) sát na Tâm Đồng Lực. Trong Lộ trình Đắc Đạo, chỉ có một (1) sát na Tâm Đồng Lực (*Maggacitta- Tâm Đạo*).

Đứng về phương diện đạo đức, giai đoạn *Javana - Đồng Lực* rất là quan trọng. Chính trong giai đoạn tâm lý này, ta thực sự tạo tác điều thiện hay bất thiện. Thí dụ như khi gặp kẻ thù, Tâm Sân sanh khởi một cách mau lẹ máy móc,

tuy nhiên, một người sáng suốt và nhân nại có thể tự tạo cho mình một Tâm niệm Từ ái đến với đối phương.

Quả thật vậy, hoàn cảnh, những khuynh hướng quen thuộc, môi trường sinh sống, v.v, gây ảnh hưởng đến với Tâm ta. Lúc ấy, ý chí tự do bị tùy thuộc nơi diễn tiến có tánh cách máy móc của cuộc sống. Tuy nhiên, những năng lực ngoại lực ấy cũng có thể được khắc phục, và ta có thể vận dụng ý chí tự do của chính mình để phát huy những tư tưởng tốt hay xấu. Một yếu tố ngoại lai có thể hướng dẫn cảm xúc của ta theo một chiều hướng quyết định, nhưng chính ta trực tiếp chịu trách nhiệm về những hành động của ta.

Đứng về phương diện Nghiệp báo, trong bảy sát na Tâm Đồng Lực thông thường, thì sát na thứ nhất có năng lực yếu kém, vì không có năng lực nào trước đó hỗ trợ, do đó Quả của sát na Tâm này có thể trở ngay trong kiếp hiện tại này, gọi là *Ditthadhammavedaniya Kamma - Hiện Báo Nghiệp*. Nếu không có cơ hội trở quả hiện tại, nghiệp lực này sẽ trở thành *Ahosikamma- Vô Hiệu Nghiệp*.

Sát na Tâm Đồng Lực yếu kế, là sát na Tâm thứ bảy. Quả của sát na Tâm này có thể trở sanh kế liền kiếp sau, gọi là *Upapajjavedaniya-Hậu Báo Nghiệp*. Nếu không có cơ hội trở quả hiện tại, nghiệp lực này sẽ trở thành *Ahosikamma-Vô Hiệu Nghiệp*.

Quả báo của năm sát na Tâm Đồng Lực (từ thứ 2-6) có thể trở sanh bất cứ lúc nào, mãi cho đến ngày viên tịch Níp Bàn, gọi là *Aparàpariyavedaniya-Hậu Hậu Báo Nghiệp*. Nên biết rằng, Đồng Lực Thiện hay Bất Thiện (*Kusalākusala*) thuộc phân tích cực tạo tác trong đời sống, tạo điều kiện cho kiếp vị lai phát sanh.

Ngoài ra, còn có Đồng Lực Quả Siêu Thế (*Phala - tiếp nối sau Tâm Đạo*) hay Duy Tác (*Kiriya*). Trong những Đồng Lực Duy Tác chỉ có Đức Phật và chư vị Vô Sinh, với Tác Ý (*Cetanā*) không có khả năng tạo Nghiệp.

13. Tadārammanakicca – Sự Na Cảnh: Làm chức vụ tiếp thâu Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực. Tiếp theo sau tiến trình Tâm Đồng Lực thì có hai (2) sát na hoặc không có một sát na nào cả, phát sanh cùng một Cảnh với Đồng Lực. Do đó sát na Tâm này gọi là Na Cảnh. Sau sát na Tâm Na Cảnh, luồng Tâm thức trở về Tâm Hữu Phần.

14. Cutikicca – Sự Tử: Làm nhiệm vụ chấm dứt, lìa Cảnh giới củ.

Xuất nguyên từ ngũ căn *Cu*, ra đi, lìa khỏi. Tâm Tái Tục là điểm khởi sanh đời sống. Tâm Tử là điểm cuối cùng. Tâm Tái Tục đưa vào đời sống, Tâm Tử lìa khỏi cuộc đời.

Ba sát na Tái Tục, Hữu Phần, Tử trong một kiếp sống hoàn toàn giống nhau, vì có cùng một Cảnh hay đối tượng, và bao gồm những Tâm Sở đồng cấu sanh với nhau. Cái chết xảy ra tức thì liền sau sát na Tâm Tử. Cùng với cái chết, xác thân tan rã và dòng tâm thức chấm dứt, mặc dầu không tiêu diệt, bởi vì Nghiệp lực, làm cho nguồn sống vẫn còn tiếp diễn. Cái chết chỉ là giai đoạn báo hiệu cái sanh sắp đến!

TRÌNH BÀY MƯỜI VỊ TRÍ

Tuy có mười bốn (14) loại Sự Vụ (hay nhiệm vụ), nhưng tính theo nơi làm việc (Vị Trí) thì chỉ có mười (10) loại.

Phân Ngũ Song Thức được tính chung làm một (1) Vị Trí, vì tác dụng của năm (5) đôi Thức này tương tự.

1. *Patisandhithàna - Vị Trí Tái Tục*: vị trí làm việc chuyển tiếp Cảnh giới mới.
2. *Bhavaṅgathàna - Vị Trí Hữu Phần*: vị trí làm việc gìn giữ Cảnh giới.
3. *Àvajjanathàna - Vị Trí Khai Môn*: vị trí làm việc khai mở và quán xét Cảnh mới.
4. *Pancavinnānathàna - Vị Trí Ngũ Thức*: vị trí làm việc nhìn thấy, lắng nghe, ngửi mùi, nếm vị, xúc chạm.
5. *Sampaticchanathàna - Vị Trí Tiếp Thâu*: vị trí làm việc tiếp thọ Cảnh.
6. *Santīranathàna - Vị Trí Thẩm Sát*: vị trí làm việc xem xét chọn lọc Cảnh.
7. *Votthabbanathàna - Vị Trí Đoán Định*: vị trí làm việc phán đoán Cảnh.
8. *Javanathàna - Vị Trí Đồng Lực*: vị trí làm việc hưởng thụ Cảnh.
9. *Tadārammanathàna - Vị Trí Na Cảnh*: vị trí làm việc tiếp thụ Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực.
10. *Cutithàna - Vị Trí Tử*: vị trí làm việc chấm dứt, xa lìa Cảnh giới cũ.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH MƯỜI BỐN SỰ VỤ THEO TÂM

1. *Có 19 Tâm làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử*: là hai Tâm Thẩm Sát Xả thọ, tám Tâm Đại Quả, chín Tâm Đáo Đại.
2. *Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Khai Môn*: là một Tâm Khai Ngũ Môn, một Tâm Khai Ý Môn.
3. *Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Thấy*: là hai Tâm Nhãn Thức.
4. *Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Nghe*: là hai Tâm Nhĩ Thức.
5. *Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Ngửi*: là hai Tâm Tỷ Thức.

6. Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Ném: là hai Tâm Thiệt Thức.
7. Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Xúc Chạm: là hai Tâm Thân Thức.
8. Có hai Tâm làm nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu: là hai Tâm Tiếp Thâu.
9. Có ba Tâm làm nhiệm vụ Sự Thẩm Tấn: là ba Tâm Thẩm Tấn.
10. Có một Tâm làm nhiệm vụ Sự Đoán Định: là một Tâm Khai Ý Môn.
11. Có 55 Tâm làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực: là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.
12. Có 11 Tâm làm nhiệm vụ Sự Na Cảnh: là ba Tâm Thẩm Tấn, tám Tâm Đại Quả.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM THEO MƯỜI BỐN SỰ VỤ

1. Có hai Tâm làm năm nhiệm vụ: hai Tâm Thẩm Tấn Xả thọ làm năm nhiệm vụ là:

- Sự Tái Tục,
- Sự Hữu Phần,
- Sự Tử,
- Sự Thẩm Tấn,
- Sự Na Cảnh.

2. Có tám Tâm làm bốn nhiệm vụ: tám Tâm Đại Quả làm bốn nhiệm vụ là:

- Sự Tái Tục,
- Sự Hữu Phần,
- Sự Tử,
- Sự Na Cảnh.

3. Có chín Tâm làm ba nhiệm vụ: chín Tâm Quả Đáo Đại làm ba nhiệm vụ là:

- Sự Tái Tục,
- Sự Hữu Phần,
- Sự Tử.

4. Có hai Tâm làm hai nhiệm vụ:

* Một Tâm Thẩm Tấn Hỷ thọ làm hai nhiệm vụ là:

- Sự Thẩm Tấn,
- Sự Na Cảnh.

* Một Tâm Khai Ý Môn làm hai nhiệm vụ là:

- Sự Đoán Định,

- Sự Khai Môn.

5. Có 69 hoặc 100 Tâm làm một nhiệm vụ:

- * Tâm Khai Ngũ Môn làm Sự Khai Môn.
- * Hai Tâm Nhãn Thức làm Sự Thấy.
- * Hai Tâm Nhĩ Thức làm Sự Nghe.
- * Hai Tâm Tỷ Thức làm Sự Ngửi.
- * Hai Tâm Thiệt Thức làm Sự Nếm.
- * Hai Tâm Thân Thức làm Sự Xúc Chạm.
- * Hai Tâm Tiếp Thâu làm Sự Tiếp Thâu.
- * Mười hai Tâm Bất Thiện, một Tâm Tiểu Sinh, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, chín Tâm Thiện Đáo Đại, chín Tâm Duy Tác Đáo Đại, và tám hoặc bốn mươi Tâm Siêu Thế làm Sự Đồng Lực.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH MƯỜI VỊ TRÍ THEO TÂM

1. Có 19 Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, Vị Trí Tử: là hai Tâm Thảm Tấn Xả thọ, tám Tâm Đại Quả, chín Tâm Quả Đáo Đại.

2. Có hai Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Khai Môn: là một Tâm Khai Ngũ Môn, và một Tâm Khai Ý Môn sanh trong Lộ Ý Môn.

3. Có mười Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Ngũ Thức: là mười Tâm Ngũ Song Thức.

4. Có hai Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Tiếp Thâu: là hai Tâm Tiếp Thâu.

5. Có ba Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Thảm Tấn: là ba Tâm Thảm Tấn.

6. Có một Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Đoán Định: là Tâm Khai Ý Môn sanh trong Lộ Ngũ Môn.

7. Có 55 hoặc 87 Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Đồng Lực: là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

8. Có mười một Tâm làm nhiệm vụ trong Vị Trí Na Cảnh: là ba Tâm Thảm Tấn, tám (8) Tâm Đại Quả.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM THEO SỰ VỤ VÀ VỊ TRÍ

*Attha satthi tathà dve ca
Eka dvi ti catu panca*

*Navàttha dve yathàkkamam
Kiccatthànàni niddise.*

Trình bày tuần tự số lượng Tâm theo Sự Vụ và Vị Trí, lần lượt như sau:

- * *Tâm có một Sự Vụ và một Vị Trí, có số lượng là 68 Tâm.*
- * *Tâm có hai Sự Vụ và hai Vị Trí, có số lượng là hai Tâm.*
- * *Tâm có ba Sự Vụ và ba Vị Trí, có số lượng là chín Tâm.*
- * *Tâm có bốn Sự Vụ và bốn Vị Trí, có số lượng là tám Tâm.*
- * *Tâm có năm Sự Vụ và năm Vị Trí, có số lượng là hai Tâm.*

PHẦN GIẢI THÍCH

1. Số lượng 68 Tâm có một Sự Vụ và một Vị Trí là:

- * Tâm Khai Ngũ Môn có Sự Khai Môn và Vị Trí Khai Môn.
- * Hai Tâm Tiếp Thâu có Sự Tiếp Thâu và Vị Trí Tiếp Thâu.
- * Hai Tâm Nhãn Thức có Sự Thấy và Vị Trí Ngũ Thức.
- * Hai Tâm Nhĩ Thức có Sự Nghe và Vị Trí Ngũ Thức.
- * Hai Tâm Tỷ Thức có Sự Ngửi và Vị Trí Ngũ Thức.
- * Hai Tâm Thiệt Thức có Sự Nếm và Vị Trí Ngũ Thức.
- * Hai Tâm Thân Thức có Sự Xúc và Vị Trí Ngũ Thức.
- * 55 Tâm Đồng Lực có Sự Đồng Lực và Vị Trí Đồng Lực.

2. Số lượng hai Tâm có hai Sự Vụ và hai Vị Trí là:

- * Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ có Sự Thâm Tấn và Sự Na Cảnh, có Vị Trí Thâm Tấn và Vị Trí Na Cảnh.
- * Tâm Khai Ý Môn có Sự Khai Môn và Sự Đoán Định, có Vị Trí Khai Môn và Vị Trí Đoán Định.

3. Số lượng chín Tâm có ba Sự Vụ và ba Vị Trí là:

- * Chín Tâm Quả Đáo Đại có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, và Sự Tử, có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, và Vị Trí Tử.

4. Số lượng tám Tâm có bốn Sự Vụ và bốn Vị Trí là:

- * Tám Tâm Đại Quả có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, và Sự Na Cảnh, có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, Vị Trí Tử, và Vị Trí Na Cảnh.

5. Số lượng hai Tâm có năm Sự Vụ và năm Vị Trí là:

- * Hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thâm Tấn, và Sự Na Cảnh, có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, Vị Trí Tử, Vị Trí Thâm Tấn, và Vị Trí Na Cảnh.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH NĂM MƯỜI HAI TÂM SỞ THEO MƯỜI BỐN SỰ VỤ

1. Số lượng 17 Tâm Sở có một Sự Vụ: là mười bốn Tâm Sở Bất Thiện, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần làm một Sự Vụ là Sự Đồng Lực.

Giải thích rằng: Mười bốn Tâm Sở Bất Thiện chỉ phối hợp duy nhất với mười hai Tâm Bất Thiện và mười hai Tâm Bất Thiện cũng chỉ làm duy nhất Sự Đồng Lực.

Do đó mười bốn Tâm Sở Bất Thiện chỉ làm một nhiệm vụ duy nhất là Sự Đồng Lực.

* Ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Đại Thiện và Tâm Siêu Thế, và hai nhóm Tâm này chỉ làm một nhiệm vụ duy nhất là Sự Đồng Lực.

Do đó ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần chỉ làm một nhiệm vụ là Sự Đồng Lực.

2. Số lượng hai Tâm Sở có bốn Sự Vụ: là hai Tâm Sở Vô Lượng Phần làm bốn Sự Vụ là Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, và Sự Đồng Lực.

Giải thích rằng: Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần khi phối hợp với Tâm Quả Sắc Giới ngay sát na làm Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

* Hai Tâm Sở Vô Lượng Phần khi phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác, Tâm Thiện Sắc Giới, Tâm Duy Tác Sắc Giới ngay sát na làm Sự Đồng Lực.

3. Số lượng hai mươi một Tâm Sở có năm Sự Vụ: là mười chín Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, một Tâm Sở Tuệ Quyền, một Tâm Sở Dục làm năm Sự Vụ là Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Đồng Lực, và Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Hai mươi một Tâm Sở này không có phối hợp với mười tám Tâm Vô Nhân, do đó loại trừ chín Sự Vụ đặc biệt là nhiệm vụ của các Tâm Vô Nhân, kể từ Sự Khai Môn cho đến Sự Đoán Định. Năm Sự Vụ còn lại thì các Tâm Sở này làm được, như đã nêu trên.

4. Số lượng một Tâm Sở có sáu Sự Vụ: là Tâm Sở Hỷ làm sáu Sự Vụ là Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thảm Tấn, Sự Đồng Lực, và Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Tâm Sở Hỷ khi phối hợp với những Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác, và Tâm Quả Siêu Thế câu hành Hỷ thì làm Sự Đồng Lực.

* Tâm Sở Hỷ khi phối hợp với Tâm Thảm Tấn Hỷ thọ thì làm nhiệm vụ Sự Thảm Tấn, và Sự Na Cảnh.

* Tâm Sở Hỷ khi phối hợp với Tâm Quả Sắc Giới câu hành Hỷ làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, và Sự Tử.

* Tâm Sở Hỷ khi phối hợp với Tâm Đại Quả câu hành Hỷ làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, và Sự Na Cảnh.

5. Số lượng một Tâm Sở có bảy Sự Vụ: Tâm Sở Cần làm bảy nhiệm vụ là Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, và Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Tâm Sở Cần khi phối hợp với những Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác và Tâm Quả Siêu Thế làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực.

* Tâm Sở Cần khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn làm nhiệm vụ Sự Khai Môn, và Sự Đoán Định.

* Tâm Sở Cần khi phối hợp với Tâm Quả Đáo Đại làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, và Sự Tử.

* Tâm Sở Cần khi phối hợp với Tâm Đại Quả làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử và Sự Na Cảnh.

6. Số lượng ba Tâm Sở có chín Sự Vụ: Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Tứ và Tâm Sở Thắng Giải làm chín Sự Vụ là Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Khai Môn, Sự Tiếp Thâu, Sự Thâm Tấn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, và Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Ba Tâm Sở này khi phối hợp với những Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác, và Tâm Quả Siêu Thế làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực.

* Ba Tâm Sở này khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn làm nhiệm vụ Sự Khai Môn, và Sự Đoán Định.

* Ba Tâm Sở này khi phối hợp với Tâm Tiếp Thâu làm nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu.

* Ba Tâm Sở này khi phối hợp với Tâm Thâm Tấn làm nhiệm vụ Sự Thâm Tấn, và Sự Na Cảnh.

* Ba Tâm Sở này khi phối hợp với Tâm Quả Đáo Đại làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, và Sự Tử.

* Ba Tâm Sở này khi phối hợp với Tâm Đại Quả làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, và Sự Na Cảnh.

7. Số lượng bảy Tâm Sở có mười bốn Sự Vụ: là bảy Tâm Sở Biến Hành làm hết mười bốn Sự Vụ.

Giải thích rằng: Bảy Tâm Sở Biến Hành phối hợp được với tất cả Tâm, do đó mới làm hết tất cả mười bốn Sự Vụ.

Ghi Chú: Không có Tâm Sở làm 2, 3, 8, 10, 11, 12 và 13 nhiệm vụ, bởi vì không có Tâm Sở nào phối hợp một cách riêng biệt với các Tâm làm 2, 3, 8, 10, 11, 12 và 13 nhiệm vụ.

TRÌNH BÀY VỊ TRÍ THEO GIẢI RỘNG

Sandhi ekam cha bhavangam

Dvāvajjanam pañcādyekam

Dve vojo cha tadādvēti

Cutiti pañcavīsati

(Rút trong phần Tóm Lược Chú Giải – Phụ Chú Giải)

Có hai mươi lăm Vị Trí theo giải rộng, là:

- * *Vị Trí Tái Tục có 1, Vị Trí Hữu Phần có 6.*
- * *Vị Trí Khai Môn có 2, Vị Trí Ngũ Thức có 1.*
- * *Vị Trí Tiếp Thâu có 1, Vị Trí Thẩm Sát có 1.*
- * *Vị Trí Đoán Định có 2, Vị Trí Đồng Lực có 6.*
- * *Vị Trí Na Cảnh có 2, Vị Trí Tử có 3.*

Kết hợp lại có hai mươi lăm Vị Trí.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH HAI MƯƠI LĂM VỊ TRÍ THEO LỘ TÂM

1/ Sandhitthānam cu bhantaram

Paà, Taà, Jaà, Voà

Tacu Jacuntaram bhassa

Cha thānam paridīpaye

2/ Bhavi bhajantaram yeva

Du athānam āsantaram

Vithānekam vitintaram

am thānekam samvantaram

3/ Tī thānekam duvothānam

Tīja Tībhantaram tathā

Vota vobha Vocuntaram

Āta Ābha Ācuntaram

4/ Jathānam cha jābha jacuntaram

neyyamdu tathānam

Tapa Japa Bhapantaram

Cutithānam tīdhāmatam.

(Rút trong phần Tóm Lược Chú Giải – Phụ Chú Giải)

Nên hiểu biết từng mỗi hai mươi lăm (25) Vị Trí được phân tích theo Lộ Tâm như sau:

1. Vị Trí Tái Tục: có một (1) Vị Trí là khoảng giữa Tâm Tử và Tâm Hữu Phần trong “Lộ Cận Tử- Marañāsannavithi”.

2. Vị Trí Hữu Phần: có sáu (6) Vị Trí là:

* khoảng giữa Tâm Tái Tục với Tâm Khai Môn mà sanh tiếp nối từ Lộ Cận Tử cho đến “*Lộ Đồng Lực Tham Ái Luyến Hữu- Bhavanikantalobhajavanavithi*”.

* khoảng giữa Na Cảnh với Khai Môn, trong khoảng giữa “*Lộ trình thời kỳ Na Cảnh- Tadàrammaṇavàravithi*” với các Lộ khác sanh tiếp nối với nhau.

* khoảng giữa Đồng Lực với Khai Môn, trong khoảng giữa “*Lộ trình thời kỳ Đồng Lực –Javanavàravithi*” với các Lộ khác sanh tiếp nối với nhau.

* khoảng giữa Đoán Định với Khai Môn, trong khoảng giữa “*Lộ trình Ngũ Môn- Pancadvàravithi*” vào thời kỳ Đoán Định với các Lộ khác sanh tiếp nối với nhau.

* khoảng giữa Na Cảnh với Tử, trong Lộ trình Cận Tử ở thời kỳ Na cảnh.

* khoảng giữa Đồng Lực với Tử, trong Lộ Trình Cận Tử ở thời kỳ Đồng Lực.

3. Vị Trí Khai Môn: có hai (2) Vị Trí là:

* khoảng giữa Hữu Phần với Ngũ Thức, trong Lộ trình Ngũ Môn.

* khoảng giữa Hữu Phần với Đồng Lực, trong Lộ trình Ý Môn.

4. Vị Trí Ngũ Thức: có một (1) Vị Trí là khoảng giữa Khai Ngũ Môn với Tiếp Thâu, trong Lộ trình Ngũ Môn.

5. Vị Trí Tiếp Thâu: có một (1) Vị Trí là khoảng giữa Ngũ Thức với Thâm Tấn, trong Lộ trình Ngũ Môn.

6. Vị Trí Thâm Tấn: có một (1) Vị Trí là khoảng giữa Tiếp Thâu với Đoán Định, trong Lộ trình Ngũ Môn.

7. Vị Trí Đoán Định: có hai (2) Vị Trí là:

* khoảng giữa Thâm Tấn với Đồng Lực trong Lộ trình Ngũ Môn vào thời kỳ Na Cảnh và phần Đồng Lực.

* khoảng giữa Thâm Tấn với Hữu Phần trong Lộ trình Ngũ Môn ở thời kỳ Đoán Định.

8. Vị Trí Đồng Lực: có sáu (6) Vị Trí là:

* khoảng giữa Đoán Định với Na Cảnh trong Lộ trình Ngũ Môn ở thời kỳ Na Cảnh.

* khoảng giữa Đoán Định với Hữu Phần trong Lộ trình Ngũ Môn ở thời kỳ Đồng Lực.

- * khoảng giữa Đoán Định với Tử trong “*Lộ trình Cận Tử Ngũ Môn-Pancadvāramaranāsannavīthi*” ở thời kỳ Đồng Lực.
- * khoảng giữa Khai Ý Môn với Na Cảnh trong “*Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới- Kāmajavanamanodvāravīthi*” ở thời kỳ Na Cảnh.
- * khoảng giữa Khai Ý Môn với Hữu Phần trong Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới ở thời kỳ Đồng Lực.
- * khoảng giữa Khai Ý Môn với Tử trong “*Lộ trình Cận Tử Ý Môn - Manodvāramaranāsannavīthi*” ở thời kỳ Đồng Lực.

9. Vị Trí Na Cảnh: có hai (2) Vị Trí là:

- * khoảng giữa Đồng Lực với Hữu Phần trong Lộ trình Ngũ Môn và Lộ trình Ý Môn ở thời kỳ Na Cảnh.
- * khoảng giữa Đồng Lực với Tử trong Lộ trình Cận Tử ở thời kỳ Na Cảnh.

10. Vị Trí Tử: có ba (3) Vị Trí là:

- * khoảng giữa Na Cảnh với Tái Tục trong Lộ trình Cận Tử ở thời kỳ Na Cảnh.
- * khoảng giữa Đồng Lực với Tái Tục trong Lộ trình Cận Tử ở thời kỳ Đồng Lực.
- * khoảng giữa Hữu Phần với Tái Tục trong Lộ trình Cận Tử.

LỜI GIẢI THÍCH PÀLÌ TRÌNH BÀY TÊN GỌI CỦA VỊ TRÍ, ĐỊNH VỊ CỦA VỊ TRÍ VÀ SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ THEO BÀI KÊ TRÊN

Sandhitthānam = Vị Trí Tái Tục,
Bhassathānam = Vị Trí Hữu Phần,
Vithānam = Vị Trí Ngũ Thức,
Samthānam = Vị Trí Tiếp Thâu,
Tithānam = Vị Trí Thẩm Sát,
Vothānam = Vị Trí Đoán Định,
Jathānam = Vị Trí Đồng Lực,
Tathānam = Vị Trí Na Cảnh,
Cutithānam = Vị Trí Tử,
Ekam = một, *Du* = hai, *Tidhā* = ba, *Cha* = sáu,
Paridīpaye = thường trình bày,
Neyyam = thường biết,
Matam = nên hiểu biết, *Tathā* = là câu nói hạ xuống dịu dàng của ngôn ngữ,
Cu Bhantaram- Cubha+Antaram = dịch rằng khoảng giữa Tử với Hữu Phần,
Pa Ā = khoảng giữa Tái Tục với Khai Môn,
Ta Ā = khoảng giữa Na Cảnh với Khai Môn,
Ja Ā = khoảng giữa Đồng Lực với Khai Môn,
Vo Ā = khoảng giữa Đoán Định với Khai Môn,

Ta Cu = khoảng giữa *Na Cảnh* với *Tử*,
Jacuntaram Jacu + *Antaram* = khoảng giữa *Đồng Lực* với *Tử*,
Bha Vi = khoảng giữa *Hữu Phần* với *Ngũ Thức*,
Bhajanantaram Bhaja + *Antaram* = khoảng giữa *Hữu Phần* với *Đồng Lực*,
Àsantaram Àsam + *Antaram* = khoảng giữa *Khai Môn* với *Tiếp Thâu*,
Vitintaram Viti + *Antaram* = khoảng giữa *Ngũ Thức* với *Thảm Tấn*,
Samvontaram Samvo + *Antaram* = khoảng giữa *Tiếp Thâu* với *Đoán Định*,
Ti Ja = khoảng giữa *Thảm Tấn* với *Đồng Lực*,
Tibhantaram Tibha + *Antaram* = khoảng giữa *Thảm Tấn* với *Hữu Phần*,
Vo Ta = khoảng giữa *Đoán Định* với *Na Cảnh*,
Vo Bha = khoảng giữa *Đoán Định* với *Hữu Phần*,
Vocuntaram Vocu + *Antaram* = khoảng giữa *Đoán Định* với *Tử*,
À Ta = khoảng giữa *Khai Môn* với *Na Cảnh*,
À Bha = khoảng giữa *Khai Môn* với *Hữu Phần*,
Àcuntaram Àcu + *Antaram* = khoảng giữa *Khai Môn* với *Tử*,
Ja Bha = khoảng giữa *Đồng Lực* với *Hữu Phần*,
Jacuntaram Jacu + *Antaram* = khoảng giữa *Đồng Lực* với *Tử*,
Ta Pa = khoảng giữa *Na Cảnh* với *Tái Tục*,
Ja Pa = khoảng giữa *Đồng Lực* với *Tái Tục*,
Bhapanantaram Bhapa + *Antaram* = khoảng giữa *Hữu Phần* với *Tái Tục*.

DỨT TỔNG HỢP SỰ VỤ

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Sự Vụ.

1/ Hỏi: Hãy giải thích ý nghĩa gọi là Tổng Hợp Sự Vụ. Là tên gọi của cái gì? Và Sự Vụ có số lượng bao nhiêu? Là những gì? Hãy nói ý nghĩa của các Sự Vụ.

Đáp: Từ ngữ “*Sự Vụ - Kicca*” trong Tổng Hợp Sự Vụ, có ý nghĩa là việc làm của Tâm – Tâm Sở. Gọi là *Sự Vụ* là tên gọi của Tâm – Tâm Sở, và có 14 Sự Vụ, là:

- (1) Sự Tái Tục: làm nhiệm vụ chuyển tiếp Cảnh giới mới.
- (2) Sự Hữu Phần: làm nhiệm vụ gìn giữ Cảnh giới.
- (3) Sự Khai Môn: làm nhiệm vụ quán sát Cảnh mới.
- (4) Sự Thấy: làm nhiệm vụ thấy.
- (5) Sự Nghe: làm nhiệm vụ nghe.
- (6) Sự Ngửi: làm nhiệm vụ biết mùi hơi.
- (7) Sự Nếm: làm nhiệm vụ biết mùi vị.
- (8) Sự Cảm Xúc: làm nhiệm vụ biết xúc chạm.
- (9) Sự Tiếp Thâu: làm nhiệm vụ tiếp thọ Cảnh.
- (10) Sự Thảm Tấn: làm nhiệm vụ xem xét chọn lọc Cảnh.

- (11) Sự Đoán Định: làm nhiệm vụ phán đoán Cảnh.
- (12) Sự Đồng Lực: làm nhiệm vụ hưởng thụ Cảnh.
- (13) Sự Na Cảnh: làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực.
- (14) Sự Tử: làm nhiệm vụ chấm dứt, lìa Cảnh giới củ.

2/ Hỏi: Bởi do nhân nào mà Sự Vụ có mười bốn Sự Vụ, mà Vị Trí lại chỉ có mười Vị Trí? Hãy trình bày Vị Trí theo giải rộng có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Hãy dẫn chứng Pàlì lên trình bày.

Đáp: Sự Vụ thì có 14 Sự Vụ, tuy nhiên Vị Trí thì chỉ có 10 Vị Trí, là như vậy bởi vì: Sự Thấy, Sự Nghe, Sự Ngửi, Sự Nếm, Sự Đụng, chỉ được đặt đề ở trong khoảng giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Tiếp Thâu, không thể ở chỗ nào khác, Vị Trí này gọi là Vị Trí Ngũ Thức; với nhân này Vị Trí chỉ có 10 Vị Trí.

* Vị Trí theo giải rộng có số lượng là 25, gồm có:

- (1) Vị Trí Tái Tục có 1.
- (2) Vị Trí Hữu Phần có 6.
- (3) Vị Trí Khai Môn có 2.
- (4) Vị Trí Ngũ Thức có 1.
- (5) Vị Trí Tiếp Thâu có 1.
- (6) Vị Trí Thẩm Tấn có 1.
- (7) Vị Trí Đoán Định có 2.
- (8) Vị Trí Đồng Lực có 6.
- (9) Vị Trí Na Cảnh có 2.
- (10) Vị Trí Tử có 3.

Kết hợp lại có 25 Vị Trí, như có dẫn chứng Pàlì trình bày như sau:

*Sandhi ekam cha bhavangam
Dve vo jo cha tadàdveti*

*Dvāvajjanan pancàdyekam
Cutiti pancavīsati*

3/ Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Sự Vụ và Vị Trí. Hãy dẫn chứng cho thấy Vị Trí Tái Tục có một, và Vị Trí Hữu Phần có sáu, là ở chỗ nào?

Đáp: Sự khác biệt giữa Sự Vụ và Vị Trí như vậy:

* Nhiệm vụ của Tâm – Tâm Sở có Tâm Tái Tục, v.v, gọi là Sự Vụ.

Vị Trí chỗ làm việc của tất cả Tâm – Tâm Sở được nói đến là khoảng giữa của sát na Tâm thứ nhất diệt mất và sát na Tâm thứ ba vẫn chưa sanh khởi, một sát na Đại sanh lên làm thành thời gian đối với sát na Tâm thứ hai sẽ sanh khởi, và làm nhiệm vụ của Sự Tái Tục, v.v; chính khoảng giữa này được gọi là Vị Trí.

Ví dụ: Sự Vụ giống như tất cả những công việc làm của con người,

Vị Trí giống như chỗ làm việc.

* Vị Trí Tái Tục có 1, là khoảng giữa Tâm Tử với Tâm Hữu Phần.

* Vị Trí Hữu Phần có 6, là:

- (1) khoảng giữa Tâm Tái Tục với Tâm Khai Môn,
- (2) khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Khai Môn,
- (3) khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Khai Môn,
- (4) khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Khai Môn,
- (5) khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử,
- (6) khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử.

4/ Hỏi: Hãy phân tích 14 Sự Vụ theo 89 Tâm, và phân tích 89 Tâm theo 14 Sự Vụ.

Đáp: * **Phân tích 14 Sự Vụ theo 89 Tâm, có như vậy:**

(1) Có **19 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.

(2) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Khai Môn, là: Tâm Khai Ngũ Môn, Tâm Khai Ý Môn.

(3) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Thấy, là: 2 Tâm Nhãn Thức.

(4) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Nghe, là: 2 Tâm Nhĩ Thức.

(5) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Ngửi, là: 2 Tâm Tỷ Thức.

(6) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Nếm, là: 2 Tâm Thiệt Thức.

(7) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Cảm Xúc, là: 2 Tâm Thân Thức.

(8) Có **2 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu, là: 2 Tâm Tiếp Thâu.

(9) Có **3 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Thâm Tấn, là: 3 Tâm Thâm Tấn.

(10) Có **1 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Đoán Định, là: 1 Tâm Khai Ý Môn.

(11) Có **55 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực, là: 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

(12) Có **11 Tâm** làm nhiệm vụ Sự Na Cảnh, là: 3 Tâm Thâm Tấn, 8 Tâm Đại Quả.

*** Phân tích 89 Tâm theo 14 Sự Vụ, có như vậy:**

(1) Hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ làm năm nhiệm vụ, là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thâm tấn, Sự Na Cảnh.

(2) Tám Tâm Đại Quả làm bốn nhiệm vụ, là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Na Cảnh.

(3) Chín Tâm Quả Đáo Đại làm ba nhiệm vụ, là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

(4) Tâm Thâm Tấn làm hai nhiệm vụ, là: Sự Thâm Tấn, Sự Na Cảnh.

- (5) Tâm Khai Ý Môn làm hai nhiệm vụ, là: Sự Đoán Định, Sự Khai Môn.
- (6) Tâm Khai Ngũ Môn làm một nhiệm vụ, là: Sự Khai Môn.
- (7) Hai Tâm Nhãn Thức làm một nhiệm vụ, là: Sự Thấy.
- (8) Hai Tâm Nhĩ Thức làm một nhiệm vụ, là: Sự Nghe.
- (9) Hai Tâm Tỷ Thức làm một nhiệm vụ, là: Sự Ngửi.
- (10) Hai Tâm Thiệt Thức làm một nhiệm vụ, là: Sự Nếm.
- (11) Hai Tâm Thân Thức làm một nhiệm vụ, là: Sự Cảm Xúc.
- (12) Hai Tâm Tiếp Thâu làm một nhiệm vụ, là: Sự Tiếp Thâu.
- (13) Mười hai Tâm Bất Thiện, một Tâm Tiểu Sinh, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, chín Tâm Thiện Đáo Đại, chín Tâm Duy Tác Đáo Đại, tám Tâm Siêu Thế làm một nhiệm vụ, là: Sự Đồng Lực.

5/ Hỏi: Hãy trình bày Chú Giải các từ ngữ sau đây: Sự Vụ, Vị Trí, Tái Tục, Hữu Phần, Khai Môn, Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, Đoán Định, Đồng Lực, Na Cảnh, Từ.

Đáp: * Chú giải của từ ngữ Sự Vụ:

“*Karanam = Kiccam*”, sự làm việc, gọi là Sự Vụ.

* Chú giải của từ ngữ Vị Trí:

“*Titthati pavattaticittam etthāti = Thànam*”, Tâm Tái Tục, v.v, sanh khởi hiện hữu trong khoảng giữa cái Tâm trước và cái Tâm sau, như thế gọi là Vị Trí.

* Chú giải của từ ngữ Tái Tục:

“*Patisandhanam = Patisandhi*”, sự chuyển tiếp Cảnh mới, gọi là Tái Tục.

* Chú giải của từ ngữ Hữu Phần:

“*Bhavassa angam = Bhavangam*”, Tâm làm thành nguyên nhân thiết yếu khi sự sanh khởi từ Hữu Tái Tục (*Upapatti- bhava*) chưa diệt mất, gọi là Hữu Phần.

* Chú giải của từ ngữ Khai Môn:

“*Āvajjīyate = Āvajjanam (và) Āvattīyate = Āvajjanam*”, sự quán sát Cảnh mới, gọi là Khai Môn (hoặc là) việc làm cho sanh tiếp nối luân chuyển từ nơi luồng Tâm Hữu Phần Dứt Dòng, gọi là Khai Môn.

* Chú giải của từ ngữ Tiếp Thâu:

“*Sampaticchīyate = Sampaticchanam*”, sự tiếp thâu lấy Ngũ Cảnh, gọi là Tiếp Thâu.

* Chú giải của từ ngữ Thẩm Tấn:

“*Sammàtìranam = Santìranam*”, sự thăm tra Ngũ Cảnh một cách đúng đắn, gọi là Thăm Tán.

* Chú giải của từ ngữ Đoán Định:

“*Vavatthàpiyate = Votthabbanam*”, sự phán đoán, sự quyết định Ngũ Cảnh, phần duyệt ý (*Ittha*) hay bất duyệt ý (*Anittha*), gọi là Đoán Định.

* Chú giải của từ ngữ Đồng Lực:

“*Javatiti = Javanam*”, Pháp chủng sanh khởi có năng lực mãnh liệt là có khả năng thụ hưởng lấy Cảnh được, gọi là Đồng Lực.

* Chú giải của từ ngữ Na Cảnh:

“*Tassa àrammanam àrammanam yassàti = Tadàramdanam*”, Cảnh của Tâm nào thành Cảnh của Đồng Lực, như thế Tâm có Cảnh của Đồng Lực, gọi là Na Cảnh.

* Chú giải của từ ngữ Tử:

“*Cavanam = Cuti*”, sự chuyển dịch khỏi Hữu hiện tại đi, gọi là Tử.

8/ Hỏi: Hãy định vị các Vị Trí sau đây: hai Vị Trí Khai Môn, một Vị Trí Ngũ Thức, một Vị Trí Tiếp Thâu, một Vị Trí Thăm Tán, hai Vị Trí Đoán Định, sáu Vị Trí Đồng Lực, hai Vị Trí Na Cảnh, ba Vị Trí Tử.

Đáp: * Có hai Vị Trí Khai Môn, là:

- Khoảng giữa Hữu Phần với Ngũ Thức, trong Lộ Trình Ngũ Môn.
- Khoảng giữa Hữu Phần với Đồng Lực, trong Lộ Trình Ý Môn.

* Có một Vị Trí Ngũ Thức, là:

- Khoảng giữa Khai Ngũ Môn với Tiếp Thâu, trong Lộ Trình Ngũ Môn.

* Có một Vị Trí Tiếp Thâu, là:

- Khoảng giữa Ngũ Thức với Thăm Tán, trong Lộ Trình Ngũ Môn.

* Có một Vị Trí Thăm Tán, là:

- Khoảng giữa Tiếp Thâu với Đoán Định, trong Lộ Trình Ngũ Môn.

* Có hai Vị Trí Đoán Định, là:

- Khoảng giữa Thăm Tán với Đồng Lực, trong Lộ Trình Ngũ Môn, vào thời kỳ Na Cảnh và phần Đồng Lực.
- Khoảng giữa Thăm Tán với Hữu Phần, trong Lộ Trình Ngũ Môn, vào thời kỳ Đoán Định.

* Có sáu Vị Trí Đồng Lực, là:

- Khoảng giữa Đoán Định với Na Cảnh, trong Lộ Trình Ngũ Môn, vào thời kỳ Na Cảnh.
- Khoảng giữa Đoán Định với Hữu Phần, trong Lộ Trình Ngũ Môn, ở thời kỳ Đồng Lực.
- Khoảng giữa Đoán Định với Tử, trong Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn, ở thời kỳ Đồng Lực.
- khoảng giữa Khai Ý Môn với Na Cảnh, trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, vào thời kỳ Na Cảnh.
- Khoảng giữa Khai Ý Môn với Hữu Phần, trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, vào thời kỳ Đồng Lực.
- Khoảng giữa Khai Ý Môn với Tử, trong Lộ Trình Cận Tử Ý Môn, ở thời kỳ Đồng Lực.

* Có hai Vị Trí Na Cảnh, là:

- khoảng giữa Đồng Lực với Hữu Phần, trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn, vào thời kỳ Na Cảnh.
- khoảng giữa Đồng Lực với Tử, trong Lộ Trình Cận Tử, vào thời kỳ Na Cảnh.

* Có ba Vị Trí Tử, là:

- khoảng giữa Na Cảnh với Tái Tục, trong Lộ Trình Cận Tử, vào thời kỳ Na Cảnh.
- khoảng giữa Đồng Lực với Tái Tục, trong Lộ Trình Cận Tử, vào thời kỳ Đồng Lực.
- khoảng giữa Hữu Phần với Tái Tục, trong Lộ Trình Cận Tử.

9/ Hỏi: Hãy dịch và giải thích câu kệ như tiếp theo đây:

*Atthasatthi tathà dve ca Navattha dve yathàkkamam
Eka dvi ti catu panca Kiccatthànàni niddise*

Đáp: Dịch và giải thích câu kệ trên:

Sáu mươi tám Tâm làm một Sự Vụ, hai Tâm làm hai Sự Vụ, chín Tâm làm ba Sự Vụ, tám Tâm làm bốn Sự Vụ, và hai Tâm làm năm Sự Vụ.

Bài kệ này dịch nghĩa là trình bày tuần tự số lượng Tâm theo Sự Vụ và Vị Trí, là:

- * Có **68 Tâm** làm một Sự Vụ và một Vị Trí.
- * Có **2 Tâm** làm hai Sự Vụ và hai Vị Trí.
- * Có **9 Tâm** làm ba Sự Vụ và ba Vị Trí.
- * Có **8 Tâm** làm bốn Sự Vụ và bốn Vị Trí.
- * Có **2 Tâm** làm năm Sự Vụ và năm Vị Trí.

PHẦN GIẢI THÍCH

(1) Số lượng 68 Tâm có một Sự Vụ và một Vị Trí, là:

- Tâm Khai Ngũ Môn có Sự Khai Môn và Vị Trí Khai Môn.
- Hai Tâm Tiếp Thâu có Sự Tiếp Thâu và Vị Trí Tiếp Thâu.
- Hai Tâm Nhân Thức có Sự Thấy và Vị Trí Ngũ Thức.
- Hai Tâm Nhĩ Thức có Sự Nghe và Vị Trí Ngũ Thức.
- Hai Tâm Tỷ Thức có Sự Ngửi và Vị Trí Ngũ Thức.
- Hai Tâm Thiệt Thức có Sự Nếm và Vị Trí Ngũ Thức.
- Hai Tâm Thân Thức có Sự Cảm Xúc và Vị Trí Ngũ Thức.
- Năm mươi lăm Tâm Đồng Lực có Sự Đồng Lực và Vị Trí Đồng Lực.

(2) Số lượng 2 Tâm có hai Sự Vụ và hai Vị Trí, là:

- Một Tâm Thảm Tấn Hỷ thọ có Sự Thảm Tấn và Sự Na Cảnh, có Vị Trí Thảm Tấn và Vị Trí Na cảnh.
- Một Tâm Khai Ý Môn có Sự Khai Môn và Sự Đoán Định, có Vị Trí Khai Môn và Vị Trí Đoán Định.

(3) Số lượng 9 Tâm có ba Sự Vụ và ba Vị Trí, là:

- Chín Tâm Quả Đáo Đại có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần và Sự Tử; có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần và Vị Trí Tử.

(4) Số lượng 8 Tâm có bốn Sự Vụ và bốn Vị Trí, là:

- Tám Tâm Đại Quả có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử và Sự Na Cảnh; có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, Vị Trí Tử và Vị Trí Na Cảnh.

(5) Số lượng 2 Tâm có năm Sự Vụ và năm Vị Trí, là:

- Hai Tâm Thảm Tấn Xả thọ có Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thảm Tấn và Sự Na Cảnh; có Vị Trí Tái Tục, Vị Trí Hữu Phần, Vị Trí Tử, Vị Trí Thảm Tấn và Vị Trí Na Cảnh.

10/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Sở làm những nhiệm vụ sau đây: nhiệm vụ sanh Hữu mới, nhiệm vụ duy trì Hữu, nhiệm vụ tử biệt Hữu củ, nhiệm vụ quán sát Cảnh, nhiệm vụ Thấy, nhiệm vụ Xúc chạm, nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh, nhiệm vụ thẩm tấn Cảnh, nhiệm vụ phán đoán Cảnh, nhiệm vụ thọ hưởng Cảnh, nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực.*

Đáp: * Có **35 Tâm Sở** làm nhiệm vụ sanh Hữu mới, là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Ngăn Trừ Phần), trong sát na phối hợp Tâm Tái Tục.

* Có **35 Tâm Sở** làm nhiệm vụ duy trì Hữu, là: chính những Tâm Sở vừa mới đề cập đến trong sát na phối hợp với Tâm Hữu Phần.

* Có **35 Tâm Sở** làm nhiệm vụ tử biệt Hữu củ, là: chính những Tâm Sở vừa mới đề cập đến trong sát na phối hợp với Tâm Tử.

* Có **10 Tâm Sở** làm nhiệm vụ quán sát Cảnh mới theo phần Ngũ Môn, là: 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Căn, Hỷ, Dục) khi phối hợp với Tâm Khai Ngũ Môn.

* Có **11 Tâm Sở** làm nhiệm vụ quán sát cảnh mới theo phần Ý Môn, là: 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục) khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn.

* Có **7 Tâm Sở** làm nhiệm vụ Thấy, là: 7 Tâm Sở Biến Hành khi phối hợp với 2 Tâm Nhãn Thức.

* Có **7 Tâm Sở** làm nhiệm vụ Xúc chạm, là: 7 Tâm Sở Biến Hành khi phối hợp với 2 Tâm Thân Thức.

* Có **10 Tâm Sở** làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh, là: 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Căn, Hỷ, Dục) khi phối hợp với 2 Tâm Tiếp Thu.

* Có **11 Tâm Sở** làm nhiệm vụ thâm tấn Cảnh, là: 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Căn, Dục) khi phối hợp với 3 Tâm Thâm Tấn.

* Có **11 Tâm Sở** làm nhiệm vụ phán đoán Cảnh, là: 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục) khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn.

* Có **52 Tâm Sở** làm nhiệm vụ thọ hưởng Cảnh, là: 52 Tâm Sở khi phối hợp với 55 Tâm Đồng Lực.

* Có **33 Tâm Sở** làm nhiệm vụ tiếp thu Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực, là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) khi phối hợp với 11 Tâm Na Cảnh.

11/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở có số lượng nhiệm vụ sau đây: Tâm Sở làm 1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10,11,12,,13,14 nhiệm vụ và hãy nói các nhiệm vụ ấy.*

Đáp: * Có **17 Tâm Sở** làm một nhiệm vụ, là: 14 Tâm Sở Bất thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, làm một nhiệm vụ là Sự Đồng Lực.

* **Không có Tâm Sở làm 2-3 nhiệm vụ.**

* Có **2 Tâm Sở** làm bốn nhiệm vụ, là: 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, làm bốn nhiệm vụ là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Đồng Lực.

* Có **21 Tâm Sở** làm năm nhiệm vụ, là: 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Tâm Sở Tuệ Quyền, 1 Tâm Sở Dục, làm năm nhiệm vụ là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

* Có **1 Tâm Sở** làm sáu nhiệm vụ, là: 1 Tâm Sở Hỷ, làm 6 nhiệm vụ là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thảm Tấn, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

* Có **1 Tâm Sở** làm bảy nhiệm vụ, là: 1 Tâm Sở Cần, làm 7 nhiệm vụ là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

* **Không có Tâm Sở làm 8 nhiệm vụ.**

* Có **3 Tâm Sở** làm chín nhiệm vụ, là: 1 Tâm Sở Tầm, 1 Tâm Sở Tứ, 1 Tâm Sở Thắng Giải, làm chín nhiệm vụ, là: Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Khai Môn, Sự Tiếp Thâu, Sự Thảm Tấn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

* **Không có Tâm Sở làm 10,11,12,13 nhiệm vụ.**

* Có **7 Tâm Sở** làm mười bốn nhiệm vụ, là: 7 Tâm Sở Biến Hành, làm 14 nhiệm vụ là: Sự Tái Tục, v.v.,

-----00000-----

DVÀSANGAHA – TỔNG HỢP MÔN

Việc liệt kê Tâm và Tâm Sở phân loại theo Môn, gọi là Tổng Hợp Môn.

DVÀRA – MÔN CÓ SÁU, LÀ:

1/ Cakkhuvàra - Nhãn Môn: Là Nhãn Thanh Triệt.

2/ Sotadvàra - Nhĩ Môn: Là Nhĩ Thanh Triệt.

3/ Ghànadvàra - Tỷ Môn: Là Tỷ Thanh Triệt.

4/ Jivhadvàra - Thiệt Môn: Là Thiệt Thanh Triệt.

5/ Kàyadvàra - Thân Môn: Là Thân Thanh Triệt.

6/ Manodvàra - Ý Môn: Là mười chín Tâm Hữu Phần.

Xuất nguyên từ ngữ căn “Du” hai, và căn “Ar” đi vào.

Vậy Dvāra là Pháp có tác dụng như một lối vào và một lối ra.

Từ ngữ *Dvāra – Môn*, dịch là “Cửa”, làm chỗ ra vào của tất cả nhân loại.

Nhãn Thanh Triệt v.v, gọi là Môn vì như cái cửa làm chỗ ra vào của tất cả Lộ Tâm; lẽ thường tất cả những chúng sanh nếu không có năm Sắc Thanh Triệt và Tâm Hữu Phần thì Lộ Tâm không thể sanh khởi, mà khi Lộ Tâm không sanh khởi được thì các việc hành động, việc ăn nói, việc nghĩ suy tốt hay xấu, cũng không thể có được.

Mắt, tai, mũi, và các giác quan khác tác động như những lối ra vào, hay cửa, môn, để đối tượng ra vào. Năm giác quan và Tâm được xem là sáu cửa xuyên qua đó đối tượng có thể vào.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM THEO CÁ LỤC MÔN

1/ Cakkhuvārikacitta - Tâm Nhãn Môn: có bốn mươi sáu Tâm sanh trong Nhãn Môn, là 46 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Nhĩ Thức, hai Tâm Tỷ Thức, hai Tâm Thiệt Thức, hai Tâm Thân Thức).

2/ Sotadvārikacitta - Tâm Nhĩ Môn: có bốn mươi sáu Tâm sanh trong Nhĩ Môn, là 46 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Nhãn Thức, hai Tâm Tỷ Thức, hai Tâm Thiệt Thức, hai Tâm Thân Thức).

3/ Ghānavārikacitta - Tâm Tỷ Môn: có bốn mươi sáu Tâm sanh trong Tỷ Môn, là 46 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Nhãn Thức, hai Tâm Nhĩ Thức, hai Tâm Thiệt Thức, hai Tâm Thân Thức).

4/ Jivhadvārikacitta - Tâm Thiệt Môn: có bốn mươi sáu Tâm sanh trong Thiệt Môn, là 46 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Nhãn Thức, hai Tâm Nhĩ Thức, hai Tâm Tỷ Thức, hai Tâm Thân Thức).

5/ Kāyadvārikacitta - Tâm Thân Môn: có bốn mươi sáu Tâm sanh trong Thân Môn, là 46 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Nhãn Thức, hai Tâm Nhĩ Thức, hai Tâm Tỷ Thức, hai Tâm Thiệt Thức).

6/ Manodvārikacitta - Tâm Ý Môn: có sáu mươi bảy hoặc 99 Tâm sanh trong Ý Môn, là 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, ba Ý Giới), chín Tâm Thiện Đạo Đại, chín Tâm Duy Tác Đạo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

7/ Dvārāvimuttacitta - Tâm Ngoại Môn: có mười chín Tâm sanh vượt ngoài cả sáu Môn, là hai Tâm Thảm Tấn Xả thọ, tám Tâm Đại Quả, chín Tâm Quả Đạo Đại. Khi 19 Tâm này làm Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử

sẽ là Ngoại Môn; ý nghĩa là ngay khi làm Sự Tái Tục và Sự Tử, các Tâm này không thể thành Ý Môn, bởi vì không có Lộ Tâm sanh khởi. Và ngay khi làm Sự Hữu Phần, bản Pháp cũng đang là Ý Môn rồi.

Chú giải: 1/ Tâm Nhãn Môn: là phần nhạy bén của mắt.

Tâm tiếp thu Cảnh Sắc qua cửa mắt, tùy theo Cảnh đáng ưa thích hay không, có sự chú ý chân chánh hay sai lạc.

Tương tự như vậy, ở phần các Môn khác, cũng nên hiểu biết như vậy.

2/ Tâm Ý Môn: Khi Tâm tiếp thu Cảnh, khởi sự là một sát na Hữu Phần Rúng Động, kế đó là một sát na Hữu Phần Dứt Dòng.

Tiếp theo, là Tâm Khai Ngũ Môn sanh khởi.

Trong trường hợp Cảnh thuộc về vật chất, thì một trong những Tâm Ngũ Song Thức sanh khởi, như Tâm Nhãn Thức, Tâm Nhĩ Thức, v.v,

Trong trường hợp Cảnh thuộc về tinh thần, thì Tâm Khai Ý Môn sanh khởi.

3/ Tâm Ngoại Môn: Là Tâm không tùy thuộc vào một Môn nào.

Trong bộ chú giải **VIBHÀVINI TIKÀ** có giải thích những loại Tâm này như sau:

- * Không khởi sanh qua một giác quan nào, như Nhãn Môn, v.v,
- * Tâm Hữu Phần tự nó đã là Ý Môn, và hiện hữu tự chính nó, không phải duyên theo một Cảnh nào từ bên ngoài (trong đời sống bình nhật).
- Lý do đầu tiên là áp dụng cho sát na Tâm Tử và Tâm Tái Tục.
- Lý do thứ hai là áp dụng cho sát na Hữu Phần Dứt Dòng.
- Lý do thứ ba cho tất cả Hữu Phần và Tử.

Ở phần Tổng Hợp Sự Vụ có trình bày rằng: Sát na Tử, Hữu Phần, và Tái Tục của một kiếp sống đều giống nhau, bởi vì những Cảnh và các Tâm Sở cùng khởi sanh giống nhau, cho dù có nhiệm vụ sai khác nhau.

Vào lúc lâm chung, một Lộ trình Tâm khởi sanh có khả năng tạo điều kiện cho kiếp sống tới.

Cảnh của Lộ trình Tâm này có thể là:

1/ Nghiệp - Kamma: Hay hành động, mà ta đã tạo tác trong đời sống, và khi lâm chung ta nhớ lại hành động ấy một cách rõ ràng như đang xảy ra. Nói một cách chính xác, đó là sự lặp lại của những Tâm mà ta đã có ngay lúc thực hiện hành động. Hoặc có thể là:

2/ Nghiệp Tướng - Kamma nimitta: Đã gieo ấn tượng mạnh mẽ và rành mạch đến ta, trong khi ta thực hiện hành động. Hoặc có thể là:

3/ Thủ Tướng - Gati nimitta: Biểu tượng ngay lúc lâm chung như lửa, hang núi đen thẳm, v.v, tương trưng cho một vài đặc điểm của các Cõi giới mà ta sẽ tái tục vào.

Tâm Tái Tục duyên theo một trong ba Cảnh ấy để sanh khởi trong kiếp sống kế tiếp. Cảnh của những sát na Hữu Phần và Tử của kiếp sống này sẽ tương tự với cảnh của Tái Tục. Do đó, ghi nhận rằng ba sát na Tâm này sẽ không duyên theo một Cảnh nào từ bên ngoài.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH TÂM TRONG CÁC MÔN THEO PHÂN NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Có hai Tâm nhất định sanh trong Nhãn Môn, là hai Tâm Nhãn Thức.
2. Có bốn mươi bốn Tâm bất định sanh trong Nhãn Môn, là 44 Tâm còn lại, tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).
3. Có hai Tâm nhất định sanh trong Nhĩ Môn, là hai Tâm Nhĩ Thức.
4. Có bốn mươi bốn Tâm bất định sanh trong Nhĩ Môn, là 44 Tâm còn lại, tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).
5. Có hai Tâm nhất định sanh trong Tỷ Môn, là hai Tâm Tỷ Thức.
6. Có bốn mươi bốn Tâm bất định sanh trong Tỷ Môn, là 44 Tâm còn lại, tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).
7. Có hai Tâm nhất định sanh trong Thiệt Môn, là hai Tâm Thiệt Thức.
8. Có bốn mươi bốn Tâm bất định sanh trong Thiệt Môn, là 44 Tâm còn lại, tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).
9. Có hai Tâm nhất định sanh trong Thân Môn, là hai Tâm Thân Thức.
10. Có bốn mươi bốn tâm bất định sanh trong Thân Môn, là 44 Tâm còn lại, tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).
11. Có 26 hoặc 58 Tâm nhất định sanh trong Ý Môn, là 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

12. Có 41 Tâm bất định sanh trong Ý Môn, là một Tâm Khai Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh.

KÊ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH NĂM LOẠI TÂM

<i>1/ Ekadvàrikacittàni</i>	<i>Panca cha dvàrikàni ca</i>
<i>Chadvàrikavimuttàni</i>	<i>Vimuttàni ca sabbathà.</i>
<i>2/ Chattimsati tathà tini</i>	<i>Ekattimsa yathàkkamam</i>
<i>Dasodhà navadhà ceti</i>	<i>Pancadhà paridīpaye.</i>

Tâm sanh duy nhứt trong một Môn, Tâm sanh trong năm Môn, Tâm sanh trong sáu Môn, Tâm đôi khi sanh trong sáu Môn, đôi khi sanh vượt ngoài sáu Môn, và Tâm luôn luôn sanh vượt ngoài sáu Môn có số lượng tuần tự như sau: 36, 3, 31, 10, 9.

TRÌNH BÀY TÂM NHẤT MÔN, TÂM NGŨ MÔN, TÂM LỤC MÔN, TÂM NGOẠI MÔN THEO PHẦN NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. *Ekadvàrikacitta ekanta* - Tâm Nhất Môn nhất định: có 36 hoặc 68 Tâm chỉ sanh nhất định trong một Môn duy nhứt, là Ngũ Song Thức, 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. *Ekadvàrikacitta anekanta* - Tâm Nhất Môn bất định: có 44 Tâm sanh bất định trong một Môn duy nhứt, là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).

3. *Pancadvàrikacitta ekanta* - Tâm Ngũ Môn nhất định: có ba Tâm sanh nhất định trong năm Môn, là ba Tâm ý Giới.

4. *Pancadvàrikacitta anekanta* - Tâm Ngũ Môn bất định: có 41 Tâm sanh bất định trong năm Môn, là 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới).

5. *Chadvàrikacitta ekanta* - Tâm Lục Môn nhất định: có 31 Tâm sanh nhất định trong sáu Môn, là một Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, một Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

6. *Chadvàrikacitta anekanta* - Tâm Lục Môn bất định: có 10 Tâm sanh bất định trong lục Môn, là hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ, tám Tâm Đại Quả.

7. *Dvārikacitta ekanta* - Tâm Môn nhất định: có 70 hoặc 102 Tâm nhất định sanh trong Môn, là 44 Tâm Dục Giới (trừ hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ, tám Tâm

Đại Quả), chín Tâm Thiện Đáo Đại, chín Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

8. Dvārikacitta anekanta - Tâm Môn bất định: có 10 Tâm sanh bất định trong Môn, là hai (2) Tâm Thâm Tấn Xả thọ, và tám Tâm Đại Quả.

9. Dvāravimuttacitta ekanta - Tâm Ngoại Môn nhất định: Có chín Tâm nhất định sanh vượt ngoài Môn, là chín Tâm Quả Đáo Đại.

10. Dvāravimuttacitta anekanta - Tâm Ngoại Môn bất định: Có 10 Tâm sanh bất định vượt ngoài Môn, là hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ, tám Tâm Đại Quả.

PHÂN TÍCH TÂM SỞ THEO MÔN

1. Ekadvārikacetāsika ekanta - Tâm Sở Nhất Môn nhất định: có hai Tâm Sở nhất định chỉ sanh trong một Môn duy nhất, là hai Tâm Sở Vô Lượng Phần chỉ sanh trong Ý Môn, bởi vì hai Tâm Sở Vô Lượng Phần khi sanh khởi nhận chúng sanh làm Cảnh.

Lộ trình Tâm nhận Cảnh Chế Định đó, phải là Lộ trình Tâm sanh trong Ý Môn một cách duy nhất. Do đó, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần chỉ sanh duy nhất trong Ý Môn (việc đề cập như vậy là chủ ý đặc biệt chỉ lấy Vô Lượng Phần phối hợp với Tâm Thiện và Duy Tác mà thôi, nếu hai Tâm Sở Vô Lượng Phần mà phối hợp với bốn Tâm Quả Sắc Giới cũng thành Ngoại Môn).

2. Ekadvārikacetāsika anekanta - Tâm Sở Nhất Môn bất định: Có 50 Tâm Sở sanh bất định trong một Môn duy nhất, là 50 Tâm Sở (trừ hai Vô Lượng Phần).

3. Pancadvārikacetāsika ekanta - Tâm Sở Ngũ Môn nhất định: Không có một Tâm Sở nào sanh nhất định trong năm Môn, vì không có Tâm Sở phối hợp riêng biệt với cả ba Ý Giới.

4. Pancadvārikacetāsika anekanta - Tâm Sở Ngũ Môn bất định: Có 50 Tâm Sở (trừ hai Vô Lượng Phần) sanh bất định trong năm Môn.

5. Chadvārikacetāsika ekanta - Tâm Sở Lục Môn nhất định: Có 17 Tâm Sở nhất định sanh trong sáu Môn, là 14 Tâm Sở Bất Thiện và ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, bởi vì 14 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện thường sanh bất luận một trong sáu Môn.

Và ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Siêu Thế và cũng thường sanh bất luận một trong sáu Môn, tương tự như trên. Do đó, 17 Tâm Sở này mới nhất định sanh trong sáu Môn.

6. Chadvārikacetāsika anekanta - Tâm Sở Lục Môn bất định: Có 33 Tâm Sở sanh bất định trong sáu Môn, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ ba Ngăn Trừ Phần, hai Vô Lượng Phần), bởi vì 33 Tâm Sở này phối hợp với Tâm mà sanh trong cả sáu Môn cũng được hoặc là phối hợp với Tâm vượt ngoài sáu Môn cũng được. Do đó 33 Tâm Sở này mới thành Tâm Sở Lục Môn bất định.

7. Dvārikacetāsika ekanta - Tâm Sở Môn nhất định: Có 17 Tâm Sở nhất định sanh trong Môn, là 14 Tâm Sở Bất Thiện, ba Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, bởi vì 17 Tâm Sở này thường phối hợp với Tâm sanh trong Môn.

8. Dvārikacetāsika anekanta - Tâm Sở Môn bất định: Có 35 Tâm Sở sanh bất định trong Môn, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ ba Ngăn Trừ Phần) bởi vì 35 Tâm Sở này phối hợp với Tâm sanh trong Môn cũng được và phối hợp với Tâm sanh vượt ngoài Môn cũng được.

Do đó, 35 Tâm Sở này sanh bất định trong Môn.

9. Dvāravimuttacetāsika ekanta - Tâm Sở Ngoại Môn nhất định: Không có Tâm Sở nào nhất định sanh vượt ngoài Môn, bởi vì không có Tâm Sở nào phối hợp riêng biệt với Tâm Quả Đáo Đại.

10. Dvāravimuttacetāsika anekanta - Tâm Sở Ngoại Môn bất định: Có 35 Tâm Sở sanh bất định vượt ngoài Môn, là số lượng 35 Tâm Sở ở phần Tâm Sở Môn bất định (phần số 8), là phối hợp với chín Tâm Quả Đáo Đại sanh vượt ngoài Môn, ngoài ra phối hợp với các Tâm khác thì sanh trong Môn. Do đó, 35 Tâm Sở mới gọi là Tâm Sở Ngoại Môn bất định.

DỨT TỔNG HỢP MÔN

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Môn.

1/ Hỏi: Hãy giải thích ý nghĩa gọi là Tổng Hợp Môn, gọi là Môn. Có mấy loại và là những chi? Hãy nói chi pháp của các loại Môn ấy.

Đáp: Tổng Hợp Môn có ý nghĩa là việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở phân loại theo Môn.

Từ ngữ Môn (*Dvāra*) trong chỗ này có ý nghĩa là **Cửa** làm thành chỗ ra vào của tất cả Lộ Trình Tâm, cũng giống như Cửa là chỗ ra vào của tất cả nhân loại.

Có 6 loại Môn, là:

- (1) Nhãn Môn: chi pháp là Nhãn Thanh Triệt.
- (2) Nhĩ Môn: chi pháp là Nhĩ Thanh Triệt.

- (3) Tỷ Môn: chi pháp là Tỷ Thanh Triệt.
- (4) Thiệt Môn: chi pháp là Thiệt Thanh Triệt.
- (5) Thân Môn: chi pháp là Thân Thanh Triệt.
- (6) Ý Môn: chi pháp là 19 Tâm Hữu Phần.

2/ *Hỏi: Giáo Sư Phụ Chú Giải có trình bày rằng tất cả chúng sanh đều có được hai loại Môn, là Hư Không Môn và Thanh Triệt Môn. Hãy giải thích Hư Không là loại Môn nào, và Thanh Triệt Môn là loại Môn nào?*

Đáp: Theo Giáo Sư Phụ Chú Giải trình bày rằng, lẽ thường tất cả chúng sanh có hai loại Môn, cả hai loại Môn đó là:

(1) Hư Không Môn (*Àkàsadvàra*): lỗ trống hư không làm thành Môn, tức là 2 lỗ trống con mắt, 2 lỗ trống của tai, 2 lỗ trống của mũi, 1 lỗ trống của miệng, 1 lỗ trống của đại, 1 lỗ trống của tiểu, chín trăm tám chục ngàn lỗ trống của chân lông.

(2) Thanh Triệt Môn (*Mandadvàra*): sự trong ngần làm thành Môn, tức là 5 Sắc Thanh Triệt (thần kinh), 19 Tâm Hữu Phần.

Giải Thích:

- * Lỗ trống con mắt gọi là Môn, là vì chỗ nước mắt, nước rên chảy ra.
- * Lỗ trống của tai gọi là Môn, là vì chỗ nước ráy chảy ra.
- * Lỗ trống của mũi gọi là Môn, là vì chỗ nước mũi chảy ra.
- * Lỗ trống của miệng gọi là Môn, là vì chỗ nước miếng, đàm vãi chảy ra.
- * Lỗ trống của cửa đại gọi là Môn, là vì chỗ phân phần chảy ra.
- * Lỗ trống của cửa tiểu gọi là Môn, là vì chỗ nước tiểu chảy ra.
- * Lỗ trống của lỗ chân lông gọi là Môn, là vì chỗ mồ hôi cáu ghét chảy ra, hơi mùi toát ra.

Như thế, những lỗ trống của con mắt, v.v, được gọi là **Hư Không Môn**.

* Ngũ Sắc Thanh Triệt, 19 Tâm Hữu Phần gọi là **Thanh Triệt Môn**, là vì từ ngũ Thanh Triệt ý nghĩa là sự trong ngần. Tức là:

- Nhãn Thanh Triệt có sự trong suốt với năng lực thâm bắt các hình sắc, và các hình sắc cũng hiện bày được trong Nhãn Thanh Triệt.
- Nhĩ Thanh Triệt có sự trong suốt với năng lực thâm bắt các âm thanh, và các âm thanh cũng hiện bày được trong Nhĩ Thanh Triệt.
- Tỷ Thanh Triệt có sự trong suốt với năng lực thâm bắt các mùi hơi, và các mùi hơi cũng hiện bày được trong Tỷ Thanh Triệt.
- Thiệt Thanh Triệt có sự trong suốt với năng lực thâm bắt các mùi vị, và các mùi vị cũng hiện bày được trong Thiệt Thanh Triệt.

- Thân Thanh Triệt có sự trong suốt với năng lực thâm bắt nóng lạnh, mềm cứng, lỏng căng, và nóng lạnh, mềm cứng, lỏng căng cũng hiện bày được trong Thân Thanh Triệt.

Tâm Hữu Phần có sự trong ngần là vì xa lìa các phiền não.

Như Đức Phật đã có giải thích trong phần Pàli Tương Ưng Bộ Kinh rằng: *“Pabhassaramidam bhikkhave cittam”* - *Này chư tỳ khuru, Tâm Hữu Phần có sự trong ngần tương tự với Vật (Vatthu – Thần Kinh) có sự sáng trong, do đó có được khả năng tiếp thâm tất cả 6 Cảnh, và cả 6 Cảnh cũng hiện bày được trong Tâm Hữu Phần.*

3/ Hỏi: *Hãy trình bày Tâm sanh khởi trong các loại Môn sau đây: Tâm Nhãn Môn, Tâm Nhĩ Môn, Tâm Tỷ Môn, Tâm Thiệt Môn, Tâm Thân Môn, Tâm Ý Môn, Tâm Ngoại Môn.*

Hãy phân tích Tâm Nhãn Môn, Tâm Ý Môn, Tâm Ngoại Môn theo phần nhất định và bất định.

Đáp: * Có **46 Tâm** sanh trong Nhãn Môn, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

* Có **46 Tâm** sanh trong Nhĩ Môn, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

* Có **46 Tâm** sanh trong Tỷ Môn, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

* Có **46 Tâm** sanh trong Thiệt Môn, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thân Thức).

* Có **46 Tâm** sanh trong Thân Môn, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức).

* Có **67 hoặc 99 Tâm** sanh trong Ý Môn, là: 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Đại Duy Tác, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

* Có **19 Tâm** sanh ngoài cả 6 Môn, là: 2 Tâm Thảm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, trong sát na làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử.

* **Khi phân tích** Tâm Nhân Môn theo phần Nhất Định và Bất Định, là: 2 Tâm Nhân Thức nhất định sanh trong Nhân Môn, và 44 Tâm còn lại sanh bất định trong Nhân Môn.

* **Khi phân tích** Tâm Ý Môn theo phần Nhất Định và Bất Định, là: 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lục Kiên Cố nhất định sanh trong Ý Môn, và 41 Tâm Dục Giới sanh bất định trong Ý Môn.

* **Khi phân tích** Tâm Ngoại Môn theo phần Nhất Định và Bất Định, là: 9 Tâm Quả Đáo Đại nhất định sanh vượt ngoài Môn, và 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả sanh bất định vượt ngoài Môn.

4/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm sanh trong số lượng Môn và vượt ngoài Môn theo phần nhất định và bất định sau đây: Tâm sanh trong một Môn duy nhất, Tâm sanh trong năm Môn, Tâm sanh trong sáu Môn, Tâm sanh vượt ngoài sáu Môn, và hãy dịch bài kệ sau đây:*

(1) *Ekadvàrikacittàni v.v. Vimuttàni ca sabbathà.*

(2) *Chattimsati tathà tìni v.v. Pancadhà paridipaye.*

Đáp: * Có **36 hoặc 68 Tâm** sanh nhất định trong một Môn duy nhất, là: 10 Tâm Ngũ Song Thức, 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lục Kiên Cố; và một cách bất định có 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

* Có **3 Tâm** sanh nhất định trong Ngũ Môn, là: 3 Ý Giới; và một cách bất định có 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới).

* Có **31 Tâm** sanh nhất định trong Lục Môn, là: 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lục Dục Giới; và một cách bất định có 10 Tâm, là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả.

* Có **9 Tâm** sanh nhất định vượt ngoài Lục Môn, là: 9 Tâm Quả Đáo Đại; và một cách bất định có 10 Tâm, là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả.

* Phân dịch nghĩa bài kệ là:

(1) *Ekadvàrikacittàni Panca cha dvàrikàni ca*

Chadvàrikavimuttàni Vimuttàni ca sabbathà.

(2) *Chattimsati tathà tìni Ekattimsa yathàkkamam*

Dasàdhà navadhà ceti Pancadhà paridipaye.

Giải thích: Có 36 Tâm sanh khởi trong một Môn, 3 Tâm trong năm Môn, 31 Tâm trong sáu Môn, 10 Tâm trong sáu hoặc không Môn nào, 9 Tâm hoàn toàn không trong Môn nào. Tất cả có năm cách trình bày.

Có ý nghĩa là: Tâm sanh trong một Môn duy nhất, Tâm sanh trong Ngũ Môn, Tâm sanh trong Lục Môn, đôi khi sanh trong Lục Môn đôi khi sanh vượt ngoài Lục Môn, và Tâm sanh hoàn toàn vượt ngoài Lục Môn, có số lượng lần lượt theo thứ tự sau đây: 36, 3, 31, 10, 9.

5/ **Hỏi:** Tâm Sở sanh khởi bất luận thời gian và luôn luôn sanh trong một Môn duy nhất, có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Và như vậy do bởi nhân nào? Tâm Sở không thể sanh vượt ngoài Môn, cần phải luôn luôn sanh trong Môn, có số lượng bao nhiêu? Là những chi? Bởi nhân nào?

Đáp: * Có 2 Tâm Sở sanh khởi bất luận thời gian và luôn luôn sanh trong một Môn duy nhất, là: 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, là như vậy bởi vì 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này sanh khởi đón bắt Chúng Sanh Chế Định làm Cảnh.

Lộ Trình Tâm đón nhận Chúng Sanh Chế Định làm Cảnh, phải là Lộ Trình Tâm chỉ sanh duy nhất theo Lộ Ý Môn. Việc đề cập này có ý nghĩa lấy Tâm Sở Vô Lượng Phần chỉ phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác, Tâm Thiện Sắc Giới, Tâm Duy Tác Sắc Giới; còn nếu Tâm Sở Vô Lượng Phần khi phối hợp với Tâm Quả Sắc Giới thì sẽ là Ngoại Môn. Do đó, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần mới chỉ sanh duy nhất trong Ý Môn mà thôi.

* Có 17 Tâm Sở không thể sanh vượt ngoài Môn, cần phải luôn luôn sanh trong Môn, là: 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, là như vậy bởi vì 14 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện là những Tâm luôn luôn sanh bất luận trong Môn nào của cả Lục Môn. Phần 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần khi phối hợp với Tâm Đại Thiện và Tâm Siêu Thế là những Tâm luôn luôn sanh bất luận trong Môn nào như một với nhau. Do đó, 17 Tâm Sở này nhất định phải sanh trong Môn.

6/ **Hỏi:** Do nhân nào mà cả ba loại Tâm Sở, là Tâm Sở Nhãn Môn, Tâm Sở Ngũ Môn, Tâm Sở Ngoại Môn không có phần nhất định? Và Tâm Sở Tuệ Quyền sanh khởi không dùng Lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, có hay không? nếu có, là Tâm Sở Tuệ Quyền nào?

Đáp: Cả ba loại Tâm Sở, là Tâm Sở Nhãn Môn, Tâm Sở Ngũ Môn, Tâm Sở Ngoại Môn không có phần nhất định, bởi vì không có Tâm Sở nào chỉ phối hợp riêng biệt với Tâm Nhãn Thức.

Không có Tâm Sở nào chỉ phối hợp riêng biệt với 3 Ý Giới.

Không có Tâm Sở nào chỉ phối hợp riêng biệt với 9 Tâm Quả Đáo Đại.
Do đó, cả ba loại Tâm Sở này không có phần nhất định.

Và Tâm Sở Tuệ Quyền sanh khởi không dùng Lộ Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, là khi Tâm Sở Tuệ Quyền phối hợp với 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí trong sát na làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử; và Tâm Sở Tuệ Quyền khi phối hợp với 9 Tâm Quả Đáo Đại.

-----00000-----

ĀRAMMANASANGAHA – TỔNG HỢP CẢNH

Việc liệt kê Tâm và Tâm Sở phân loại theo Cảnh, gọi là Tổng Hợp Cảnh.

CÓ SÁU LOẠI CẢNH, LÀ:

- 1/ Rùpàrammana - Cảnh Sắc: là các màu sắc.
- 2/ Saddàrammana - Cảnh Thính: là các âm thanh.
- 3/ Gandhàrammana - Cảnh Khí: là các khí hơi.
- 4/ Rasàrammana - Cảnh Vị: là các mùi vị.
- 5/ Photthabbàrammana - Cảnh Xúc: là lạnh, nóng, mềm, cứng, dòn dãn, căng thẳng.
- 6/ Dhammàrammana - Cảnh Pháp: là Tâm, Tâm Sở, Ngũ Sắc Thanh Triệt, 16 Sắc Tế, Níp Bàn, Chế Định.

PHẦN GIẢI THÍCH

Từ ngữ *Ārammana - Cảnh*, xuất nguyên từ Ā+Ram, bám vào, dính vào, thỏa thích.

Từ ngữ *Ālambana - Đối tượng*, xuất nguyên từ Ā+Lamb, đeo níu theo.

Pháp có chủ thể đeo níu hay dính vào, hay thỏa thích trong đó, được gọi là Đối tượng, hay Trần cảnh. Mỗi giác quan có một loại đối tượng tương ứng.

Từ ngữ *Ārammana- Cảnh*, có ý nghĩa là nơi hoan hỷ, ví như một hoa viên là nơi hoan hỷ đối với tất cả mọi người.

Cả sáu Cảnh có Cảnh Sắc, v.v, cũng thường là nơi hoan hỷ đối với Tâm và Tâm Sở.

Như vậy có Pàli Chú giải trình bày như sau:

“*À abhimukham ramanti etthàti àrammanam*”- (*à.pubba ramu. dhātu yu. paccaya*) tất cả Tâm và Tâm Sở đều đồng cùng hoan hỷ trong loại Pháp này, như thế Pháp này gọi là Cảnh, tức là sáu Cảnh.

Cảnh còn gọi là *Àlambana*- *Đối tượng*, có ý nghĩa thành chủ thể để Tâm và Tâm Sở bám víu vào, ví như người già hay người tàn phế thường phải nương vào cây gậy hoặc sợi dây làm vật bám víu cho thân hình được đứng lên và bước đi như thế nào, thì Tâm và Tâm Sở cũng tương tự như vậy, phải có Cảnh làm vật nương bám víu vào để sanh khởi nối tiếp nhau.

Như có Pàli Chú giải trình bày như sau:

“*Cittacetasihehi àlambiyatitì Àlambanam*” *Pháp chủ thể làm chỗ bám víu của Tâm và Tâm Sở, như thế gọi là Đối tượng, tức sáu Cảnh.*

Và sáu (6) Cảnh này phân ra làm hai loại là:

1. *Sàmannàrammana* - Cảnh Phổ Thông: Là loại Cảnh thông thường, thiên nhiên, ở cùng khắp, không có gì đặc biệt.

2. *Adhipatiàrammana* - Cảnh Tăng Thượng: Là Cảnh đặc biệt có năng lực chiếm lĩnh Tâm và Tâm Sở, và đeo níu Tâm và Tâm Sở khiến phải tìm kiếm lấy Cảnh.

Ví như Đức Vua Kusa đeo đuổi nàng Bhàvatì suốt đoạn đường 100 do tuần bởi do mãnh lực mỹ lệ của Cảnh Sắc nàng Bhàvatì có khả năng đeo níu tâm ý của Đức Vua Kusa khiến phải đeo đuổi.

Hoặc ví như một bức tranh họa được treo quảng cáo tại Hý Lạc Trường, bức tranh này có nét đẹp lạ lùng và có sự kiện là phơi bày đường nét đặc biệt hoàn hảo. Và như thế khiến tất cả mọi người khi bước qua Hý Lạc Trường không thể bỏ đi luôn, buộc phải ghé vào và ngắm xem bức tranh họa ấy. Điều này như thế nào, thì Cảnh thành Tăng Thượng cũng tương tự như vậy, là có khả năng đeo níu và khiến Tâm và Tâm Sở tầm kiếm.

Như có Pàli Chú giải trình bày như sau:

“*Cittacetasihe àlambatitì Àlambanam*”- *Pháp thường đeo níu Tâm và Tâm Sở, như thế Pháp ấy gọi là Đối tượng, tức là sáu Cảnh ở phần Tăng Thượng.*

VIỆC PHÂN TÍCH TÂM MÔN VÀ TÂM NGOẠI MÔN THEO SÁU CẢNH

1. 46 Cakkhudvàrikacitta - 46 Tâm Nhãn Môn: chỉ có duy nhất Cảnh Sắc ở hiện tại.

2. 46 Sotadvàrikacitta - 46 Tâm Nhĩ Môn: chỉ có duy nhất Cảnh Thính ở hiện tại.

3. 46 Ghànadvàrikacitta - 46 Tâm Tỷ Môn: chỉ có duy nhất Cảnh Khí ở hiện tại.

4. 46 Jivhàdvàrikacitta - 46 Tâm Thiệt Môn: chỉ có duy nhất Cảnh Vị ở hiện tại.

5. 46 Kàyadvàrikacitta - 46 Tâm Thân Môn: chỉ có duy nhất Cảnh Xúc ở hiện tại.

6. Manodvàrikacitta - 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn: có sáu Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời vừa theo thích hợp với Cảnh.

7. Dvāravimuttacitta - Tâm Ngoại Môn: có 19 Tâm sanh khởi làm Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, và Sự Tử với bất luận loại Cảnh nào trong sáu Cảnh nơi gọi là “Nghiệp - Kamma”, “Nghiệp Tướng - Kammanimitta”, và “Thú Tướng - Gatinimitta”, ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, và Chế Định trong Lộ trình Đồng Lực Cận Tử Lục Môn – *Chadvàrikakamaranàsannajavana*” đa số là tiếp thu nhận lãnh từ nơi Hữu trước khi cận tử.

PHẦN GIẢI THÍCH

Sáu Cảnh đã được đề cập đến, chia ra làm hai nhóm là:

1. Tekàlikàarammana - Cảnh Tam Thời: Là Cảnh liên quan với cả ba Thời là Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp.

2. Kàlavimuttàrammana - Cảnh Ngoại Thời: Là Cảnh không có liên quan tới ba Thời, tức là Níp Bàn và Chế Định.

* Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp: Ở Cảnh Hiện Tại, có ý nghĩa là đặc biệt ngay sát na đang hiện bày trước mặt. Mắt đang thấy, tai đang nghe, mũi đang ngửi, lưỡi đang nếm vị, thân đang xúc chạm, ý đang biết cảnh, hiện đang sanh khởi mà vẫn chưa diệt tắt; như thế gọi là Cảnh Hiện Tại.

* Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp: Ở Cảnh Quá Khứ, có ý nghĩa là những loại Cảnh trên đã trải qua rồi. Tức là mắt đã được thấy rồi, tai đã được nghe rồi, mũi đã được ngửi rồi, lưỡi đã được nếm vị rồi, thân đã được xúc chạm rồi, với Lộ ý thì suy nghĩ cảnh đã trải qua rồi.

* Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp: Ở Cảnh Vị Lai, có ý nghĩa là những loại Cảnh trên sẽ đến hiện bày trong Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân, Lộ Ý.

Tức là sẽ được thấy, sẽ được nghe, sẽ được ngửi, sẽ được nếm, sẽ được xúc chạm. Với Lộ Ý suy nghĩ đến Cảnh sẽ được hiện bày.

Kết hợp cả ba loại Cảnh này gọi là Cảnh Tam Thời.

* Níp Bàn và Chế Định: ở Cảnh Ngoại Thời, bởi vì hai nhóm Pháp này thuộc Pháp Vô Vi, không có bị tạo tác bởi bốn Duyên, do đó không có việc sanh khởi của cả hai nhóm Pháp này.

Khi không có việc phát sanh thì không thể đề cập Níp Bàn và Chế Định là ở Hiện Tại, Quá Khứ, hay Vị Lai, nên gọi là *Cảnh Ngoại Thời*.

Việc trình bày là có 46 Tâm ở Lộ Nhân Môn (46 Tâm Nhân Môn) cho đến 46 Tâm Thân Môn với các Cảnh Sắc, v.v, cho đến Cảnh Xúc chỉ có duy nhất ở Hiện Tại; có ý nghĩa là Tâm Nhân Môn biết được Cảnh Sắc là nhất thiết phải có Cảnh Sắc đang hiện bày. Với Tâm Nhĩ Môn v.v, cho đến Tâm Thân Môn biết được Cảnh Xúc, cũng phải nhất thiết có Cảnh Xúc đang hiện bày.

Tất cả là như thế cũng do bởi Tâm Nhân Môn v.v, sẽ được sanh khởi là phải chủ yếu nương vào Cảnh, nếu như không có Cảnh đến hiện bày ở trước mắt thì các Tâm trên sẽ không khởi sanh được.

Với 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn có sáu Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời vừa theo thích hợp với Cảnh, có ý nghĩa là nếu Cảnh là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, cụ thể là đang hiện bày hoặc là đã trải qua rồi, hoặc là sắp đến hiện bày thì những Tâm trên thường biết được tất cả, mới gọi là tiếp thu được cả sáu Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai. Và việc tiếp thu Cảnh Ngoại Thời, có ý nghĩa là những Tâm trên nhận Níp Bàn hay Chế Định, bất luận loại nào làm Cảnh. Do đó, mới trình bày là tùy theo thích hợp với Cảnh, như đã giải thích rồi vậy.

Kết hợp lại, thì Tâm Ý Môn thường biết được tất cả Cảnh, cả phần Siêu Lý cũng như phần Chế Định, tùy thuộc nhân loại; được như vậy, cũng bởi vì Tâm Ý Môn sanh khởi không nhất thiết phải nương nhờ Cảnh, chủ yếu là nương vào Tâm và Tâm Sở, với Cảnh đã, đang và sắp hiện bày cũng được, hoặc là không liên quan với cả ba Thời cũng được, với những Tâm Ý Môn nói trên thường có khả năng sanh khởi biết được những loại Cảnh vừa nêu.

* *Tâm Ngoại Môn* là cả ba loại Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử, cho dù sẽ sanh khởi do không có được nương nhờ vào bất luận một loại Môn nào, sanh khởi thiết thực với mãnh lực của Nghiệp quá khứ, nhưng cũng thường tiếp thu bất luận một Cảnh nào trong những sáu Cảnh mà những loại Cảnh này không có

liên quan với Hữu hiện tại, chỉ là Cảnh có được từ Hữu trước mà Đồng Lực Cận Tử bắt lấy trước khi cận tử.

Như thế, nếu Đồng Lực Cận Tử bắt lấy Cảnh Sắc thì chính Cảnh Sắc này thành Cảnh của Tâm Ngoại Môn; và nếu như Đồng Lực Cận Tử bắt lấy Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Cảnh Pháp thì chính những loại Cảnh này đều là Cảnh của Tâm Ngoại Môn. Do đó mới có trình bày đề cập là “*Cảnh của Tâm Ngoại Môn có bất luận một loại Cảnh nào trong những sáu Cảnh*”.

Cảnh của Tâm Ngoại Môn nơi gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng cũng có liên quan với Đồng Lực Cận Tử, bởi vì lẽ thường khi những sáu Cảnh này đến hiện bày với người cận tử, nếu là bất luận một loại nào trong năm loại trước có Cảnh Sắc, v.v, thì gọi là Cảnh Nghiệp Tướng, hay Cảnh Thú Tướng tùy thuộc thực tính của Cảnh đến hiện bày thành hiện tượng (Nimitta - Tướng).

Nếu là Cảnh Pháp thì gọi là Cảnh Nghiệp hoặc Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng, cũng được tùy thuộc thực tính của Cảnh đến hiện bày thành Tướng tương tự như trên. Với nhân này, Cảnh của Tâm Ngoại Môn mà liên quan với Đồng Lực Cận Tử bắt lấy từ Hữu trước khi cận tử mới gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng.

Còn sáu Cảnh đến hiện bày nơi Lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý trong thời Hiện Tại, đa số không gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng. Và sáu Cảnh mà đến hiện bày Lộ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, ý của bậc Vô Sinh cũng không gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng, bởi vì không còn có việc tái tục lại nữa.

Nơi đề cập rằng, Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, và Chế Định, có ý nghĩa là nếu Cảnh của Đồng Lực Cận Tử là Sắc Thành Tựu có Cảnh Sắc, v.v, trong thời gian Tâm Tử đã diệt tắt mà Cảnh đó vẫn chưa diệt đi, khi là như thế thì Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần có tối đa là sáu cái mà sanh trong Hữu mới, cũng có Cảnh là Hiện Tại. Còn Tâm Hữu Phần sanh tiếp nối nhau từ nơi đó cho đến Tâm Tử không thể là Cảnh Hiện Tại được.

Nếu Cảnh Sắc Thành Tựu đã đề cập đến cùng diệt tắt với Tâm Tử hoặc là Cảnh của Đồng Lực Cận Tử đó thành Cảnh Pháp ở phần Tâm và Tâm Sở cũng được, như vậy Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử mới thường có Cảnh là Quá Khứ. Còn Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới sanh trong Cõi Dục Giới không thể có Cảnh Ngoại Thời là Chế Định, bởi vì hai Tâm Thẩm Tấn Xả thọ, tám Tâm Đại Quả có sáu Cảnh duy nhứt chỉ

là “*Kàmadhamma- Pháp Dục Giới*”, do đó Cảnh của Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới mới là Cảnh Hiện Tại, hoặc là Cảnh Quá Khứ.

Nếu Cảnh của Đồng Lục Cận Tử là “*Cảnh Pháp Chế Định - Pannattidhammàrammana*”, là chế định liên quan với “*Nghiệp Xứ - Kammatthana*”, “*Biến Xứ Chế Định - Kasinapannatti*” thì Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử trong Hữu mới thường có Cảnh là Cảnh Ngoại Thời, là Chế Định. Cảnh của những Tâm Ngoại Môn thường không có Cảnh Vị Lai, bởi vì việc tiếp thân Cảnh của Tâm Ngoại Môn là việc tiếp thân Cảnh của Đồng Lục Cận Tử tiếp thân từ Hữu trước khi cận tử.

Nơi đề cập rằng “*Tâm Ngoại Môn có Cảnh bất luận một Cảnh nào trong những sáu (6) Cảnh nơi gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà Đồng Lục Cận Tử Lục Môn tiếp thân từ Hữu trước khi cận tử là đa số*”.

Lời nói rằng “*là đa số*” có ý nghĩa là Cảnh của Tâm Ngoại Môn cũng không có được Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng ở phần Đồng Lục Cận Tử Lục Môn tiếp thân từ Hữu trước khi cận tử, chẳng hạn như nhóm Chư Thiên và Nhân Loại thuộc “*Pancamajhànalàbhīpuggala - Người phúc lộc ngũ thiên*” liên quan với “*Sannāvirāgabhāvanā - Tướng Ly Ái Tu Tập*”, sau khi Tử ở Cõi Dục Giới thì đi thọ sanh trong Cõi Chúng Sanh Vô Tướng thành Chúng Phạm Thiên Vô Tướng.

Khi hoàn mãn tuổi thọ 500 Đại Kiếp thì tử tại đây và tục sanh lại Cõi Dục Giới làm Chư Thiên hoặc Nhân Loại thì Tâm Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của chúng sanh này thường có một trong những Cảnh Nghiệp - Nghiệp Tướng - Thú Tướng, nhưng những loại Cảnh này không là Cảnh của Đồng Lục Cận Tử Lục Môn tiếp thân từ Hữu trước, mà là Hữu của Chúng Phạm Thiên Vô Tướng khi cận tử, bởi vì Chúng Phạm Thiên Vô Tướng chết với Sắc Pháp, là Mạng Quyền Cửu Tổng Hợp diệt lần cuối cùng.

Gọi là Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng của những người này là Cảnh được tiếp thân từ nơi “*Aparāpariyavedanīyakamma - Hậu Báo Nghiệp*” mà bản thân đã từng làm để trong các Hữu trước đếm kể từ Hữu thứ ba v.v, tùy theo thích hợp, ý nghĩa là Hậu Báo Thiện Nghiệp nào có cơ hội cho Quả Tái Tục trong Cõi Dục Giới, chính Cảnh của Hậu Báo Thiện Nghiệp đó thành Cảnh nơi gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng từ nơi Tâm Ngoại Môn của những Nhân- Thiên này.

Chính với nhân này, Giáo Sư **ANURUDDHA** mới trình bày rằng “*là đa số*” trong điều này.

KÊ TRÌNH BÀY BỐN LOẠI TÂM TIẾP THẬU CẢNH NHẤT ĐỊNH VÀ BA LOẠI BẤT ĐỊNH

1/ <i>Pancavīsaparittamhi</i>	<i>Cha cittāni mahaggaṭṭe</i>
<i>Ekavīsati vohāre</i>	<i>Attha nibbāna gocaṛe</i>
2/ <i>Vīsānuttaramuttamhi</i>	<i>Aggaṃaggaphalujjhite</i>
<i>Panca sabbattha chacce ti</i>	<i>Sattadhā tattha sangaho</i>

1. Hai mươi lăm Tâm là Ngũ Song Thức, ba Ý Giới, ba Tâm Thẩm Tấn, tám Tâm Đại Quả, một Tâm Tiểu Sinh sanh được trong sáu Cảnh, duy nhất chỉ là Cảnh Pháp Dục Giới.

* Sáu Tâm là Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ sanh được trong Cảnh Pháp, duy nhất chỉ là Đáo Đại.

* Hai mươi một Tâm là 15 Tâm Sắc Giới (trừ hai Tâm Thắng Trí), ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ sanh được duy nhất chỉ Cảnh Pháp Chế Định.

* Tám Tâm Siêu Thế sanh được trong Cảnh Pháp, duy nhất chỉ là Níp Bàn.

2. Hai mươi Tâm là 12 Tâm Bất Thiện, bốn Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, bốn Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí sanh được trong sáu Cảnh, nơi là Dục Giới, Đáo Đại, Chế Định (trừ chín Pháp Siêu Thế).

* Năm Tâm là bốn Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, một Tâm Thiện Thắng Trí sanh được trong sáu Cảnh, nơi là Dục Giới, Đáo Đại, Siêu Thế, Chế Định (trừ Đạo – Quả Vô Sinh).

* Sáu Tâm là bốn Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, một Tâm Duy Tác Thắng Trí, một Tâm Khai Ý Môn sanh được trong sáu Cảnh, nơi là Dục Giới, Đáo Đại, Siêu Thế, Chế Định trọn vẹn, và không dư sót.

Trong Tổng Hợp Cảnh này, có việc liệt kê bảy phần Tâm phân loại theo bốn Nhất Định, ba Bất Định, như đã có đề cập đến với trường hợp này.

GIẢI THÍCH TRONG BÀI KÊ THỨ NHỨT

Cả sáu Cảnh trên, khi phân loại theo phần chánh yếu thì có bốn loại như sau:

1/ Kàṃārammaṇa - Cảnh Dục Giới: là cả sáu Cảnh.

2/ Māhaggatārammaṇa - Cảnh Đáo Đại: là Cảnh Pháp.

3/ Lokuttarārammaṇa - Cảnh Siêu Thế: là Cảnh Pháp.

4/ Pannattārammaṇa - Cảnh Chế Định: là Cảnh Pháp.

Tiếp theo sẽ trình bày tuần tự việc phân tích Tâm sanh khởi tiếp theo bốn loại Cảnh trên.

PANCAVISA PARITTAMHI – HAI MƯƠI LĂM ĐỐI TƯỢNG DỤC GIỚI

1. Hai Tâm Nhãn Thức: chỉ có duy nhất Cảnh Sắc ở hiện tại.

2. Hai Tâm Nhĩ Thức: chỉ có duy nhất Cảnh Thính ở hiện tại.

3. Hai Tâm Tỷ Thức: chỉ có duy nhất Cảnh Khí ở hiện tại.

4. Hai Tâm Thiệt Thức: chỉ có duy nhất Cảnh Vị ở hiện tại.

5. Hai Tâm Thân Thức: chỉ có duy nhất Cảnh Xúc ở hiện tại.

6. Ba Tâm Ý Giới: chỉ có duy nhất năm Cảnh ở hiện tại.

7. Ba Tâm Thảm Tấn, tám Tâm Đại Quả, một Tâm Tiểu Sinh: có sáu (6) Cảnh, ở hiện tại, quá khứ, vị lai.

CHA CITTĀNI MAHAGGATE – SÁU TÂM ĐỐI TƯỢNG ĐÁO ĐẠI

8. Một Tâm Thiên, một Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ: có Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện Không Vô Biên Xứ, duy nhất ở phần quá khứ.

9. Một Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ: có Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện Không Vô Biên Xứ và Duy Tác, duy nhất ở phần quá khứ.

10. Một Tâm Thiên, một Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ: có Cảnh Pháp Đáo

Đại là Thiện Vô Sở Hữu Xứ, duy nhất ở phần quá khứ.

11. Một Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ: có Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện Vô Sở Hữu Xứ và Duy Tác, duy nhất ở phần quá khứ.

EKAṬṬASATI VOHĀRE – HAI MƯƠI MỘT VỚI ĐỐI TƯỢNG CHẾ ĐỊNH

12. Ba Tâm Sơ Thiên Sắc Giới: có Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Biên Xứ Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, một Thân Phần Chế Định (*Kotthāsapannatti*), một Sở Túc Chế Định, một Ái Hỷ Hữu Tình Chế Định (*Piyamanāpasattapannatti*), một Khổ Hữu Tình Chế Định (*Dukkhitasattapannatti*), một Lạc Hữu Tình Chế Định (*Sukkhitasattapannatti*), duy nhất ở phần Ngoại Thời.

13. Ba Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, ba Tâm Tam Thiên Sắc Giới, ba Tâm Tứ Thiên Sắc Giới: Có Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Biến Xứ Chế Định, một Sở Túc Chế Định, một Ái Hỷ Hữu Tình Chế Định, một Khổ Hữu Tình Chế Định, một Lạc Hữu Tình Chế Định, duy nhứt ở phần Ngoại Thời.

14. Ba Tâm Ngũ Thiên Sắc Giới: (trừ Thắng Trí) có Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Biến Xứ Chế Định, một Sở Túc Chế Định, một Trung Gian Hữu Tình (Majjhattasattapannatti), duy nhứt ở phần Ngoại Thời.

15. Ba Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ: có Cảnh Pháp Chế Định là “Biến Xứ Phóng Khí Hư Không Chế Định- Kasinugghàtimakāsapannatti), duy nhứt ở phần Ngoại Thời.

16. Ba Tâm Thiên Vô Sở Hữu Xứ: có cảnh Pháp Chế Định là “Vô Sở Hữu Xứ Chế Định – Natthibhāvapannatti), duy nhứt ở phần Ngoại Thời.

ATTHA NIBBĀNAGOCARE – TÁM ĐỐI TƯƠNG NÍP BÀN

17. Tám hoặc bốn mươi Tâm Siêu Thế: có Cảnh Pháp là Níp Bàn, duy nhứt ở phần Ngoại Thời (ý nói đến Hữu Dư Y Níp Bàn).

PHÂN TÍCH 31 TÂM TIẾP THẬU CẢNH PHẦN BẤT ĐỊNH THEO SÁU CẢNH VÀ BA THỜI

VISĀNUTTARAMUTTAMHI – HAI MƯƠI VỚI ĐỐI TƯƠNG PHI SIÊU THẾ

1. Có 20 Tâm, là 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, có sáu Cảnh là: *Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Cảnh Pháp*, tức là *Tâm, Tâm Sở Hiệp Thế, Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế, Danh Chế Định, Nghĩa Chế Định*, ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, và Ngoại Thời.

AGGAMAGGAPHALUJJHITE PANCA – NĂM VỚI ĐỐI TƯƠNG PHI VÔ SINH ĐẠO QUẢ

2. Có năm Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, một Tâm Thiện Thắng Trí, có sáu Cảnh là: *Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Cảnh Pháp*, tức là 87 Tâm (trừ Tâm Đạo - Quả Vô Sinh), 52 Tâm Sở, *Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế, Níp Bàn, Danh Chế Định, Nghĩa Chế Định*, ở phần Quá Khứ, Hiện tại, Vị Lai, và Ngoại Thời.

SABBATTHA CHA CA – VÀ SÁU VỚI TẤT CẢ ĐỐI TƯƠNG

3. Có sáu Tâm, là một Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, một Tâm Duy tác Thắng Trí, có sáu Cảnh là: *Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Cảnh Pháp*, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, *Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế, Níp Bàn, Danh Chế Định, Nghĩa Chế Định*, ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, và Ngoại Thời trọn vẹn, và không dư sót.

TRÌNH BÀY CẢNH THEO GIẢI RỘNG

Theo giải rộng thì có hai mươi một Cảnh, là:

1/ Kàmaàrammana - Cảnh Dục Giới: có sáu Cảnh, tức là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, và 28 Sắc Pháp.

2/ Mahaggatàrammana - Cảnh Đáo Đại: có một Cảnh, là Cảnh Pháp, tức là 27 Tâm Đáo Đại, 35 Tâm Sở.

3/ Nibbànaàrammana - Cảnh Níp Bàn: có một Cảnh, là Cảnh Pháp, tức là Níp Bàn.

4/ Nàmaàrammana - Cảnh Danh Pháp: có một Cảnh, là Cảnh Pháp, tức là Tâm, Tâm Sở, và Níp Bàn.

5/ Rùpaàrammana - Cảnh Sắc Pháp: có sáu Cảnh, tức là 28 Sắc Pháp.

6/ Paccuppannaàrammana - Cảnh Hiện Tại: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp hiện đang sanh khởi.

7/ Atitàrammana - Cảnh Quá Khứ: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã diệt đi rồi.

8/ Anàgatàrammana - Cảnh Vị Lai: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sẽ sắp sanh khởi.

9/ Kàlavimuttaàrammana - Cảnh Ngoại Thời: có một Cảnh, là Cảnh Pháp, tức là Níp Bàn, Chế Định.

10/ Pannattiàrammana - Cảnh Chế Định: có một Cảnh, là Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.

11/ Paramatthaàrammana - Cảnh Siêu Lý: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

12/ Ajjhattaàrammana - Cảnh Nội Phần: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

13/ Bahiddhaàrammana - Cảnh Ngoại Phần: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sanh khởi phần ngoại nhân, và Sắc Vô Hữu Mạng, Níp Bàn, Chế Định.

14/ Ajjhatabhiddhaàrammana - Cảnh Nội Ngoại Phần: có sáu Cảnh, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sanh khởi cả nội phần và ngoại phần.

15/ Pancaàrammana - Cảnh Ngũ: có năm Cảnh, tức là bảy Hành Cảnh Sắc.

16/ Rùpaàrammana - Cảnh Sắc: là các màu sắc.

17/ Saddàrammana - Cảnh Thính: là các âm thanh.

18/ Gandhàrammana - Cảnh Khí: là các khí hơi.

19/ Rasàrammana - Cảnh Vị: là các mùi vị.

20/ Photthabbàrammana - Cảnh Xúc: là lạnh, nóng, mềm, cứng, v.v,

21/ Dhammàrammana - Cảnh Pháp: là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế, Níp Bàn, Chế Định.

PHÂN TÍCH TÂM TIẾP THẬU CẢNH THEO PHẦN NHẤT ĐỊNH

1. Có 25 Tâm tiếp thâu duy nhất Cảnh Dục Giới: là Ngũ Song Thức, ba Ý Giới, ba Tâm Thâm Tấn, tám Tâm Đại Quả, một Tâm Tiểu Sinh.

2. Có sáu Tâm tiếp thâu duy nhất Cảnh Đáo Đại: là ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

3. Có tám Tâm tiếp thâu duy nhất Cảnh Níp Bàn: là tám Tâm Siêu Thế.

4. Có 14 Tâm tiếp thâu duy nhất Cảnh Danh Pháp: là ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

5. Có 13 Tâm tiếp thâu duy nhất Cảnh Sắc Pháp: là Ngũ Song Thức, ba Ý Giới.

6. Có 13 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Hiện Tại: là Ngũ Song Thức, ba Ý Giới.

7. Có sáu Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Quá Khứ: là ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

8. **Không có Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Vị Lai.**

9. Có 29 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Ngoại Thời: là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Thắng Trí), ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

10. Có 21 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Chế Định: là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Thắng Trí), ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ.

11. Có 39 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Siêu Lý: là Ngũ Song Thức, ba Ý Giới, ba Tâm Thảm Tấn, tám Tâm Đại Quả, một Tâm Tiểu Sinh, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

12. Có sáu Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Nội Phần: là ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

13. Có 26 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Ngoại Phần: là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Thắng Trí), ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

14. Có ba Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Ngũ: là ba Ý Giới.

15. Có hai Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Sắc: là hai Tâm Nhãn Thức.

16. Có hai Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Thinh: là hai Tâm Nhĩ Thức.

17. Có hai Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Khí: là hai Tâm Tỷ Thức.

18. Có hai Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Vị: là hai Tâm Thiệt Thức.

19. Có hai Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Xúc: là hai Tâm Thân Thức.

20. Có 35 Tâm tiếp thâm duy nhưt Cảnh Pháp: là 27 Tâm Đáo Đại (trừ Thắng Trí), tám Tâm Siêu Thế.

21. Có 28 Tâm tiếp thâm duy nhưt được một Cảnh duy nhưt: là Ngũ Song Thức, ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, một Tâm

Thiện - một Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, một Tâm Thiện- một Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

TIẾP THẤU ĐƯỢC MỘT CẢNH DUY NHỨT, LÀ:

* Với Ngũ Song Thức là:

- Hai Tâm Nhân Thức có một Cảnh duy nhất là Cảnh Sắc.
- Hai Tâm Nhĩ Thức có một Cảnh duy nhất là Cảnh Thính.
- Hai Tâm Tỷ Thức có một Cảnh duy nhất là Cảnh Khí.
- Hai Tâm Thiệt Thức có một Cảnh duy nhất là Cảnh Vị.
- Hai Tâm Thân Thức có một Cảnh duy nhất là Cảnh Xúc.
- Ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ có một Cảnh duy nhất là Biến Xứ Phóng Khí Hư Không Chế Định.

- Ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ có một Cảnh duy nhất là Vô Hữu Chế Định.
- Một Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ có một Cảnh duy nhất là Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

- Một Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ có một Cảnh duy nhất là Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

- Một Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có một Cảnh duy nhất là Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

- Một Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có một Cảnh duy nhất là Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

- Tám Tâm Siêu Thế có một Cảnh duy nhất là Níp Bàn.

22. Có hai Tâm tiếp thấu được hai loại Cảnh: là một Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, một Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

TIẾP THẤU ĐƯỢC HAI LOẠI CẢNH, LÀ:

- Một Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ có hai Cảnh là: Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

Và Duy Tác Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này.

- Một Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có hai Cảnh là: Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này và Hữu trước.

Và Duy Tác Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh đối với bản thân trong Hữu này.

23. Có ba Tâm tiếp thâu được năm loại Cảnh: là ba Ý Giới.

TIẾP THẬU ĐƯỢC NĂM LOẠI CẢNH, LÀ:

- Cảnh Sắc, Cảnh Thính, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc.

24. Có ba Tâm tiếp thâu được mười hai loại Cảnh: là ba Tâm Ngũ Thiên Sắc Giới.

TIẾP THẬU ĐƯỢC MƯỜI HAI LOẠI CẢNH, LÀ:

- Mười Biến Xứ Chế Định, một Sở Túc Chế Định, một Trung Gian Hữu Tình Chế Định.

25. Có chín Tâm tiếp thâu được mười bốn loại Cảnh: là ba Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, ba Tâm Tam Thiên Sắc Giới, ba Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

TIẾP THẬU ĐƯỢC MƯỜI BỐN LOẠI CẢNH, LÀ:

- Mười Biến Xứ Chế Định, một Sở Túc Quán Chế Định, một Ái Hỷ Hữu Tình Chế Định, một Khô Hữu Tình Chế Định, một Lạc Hữu Tình Chế Định.

26. Có ba Tâm tiếp thâu được hai mươi lăm loại Cảnh: là ba Tâm Sơ Thiên Sắc Giới.

TIẾP THẬU ĐƯỢC HAI MƯƠI LĂM LOẠI CẢNH, LÀ:

- Mười Biến Xứ Chế Định, mười Bất Tịnh Chế Định, một Thân Phần Chế Định, một Sở Túc Chế Định, một Ái Hỷ Hữu Tình Chế Định, một Khô Hữu Tình Chế Định, một Lạc Hữu Tình Chế Định.

PHÂN TÍCH TÂM TIẾP THẬU CẢNH Ở PHẦN BÁT ĐỊNH

1. Có 31 Tâm tiếp thâu được năm Cảnh là:

- Cảnh Dục Giới, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Chế Định, Cảnh Siêu Lý;

tức là một Tâm Khai Ý Môn, mười hai Tâm Bất Thiện, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, và hai Tâm Thắng Trí.

2. Có 43 Tâm tiếp thâu được sáu loại Cảnh là:

- Cảnh Hiện Tại, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Vị Lai, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp; tức là một Tâm Khai Ý Môn, ba Tâm Thẩm Tấn, mười hai

Tâm Bất Thiện, một Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, và hai Tâm Thắng Trí.

3. Có 56 Tâm tiếp thu được ba loại Cảnh là:

- Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần, Cảnh Nội Ngoại Phần; tức là 54 Tâm Dục Giới, và hai Tâm Thắng Trí.

4. Có mười một Tâm tiếp thu bất định Cảnh Níp Bàn: tức là một Tâm Khai Ý Môn, bốn Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, bốn Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, và hai Tâm Thắng Trí.

5. Có 46 Tâm tiếp thu bất định năm loại Cảnh là:

- Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc; tức là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức), hai Tâm Thắng Trí.

6. Có 43 Tâm tiếp thu bất định Cảnh Ngũ cũng là tiếp thu Cảnh Pháp: tức là 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, ba Ý Giới), hai Tâm Thắng Trí.

TỔNG HỢP VIỆC PHÂN TÍCH TÂM TIẾP THU CẢNH Ở PHẦN NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Có 56 Tâm tiếp thu Cảnh Dục Giới: là 54 Tâm Dục Giới, và hai Tâm Thắng Trí.

2. Có 37 Tâm tiếp thu Cảnh Đáo Đại: là 12 Tâm Bất Thiện, một Tâm Khai Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

3. Có 19 Tâm tiếp thu Cảnh Níp Bàn: là một Tâm Khai Môn, bốn Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, bốn Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, hai Tâm Thắng Trí, tám Tâm Siêu Thế.

4. Có 57 Tâm tiếp thu Cảnh Danh Pháp: là 12 Tâm Bất Thiện, ba Tâm Thâm Tấn, một Tâm Khai Ý Môn, một Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

5. Có 56 Tâm tiếp thu Cảnh Sắc Pháp: là 54 Tâm Dục Giới, và hai Tâm Thắng Trí.

6. Có 56 Tâm tiếp thu Cảnh Hiện Tại: là 54 Tâm Dục Giới, và hai Tâm Thắng Trí.

7. Có 49 Tâm tiếp thấu Cảnh Quá Khứ: là 12 Tâm Bất Thiện, ba Tâm Thâm Tấn, một Tâm Khai Ý Môn, một Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

8. Có 43 Tâm tiếp thấu Cảnh Vị Lai: là một Tâm Khai Ý Môn, ba Tâm Thâm Tấn, 12 Tâm Bất Thiện, một Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, hai Tâm Thắng Trí.

9. Có 58 hoặc 60 Tâm tiếp thấu Cảnh Ngoại Thời: là 12 Tâm Bất Thiện, một Tâm Khai Ý Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, 15 Tâm Sắc Giới, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

10. Có 50 hoặc 52 Tâm tiếp thấu Cảnh Chế Định: là 12 Tâm Bất Thiện, một Tâm Khai Ý Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, 15 Tâm Sắc Giới, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ.

11. Có 70 Tâm tiếp thấu Cảnh Siêu Lý: là 54 Tâm Dục Giới, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

12. Có 62 Tâm tiếp thấu Cảnh Nội Phần: là 54 Tâm Dục Giới, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, ba Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

13. Có 80 hoặc 82 Tâm tiếp thấu Cảnh Ngoại Phần: là 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, hai Tâm Thắng Trí, ba Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, tám Tâm Siêu Thế.

14. Có 56 Tâm tiếp thấu Cảnh Nội Ngoại Phần: là 54 Tâm Dục Giới, và hai Tâm Thắng Trí.

15. Có 48 Tâm tiếp thấu Cảnh Sắc: là 12 Tâm Bất Thiện, hai Tâm Nhân Thức, ba Tâm Ý Giới, ba Tâm Thâm Tấn, một Tâm Khai Ý Môn, một Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, hai Tâm Thắng Trí.

16. Có 48 Tâm tiếp thấu Cảnh Thinh: là giống với Tâm tiếp thấu Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhân Thức thành Tâm Nhĩ Thức.

17. Có 48 Tâm tiếp thấu Cảnh Khí: là giống với Tâm tiếp thấu Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Tỷ Thức.

18. Có 48 Tâm tiếp thấu Cảnh Vị: là giống với Tâm tiếp thấu Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Thiệt Thức.

19. Có 48 Tâm tiếp thấu Cảnh Xúc: là giống với Tâm tiếp thấu Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Thân Thức.

20. Có 46 Tâm tiếp thấu Cảnh Ngũ: là 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức), hai Tâm Thắng Trí.

21. Có 76 hoặc 78 Tâm tiếp thấu Cảnh Pháp: là 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, ba Ý Giới), 15 Tâm Sắc Giới cùng với hai Tâm Thắng Trí, 12 Tâm Vô Sắc Giới, tám Tâm Siêu Thế.

PHÂN TÍCH TÂM SỞ THEO 21 CẢNH Ở PHẦN NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Dục Giới.
2. Có 50 Tâm Sở tiếp thấu bất định Cảnh Dục Giới (trừ hai Vô Lượng Phần).
3. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Đáo Đại.
4. Có 47 Tâm Sở tiếp thấu bất định Cảnh Đáo Đại (trừ ba Ngã Trừ Phần, hai Vô Lượng Phần).
5. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Níp Bàn.
6. Có 36 Tâm Sở tiếp thấu bất định Cảnh Níp Bàn: là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ hai Vô Lượng Phần).
7. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Danh Pháp.
8. Có 50 Tâm Sở tiếp thấu bất định Cảnh Danh Pháp (trừ hai Vô Lượng Phần).
9. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Sắc Pháp.
10. Có 50 Tâm Sở tiếp thấu bất định Cảnh Sắc Pháp (trừ hai Vô Lượng Phần).
11. Không có Tâm Sở tiếp thấu nhất định Cảnh Hiện Tại.

12. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Hiện Tại (trừ hai Vô Lượng Phần).
13. *Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Quá Khứ.*
14. Có 47 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Quá Khứ (trừ ba Ngăn Trừ Phần, hai Vô Lượng Phần).
15. *Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Vị Lai.*
16. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Vị Lai (trừ hai (2) Vô Lượng Phần).
17. *Có hai (2) Tâm Sở Vô Lượng Phần tiếp thâm nhất định Cảnh Ngoại Thời.*
18. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Ngoại Thời (trừ hai (2) Vô Lượng Phần).
19. *Có hai (2) Tâm Sở Vô Lượng Phần tiếp thâm nhất định Cảnh Chế Định.*
20. Có 47 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Chế Định (trừ ba (3) Ngăn Trừ Phần, hai (2) Vô Lượng Phần).
21. *Có ba (3) Tâm Sở Ngăn Trừ Phần tiếp thâm nhất định Cảnh Siêu Lý.*
22. Có 47 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Siêu Lý (trừ ba (3) Ngăn Trừ Phần, hai (2) Vô Lượng Phần).
23. *Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Nội Phần.*
24. Có 49 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Nội Phần (trừ một (1) Tật Đố, hai (2) Vô Lượng Phần).
25. *Có ba (3) Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Ngoại Phần, là một (1) Tật Đố, hai (2) Vô Lượng Phần.*
26. Có 49 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Ngoại Phần (trừ một (1) Tật Đố, hai (2) Vô Lượng Phần).
27. *Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Nội Ngoại Phần.*
28. Có 49 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Nội Ngoại Phần (trừ một (1) Tật Đố, hai (2) Vô Lượng Phần).

29. Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc.
30. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc (trừ hai (2) Vô Lượng Phần).
31. Không có Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Ngũ.
32. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Ngũ (trừ hai (2) Vô Lượng Phần).
33. Có hai (2) Tâm Sở tiếp thâm nhất định Cảnh Pháp, là hai (2) Vô Lượng Phần.
34. Có 50 Tâm Sở tiếp thâm bất định Cảnh Pháp (trừ hai (2) Vô Lượng Phần).

Chú giải:

1. Rùpa: Sắc, hay hình thể vật chất.

Xuất nguyên từ ngữ căn “rup” **biến đổi, hoại diệt**. Theo ý nghĩa phân loại của danh từ, *rùpa* là Pháp biến đổi màu sắc tùy theo độ nóng, lạnh, v.v, (*Situnhàdivasena vannaṇṇikàramàpajjati’ti rùpam*). Theo bộ *Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp*, trong Chương 6, sẽ đề cập tỷ mỉ và đầy đủ chi tiết của 28 Sắc Pháp. Tại đây, từ ngữ **Sắc** chỉ dùng theo ý nghĩa là đối tượng của Tâm Nhãn Thức, tức là hình thể.

Theo phần Vibhàvini Tikà có ghi “*Rùpa - Sắc*” là Pháp tự biểu hiện bằng cách thay đổi màu sắc, là Pháp diễn đạt trạng thái đã thấm nhuần vào Tâm (*Vannaṇṇikàram àpajjamànam rùpayati hadayangatabhàvam pakàseti’ti rùpam*).

Rùpa - Sắc là nơi chốn, một dãy, phạm vi, hay Cảnh giới của màu sắc (*Vannàyatana – Sắc Cảnh*). Đó là sự thể hiện của màu sắc. Cần nên biết rằng, *Rùpa- Sắc*, phát sanh từ *bốn nhân sanh* là:

(a) Nghiệp (Kamma), (b) Tâm (Citta), (c) Quý Tiết (Utu), và (d) Vật Thực (Àhàra).

2. Sadda: Thinh, âm thanh.

Phát sanh từ sự cọ xát của những thành phần *Pathavi - Địa Đại*. Có bốn thành phần vật chất là Đất, Nước, Lửa, Gió, là những đơn vị căn bản của vật chất. Tứ Đại này luôn luôn tùy thuộc lẫn nhau và liên quan với nhau. Khi một thành phần của Địa Đại va chạm với một thành phần của Địa Đại khác là có âm thanh phát sanh. Âm thanh phát sanh do hai nguyên nhân là **Tâm** và **Quý Tiết**. Âm thanh có thể nghe rõ ràng (*Vyākata - Hiển Minh*) hoặc không rõ ràng (*Avyākata- Bất Hiển Minh*).

3. Gandha: Hương, khí hơi.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*gandh*” biểu lộ. Hương, hay mùi hơi, phát sanh do Tứ Đại.

4. Rasa: Vị. Phát sanh do bởi Tứ Đại.

5. Photthabbàrammana: Xúc.

Đối tượng có thể cảm nhận bằng giác quan. Đây không phải là sự va chạm suông. Có ba Đại Hiện (Đất, Lửa, Gió) là đối tượng mà giác quan có thể cảm nhận được. Khi ba Đại Hiện cấu thành đối tượng của Xúc giác, chạm vào thần kinh Thân liền phát sanh Lạc thọ hay Khổ thọ, tùy theo đối tượng ưa thích hay không ưa thích; đôi khi có cảm giác Xả thọ.

6. Pasàda: Thanh Triệt, thần kinh.

Trong trường hợp của mắt, tai, mũi, lưỡi, thì thần kinh nằm ở một vị trí nhất định. Trong khi ấy, thần kinh Thân trải rộng cùng khắp châu thân.

7. Sukhuma rūpa: Sắc Vi Tế.

Trong 28 Sắc phân loại ra làm hai là: 16 Tế Sắc (Sukhuma), và 12 Thô Sắc (Odàrika). Với năm Sắc Thanh Triệt (có Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân), Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc (Đất, Lửa, Gió) gọi là Thô Sắc. Và 16 Sắc còn lại gọi là Tế Sắc. Được gọi là Tế Sắc vì không có sự va chạm lẫn nhau.

8. Pannatti: Chế Định, khái niệm.

Có hai loại Chế Định, là Danh Chế Định (Nàma pannatti) và Nghĩa Chế Định (Attha pannatti).

9. Kàla: Thời gian.

Một cách chính xác, thời gian chỉ là một khái niệm suông, và hiểu theo ý nghĩa tuyệt đối, thời gian không phải là cái gì thật sự hiện hữu. Mặt khác, không gian đối với vật chất cũng như thời gian đối với Tâm. Một cách ước định để ta nói đến quá khứ, hiện tại và vị lai.

- Quá khứ được định nghĩa là cái gì đã vượt qua chính trạng thái của nó, hay đã vượt qua những sát na sanh, trụ, và diệt. (*Attano sabhàvam uppàdàdikkhanam và atitā atikkantā atitā*).
- Hiện tại là cái gì, vì lý do này hay lý do khác, đi vào, trải qua, hiện hữu ngay trong những sát na sanh, trụ, diệt. (*Tam tam kàranam paticca uppàdàdikkhanam uddham panna, gatā, pavattā = paccuppannā*).

- Vị lai là cái gì chưa đến hai trạng thái trên. (*Tadubhayam'pi na àgata sampattà*).

Theo Abhidhamma, mỗi sát na Tâm gồm có ba sát na tiểu: sanh (*Uppàda*), trụ (*Thiti - phát triển*), diệt (*Bhanga - rã tan, chấm dứt, diệt*). Theo quan điểm của nhà Chú Giải, không có giai đoạn Trụ - Phát triển, mà chỉ có hai giai đoạn *Sanh* và *Diệt*. Mỗi sát na Tâm trôi qua, tức thì có một sát na Tâm khác nối tiếp. Như vậy, thời gian là điều kiện tất yếu của những trạng thái Tâm. Đơn vị của thời gian là một sát na. Các nhà Chú Giải nói rằng sát na Tâm diễn tiến rất mau lẹ, trong một cái chớp mắt có tới hàng tỷ tỷ sát na sanh diệt.

Vật chất (Sắc Pháp), cũng luôn luôn biến đổi, chỉ tồn tại trong một thời gian 17 sát na Tâm, và đó là thời gian của một Lộ trình Tâm trọn vẹn.

Quá khứ đã trôi qua. Vị lai lại chưa đến. Chúng ta chỉ sống trong từng mỗi sát na, và mỗi sát na này trôi vào quá khứ một cách chắc chắn, không thể tránh. Hiểu theo một ý nghĩa, chỉ có Hiện Tại là vĩnh cửu. Hiểu theo một chiều hướng khác, gọi là Hiện Tại là giai đoạn chuyển tiếp giữa vị lai và quá khứ. Như vậy, thời gian là một môi trường tổng quát, trong đó tất cả những diễn tiến nối tiếp xảy ra, hoặc hình như nối tiếp xảy ra.

Theo bộ **ATTHASÀLINI** ghi nhận:

“Thời gian là một khái niệm xuất nguyên từ hiện tượng này hay hiện tượng kia. Và tự bản chất của nó, thời gian không có hiện hữu mà chỉ là một khái niệm suông”.

10. Kamma: Nghiệp, Kamma Nimitta: Nghiệp Tướng, Gati Nimitta: Thù Tướng.

Người sắp lâm chung, đôi khi hồi tưởng lại một vài hành động, thiện hay bất thiện, đã được tạo tác trong đời sống. Loại Tâm - thiện hay bất thiện - của người cận tử trong lúc tạo tác hiện bày trở lại như mới. Sát na Tâm ấy gọi là *Kamma- Nghiệp*. Đó là một tư tưởng, vì lẽ ấy là một đối tượng tâm linh (*Dhammàrammana- Cảnh Pháp*) thuộc về quá khứ mà Ý Môn duyên vào.

Đối tượng của những sát na *Patisandhi – Bhavanga - Cuti (Tái Tục - Hữu Phần - Tử)* của kiếp sống kế tiếp đó là Cảnh Pháp. Đôi khi đối tượng có thể là một dấu hiệu hay một biểu tượng liên quan đến hành động Thiện hay Bất Thiện. Có thể là một trong năm loại đối tượng vật chất hiện bày xuyên qua sáu Căn, như một đối tượng thuộc hiện tại hay quá khứ.

Thí dụ như vào lúc cận tử lâm chung được nghe Giáo Pháp. Trong trường hợp này, âm thanh hiện tại đi vào Nhĩ Căn là Cảnh của Tâm đi tái tục. Do đó,

ba sát na *Tái Tục - Hữu Phần - Tử* của kiếp sống kế đó là *Kamma Nimitta - Nghiệp Tướng*.

Một trường hợp khác, một vị thầy thuốc lúc cận tử lâm chung có thể thấy trong Tâm hình ảnh những bệnh nhân mà ông đã săn sóc. Đây là một Cảnh Sắc trong quá khứ, bây giờ hiện bày đến ông xuyên qua Ý Môn.

Một trường hợp khác, một người đồ tể lúc lâm chung có thể nghe những tiếng kêu la của những con thú mà mình đã giết. Đối tượng thuộc về âm thanh ở quá khứ giờ đây hiện trở lại với người đồ tể, xuyên qua Ý Môn.

Do đó, *Kamma Nimitta - Nghiệp Tướng*, có thể thuộc về quá khứ hay hiện tại, hiện bày xuyên qua một trong sáu Cửa (Môn).

Kế tiếp, một vài hiện tượng của nơi chốn hay Cảnh giới mà người lâm chung sắp tái tục vào, như lửa đỏ, hang núi đen thẳm, cung điện, v.v, có thể hiện bày đến người ấy. Đối tượng này được xem là đối tượng hiện tại, mà người lâm chung duyên vào xuyên qua Ý Môn, gọi là *Gati Nimitta - Thú Tướng*. Như vậy, Thú Tướng - hiện tượng lâm chung, là một đối tượng của Nhãn Căn, hiện tại ở một điểm thời gian, và hiện bày xuyên qua Ý Môn.

Cần nên ghi nhận rằng, những sát na *Tái Tục - Hữu Phần - Tử* thuộc về Dục Giới có những đối tượng, là Nghiệp - Nghiệp Tướng - Thú Tướng; hiện bày xuyên qua một trong sáu Cửa (Môn), trong kiếp sống kế tiếp.

Trong trường hợp những sát na *Tái Tục - Hữu Phần - Tử* thuộc về Sắc Giới có đối tượng luôn là một Nghiệp Tướng, và hiện tượng của Nghiệp này là Chế Định, như một đề mục *Kasina - Hoàn Tịnh*, hiện bày xuyên qua Ý Môn. Đối tượng của những sát na *Tái Tục - Hữu Phần - Tử* thuộc về Sơ Thiên và Tam Thiên Vô Sắc Giới, cũng là một Chế Định thuộc quá khứ, như Không Vô Biên Xứ của Sơ Thiên, và Vô Sở Hữu Xứ của Tam Thiên. Hai đề mục Chế Định này được xem là những Nghiệp Tướng hiện bày xuyên qua Ý Môn.

Cũng nên nhắc lại, Tâm Nhị Thiên Vô Sắc Giới được tiến tu bởi lấy đề mục của Sơ Thiên Vô Sắc Giới làm đối tượng. Và Tứ Thiên Vô Sắc Giới được tiến tu bởi lấy đề mục của Tam Thiên Vô Sắc Giới.

11. Sekha: Hữu Học, Asekha: Vô Học.

Theo Phật Giáo, một người thông thường trong thế gian được gọi là *Puthujjana - Phàm Phu*, là chúng sanh trong Tam Giới. Với những vị đã chứng

đắc ba tầng Thánh đầu tiên, Thất Lai - Nhất Lai - Bất Lai, được gọi là bậc Hữu Học.

Với vị đã chứng đắc tầng Thánh cuối, Vô Sinh, được gọi là bậc Vô Học. Với bậc Vô Học thấu hiểu được Tâm của người phạm phu, và các bậc Hữu Học. Những bậc Hữu Học còn phải tu tập nữa, và không thấu hiểu được Tâm của bậc Vô Học. Cùng thế ấy, người phạm phu không thấu hiểu được Tâm của bậc Hữu Học.

12. Abhinna: Thắng Trí.

Có sáu loại Thắng Trí, là Thiên Nhân thắng trí, Thiên Nhĩ thắng trí, Túc Mạng thắng trí, Tha Tâm thắng trí, Thần Túc thắng trí, và Lưu Tận thắng trí. Năm loại Thắng Trí dành cho các phạm nhân và các bậc Hữu Học. Với Lưu Tận thắng trí chỉ dành riêng biệt cho bậc Vô Sinh. Muốn hiện bày các Thắng Trí, phải chứng đạt tầng Ngũ Thiền Sắc Giới.

DÚT TỔNG HỢP CẢNH

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Cảnh.

1/ Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa khác biệt giữa từ ngữ “Cảnh – Ārammana” với từ ngữ “Đối Tượng – Ālambana”. Và có mấy loại Cảnh? Là những chi? Hãy trình bày chi pháp của những loại Cảnh đó theo riêng từng mỗi phần.

Đáp: Ý nghĩa sự khác biệt nhau giữa từ ngữ **Cảnh** với **Đối Tượng**, là:

* **Cảnh** có ý nghĩa Pháp chung thành nơi hoan hỷ của tất cả Tâm và Tâm Sở, giống như hoa viên là nơi hoan hỷ của tất cả mọi người.

* **Đối Tượng** có ý nghĩa Pháp chung thành vật bám víu của tất cả Tâm và Tâm Sở, giống như cây gậy hay sợi dây thành vật bám víu của người già hay người tàn phế.

* Có 6 loại Cảnh, là:

- (1) Cảnh Sắc: chi pháp là tất cả các Sắc.
- (2) Cảnh Thính: chi pháp là tất cả âm thanh.
- (3) Cảnh Khí: chi pháp là tất cả mùi hơi.
- (4) Cảnh Vị: chi pháp là tất cả mùi vị.
- (5) Cảnh Xúc: chi pháp là lạnh nóng, mềm cứng, lỏng căng.
- (6) Cảnh Pháp: chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế, Níp Bàn, Chế Định.

2/ Hỏi: Khi quán xét chi pháp của sáu Cảnh thì sẽ thấy là từ Cảnh Sắc cho đến Cảnh Xúc, hoàn toàn là Siêu Lý và là Sắc Pháp, có số lượng chi pháp cũng ít ỏi.

Nhưng tại Cảnh Pháp có đầy đủ tất cả, có cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn; tóm lại như vậy bởi do nhân nào? Xin hãy giải thích.

Đáp: Kể từ Cảnh Sắc cho đến Cảnh Xúc hoàn toàn là Sắc Siêu Lý, bởi vì chi pháp của cả những 5 Cảnh này đều là những sự vật hiện thực, như các loại màu sắc, có màu xanh, màu đỏ, v.v, gọi là Cảnh Sắc.

Các loại âm thanh, có âm thanh người, âm thanh chúng sanh, tiếng nước chảy, tiếng sấm vang, v.v, gọi là Cảnh Thính.

Các loại mùi hơi, có mùi thơm, mùi thúi, v.v, gọi là Cảnh Khí; các loại mùi vị, có vị chua, ngọt, mặn, béo, v.v, gọi là Cảnh Vị.

Các loại cảm xúc, có lạnh nóng, mềm cứng, lỏng căng, v.v, gọi là Cảnh Xúc; tất cả những loại này hiện bày trong thế gian, mọi người cũng đều có khả năng thấy, được nghe, được ngửi, biết được các vị, biết được sự đụng chạm.

Khi là như vậy, cả 5 loại Cảnh như được đề cập đến đây mới thành Pháp Siêu Lý, không thể là Pháp Chế Định được, bởi vì Pháp Chế Định là Pháp không hiện thực.

Chi pháp của cả 5 loại Cảnh này đã được đề cập đến đây, cũng không là Pháp Danh thực tính, bởi vì lẽ thường Danh Pháp là thực tính có khả năng đi tới các loại Cảnh, là vật hữu sanh mạng, phi sanh mạng, và những hiện trạng sai khác.

Còn cả 5 Cảnh với Cảnh Sắc, v.v, không có khả năng đi tới Cảnh, là những sự vật hoặc những hiện trạng được, do đó, hết cả 5 loại Cảnh này mới hoàn toàn chỉ là Sắc Pháp.

Chi pháp của cả 5 loại Cảnh này có số lượng ít ỏi, cũng bởi vì trong số lượng 28 Sắc, Sắc được gọi là Cảnh Sắc cũng chỉ có một loại là màu sắc, còn 27 Sắc còn lại không thể gọi là Cảnh Sắc được.

Sắc được gọi là Cảnh Thính cũng chỉ có một loại là âm thanh, còn 27 Sắc còn lại không thể gọi là Cảnh Thính được.

Sắc được gọi là Cảnh Khí cũng chỉ có một loại là mùi hơi, còn 27 Sắc còn lại không thể gọi là Cảnh Khí được.

Sắc được gọi là Cảnh Vị cũng chỉ có một loại là mùi vị, còn 27 Sắc còn lại không thể gọi là Cảnh Vị được.

Sắc được gọi là Cảnh Xúc cũng chỉ là lạnh nóng, mềm cứng, lỏng căng; còn 25 Sắc còn lại không thể gọi là Cảnh Xúc được, bởi vì Sắc còn lại ngoài ra 7 loại Sắc này; do đó, chi pháp của Cảnh Sắc cho đến Cảnh Xúc mới có số lượng ít ỏi.

Còn Cảnh Pháp có cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn; bởi vì Pháp thành sự vật được liễu tri, như các Cảnh sai khác, cũng chẳng phải chỉ có Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc.

Ngoài ra những loại Pháp Siêu Lý khác như là Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn và Chế Định, những loại Pháp này cũng thành sự vật được liễu tri, cũng là một loại Pháp như nhau, tuy nhiên loại Pháp này có thực tính vi tế hơn 5 Cảnh đã được đề cập đến; do đó, loại Pháp này mới gọi là Cảnh Pháp.

Lại nữa, thực tính của loại Cảnh Pháp này tuy rằng không hiện bày theo đường con mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và Lộ Trình Tâm sanh khởi theo đường con mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, thì một cách xác thực cũng không có cơ hội được liễu tri Cảnh Pháp được.

Nhưng, loại Cảnh Pháp này lại được hiện bày theo đường Tâm Thức, do đó, Lộ Trình Ý Môn mới liễu tri Cảnh Pháp được, tuy nhiên sẽ biết được nhiều hay ít bất luận loại nào, cũng tùy thuộc vào sự hiện bày của Cảnh Pháp.

Nếu được hiện bày theo đường Tâm Thức của bậc Chánh Đẳng Giác thì Cảnh Pháp này được hiện bày một cách trọn vẹn, không có dư sót, do đó, Lộ Trình Ý Môn làm thành Toàn Giác Trí, mới có khả năng liễu tri thấu triệt Cảnh Pháp.

Nếu hiện bày theo đường Tâm Thức của những Phàm Phu, thì sự hiện bày không trọn vẹn, do đó, Lộ Trình Ý Môn của hàng Phàm Phu mới liễu tri bất thấu triệt Cảnh Pháp.

Với nhân này, Cảnh Pháp mới có được cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn, kết hợp một cách đầy đủ.

3/ *Hỏi: Hãy phân tích Tâm Môn và Tâm Ngoại Môn theo Cảnh và Thời sau đây: Tâm Nhãn Môn, Tâm Nhĩ Môn, Tâm Tỷ Môn, Tâm Thiệt Môn, Tâm Thân Môn, Tâm Ý Môn, Tâm Ngoại Môn, và cả hai Níp Bàn và Chế Định vượt ngoài cả Tam Thời, gọi là Cảnh Ngoại Thời, bởi do nhân nào?*

Đáp: * Phân tích Tâm Môn, Tâm Ngoại Môn theo Cảnh và Thời, như sau:

- (1) 46 Tâm Nhãn Môn chỉ có duy nhất Cảnh Sắc hiện tại.
- (2) 46 Tâm Nhĩ Môn chỉ có duy nhất Cảnh Thính hiện tại.
- (3) 46 Tâm Tỷ Môn chỉ có duy nhất Cảnh Khí hiện tại.
- (4) 46 Tâm Thiệt Môn chỉ có duy nhất Cảnh Vị hiện tại.
- (5) 46 Tâm Thân Môn chỉ có duy nhất Cảnh Xúc hiện tại.
- (6) 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn có 6 Cảnh ở phần hiện tại, quá khứ, vị lai, và ngoại thời, vừa theo thích hợp với Cảnh.

(7) 19 Tâm Ngoại Môn có 6 Cảnh nơi gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, và Chế Định trong Đồng Lực Cận Tử Lục Môn tiếp thâu từ Hữu trước khi cận tử.

Và Níp Bàn với Chế Định ở Ngoại Thời, gọi là Cảnh Ngoại Thời bởi vì cả hai nhóm Pháp này là Pháp Vô Vi, không có bị tạo tác bởi 4 Duyên.

Do đó không có việc sanh khởi của cả hai nhóm Pháp này, khi không có việc sanh khởi thì không thể đề cập Níp Bàn và Chế Định là hiện tại, quá khứ, vị lai, mới gọi là Cảnh Ngoại Thời.

4/ Hỏi: Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu Cảnh của Đồng Lực Cận Tử trong Hữu trước, là Hữu thứ hai khi cận tử, có hay không? Nếu có là Tâm Ngoại Môn của nhóm người nào? Là cái Tâm chi? Và Cảnh của Tâm Ngoại Môn được đến từ Đồng Lực Cận Tử, là Đồng Lực Cận Tử sanh trong Môn nào?

Đáp: * Có Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu Cảnh của Đồng Lực Cận Tử trong Hữu trước, là Hữu thứ hai khi cận tử, đó là:

- Một trong 8 Tâm Đại Quả của Nhân Loại hoặc Chư Thiên thuộc nhóm Phạm Thiên tử ở Cõi Trời Vô Tướng;
- Một trong 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí khi có Nghiệp Tướng hoặc Thù Tướng làm thành Sắc Pháp, của Nhân Loại hoặc Chư Thiên, thuộc nhóm Phạm Thiên tử ở Cõi Trời Vô Sắc.
- Và Cảnh của Tâm Ngoại Môn được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử, là Đồng Lực Cận Tử sanh một trong cả Lục Môn.

5/ Hỏi: Hãy phân tích cả ba loại Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng theo cả Lục Cảnh và Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu những loại Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng, có hay không? Hãy trình bày Nhân Quả cho được rõ biết. Và việc nói rằng Cảnh của những Tâm Ngoại Môn đó vừa là Quá Khứ, vừa là Hiện Tại, vừa là Vị Lai, thật khó hiểu được nhóm Tâm Ngoại Môn nào có Cảnh Hiện Tại, nhóm nào có Cảnh Quá Khứ, nhóm nào có Cảnh Ngoại Thời được? Hãy giải thích cùng với việc dẫn chứng chi pháp của ba Cảnh này.

Đáp: Phân tích Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng theo Lục Cảnh có như vậy:

* Cảnh Nghiệp chỉ có một loại Cảnh, là Cảnh Pháp.

* Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thù Tướng có được Lục Cảnh.

Và Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu cả ba loại Cảnh thành Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng, cũng bởi vì:

(1) Tâm Ngoại Môn, tức là 19 Tâm trong sát na chỉ làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử.

(2) Theo thường nhiên Cảnh của cả ba loại Tâm này chỉ có một loại Cảnh giống với nhau từ những Hữu trước, sẽ không có sự khác biệt nhau, đề cập là Tâm Tái Tục có loại Cảnh nào thì Tâm Hữu Phần, Tâm Tử cũng có loại Cảnh đó.

Như Ngài Giáo Sư **ANURUDDHA** có trình bày câu kệ như sau:

*Patisandhi bhavanganca Tathà vacanamānasam
Ekameva tattheveka- Visayancekajàtiyam.*

Chỉ có một loại Tâm chung cho cả ba loại Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, và cũng chỉ có một loại Cảnh cho cả ba loại Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử.

Lẽ thường, Tâm Tái Tục của tất cả chúng sanh, bất luận sẽ là Khổ Thú, Thiện Thú, Phàm Phu hay là bậc Thánh Nhân, thường có Cảnh bất luận là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, được tiếp thu từ nơi Đồng Lực Cận Tử trong Hữu trước, bắt lấy trước khi cận tử cho hết cả thấy với nhau, như thế, Tâm Ngoại Môn thường được tiếp thu bất luận loại Cảnh nào thành Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng.

Trong tất cả 19 loại Tâm đó, thì có 10 Tâm là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ và 8 Tâm Đại Quả có được Cảnh là Hiện Tại, chi pháp của Cảnh Hiện Tại tức là 18 Sắc Thành Tụ.

Giải Thích: Trong Lộ trình Cận Tử của hạng người Dục Giới, nếu có Sắc Thành Tụ Hiện Tại làm thành Cảnh, khi đến thời gian Tâm Tử diệt tắt mà Cảnh đó cũng vẫn chưa diệt mất đi, khi là như vậy, thì 2 Tâm Thâm Tấn Xả thọ và 8 Tâm Đại Quả làm nhiệm vụ Tái Tục và Hữu Phần có tối đa là 6 sát na, sanh trong Hữu mới cũng có Cảnh là Hiện Tại.

Hai Tâm Thâm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 12 Tâm này lại, có được Cảnh là Quá Khứ, chi pháp của Cảnh Quá Khứ là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc, và 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở.

Giải Thích: Trong Lộ trình Cận Tử của hạng người Dục Giới, nếu có Lục Cảnh thuộc về Quá Khứ, thì Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới có Hữu mới cũng có Cảnh là Quá Khứ, và trong chỗ này, chi pháp của Cảnh Quá Khứ là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc.

Và trong Lộ trình Cận Tử của người Dục Giới này, nếu có Sắc Thành Tụ Hiện Tại làm thành Cảnh và loại Cảnh này cùng diệt tắt chung với Tâm Tử rồi, thì Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới trong Hữu mới cũng có một loại Cảnh là Quá Khứ giống như nhau, trong chỗ này chi pháp của Cảnh Quá Khứ là 18 Sắc Thành Tụ.

Còn 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ và 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 2 Tâm này lại, có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Quá Khứ, trong chỗ này

chi pháp của Cảnh Pháp Quá Khứ là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở.

Năm Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, gom 7 Tâm này lại, có được Cảnh thuộc Ngoại Thời, chi pháp của Cảnh Ngoại Thời là: *Thập Biến Xứ Chế Định (Kasinapannati)*, *Thập Bất Tịnh Chế Định (Asubhapannati)*, *Nhất Thân Phần Chế Định (Kotthasapannati)*, *Nhất Sở Tức Chế Định (Ānàpānāpannati)*, *Nhất Chúng Sanh Chế Định (Sattapannati)*, *Nhất Hư Không Chế Định (Ākāsapannati)*, và *Nhất Vô Sở Hữu Chế Định (Natthibhāvapannati)*.

Giải Thích: Trong Lộ Trình Cận Tử của hạng *Người Phúc Lộc Thiên (Jhānalābhīpuggala)* thường hiện hữu Cảnh Pháp Nghiệp Tướng thuộc Ngoại Thời một cách nhất định, khi là như vậy, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Quả Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ khi làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử của Người Sắc Giới và Vô Sắc Giới ở trong Hữu mới, cũng có Cảnh thuộc Ngoại Thời giống nhau.

6/ *Hỏi:* Hãy phân tích những loại Tâm Ngoại Môn theo Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, Lục Cảnh, và Tâm Tái Tục Dục Giới của người tử biệt từ Phạm Thiên Vô Sắc, nếu có Sắc làm thành Cảnh rồi thì sẽ nói như thế nào khi Cảnh này được đến từ Đồng Lục Cận Tử sanh trong Hữu trước khi cận tử? Hãy giải thích điều này.

Đáp: Phân tích Tâm Ngoại Môn theo Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, và Lục Cảnh, có như sau:

Trong tất cả 19 Tâm Ngoại Môn đó, 2 Tâm Thảm Tấn Xả thọ và 8 Tâm Đại Quả, gom 10 Tâm này lại, có cả ba loại Tướng, là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, khi xếp vào trong Lục Cảnh rồi, thì Nghiệp chỉ thuộc Cảnh Pháp mà thôi, còn Nghiệp Tướng và Thú Tướng có được cả Lục Cảnh.

Năm Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Quả Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ, gom 7 Tâm này lại, chỉ được một loại là Nghiệp Tướng Chế Định, khi xếp vào Lục Cảnh thì thuộc Cảnh Pháp.

Một Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 2 Tâm này lại, chỉ được một loại Nghiệp Tướng Đáo Đại, khi xếp vào Lục Cảnh thì thuộc Cảnh Pháp.

Và Tâm Tái Tục Dục Giới của người tử biệt từ Phạm Thiên Vô Sắc Giới, nếu có Sắc làm thành Cảnh rồi, đề cập đến là Cảnh này không được tiếp thu từ Đồng Lục Cận Tử Dục Giới sanh trong Hữu trước, tức là Hữu Vô Sắc Giới khi cận tử, bởi vì Tâm Ngoại Môn của Nhân Loại hay Chư Thiên khi tử từ Cõi Vô Sắc Giới, nếu có Cảnh Nghiệp hay Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà thành Cảnh

Danh Pháp hay Cảnh Chế Định rồi, cũng được biết rằng Cảnh của loại Tâm Ngoại Môn này đến từ Hữu thứ 2, là Cõi Vô Sắc Giới khi cận tử.

Tuy nhiên nếu Tâm Ngoại Môn của nhóm Nhân Loại này, có Cảnh Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà thành Cảnh Sắc Pháp rồi, cũng nên biết rằng không được đến từ Hữu thứ 2, là Cõi Vô Sắc Giới, mà phải được đến từ Hữu thứ 3 trở đi.

Sát na mà thành Nhân Loại, Chư Thiên hoặc Phạm Thiên Sắc Giới cũng bởi vì Tâm Lộ Trình của tất cả nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được tiếp thu Cảnh thuộc Sắc Pháp nào cả.

7/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm cùng với Cảnh, theo số lượng trình bày đề trong Câu Kệ như tiếp theo đây: Pancavisa – 25, Cha – 6, Ekavisa – 21, Attha – 8, Visa – 20, Panca – 5, Cha – 6.*

Đáp: Trình bày Tâm cùng với Cảnh theo số lượng được trình bày đề trong câu Kệ, có như sau:

* **Pancavisa** tức là 25 Tâm, gồm 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, có Lục Cảnh ở phần Pháp Dục Giới (Kāmadhamma).

* **Cha** tức là 6 Tâm, gồm 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, có Cảnh Pháp ở phần Đáo Đại.

* **Ekavisa** tức là 21 Tâm, gồm 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.

* **Attha** tức là 8 Tâm, gồm 8 Tâm Siêu Thế, có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

* **Visa** tức là 20 Tâm, gồm 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế và Chế Định.

* **Panca** tức là 5 Tâm, gồm 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định.

* **Cha** tức là 6 Tâm, gồm 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định một cách không có dư sót.

8/ *Hỏi: Cả hai loại Siêu Lý và Chế Định khi sắp thành Cảnh theo giải rộng có mấy loại? Là những chi? Hãy trình bày chi pháp của các Cảnh ấy.*

Đáp: Cả hai loại Siêu Lý và Chế Định, khi sắp thành Cảnh theo giải rộng thì có được 21 Cảnh, là:

- (1) Cảnh Dục Giới (Kàmàrammana), chi pháp là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc.
- (2) Cảnh Đáo Đại (Mahaggatàrammana), chi pháp là 27 Tâm Đáo Đại, 25 Tâm Sở.
- (3) Cảnh Níp Bàn (Nibbàrammana), chi pháp là Níp Bàn.
- (4) Cảnh Danh Pháp (Nàmàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Níp Bàn.
- (5) Cảnh Sắc Pháp (Rùpàrammana), chi pháp là 28 Sắc.
- (6) Cảnh Hiện Tại (Paccupannàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc.
- (7) Cảnh Quá Khứ (Àtītàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc.
- (8) Cảnh Vị Lai (Anàgatàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc.
- (9) Cảnh Ngoại Thời (Kàlavimuttàrammana), chi pháp là Níp Bàn, Chế Định.
- (10) Cảnh Chế Định (Pannatīrammana), chi pháp là Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.
- (11) Cảnh Siêu Lý (Paramatthàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn.
- (12) Cảnh Nội Phần (Ajjhattàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc.
- (13) Cảnh Ngoại Phần (Bahiddhàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn, Chế Định.
- (14) Cảnh Nội Ngoại Phần (Ajjhatabhiddhàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc.
- (15) Cảnh Ngũ (Pancàrammana), chi pháp là 7 Hành Cảnh Sắc (gồm Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc).
- (16) Cảnh Sắc (Rùpàrammana), chi pháp là các màu sắc, v.v.
- (17) Cảnh Thính (Saddàrammana), chi pháp là các âm thanh, v.v.
- (18) Cảnh Khí (Gandhàrammana), chi pháp là các khí hơi, v.v.
- (19) Cảnh Vị (Rasàrammana), chi pháp là các mùi vị, v.v.
- (20) Cảnh Xúc (Phassàrammana), chi pháp là lạnh nóng, mềm cứng, dòn căng.
- (21) Cảnh Pháp (Dhammàrammana), chi pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Tế (Sukhumarūpa - có 16 Sắc, là Thủy Đại, 2 Sắc Tính, Sắc Ý Vật, Sắc Mạng Quyền, Sắc Vật Thực, Sắc Giao Giới, 2 Sắc Biểu Tri, 3 Sắc Đặc Biệt, 4 Sắc Tướng), Níp Bàn, Chế Định.

9/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thâu Cảnh theo phần nhất định như sau: Cảnh Dục Giới, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Níp Bàn, Cảnh Danh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Hiện Tại, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Chế Định, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần. Và hãy trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thâu Cảnh theo phần bất định sau đây: Cảnh Dục Giới, Cảnh

Đáo Đại, Cảnh Hiện Tại, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Vị Lai, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Chế Định, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Ngũ, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp, Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần, Cảnh Níp Bàn.

Đáp: Trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thấu Cảnh theo phần nhất định, có như sau:

(1) Có **25 Tâm** tiếp thấu Cảnh Dục Giới một cách nhất định, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Dục Giới một cách nhất định.**

(2) Có **6 Tâm** tiếp thấu Cảnh Đáo Đại một cách nhất định, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Đáo Đại một cách nhất định.**

(3) Có **8 hoặc 40 Tâm** tiếp thấu Cảnh Níp Bàn một cách nhất định, là 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Níp Bàn một cách nhất định.**

(4) Có **14 Tâm** tiếp thấu Cảnh Danh Pháp một cách nhất định, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Danh Pháp một cách nhất định.**

(5) Có **13 Tâm** tiếp thấu Cảnh Sắc Pháp một cách nhất định, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Sắc Pháp một cách nhất định.**

(6) Có **13 Tâm** tiếp thấu Cảnh Hiện Tại một cách nhất định, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Hiện Tại một cách nhất định.**

(7) Có **6 Tâm** tiếp thấu Cảnh Quá Khứ một cách nhất định, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Quá Khứ một cách nhất định.**

(8) Có **29 Tâm** tiếp thấu Cảnh Ngoại Thời một cách nhất định, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. **Có 2 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Ngoại Thời một cách nhất định, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.**

(9) Có **21 Tâm** tiếp thấu Cảnh Chế Định một cách nhất định, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền

Vô Sở Hữu Xứ. Có 2 Tâm tiếp thấu Cảnh Chế Định một cách nhất định, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

(10) Có **39 Tâm** tiếp thấu Cảnh Siêu Lý một cách nhất định, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 3 Tâm Thiên Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiên Phi Tường Phi Phi Tường Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. **Có 3 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Siêu Lý một cách nhất định, là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.**

(11) Có **6 Tâm** tiếp thấu Cảnh Nội Phần một cách nhất định, là 3 Tâm Thiên Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiên Phi Tường Phi Phi Tường Xứ. **Không có Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Nội Phần một cách nhất định.**

(12) Có **26 Tâm** tiếp thấu Cảnh Ngoại Phần một cách nhất định, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. **Có 3 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Ngoại Phần một cách nhất định, là 1 Tâm Sở Tật Đố, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.**

Và Tâm Tâm Sở tiếp thấu Cảnh một cách bất định, có như sau:

1. Có **31 Tâm** tiếp thấu Cảnh Dục Giới một cách bất định, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí. **Có 50 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Dục Giới một cách bất định (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**
2. Có **31 Tâm** tiếp thấu Cảnh Đáo Đại một cách bất định, tương tự với Cảnh Dục Giới. **Có 47 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Đáo Đại một cách bất định (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**
3. Có **43 Tâm** tiếp thấu Cảnh Hiện Tại một cách bất định, là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 2 Tâm Thắng Trí. **Có 50 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Hiện Tại một cách bất định (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**
4. Có **43 Tâm** tiếp thấu Cảnh Quá Khứ một cách bất định, tương tự với Cảnh Hiện Tại. **Có 47 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Quá Khứ một cách bất định (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**
5. Có **43 Tâm** tiếp thấu Cảnh Vị Lai một cách bất định, tương tự với Cảnh Hiện Tại. **Có 50 Tâm Sở tiếp thấu Cảnh Vị Lai một cách bất định (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

6. Có **31 Tâm** tiếp thâu Cảnh Ngoại Thời một cách bất định, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí. Có **50 Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Ngoại Thời một cách bất định (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

7. Có **31 Tâm** tiếp thâu Cảnh Chế Định một cách bất định, tương tự với Cảnh Ngoại Thời. Có **47 Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Chế Định một cách bất định (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

8. Có **31 Tâm** tiếp thâu Cảnh Siêu Lý một cách bất định, tương tự với Cảnh Ngoại Thời. Có **47 Tâm Sở tiếp thâu cảnh Siêu Lý một cách bất định (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

9, 10, 11, 12. Có **43 Tâm** tiếp thâu Cảnh Ngũ, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp một cách bất định, là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới). Có **50 Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Ngũ, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp một cách bất định (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

13, 14. Có **56 Tâm** tiếp thâu Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần một cách bất định, là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí. Có **49 Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần một cách bất định (trừ 1 Tâm Sở Tật Đồ, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

15. Có **11 Tâm** tiếp thâu Cảnh Níp Bàn một cách bất định, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 2 Tâm Thắng Trí. Có **36 Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Níp Bàn một cách bất định, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).**

Ghi chú: Cảnh của cả hai loại, Giới Ngăn Ngừa (Sampattavirati) và Giới Sát Trừ (Samucchavedavirati), tất cả Giáo Sư đều có cái nhìn giống như nhau, là Giới Ngăn Ngừa có Cảnh Hiện Tại, Giới Sát Trừ có Cảnh Ngoại Thời.

Còn Cảnh của Giới Nguyện (Samādanavirati), cách nhìn của tất cả Giáo Sư có sự khác biệt nhau, các ngài Giáo Sư như là Ngài Trưởng Lão Giáo Sư Ledi (Ledi Mahā Thera) v.v. đề cập là Giới Nguyện có Cảnh Vị Lai.

Tuy nhiên một vài Ngài Giáo Sư như là Ngài Giáo Sư Bhāsāṭikā v.v. đề cập là Giới Nguyện có Cảnh Hiện Tại.

10/ *Hỏi: Hãy trình bày Tâm và Tâm Sở thực hiện các sự kiện sau đây làm thành Cảnh: Sự thống khổ, Sự an lạc, Sự bất duyệt, Sự duyệt ý, Sự ngu xuẩn, Sự thông minh, Sự hiện diện của mỹ nhân đơn độc trước mặt, Âm thanh vô tuyến*

điện khai khai, Sự nóng, Sự lạnh, Bệnh nhân, Phú tức nhân, Mạng sống của tất cả chúng sanh, Lời thô tháo, Cha mẹ giáo sư giáo thọ, Thân thể sắc diện của người, Thân thể sắc diện của bản thân, Phẩm cách của người, Phẩm cách của mình, Sự sai lầm của bản thân.

Đáp: Tâm và Tâm Sở thực hiện các sự kiện sau đây cho thành Cảnh, có được như sau:

(1) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự thống khổ**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đồ, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(2) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự an lạc**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi).

(3) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự bất duyệt**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đồ, Lận Sắt, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(4) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự duyệt ý**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi).

(5) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự ngu xuẩn**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đồ, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(6) Tâm Tâm Sở hiểu biết sự việc của **sự thông minh**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi).

(7) Tâm Tâm Sở đang nhìn thấy **sự hiện diện của mỹ nhân đơn độc trước mặt**, là: 41 Tâm Dục Giới (trừ 7 Tâm Quả Bất Thiện, Tâm Nhĩ Thức Quả Thiện, Tâm Tỷ Thức Quả Thiện, Tâm Thiệt Thức Quả Thiện, Tâm Thân Thức Quả Thiện, Tâm Thâm Tân Quả Thiện Xả thọ, Tâm Tiểu Sinh), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi).

(8) Tâm Tâm Sở tiếp thu **âm thanh vô tuyến điện đang khai khai**, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhãn Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 49 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần).

(9) Tâm Tâm Sở tiếp thọ cảm xúc của **sự nóng**, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhãn Thức, Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Vô Lượng Phần).

(10) Tâm Tâm Sở tiếp thọ cảm xúc của **sự lạnh**, có được số lượng Tâm Tâm Sở bằng với Tâm Tâm Sở tiếp thọ cảm xúc của sự nóng.

(11) Tâm Tâm Sở đang nhìn thấy **bệnh nhân**, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(12) Tâm Tâm Sở đang nhìn thấy **phú tức nhân**, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi).

(13) Tâm Tâm Sở đang nghĩ đến **mạng sống của tất cả chúng sanh**, là: 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 51 Tâm Sở (trừ Hối Hận).

(14) Tâm Tâm Sở đang lắng nghe **lời thô tháo**, là: 33 Tâm Dục Giới (trừ 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân, Tâm Nhãn Thức Quả Bất Thiện, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 44 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(15) Tâm Tâm Sở nghĩ tưởng đến **Cha mẹ, giáo sư, giáo thọ**, là: 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, Tâm Tiểu Sinh), 2 Tâm Thắng Trí, 47 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần).

(16) Tâm Tâm Sở nhìn thấy **thân thể sắc diện của người**, là: 46 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức), 2 Tâm Thắng Trí, 48 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần).

(17) Tâm Tâm Sở nhìn thấy **thân thể sắc diện của bản thân**, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 2 Tâm Thắng Trí, 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần). Khi tính Tâm Thắng Trí vào, với ý nghĩ đến thân thể sắc diện của bản thân trong quá khứ và vị lai.

(18) Tâm Tâm Sở hiểu biết đến **phẩm cách của người**, là: 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(19) Tâm Tâm Sở nghĩ tưởng đến **phẩm cách của bản thân**, là: 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(20) Tâm Tâm Sở nghĩ tưởng đến **sự sai lầm của bản thân**, là: 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắt, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

-----00000-----

VATTHUSANGAHA – TỔNG HỢP VẬT

Việc liệt kê Tâm và Tâm Sở phân loại theo Vật, gọi là Tổng Hợp Vật.

Vật có sáu (6) là:

1/ Cakkhuvatthu- Nhãn Vật: là Nhãn Thanh Triệt.

2/ Sotavatthu- Nhĩ Vật: là Nhĩ Thanh Triệt.

3/ Ghànavatthu- Tỷ Vật: là Tỷ Thanh Triệt.

4/ Jivhàvatthu- Thiệt Vật: là Thiệt Thanh Triệt.

5/ Kàyavatthu- Thân Vật: là Thân Thanh Triệt.

6/ Hadayavatthu- Ý Vật: là Sắc Tâm Cơ.

TRÌNH BÀY CHÚ GIẢI VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGŨ VATTHU – VẬT

“*Vasanti patitthahanti cittacetasikà etthàti = Vatthu*” Tất cả Tâm và Tâm Sở thường nương ở trong Pháp nào, như thế Pháp ấy trở thành nơi nương nhờ của những Tâm và Tâm Sở, được gọi là Vật.

Xuất nguyên từ ngữ căn “*Vas*”- trú ngụ.

Trong ý nghĩa đầu tiên của *Vatthu* là một khu vườn, một thửa đất, hay một lối đi. Theo nghĩa phụ thuộc, *Vatthu* là nguyên nhân, hay điều kiện.

Vatthu - Vật, là căn trú của giác quan.

Có sáu căn trú, hay lục căn, tương ứng với sáu giác quan.

Lẽ thường, mặt đất thường là chỗ nương nhờ của *Vật Vô Thức- Avinnànavatthu*, là các vật vô hữu mạng, như là trường địa, núi non, cây cối, sông nước, v.v, và *Vật Hữu Thức- Savinnànavatthu*, là các vật hữu sanh mạng, như là nhân loại, súc sanh, v.v,

Và mặt đất thường hứng đỡ hết tất cả những Vật Vô Thức.

Vật Hữu Thức gìn giữ theo tự nhiên của mình.

Điều này như thế nào, thì cả sáu *Sắc Vật*, có *Nhãn Vật*, v.v, cũng thường trở thành nơi nương ở của Tâm và Tâm Sở, và nghinh tiếp tất cả Tâm, Tâm Sở theo thực tính của bản pháp tương tự vậy.

Tất cả mọi thực vật thường khởi sanh tươi tốt và tăng trưởng lên cũng do nương vào mặt đất như thế nào, thì tất cả Tâm, Tâm Sở sẽ hiện bày và được sanh khởi mãi mãi cũng do nương vào cả sáu *Sắc Vật* như thế đó.

Do đó, cả sáu *Sắc Vật* này mới được so sánh ví tựa như nền đất, Tâm và Tâm Sở được so sánh tựa như Vật Vô Thức, Vật Hữu Thức.

Với nhân này mới nói rằng tất cả Tâm và Tâm Sở ở trong cả sáu *Sắc Vật*, nhưng chủ hướng tại đây không là theo phần Siêu Lý, chỉ đề cập theo thành ngữ phổ thông mà thôi. Tương tự việc đề cập các cây cối ở trong các loại thực vật, hoặc tiếng chuông ở trong cái chuông.

Mà xác thực là tùy thuộc nhân duyên, nếu nhân duyên sanh khởi được đầy đủ, thì Tâm và Tâm Sở cũng phát sanh từ nơi *Sắc Vật*.

Nếu nhân duyên bất túc, Tâm và Tâm Sở cũng không thể phát sanh từ sáu *Sắc Vật* được.

Pháp thành nhân, thành duyên cho Tâm, Tâm Sở được sanh khởi từ nơi sáu *Sắc Vật* phải hội đủ ba loại nhân chánh yếu là:

- (1) *Nghiệp Quả Khứ*,
- (2) *Vật*, (3) *Căn*.

Khi hội đủ cả ba loại này thì Tâm và Tâm Sở được sanh khởi ở nơi sáu *Sắc Vật*.

Việc trình bày nhân duyên nơi việc phát sanh của Tâm và Tâm Sở liên quan với cả sáu *Sắc Vật*, chủ yếu đặc biệt chỉ là trong Cõi Ngũ Uẩn mà thôi.

Đối với Cõi Tứ Uẩn, Pháp nhân duyên làm cho Tâm và Tâm Sở được sanh khởi thường chỉ có hai là *Nghiệp Quả Khứ* và *Cảnh*.

TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN TÍCH 30 CỎI THEO SÁU SẮC VẬT VÀ BẢY THỨC GIỚI

1/ *Chavatthum nissitā kàme Satta rūpe catubbidhā*
Tivatthum nissitā rūpe Dhātvekā nissitā matā.

Bảy Thức Giới nương vào sáu Sắc Vật sanh trong mười một Cõi Dục Giới. Bốn Thức Giới là Nhãn Thức Giới, Nhĩ Thức Giới, Ý Giới, và Ý Thức Giới nương vào ba Sắc Vật là Nhãn Vật, Nhĩ Vật, Ý Vật sanh trong 15 Cõi Sắc Giới (trừ Cõi Chúng Sanh Vô Tướng). Một Ý Thức Giới không nương vào Sắc Vật sanh trong bốn Cõi Vô Sắc Giới.

PHÂN TÍCH TÂM SANH Y CHỈ VÀ BẤT Y CHỈ SẮC VẬT Ở PHÂN NHẤT
ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

2/ Tecattàlisa nissàya Dvecattàlisa Jàyare
Nissàya ca anissàya Pàkàruppà anissitā

Bốn mươi ba Tâm là mười Ngũ Song Thức, ba Ý Giới, ba mươi Ý Thức Giới, tức là hai Tâm căn Sân, ba Tâm Thẩm Tấn, một Tâm Tiểu Sinh, tám Tâm Đại Quả, mười lăm Tâm Sắc Giới, một Tâm Đạo Thất Lai, **nhất định y chỉ** Sắc Vật mà sanh khởi.

Bốn mươi hai Tâm là tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Si, một Tâm Khai Ý Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới, bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, bảy Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai) **y chỉ bất định** Sắc Vật mà sanh khởi.

Bốn Tâm Quả Vô Sắc Giới thường sanh khởi **bất y chỉ** Sắc Vật.

GIẢI THÍCH BÀI KÊ THỨ NHỨT
PHÂN TÍCH BẢY THỨC GIỚI SANH TRONG MƯỜI MỘT CỎI DỤC GIỚI
THEO SÁU SẮC VẬT

(Chavatthum nissitā kàme satta- Ở Dục Giới, bảy (7) Y chỉ sáu (6) Sắc Vật).

1. Hai Nhãn Thức Giới sanh y chỉ Nhãn Vật.
2. Hai Nhĩ Thức Giới sanh y chỉ Nhĩ Vật.
3. Hai Tỷ Thức Giới sanh y chỉ Tỷ Vật.
4. Hai Thiệt Thức Giới sanh y chỉ Thiệt Vật.
5. Hai Thân Thức Giới sanh y chỉ Thân Vật.
6. Ba Ý Giới sanh y chỉ Ý Vật.
7. Sáu mươi bảy Ý Thức Giới là: 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức, ba Ý Giới), chín Tâm Thiện Đạo Đại, chín Tâm Duy Tác Đạo Đại, tám Tâm Siêu Thế sanh y chỉ Ý Vật.

PHÂN TÍCH BỐN THỨC GIỚI SANH TRONG MƯỜI LĂM CỎI SẮC GIỚI
THEO BA SẮC VẬT

(Rùpe catubbidhā tivatthum nissitā - Ở Sắc Giới, bốn khởi lên y chỉ ba Vật)

1. Hai Nhãn Thức Giới sanh y chỉ Nhãn Vật.
2. Hai Nhĩ Thức Giới sanh y chỉ Nhĩ Vật.

3. Ba Ý Giới sanh y chỉ Ý Vật.

4. Sáu mươi hai Ý Thức Giới là: tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Si, ba Tâm Thâm Tấn, một Tâm Khai Ý Môn, một Tâm Tiểu Sinh, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, 15 Tâm Sắc Giới, bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới, bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, tám Tâm Siêu Thế sanh y chỉ Ý Vật.

TRÌNH BÀY MỘT THỨC GIỚI SANH BẤT Y CHỈ VẬT TRONG BỐN CỎI VÔ SẮC GIỚI

(Arūpe dhātveka nissitā - Ở Vô Sắc Giới, một Giới bất y chỉ)

Bốn mươi sáu Ý Thức Giới là: tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Si, một Tâm Khai Ý Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, mười hai Tâm Vô Sắc Giới, bảy Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai) thường sanh khởi bất y chỉ bất luận một loại Sắc Vật nào.

GIẢI THÍCH BÀI KÊ THỨ HAI PHÂN TÍCH BỐN MƯƠI BA TÂM SANH NHẤT ĐỊNH Y CHỈ SẮC VẬT THEO SÁU SẮC VẬT

(Tecattālisa nissāya jāyare – Bốn mươi ba y chỉ sanh ra)

1. Hai Tâm Nhãn Thức sanh nhất định y chỉ Nhãn Vật.
2. Hai Tâm Nhĩ Thức sanh nhất định y chỉ Nhĩ Vật.
3. Hai Tâm Tỷ Thức sanh nhất định y chỉ Tỷ Vật.
4. Hai Tâm Thiệt Thức sanh nhất định y chỉ Thiệt Vật.
5. Hai Tâm Thân Thức sanh nhất định y chỉ Thân Vật.
6. Ba mươi ba Tâm sanh nhất định y chỉ Ý Vật là: hai Tâm căn Sân, ba Ý Giới, mười một Tâm Na Cảnh, một Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, một Tâm Đạo Thất Lai.

Tất cả 43 Tâm này sanh nhất định y chỉ Sắc Vật, bởi vì tất cả Tâm này thường chỉ sanh trong Cỏi Ngũ Uẩn.

Có ý nghĩa là 43 Tâm này đặc biệt chỉ sanh trong người Dục Giới và Thiên Sắc Giới, không thể sanh trong Thiên Vô Sắc Giới được.

PHÂN TÍCH 42 TÂM SANH BẤT ĐỊNH Y CHỈ SẮC VẬT THEO SÁU SẮC VẬT

(Dvecattālisa nissāya ca anissāya jāyare – 42 sanh khởi y chỉ và bất y chỉ)

1. Không có Tâm nào sanh bất định y chỉ Nhãn Vật.

2. Không có Tâm nào sanh bất định y chỉ Nhĩ Vật.
3. Không có Tâm nào sanh bất định y chỉ Tỷ Vật.
4. Không có Tâm nào sanh bất định y chỉ Thiết Vật.
5. Không có Tâm nào sanh bất định y chỉ Thân Vật.
6. Có 42 Tâm sanh bất định y chỉ Ý Vật là: tám Tâm căn Tham, hai Tâm căn Si, một Tâm Khai Ý Môn, tám Tâm Đại Thiện, tám Tâm Đại Duy Tác, bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới, bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, bảy Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai).

Tất cả 42 Tâm này sanh bất định y chỉ Ý Vật, bởi vì tất cả Tâm này sanh trong Cõi Ngũ Uẩn hoặc trong Cõi Tứ Uẩn cũng được, nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn thì cũng sanh y chỉ Ý Vật, mà nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn thì cũng sanh bất y chỉ Ý Vật.

BỐN TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI SANH NHẤT ĐỊNH BẤT Y CHỈ SẮC VẬT

(Pākàruppā anissitā jàyare – Quả Vô Sắc Giới sanh bất y chỉ)

Có bốn Tâm sanh nhất định bất y chỉ Sắc Vật là bốn Tâm Quả Vô Sắc Giới, bởi vì bốn Tâm này đặc biệt chỉ sanh trong Cõi Vô Sắc Giới, là Cõi không có sắc, do đó bốn Tâm này mới sanh nhất định bất y chỉ Sắc Vật.

PHÂN TÍCH 52 TÂM SỞ THEO SÁU SẮC VẬT

1. Không có Tâm Sở nào sanh nhất định y chỉ Nhãn Vật.
2. Có bảy Tâm Sở Biến Hành phối hợp với hai Tâm Nhãn Thức sanh bất định y chỉ Nhãn Vật.
3. Không có Tâm Sở nào sanh nhất định y chỉ Nhĩ Vật.
4. Có bảy Tâm Sở Biến Hành phối hợp với hai Tâm Nhĩ Thức, hai Tâm Tỷ Thức, hai Tâm Thiết Thức, hai Tâm Thân Thức sanh bất định y chỉ Nhĩ Vật, Tỷ Vật, Thiết Vật, Thân Vật.
5. Có sáu Tâm Sở sanh nhất định y chỉ Ý Vật là: bốn Tâm Sở Sân Phần, hai Tâm Sở Vô Lượng Phần; bởi vì bốn Tâm Sở Sân Phần và hai Tâm Sở Vô Lượng Phần thường chỉ sanh được trong Cõi Dục Giới mà thôi.
6. Có 46 Tâm Sở sanh bất định y chỉ Ý Vật là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 10 Tâm Sở Bất Thiện (trừ Tứ Sân Phần), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ hai Vô Lượng Phần).

7. Có sáu Tâm Sở sanh nhất định y chỉ Sắc Vật là: bốn Tâm Sở Sân Phần và hai Tâm Sở Vô Lượng Phần.

8. Có 46 Tâm Sở sanh bất định y chỉ Sắc Vật là trừ bốn Tâm Sở Sân Phần và hai Tâm Sở Vô Lượng Phần; có ý nghĩa là 46 Tâm Sở này nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn thì sanh y chỉ Sắc Vật, và nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn thì sanh bất y chỉ Sắc Vật.

Chú giải:

1. Cõi Trời Phạm Thiên Sắc Giới cũng có đủ các căn, như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, tuy nhiên chỉ hoạt động có hai là Nhãn Vật và Nhĩ Vật.

Còn các Tỷ Vật, Thiệt Vật và Thân Vật không có hoạt động, vì trong Cõi giới cao thượng này, Chư Phạm Thiên đã tạm thời dứt bỏ các dục vọng (*kāmaraga*), Tâm đeo níu theo dục lạc.

Chỉ dùng các Nhãn Vật và Nhĩ Vật cho những mục tiêu cao thượng.

Cũng có Ý Vật, vì đó là căn trú của Tâm Thức.

2. Cõi Trời Vô Sắc Giới không có Sắc Pháp, không có hình thức vật chất nào. Chỉ có Tâm, nhưng *do năng lực của Thiên, nên cũng không có Ý Vật*.

3. Cakkhupasāda: Nhãn Thanh Triệt.

Sự thấy, giác quan của sự thấy, con mắt, khả năng thấy của thần kinh Nhãn.

Ngài SĀRIPUTTA (Xá Lợi Phất) có nói rằng thần kinh của con mắt để nhìn thấy được hình sắc, nhỏ và tế nhị, có thể ví như đầu con chỉ.

4. Sotappasāda: Nhĩ Thanh Triệt.

Thần kinh Nhĩ có khả năng thu bắt âm thanh.

Nằm trong lỗ hõm của bộ phận cấu thành tai và có nhiều lông màu đỏ, có hình dạng như một bao ngón tay nhỏ.

5. Ghāṇappasāda: Tỷ Thanh Triệt.

Thần kinh Tỷ có khả năng thu bắt ngửi mùi hơi.

Nằm bên trong lỗ hõm củ mũi, có hình dạng như cái móng con dê.

6. Jivhāppasāda: Thiệt Thanh Triệt.

Thần kinh Thiệt có khả năng thu bắt các mùi vị.

Nằm giữa và bên trên bộ phận nếm, có hình dạng như mặt trên của lá sen.

7. Kāyappasāda: Thân Thanh Triệt.

Thần kinh Thân có khả năng thu bắt các sự xúc chạm.

Nằm trong phạm vi toàn châu thân, được trải ra cùng khắp châu thân như dầu loang khắp mặt vải.

8. Hadayavatthu: Ý Vật.

Theo các nhà Chú Giải, Ý Vật là căn trú của Tâm Thức, và cho rằng trong lỗ hõm của trái tim có một ít máu, và Ý Vật tùy thuộc nơi ít máu này.

Trong bộ **Pháp Tụ (Dhammasangani)** không đề cập đến Ý vật, tuy nhiên trong bộ **Phát Thú (Patthàna)** thay vì dùng từ ngữ *Hadayavatthu - Ý Vật*, thì Đức Phật lại dùng từ ngữ “*Yam rūpam nissāya*”- *tùy thuộc nơi phần sắc đó*”.

9. Dhātu: Giới.

Xuất nguyên từ ngữ căn “Dhar” nắm giữ lại, mang theo.

“*Pháp mang theo dấu hiệu của chính mình là Dhātu*”.

Có ba từ ngữ được dùng đến là:

- * *Pancavinnānadhātu – Ngũ Thức Giới: là Ngũ Song Thức.*
- * *Manodhātu – Ý Giới: là hai Tâm Tiếp Thâu và một Tâm Khai Ngũ Môn.*
- * *Manovinnānadhātu – Ý Thức Giới: là những Tâm còn lại.*

DỨT TỔNG HỢP VẬT

Câu hỏi gợi ý trong phần Tổng Hợp Vật.

1/ Hỏi: *Hãy giải thích ý nghĩa của từ ngữ “Vatthu – Vật”. Có mấy loại Vật ? Là những chi ? Hãy nói đến chi pháp của các Vật đó và hãy dịch bài kệ sau đây:*

Chavatthum nissitā kāme Satta rūpe catubbidhā
Tivatthu nissitā rūpe Dhātvekā nissitā matā.

Đáp: Từ ngữ “*Vatthu – Vật*” trong Tổng Hợp Vật, gọi là Vật có ý nghĩa là Pháp làm thành chỗ nương nhờ của Tâm Tâm Sở.

Vật có 6 loại, là:

- (1) *Nhãn Vật – Cakkhuvatthu: chi pháp là Nhãn Thanh Triệt.*
- (2) *Nhĩ Vật – Sotavatthu: chi pháp là Nhĩ Thanh Triệt.*
- (3) *Tỷ Vật – Ghānavatthu: chi pháp là Tỷ Thanh Triệt.*
- (4) *Thiệt Vật – Jivhāvatthu: chi pháp là Thiệt Thanh Triệt.*
- (5) *Thân Vật – Kāyavatthu: chi pháp là Thân Thanh Triệt.*
- (6) *Ý Vật – Hadayavatthu: chi pháp là Sắc Ý Vật.*

Dịch nghĩa câu kệ như sau:

Trong Dục Giới, bảy pháp nương vào sáu vật

Trong Sắc Giới, bốn pháp nương vào ba vật.

Trong Vô Sắc Giới, chỉ có Tâm duy nhất,

Không tùy thuộc vào vật nào.

Bài kê này có ý nghĩa là: tất cả học viên nên hiểu biết 7 Thức Giới (Vinnādhātu) nương nhờ vào 6 Sắc Vật (Rūpavattu) sanh trong 11 Cõi Dục Giới.

Nên hiểu biết 4 Thức Giới là Nhãn Thức Giới, Nhĩ Thức Giới, Ý Thức Giới, Ý Thức Giới, nương nhờ vào 3 Sắc Vật là Nhãn Vật, Nhĩ Vật, Ý Vật sanh trong 15 Cõi Sắc Giới (trừ Cõi Chúng Sanh Vô Tướng).

Nên hiểu biết một Ý Thức Giới không nương nhờ vào Sắc Vật sanh trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

2/ Hỏi: Bảy Thức Giới là những chi ? Hãy trình bày chi pháp và có Thức Giới nào bất y chỉ Vật mà sanh khởi được không ? Nếu có là loại Thức Giới nào và việc sanh khởi của Thức Giới bất y chỉ Vật thuộc vào hạng chúng sanh nào ? Y chỉ vào cái chi để làm duyên cho sanh khởi ?

Đáp: Bảy Thức Giới là:

- (1) Nhãn Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Nhãn Thức.
- (2) Nhĩ Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Nhĩ Thức.
- (3) Tỷ Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Tỷ Thức.
- (4) Thiệt Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Thiệt thức.
- (5) Thân Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Thân Thức.
- (6) Ý Thức Giới, chi pháp là 2 Tâm Tiếp Thâu, 1 Tâm Khai Ngũ môn.
- (7) Ý Thức Giới, chi pháp là 76 hoặc 108 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Thức).

Có Thức Giới bất y chỉ vào Sắc Vật mà vẫn sanh khởi được, là Ý Thức Giới và việc sanh khởi của Ý Thức Giới bất y chỉ vào Sắc Vật là Ý Thức Giới của Phạm Thiên Vô Sắc Giới y chỉ vào Nghiệp Thiện Vô Sắc Giới và Cảnh làm duyên cho sanh khởi.

3/ Hỏi: Hãy trình bày Tâm sau đây: Tâm sanh khởi nhất định y chỉ vào Sắc Vật, Tâm sanh khởi bất định y chỉ vào Sắc Vật, Tâm sanh khởi nhất định bất y chỉ vào Sắc Vật, Tâm sanh khởi bất định bất y chỉ vào Sắc Vật. Và hãy phân tích Tâm sanh khởi nhất định y chỉ vào Sắc Vật theo cả Lục Sắc Vật.

Đáp: (1) Có **43 Tâm** sanh khởi nhất định y chỉ vào Sắc Vật, là: 10 Tâm Ngũ Song Thức, 2 Tâm căn Sân, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai.

(2) Có **42 Tâm** sanh khởi bất định y chỉ vào Sắc Vật, là: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm

Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai).

(3) Có **4 Tâm** sanh khởi nhất định bất y chỉ vào Sắc Vật, là: 4 *Tâm Quả Vô Sắc Giới*.

(4) Có **42 Tâm** sanh khởi bất định bất y chỉ vào Sắc Vật, tương tự với số (2).

Số lượng 43 Tâm y chỉ vào Sắc Vật một cách nhất định sanh khởi theo Lục Sắc Vật, có như sau:

(1) 2 Tâm Nhãn Thức y chỉ Nhãn Vật sanh khởi.

(2) 2 Tâm Nhĩ Thức y chỉ Nhĩ Vật sanh khởi.

(3) 2 Tâm Tỷ Thức y chỉ Tỷ Vật sanh khởi.

(4) 2 Tâm Thiệt Thức y chỉ Thiệt Vật sanh khởi.

(5) 2 Tâm Thân Thức y chỉ Thân Vật sanh khởi.

(6) 3 Ý Giới, 2 Tâm căn Sân, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai, gom 33 Tâm này lại, y chỉ Ý Vật sanh khởi.

4/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm y chỉ Sắc Vật sanh khởi bất định theo Lục Sắc Vật, và người không có trái tim có thể sanh được sự bất duyệt ý, sự thị hiện thần thông, sự tu tiến Pháp Quán cho đến Tâm Đạo Thất Lai sanh khởi, có được hay không? Hãy giải thích.

Đáp: Số lượng 42 Tâm sanh khởi y chỉ một cách bất định vào Sắc Vật, là 42 Tâm này khi sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pancavokàrabhùmi*) y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

Và chúng sanh không có trái tim hiện hữu trong hai nhóm là:

(1) Phạm Thiên Vô Tướng Chúng Sanh,

(2) Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

Đối với Phạm Thiên Vô Tướng Chúng Sanh thì không có Danh Pháp hiện hữu, mà sự bất duyệt, sự thị hiện thần thông, v.v, là thuộc về Danh Pháp và sanh từ nơi Danh Pháp, do đó, trong điều này mới không có liên hệ với Phạm Thiên Vô Tướng Chúng Sanh bất luận trường hợp nào.

Còn Phạm Thiên Vô Sắc Giới, một cách xác thực là có Danh Pháp, tuy nhiên lẽ thường tất cả Phạm Thiên không có hiện hữu sự sân hận, do đó, sự bất duyệt ý không thể sanh khởi được.

Đối với việc thị hiện thần thông sẽ sanh khởi được là phải nương nhờ vào Tâm Thắng Trí Ngũ Thiền Sắc Giới, tuy nhiên tất cả Phạm Thiên Vô Sắc Giới lại không có hiện hữu loại Thiền Sắc Giới này, do đó mới không thể thị hiện thần thông được.

Một cách tượng tự, việc tiến tu Pháp Quán cho đến Tâm Đạo Thất Lai sanh khởi cũng không thể thực hiện được, tất cả là như vậy, bởi vì không có “*Lợi Ích Duyên – Paratoghoppaccaya*”- là bản thân không được tiếp thu sự nghe giảng Phật Pháp từ nơi người khác.

5/ Hỏi: *Hãy phân tích 52 Tâm Sở theo Lục Sắc Vật và việc đề cập rằng 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phải nhất định y chỉ vào Sắc Vật mà sanh khởi là do bởi nhân nào ?*

Đáp: Phân tích 52 Tâm Sở theo Lục Sắc Vật có như sau: trong tất cả 52 Tâm Sở thì 7 Tâm Sở Biến Hành y chỉ và bất y chỉ vào Lục Sắc Vật mà sanh khởi cũng được, 39 Tâm Sở còn lại (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần) y chỉ và bất y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi cũng được, 4 Tâm Sở Sân Phần và 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần thì nhất định y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

Và việc đề cập rằng 4 Tâm Sở Sân Phần và 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phải nhất định y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi là vì 4 Tâm Sở Sân Phần đặc biệt duy nhất chỉ sanh khởi trong Cõi Dục Giới, còn 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần đặc biệt duy nhất chỉ sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn mà thôi.

DỨT PHẦN VẤN ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG HỢP VẬT

-----00000-----

VẤN ĐÁP TRONG PHẦN TỔNG KẾT CÁC TỔNG HỢP

Hỏi: *Tâm phối hợp được năm hoặc sáu Tâm Sở Biệt Cảnh có số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ? Và hãy phân tích những loại Tâm này theo Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh, Vật.*

Đáp:

A. Có **27 Tâm** phối hợp được với **6 Tâm Sở Biệt Cảnh**, là: 4 Tâm căn Tham Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, 11 Tâm Sơ Thiền, gom lại có được 27 Tâm.

(1) Phân tích theo Thọ thì 27 Tâm này câu sanh với Hỷ thọ.

(2) Phân tích theo Nhân thì:

* 4 Tâm căn Tham có 2 Nhân là Nhân Tham và Nhân Si.

* 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 2 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 2 Tâm Đại Duy tác Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 11 Tâm Sơ Thiền, gom 17 Tâm này lại, có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

* 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Hỷ thọ, gom 6 Tâm này lại, có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

(3) Phân tích theo **Sự Vụ** thì:

* 4 Tâm căn Tham Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, 1 Tâm Thiện Sơ Thiện Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiện Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Sơ Thiện, gom 22 Tâm này lại, làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực.

* 4 Tâm Đại Quả Hỷ thọ làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Na Cảnh.

* 1 Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

(4) Phân tích theo **Môn** thì:

* 4 Tâm căn Tham Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, gom 12 Tâm này lại, sanh được trong Lục Môn.

* 4 Tâm Đại Quả Hỷ thọ sanh được trong Lục Môn và sanh ngoài Lục Môn cũng được.

* 10 Tâm Sơ Thiện (trừ 1 Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế) sanh được trong Ý Môn, còn Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế thì sanh vượt ngoài Môn.

(5) Phân tích theo **Cảnh** thì:

* 4 Tâm căn Tham, 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Hỷ thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Hỷ thọ, gom 8 Tâm này lại, có được Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế và Chế Định.

* 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ thọ có được Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).

* 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Hỷ thọ có được Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định một cách không có dư sót.

* 4 Tâm Đại Quả Hỷ thọ có được Lục Cảnh, chỉ ở phần Pháp Dục Giới mà thôi.

* 3 Tâm Sơ Thiện Hiệp Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.

* 8 Tâm Sơ Thiện Siêu Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

(6) Phân tích theo **Vật** thì:

* 4 Tâm căn Tham, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ thọ, 7 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Sơ Thiền), gom 19 Tâm này lại, thì:

* Nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pancavokàrabhūmi*) thì y chỉ Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

* Nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn (*Catuvokàrabhūmi*) thì sanh khởi bất y chỉ Sắc Ý Vật.

* 4 Tâm Đại Quả Hỷ thọ, 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế, 1 Tâm Đạo Thất Lai Sơ Thiền, gom 8 Tâm này lại, thì thường luôn y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

B. Có 30 Tâm chỉ phối hợp được **5 Tâm Sở Biệt Cảnh**, là: 4 Tâm căn Tham Xã thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xã thọ, 4 Tâm Đại Quả Xã thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xã thọ, 11 Tâm Nhị Thiền, gom lại có 30 Tâm.

(1) Phân tích theo Thọ thì:

* 4 Tâm căn Tham Xã thọ, 4 Tâm Đại Thiện Xã thọ, 4 Tâm Đại Quả Xã thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xã thọ, gom 16 Tâm này lại, câu sanh với Xã thọ.

* 2 Tâm căn Sân câu sanh với Ưu thọ.

* 1 Tâm Tiểu Sinh, 11 Tâm Nhị Thiền, gom 12 Tâm này lại, câu sanh với Hỷ thọ.

(2) Phân tích theo Nhân thì:

* 4 Tâm căn Tham Xã thọ có 2 Nhân là Nhân Tham và Nhân Si.

* 2 Tâm căn Sân có 2 Nhân là Nhân Sân và Nhân Si.

* 1 Tâm Tiểu Sinh là Vô Nhân.

* 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xã thọ, 2 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí Xã thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xã thọ, 11 Tâm Nhị Thiền, gom 17 Tâm này lại có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

* 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Xã thọ, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Xã thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Xã thọ, gom 6 Tâm này lại có 2 Nhân là Nhân Vô Tham và Nhân Vô Sân.

(3) Phân tích theo Sự Vụ thì:

* 4 Tâm căn Tham Xã thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xã thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xã thọ, 1 Tâm Thiện Sơ Thiền Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiền Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Nhị Thiền, gom 25 Tâm này lại làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực.

- * 4 Tâm Đại Quả Xã thọ làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Na Cảnh.
- * 1 Tâm Quả Nhị Thiên Hiệp Thế làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

(4) Phân tích theo Môn thì:

- * 4 Tâm căn Tham Xã thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xã thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xã thọ, gom 15 Tâm này lại, sanh được trong Lục Môn.
- * 4 Tâm Đại Quả Xã thọ sanh trong Lục Môn và sanh ngoài Lục Môn cũng được.
- * 10 Tâm Nhị Thiên (trừ 1 Tâm Quả Nhị Thiên Hiệp Thế) chỉ sanh trong Ý Môn.
- * 1 Tâm Quả Nhị Thiên Hiệp Thế thì sanh vượt ngoài Môn.

(5) Phân tích theo Cảnh thì:

- * 4 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Xã thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Xã thọ, gom 10 Tâm này lại, có được Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế và Chế Định.
- * 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xã thọ có được Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).
- * 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xã thọ có được Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định một cách không có dư sót.
- * 4 Tâm Đại Quả Xã thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh, gom 5 Tâm này lại có được Lục Cảnh, chỉ ở phần Pháp Dục Giới mà thôi.
- * 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.
- * 8 Tâm Nhị Thiên Siêu Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

(6) Phân tích theo Vật thì:

- * 4 Tâm căn Tham, 4 Tâm Đại Thiện Xã thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xã thọ, 7 Tâm Nhị Thiên Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Nhị Thiên), gom 19 Tâm này lại, thì:
 - * Nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pancavokàra*) thì y chỉ Sắc Ý Vật mà sanh khởi.
 - * Nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn (*Catuvokàra*) sanh khởi bất y chỉ Sắc Ý Vật.

* 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Quả Xã thọ, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Đạo Thất Lai Nhị Thiên, gom 11 Tâm này lại thường luôn y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

2/ Hỏi: Tâm chỉ phối hợp được ba hoặc bốn Tâm Sở Biệt Cảnh có số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ? Và hãy phân tích những loại Tâm này theo Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh, Vật. Và Tâm bất phối hợp với cả 6 Tâm Sở Biệt Cảnh có số lượng là bao nhiêu ? Là những chi ? Cùng với việc phân tích những Tâm này theo Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh, Vật.

Đáp: A/ Có **14 Tâm** chỉ phối hợp được **4 Tâm Sở Biệt Cảnh**, là: 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, 11 Tâm Tam Thiên, gom lại có được 14 Tâm.

(1) Phân tích theo Thọ thì:

* 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử , 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 2 Tâm này lại, câu sanh với Xã thọ.

* 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 11 Tâm Tam Thiên, gom 12 Tâm này lại, câu sanh với Hỷ thọ.

(2) Phân tích theo Nhân thì:

* 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử có một Nhân là Nhân Si.

* 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 2 Tâm này lại là Vô Nhân.

* 11 Tâm Tam Thiên có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(3) Phân tích theo Sự Vụ thì:

* 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 1 Tâm Thiện Tam Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tam Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tam Thiên, gom 11 Tâm này lại làm nhiệm vụ Sự Đồng Lực.

* 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ làm nhiệm vụ Sự Thâm Tấn, Sự Na Cảnh.

* 1 Tâm Khai Ý Môn làm nhiệm vụ Sự Khai Môn, Sự Đoán Định.

* 1 Tâm Quả Tam Thiên Hiệp Thế làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

(4) Phân tích theo Môn thì:

* 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 3 Tâm này lại sanh được trong Lục Môn.

- * 1 Tâm Thiện Tam Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tam Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tam Thiên, gom 10 Tâm này lại sanh được trong Ý Môn.
- * 1 Tâm Quả Tam Thiên Hiệp Thế sanh vượt ngoài Môn.

(5) Phân tích theo Cảnh thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử có Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế và Chế Định.
- * 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ có Lục Cảnh, duy chỉ phần Pháp Dục Giới mà thôi.
- * 1 Tâm Khai Ý Môn có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định, được hết tất cả không có dư sót.
- * 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.
- * 8 Tâm Tam Thiên Siêu Thế chỉ có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

(6) Phân tích theo Vật thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 1 Tâm Khai Ý Môn, 7 Tâm Siêu Thế Tam Thiên (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Tam Thiên), gom 9 Tâm này lại, thì:
- * Nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pancavokàra*) thì y chỉ Sắc Ý Vật mà sanh khởi.
- * Nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn (*Catuvokàra*) sanh khởi bất y chỉ Sắc Ý Vật.
- * 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ thọ, 3 Tâm Tam Thiên Hỷ thọ, 1 Tâm Đạo Thất Lai Tam Thiên, gom 5 Tâm này lại thường luôn y chỉ Sắc Ý Vật mà sanh khởi.

C. Có 40 Tâm chỉ phối hợp được **3 Tâm Sở Biệt Cảnh**, là: 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thâm Tấn Xã thọ, 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom lại có được 40 Tâm.

(1) Phân tích theo Thọ thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thâm Tấn Xã thọ, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom 29 Tâm này lại câu sanh với Xã thọ.
- * 11 Tâm Tứ Thiên câu sanh với Hỷ thọ.

(2) Phân tích theo Nhân thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có 1 Nhân là Nhân Si.
- * 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thâm Tấn Xã thọ, gom 5 Tâm này lại là Vô Nhân.
- * 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom 34 Tâm này lại có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(3) Phân tích theo Sự Vụ thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 1 Tâm Thiện Tứ Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Thiện Ngũ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Duy Tác

Ngũ Thiền Hiệp Thế, 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế, 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế, gom 29 Tâm này lại làm nhiệm vụ Sự Đồng Lục.

- * 1 Tâm Khai Ngũ Môn làm nhiệm vụ Sự Khai Môn.
- * 2 Tâm Tiếp Thâu làm nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu.
- * 2 Tâm Thẩm Tấn Xả thọ làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử, Sự Thẩm Tấn, Sự Na Cảnh.
- * 1 Tâm Quả Tứ Thiền Hiệp Thế, 5 Tâm Quả Ngũ Thiền Hiệp Thế, gom 6 Tâm này lại làm nhiệm vụ Sự Tái Tục, Sự Hữu Phần, Sự Tử.

(4) Phân tích theo Môn thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi sanh được trong Lục Môn.
- * 3 Tâm Ý Giới sanh được trong Ngũ Môn.
- * 2 Tâm Thẩm Tấn Xả thọ sanh trong Lục Môn và sanh vượt ngoài Lục Môn cũng được.
- * 1 Tâm Thiện Tứ Thiền Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiền Hiệp Thế, 5 Tâm Thiện Ngũ Thiền Hiệp Thế, 5 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tứ Thiền, 8 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiền, gom 28 Tâm này lại sanh được trong Ý Môn.
- * 1 Tâm Quả Tứ Thiền Hiệp Thế, 5 Tâm Quả Ngũ Thiền Hiệp Thế, gom 6 Tâm này lại, sanh vượt ngoài Môn.

(5) Phân tích theo Cảnh thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Lục Cảnh, ở phần Hiệp Thế và Chế Định.
- * 3 Tâm Ý Giới có Cảnh Ngũ.
- * 2 Tâm Thẩm Tấn Xả thọ có Lục Cảnh, chỉ ở phần Pháp Dục Giới mà thôi.
- * 3 Tâm Tứ Thiền Hiệp Thế, 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới (trừ Thắng Trí), gom 6 Tâm này lại có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.
- * 1 Tâm Thiện Thắng Trí có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).
- * 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí có Lục Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định, được hết tất cả không có dư sót.

- * 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ có Cảnh Pháp ở phần “*Biển Xứ Phóng Khí Hư Không Chế Định – Kasinugghatimakkāsapannatti*”.
- * 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ có Cảnh Pháp ở phần Thiền và Duy Tác Không Vô Biên Xứ.
- * 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ có Cảnh Pháp ở phần “*Vô Sở Hữu Xứ Chế Định – Natthibhāvapannatti*”.
- * 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có Cảnh Pháp ở phần Thiền và Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ.
- * 8 Tâm Siêu Thế Tứ Thiền, 8 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiền có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

(6) Phân tích theo Vật thì:

- * 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 4 Tâm Thiền Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế Tứ Thiền, 7 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiền (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Tứ Thiền, 1 Tâm Đạo Thất Lai Ngũ Thiền), gom 23 Tâm này lại, thì:
 - * Nếu sanh trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pancavokāra*) thì y chỉ Sắc Ý Vật mà sanh khởi.
 - * Nếu sanh trong Cõi Tứ Uẩn (*Catuvokāra*) sanh khởi bất y chỉ Sắc Ý Vật.
- * 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thảm Tấn Xả thọ, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai Tứ Thiền, 1 Tâm Đạo Thất Lai Ngũ Thiền, gom 13 Tâm này lại thường luôn y chỉ vào Sắc Ý Vật mà sanh khởi.
- * 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới luôn sanh khởi bất y chỉ Sắc Vật.
Và có **10 Tâm** bất phối hợp với 6 Tâm Sở Biệt Cảnh, là: *10 Tâm Ngũ Song Thức*.

(1) Phân tích theo Thọ thì:

- * 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, gom 8 Tâm này lại câu sanh với Xả thọ.
- * 1 Tâm Thân Thức câu hành Khô câu sanh với Khô thọ.
- * 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc câu sanh với Lạc thọ.

(2) Phân tích theo Nhân thì: 10 Tâm Ngũ Song Thức là Vô Nhân.

(3) Phân tích theo Sự Vụ thì:

- * 2 Tâm Nhãn Thức làm nhiệm vụ Sự Thấy.
- * 2 Tâm Nhĩ Thức làm nhiệm vụ Sự Nghe.
- * 2 Tâm Tỷ Thức làm nhiệm vụ Sự Ngửi.
- * 2 Tâm Thiệt Thức làm nhiệm vụ Sự Ném.
- * 2 Tâm Thân Thức làm nhiệm vụ Sự Xúc Chạm.

(4) Phân tích theo Môn thì:

- * 2 Tâm Nhãn Thức sanh trong Nhãn Môn.
- * 2 Tâm Nhĩ Thức sanh trong Nhĩ Môn.
- * 2 Tâm Tỷ Thức sanh trong Tỷ Môn.
- * 2 Tâm Thiệt Thức sanh trong Thiệt Môn.
- * 2 Tâm Thân Thức sanh trong Thân Môn.

(5) Phân tích theo Cảnh thì:

- * 2 Tâm Nhãn Thức có Cảnh Sắc, là các màu sắc, v.v.
- * 2 Tâm Nhĩ Thức có Cảnh Thính, là các âm thanh, v.v.
- * 2 Tâm Tỷ Thức có Cảnh Khí, là các khí hơi, v.v.
- * 2 Tâm Thiệt Thức có Cảnh Vị, là các mùi vị, v.v.
- * 2 Tâm Thân Thức có Cảnh Xúc, là lạnh nóng, mềm cứng, dòn căng.

(6) Phân tích theo Vật thì:

- * 2 Tâm Nhãn Thức y chỉ vào Nhãn Vật mà sanh khởi.
- * 2 Tâm Nhĩ Thức y chỉ vào Nhĩ Vật mà sanh khởi.
- * 2 Tâm Tỷ Thức y chỉ vào Tỷ Vật mà sanh khởi.
- * 2 Tâm Thiệt Thức y chỉ vào Thiệt Vật mà sanh khởi.
- * 2 Tâm Thân Thức y chỉ vào Thân Vật mà sanh khởi.

3/ Hỏi: Hãy phân tích Tâm phối hợp với Tâm Sở Bất Thiện và Tâm Sở Tịnh Hảo theo số lượng sau đây theo phần Thọ, cùng với số lượng và tên gọi của các Tâm để cho được biết: (1) Tâm phối hợp được Tâm Sở Bất Thiện theo số lượng: 10, 8, 6, 5, 4. (2) Tâm phối hợp được Tâm Sở Tịnh Hảo theo số lượng: 25, 24, 23, 22, 20, 19.

Đáp: (1) * Có 1 Tâm phối hợp được 10 Tâm Sở Bất Thiện, là: Tâm căn Sân Hữu Dẫn câu sanh với Ưu thọ.

* Có 5 Tâm phối hợp được 8 Tâm Sở Bất Thiện, là: 2 Tâm Tương Ứng Tà Kiến Hữu Dẫn, 2 Tâm Bất Tương Ứng Tà Kiến Hữu Dẫn, gom 4 Tâm này lại, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ, 1 Tâm căn Sân Vô Dẫn câu sanh với Ưu thọ.

* Có **4 Tâm** phối hợp được với 6 Tâm Sở Bất Thiện, là: 2 *Tâm Tương Ứng Tà Kiến Vô Dẫn*, 2 *Tâm Bất Tương Ứng Tà Kiến Vô Dẫn*, gom 4 Tâm này lại, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ.

* Có **1 Tâm** phối hợp được với 5 Tâm Sở Bất Thiện, là: *Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi* câu sanh với Xả thọ.

* Có **1 Tâm** phối hợp được với 4 Tâm Sở Bất Thiện, là: *Tâm Si Tương Ứng Điều Cừ* câu sanh với Xả thọ.

(2)* Có **4 Tâm** phối hợp được với 25 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ.

* Có **4 Tâm** phối hợp được với 24 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ.

* Có **8 hoặc 40 Tâm** phối hợp được với 23 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 8 *Tâm Siêu Thế* câu sanh với Hỷ thọ hoặc Xả thọ.

Với 40 *Tâm Siêu Thế*, thì có 32 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, và 8 Tâm câu sanh Xả thọ.

* Có **16 Tâm** phối hợp được với 22 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ; và 12 *Tâm Sắc Giới* (trừ 3 *Tâm Ngũ Thiên*) câu sanh với Hỷ thọ.

* Có **4 Tâm** phối hợp được với 21 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh với Xả thọ.

* Có **19 Tâm** phối hợp được với 20 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh Xả thọ; và 15 *Tâm Ngũ Thiên Hiệp Thế* câu sanh với Xả thọ.

* Có **4 Tâm** phối hợp được với 19 Tâm Sở Tịnh Hảo, là: 4 *Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí*, thì 2 Tâm câu sanh với Hỷ thọ, 2 Tâm câu sanh Xả thọ.

DỨT PHẦN TỔNG KẾT CÁC TỔNG HỢP **DỨT PHẦN VĂN ĐÁP TRONG CHƯƠNG THỨ 3**

PHÂN LOẠI NHÂN – 6 NHÂN

PHÂN LOẠI NHÂN		6 NHÂN (HETU)	NHÂN THAM	NHÂN SÂN	NHÂN SI	NHÂN VÔ THAM	NHÂN VÔ SÂN	NHÂN VÔ SI	TỔNG CỘNG NHÂN
NHÂN THEO TÍNH HẢO	NHÂN VÔ TÍNH HẢO		1	1	1				3
	NHÂN TÍNH HẢO					1	1	1	3
NHÂN THEO BẤT THIỆN - THIỆN - VÔ KỶ	NHÂN BẤT THIỆN		1	1	1				3
	NHÂN THIỆN					1	1	1	3
	NHÂN VÔ KỶ					1	1	1	3
NHÂN THEO GIỐNG	CHỦNG BẤT THIỆN		1	1	1				3
	CHỦNG THIỆN					1	1	1	3
	CHỦNG DỊ THỰC QUẢ					1	1	1	3
	CHỦNG DUY TÁC					1	1	1	3
NHÂN THEO ĐỊA GIỚI	NHÂN DỤC GIỚI		1	1	1	1	1	1	6
	NHÂN SẮC GIỚI					1	1	1	3
	NHÂN VÔ SẮC GIỚI					1	1	1	3
	NHÂN SIÊU THỂ					1	1	1	3
NHÂN THEO NGƯỜI	NGƯỜI PHẠM PHU		1	1	1	1	1	1	6
	NGƯỜI THẤT LAI		1	1	1	1	1	1	6
	NGƯỜI NHẤT LAI		1	1	1	1	1	1	6
	NGƯỜI BẤT LAI		1		1	1	1	1	5
	NGƯỜI VÔ SINH					1	1	1	3

TỔNG HỢP THỌ - NGŨ THỌ VÀ 121 TÂM

NGŨ THỌ (VEDANÀ)						
TỔNG HỢP THỌ (VEDANÀSANGAHA)	KHỔ THỌ	LẠC THỌ	UÙ THỌ	HỖ THỌ	XẢ THỌ	TỔNG CỘNG
121 TÂM (CITTA)						
4 TÂM THAM HỖ THỌ				4		4
4 TÂM THAM XẢ THỌ					4	4
2 TÂM CĂN SÂN			2			2
2 TÂM CĂN SI					2	2
4 ĐÔI THỨC XẢ THỌ QUẢ VÔ NHÂN					8	8
1 TÂM THÂN THỨC KHỔ THỌ QUẢ BẤT THIỆN	1					1
1 TÂM THÂN THỨC LẠC THỌ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN		1				1
3 Ý GIỚI (2 TÂM TIẾP THẬU + 1 TÂM KHAI NGŨ MÔN)					3	3
1 TÂM KHAI Ý MÔN 2 TÂM THẨM TÁN XẢ THỌ					3	3
1 TÂM TIỂU SINH 1 TÂM THẨM TÁN HỖ THỌ				2		2
12 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO HỖ THỌ				12		12
12 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO XẢ THỌ					12	12
11 TÂM SƠ THIỀN (3 SƠ THIỀN SẮC GIỚI, 8 SƠ THIỀN SIÊU THỂ)				11		11
11 TÂM NHỊ THIỀN (3 NHỊ THIỀN SẮC GIỚI, 8 NHỊ THIỀN SIÊU THỂ)				11		11
11 TÂM TAM THIỀN (3 TAM THIỀN SẮC GIỚI, 8 TAM THIỀN SIÊU THỂ)				11		11
11 TÂM TỨ THIỀN (3 TỨ THIỀN SẮC GIỚI, 8 TỨ THIỀN SIÊU THỂ)				11		11
23 TÂM NGŨ THIỀN (3 NGŨ THIỀN SẮC GIỚI, 8 NGŨ THIỀN SIÊU THỂ)					23	23
TỔNG CỘNG	1	1	2	62	55	121

TỔNG HỢP THỌ - NGŨ THỌ VÀ 52 TÂM SỞ

TỔNG HỢP THỌ (VEDANÀSANGAHA)	NGŨ THỌ (VEDANÀ)						
		KHỔ THỌ	LẠC THỌ	UÙ THỌ	HỖ THỌ	XẢ THỌ	TỔNG HỢP THỌ
52 TÂM SỞ (CETASIKA)							
TÂM SỞ XÚC TÂM SỞ TƯƠNG TÂM SỞ TƯ TÂM SỞ NHẤT THỐNG TÂM SỞ MẠNG QUYỀN TÂM SỞ TÁC Ý		6	6	6	6	6	5 LOẠI
TÂM SỞ THỌ							
TÂM SỞ TÂM TÂM SỞ TƯ TÂM SỞ THẮNG GIẢI TÂM SỞ CẦN TÂM SỞ DỤC				5	5	5	3 LOẠI
1 TÂM SỞ HỖ					1		1 LOẠI
4 TÂM SỞ SI PHẦN				4	4	4	3 LOẠI
3 TÂM SỞ THAM PHẦN					3	3	2 LOẠI
4 TÂM SỞ SÂN PHẦN				4			1 LOẠI
2 TÂM SỞ HÔN PHẦN				2	2	2	3 LOẠI
1 TÂM SỞ HOÀI NGHI						1	1 LOẠI
25 TÂM SỞ TỊNH HẢO					25	25	2 LOẠI
TỔNG CỘNG		6	6	21	46	46	

TỔNG HỢP NHÂN – 6 NHÂN VÀ 52 TÂM SỞ
(Phân Tính Rồi Không Tính Nữa)

6 NHÂN (HETU) TỔNG HỢP NHÂN (HETU, SAṄGAHA) PHẦN TÍNH RỒI KHÔNG TÍNH NỮA 52 TÂM SỞ (CETASIKA)	VÔ NHÂN	NHÂN THAM	NHÂN SÂN	NHÂN SI	NHÂN VÔ THAM	NHÂN VÔ SÂN	NHÂN VÔ SI	TỔNG CỘNG NHÂN
7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH		7	7	7	7	7	7	6 LOẠI
5 TÂM SỞ BIỆT CẢNH (TÂM, TỨ, THẮNG GIẢI, CẦN, DỤC)		5	5	5	5	5	5	6 LOẠI
TÂM SỞ HỠ		1		1	1	1	1	5 LOẠI
TÂM SỞ SI		1	1					2 LOẠI
TÂM SỞ THAM		1						1 LOẠI
TÂM SỞ SÂN			1					1 LOẠI
TÀ KIẾN + NGÃ MẠN		2		2				2 LOẠI
TẬT ĐỒ, LẶN SẮT, HỐI HẠN			3	3				2 LOẠI
VÔ TÂM, VÔ QUÝ, ĐIỀU CŨ + 2 HÔN PHẦN		5	5	5				3 LOẠI
TÂM SỞ HOÀI NGHI				1				1 LOẠI
TÂM SỞ VÔ THAM						1	1	2 LOẠI
TÂM SỞ VÔ SÂN					1		1	2 LOẠI
TÂM SỞ TUỆ QUYỀN					1	1		2 LOẠI
22 TÂM SỞ TỊNH HẢO (CÒN LẠI)					22	22	22	3 LOẠI
TỔNG CỘNG		22	22	24	37	37	37	

TỔNG HỢP NHÂN – TÂM – TÂM SỞ (Phần Tính Rồi Lại Tính Nữa)

121 TÂM (CITTA) TỔNG HỢP NHÂN (VÔ NHÂN - 13) NHẤT NHÂN - 20 (NHỊ NHÂN - 48) (TAM NHÂN - 35) TÂM SỞ PHÂN TÍNH RỒI LẠI TÍNH NỮA 52 TÂM SỞ (CETASIKA)	4 TÂM CĂN THAM VÔ DẪN (NHÂN THAM - NHÂN SI)	4 TÂM CĂN THAM HỮU DẪN (NHÂN THAM - NHÂN SI)	TÂM SÂN VÔ DẪN (NHÂN SÂN - NHÂN SI)	TÂM SÂN HỮU DẪN (NHÂN SÂN - NHÂN SI)	2 TÂM CĂN SI (NHÂN SI)	18 TÂM VÔ NHÂN	12 TÂM DỤC GIỚI TÍNH HẢO BÁT TƯƠNG ƯNG TRỊ (NHÂN VÔ THAM - NHÂN VÔ SÂN)	12 TÂM DỤC GIỚI TÍNH HẢO TƯƠNG ƯNG TRỊ (NHÂN VÔ THAM - VÔ SÂN - VÔ SI)	27 TÂM ĐÁO ĐẠI (SÁC - VÔ SÁC GIỚI (NHÂN VÔ THAM - VÔ SÂN - VÔ SI)	40 TÂM SIÊU THỂ (NHÂN VÔ THAM - VÔ SÂN - VÔ SI)
7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH	2	2	2	2	1		2	3	3	3
TÂM - TỬ - THẮNG GIẢI - CẦN			2	2	1		2	3	3	3
TÂM SỞ HỖ			2	2			2	3	3	3
TÂM SỞ DỤC			2	2			2	3	3	3
TÂM SỞ SI	NHÂN THAM	NHÂN THAM	NHÂN SÂN	NHÂN SÂN						
VÔ TÂM - VÔ QUÝ - ĐIỀU CỬ	2	2	2	2	1					
TÂM SỞ THAM					1					
TÀ KIẾN - NGÃ MẠN	2	2								
TÂM SỞ SÂN					1					
TẬT ĐỒ - LẶN SẮT - HỐI HẠN			2	2						
HÔN TRÂM - THỤY MIÊN		2		2						
TÂM SỞ HOÀI NGHI					1					
TÂM SỞ VÔ THAM							VÔ SÂN	VÔ SÂN VÔ SI		
TÂM SỞ VÔ SÂN							VÔ THAM	VÔ THAM VÔ SI		
TÂM SỞ TUỆ QUYỀN								VÔ THAM VÔ SÂN		
22 TÂM SỞ TÍNH HẢO (CÒN LẠI)							2	3	3	3

TỔNG HỢP NHÂN – 6 NHÂN VÀ 121 TÂM

	6 NHÂN (HETU) TỔNG HỢP NHÂN (HETU SANGAHA) 121 TÂM (CITTA)	VÔ NHÂN	NHÂN SI	NHÂN THAM	NHÂN SÂN	NHÂN VÔ THAM	NHÂN VÔ SÂN	NHÂN VÔ SI	TỔNG CỘNG NHÂN
VÔ NHÂN	18 TÂM VÔ NHÂN	18							VÔ NHÂN
BÁT THIÊN	2 TÂM CĂN SI		2						1 LOẠI
	8 TÂM CĂN THAM		8	8					2 LOẠI
	2 TÂM CĂN SÂN		2		2				2 LOẠI
TỊNH HẢO	12 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO BẤT TƯƠNG ỨNG TRÍ					12	12		2 LOẠI
	12 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO TƯƠNG ỨNG TRÍ					12	12	12	3 LOẠI
	27 TÂM ĐÁO ĐẠI (15 SẮC GIỚI + 12 VÔ SẮC GIỚI)					27	27	27	3 LOẠI
	40 TÂM SIÊU THỂ					40	40	40	3 LOẠI
	(121) TỔNG CỘNG TÂM	18	12	8	2	91	91	79	

KẾT THÚT CHƯƠNG THỨ BA - TỔNG HỢP LINH TINH

-----00000-----

ẤN TỔNG

	<i>Danh Sách Phật Tử Hùn Phước Ấn Tổng Kinh Sách Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp - Tập I</i>	
1	Diệu Minh và các Cháu	\$200
2	Tâm Thiện & Gia Đình	\$300
3	Kim Anh (Diệu Lạc)	\$100
4	Bác Diệu Pháp và Gia Đình	\$200
	Bà Lê Thị Bài	
5	Cô Diệu Hoàng	\$50
6	Jennifer Trần	\$50
7	Minh Đạo và Minh Đức Trần	\$20
8	Thiên An và Thiên Kim Bạch	\$20
9	Yến Như và Thanh Toàn Huỳnh	\$50
10	Thiên Giang và James Đức	\$20
11	Hải Triều và Thi Lành	\$20
12	Thi Hương và Thanh Nhan Huỳnh	\$20
13	Kim Phạm & Mỹ Hiền	\$50
14	Samàthi-Yen Khe VoHuỳnh	\$40
15	Phạm Thị Cảnh	\$50
16	Lucie Dương (Metta)	\$50
17	Lâm Ngọc Trinh	\$20
18	Lý Phạm	\$100
19	Cô Diệu Kính & A. Hoàng	\$100
20	Diệu Tuyết & Minh Phương	\$500
21	Phi Yến Nguyễn	\$40
22	Ánh Nguyễn	\$20
23	Cô Thu Nowak	\$100
24	GD Cô Thảo, Chú Đức	\$300
25	Cô Tusita, Nhi Nguyễn, và Nancy Nguyễn	\$1200
26	Dì Hồng Liên	\$50
27	Gia Đình Bác Giác Niệm	\$50
28	Gia Đình Anh Khải và Tường Vân	\$200

29	Lê Phương Thảo	\$100
30	Lê Ái Cơ	\$30
31	Phật Tử Ân Danh	\$400
32	Nam Hải Đồ và Gia Đình	\$500
33	Cô Kim Dung	\$500
34	Gia Đình Trương Thủy Oanh	\$50
35	Gia Đình Trương Hoàng Châu	\$50
36	Gia Đình Trương Thùy Cơ	\$50
37	Gia Đình Trương Hoàng Phi	\$50
38	Trương Hoàng Chương	\$50
39	Gia Đình Trương Hoàng Phiên	\$50
40	Bà Nguyễn Thị Hảo	\$50
41	Trần Lệ Phương	\$100
42	Lý thị Thủy Tiên	\$40
43	Lý Nga Hoàng	\$20
44	Nguyễn Thị Hồng Mỹ	\$100

Do quả phước báu của việc ấn Tống Kinh Sách Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Tạng này chúng con xin nguyện làm nhân đến Đạo quả Níp Bàn.

Hồi Hương:

Nguyện thành kính hồi hướng quả phước báu ấn tống Kinh Sách Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Tạng đến tất cả chúng sanh và Chư Hương Linh.

Ông Bà: Lê Thành Nghiệm và Võ Thị Trương

Cô: Nguyễn Thị Nga Westerlund

Ông Bà Võ Văn Xê và Phạm Thị Nhân

Ông Bà: Đỗ Văn Mai và Dương Thị Giáp

Ông: Nguyễn Viết Ty và Nguyễn Viết Huyền

Ông Bà: Phạm Bá Giáp và Nguyễn Thị Hón

Bà: Nguyễn Thị Rớt và Trần Thị Thương

Ông Bà: Đỗ Văn Bài và Trương Thị Tạo

Ông Bà: Võ Văn Nghĩa và Đỗ Thị Tua

Bà: Đỗ Thị Bôi

Bà: Châu Thị Hồng Nhựt
Bà: Dương Thị Hên
Bà: Huỳnh Thị Ngọc Lan
Ông: Trần Văn Nhiều, Trần Văn Bảy, Trần Văn Dậu
Bà: Đinh Thị Kiến
Ông Bà: Trần Văn Trọng và Nguyễn Thị Lý
Bà: Diễm Nolan
<u>Chia Phước:</u> Do quả phước báu ấn tống Kinh Sách Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Tạng xin nguyện cho tất cả chúng sanh và quý Phật Tử có tên dưới đây thân tâm thường được an lạc, bệnh tật tiêu trừ, phiền não đoạn diệt, tăng phúc tăng thọ, và sớm được hưởng cảnh quả phước như ý nguyện.
Gia Đình Ông: Lê Thành Ân
Gia Đình Ông Bà: Nguyễn Văn Ban và Nguyễn Nga Hoàn
Gia Đình Ông: Trương Ân
Gia Đình Ông: Trương Văn Thạch
Gia Đình Bà: Nguyễn Thị Hảo
Gia Đình Ông: Lê Xuân Tảo
Gia Đình Ông Bà: Lê Văn Định, Phạm Thị Nga
Gia Đình Bà: Trần Thị Ánh Hồng và Đỗ Hải Quốc
Gia Đình Bà: Nguyễn Thị Bừa